



Đặc San

NGUYỄN TRÃI

2020



**Kỷ Niệm Đại Hội Thể Giới
Cựu Học Sinh Trung Học Nguyễn Trãi Saigon
Lần Thứ V - Houston, Texas**

ĐẶC SAN
TRUNG HỌC NGUYỄN TRÃI SAIGON
2020

Ban Biên Tập:

Tuệ Kiên Vũ Văn Sang
Quỳnh Mỹ Nguyễn Thảo Ly

Trình bày và Kỹ Thuật:
Nguyễn Thái Bình

Hình Bìa:
BN Graphic Design

MỤC LỤC:

Thư Ngỏ.....Trang 3

Truyện ngắn, Tùy bút

Buồn vui với Thầy Cô THPT Sài Gòn: Nguyễn Trần Trác.....	Trang 25-30
Kỷ niệm trường xưa: GS Nguyễn Ngọc Hạnh.....	Trang 31-34
Như dịch một bài thơ: Lê Tất Điều.....	Trang 59-62
Người về từ Cù Lao Phố: Ngô không- Phí Ngọc Hùng.....	Trang 43-50
Dấu lặng: GS Đào Kim Phụng.....	Trang 149-151
Tình nghĩa Thầy trò: Trịnh Vũ Điệp.....	Trang 70-73
Đứa con rơi: Truyện ngắn sau cùng của GS Tạ Quang Khôi.....	Trang 52-54
Chuyện phiếm: Phóng sự vui Phạm Văn Hà (Hà Sài Gòn).....	Trang 14-16
Cái ngày mài đống quần xa xưa ấy: Trường Tôì - ĐặngThống Nhất.....	Trang 74-85
Nghìn ô cửa: Phùng Quân.....	Trang 113-116
Tưởng Nhớ NT Vũ Đức Giang: Hoàng Thế Định.....	Trang 122-126
Vẫn còn hơi ấm Mẹ quanh đây:Thảo Ly.....	Trang 135-141
Phóng sự vui: Hà Saigon.....	Trang 14-16
Bài thơ sinh nhật: Trịnh Vũ Điệp.....	Trang 74-76
Nhất tự vi sư: B-G(Bình Già)	Trang 142

Biên khảo, sưu tầm, tiểu luận

Danh nhân văn hoá: Đại đế Trần Thái Tông - Phạm Trần Anh.....	Trang 20-23
Đề thi Tú Tài Pháp: Nguyễn Duy Vinh.....	Trang 19
Thăm viếng Bắc Mỹ và Canada: GS Ngọc Hạnh.....	Trang 105-108
Nghệ thuật nhiếp ảnh qua tinh thần Phật giáo: Nguyễn Văn Cấp.....	Trang 86-92
Những đau thương tức tưởi của ngư dân miền Trung: Nguyễn Duy Vinh.....	Trang 55-57
Vài nét phác họa về trường TH Nguyễn Trãi Hà Nội: Nguyễn Viết Kim sưu tầm	Trang 5-13
Bảng xếp hạngTT Hoa kỳ: Nguyễn Văn Thanh.....	Trang 93-95
Cơ giới vận nước: Nguyễn Duy Vinh.....	Trang 64-67
Điều văn tang lễ Thầy Phạm Văn Đàm: Đoàn Cảnh Đức	Trang 17-18

Thơ

Soi gương, Những đứa trẻ Sơn La: Tạ Quang Trung.....	Trang 24&110-111
Nỗi buồn của mẹ, Bất Tử: Tiểu Bình.....	Trang 18
Bài ca hội ngộ: Cung Vĩnh Viễn NT-CVA 56-63.....	Trang 13
Tình Nguyễn Trãi, Bao giờ gặp lại: Tuệ Kiên-Vũ Văn Sang.....	Trang 58 & 160
Nhớ Phụng xưa, Tháng tư đen: Ngọc Trân.....	Trang 51&57
Tôi yêu trường Nguyễn Trãi: Lão Hạc Mây Tàn.....	Trang 68&69
Dặn dò, Áo trắng: Song Vinh.....	Trang 112&159
Về đâu đôi mắt ấyTrang: Phùng Quân	Trang 70
Hãy trở về như chưa bước đi: Phùng Quân.....	Trang 71

Niệm khúc tháng Tư: Nguyễn Văn Thanh.....	Trang 50
Đây lối đi quen: Tạ Quang Tuấn.....	Trang 63
Con tàu Đại hội 5: Thơ vui Phạm Xuân Lương.....	Trang 4
Lá rụng: Nguyễn Văn Cấp.....	Trang 109

Nghệ thuật, Nhiếp ảnh, Hội họa

Tranh sơn dầu Đặng Thống Nhất:

Chỉ còn là kỷ niệm.....	Trang 35
Em tan trường về.....	Trang 36
Tranh Thư Pháp: Hoàng Song An: Các Anh Đi.....	Trang 37
Tranh mỹ thuật: Nguyễn Thái Bình	
Trái Cấm.....	Trang 38
Nhà Ven Hồ.....	Trang 39
Tình Dịch.....	Trang 40
Xuân Bên Hồ Sen.....	Trang 41

Tranh thêu:

Thảo Ly:

Đức Phật Thích Ca.....	Trang 119
Bầu sữa Mẹ.....	Trang 128
Chợ quê.....	Trang 129
Hoa Mẫu Đơn.....	Trang 130
Thủy Nguyễn:	
Chân dung Phật.....	Trang 131
Hồ Hoàn Kiếm.....	Trang 132
Hoa Sen.....	Trang 133
Chữ Tâm.....	Trang 134

Hình ảnh sinh hoạt Nguyễn Trãi:

Sinh Hoạt Nguyễn Trãi Houston, Texas và NT Ottawa, Canada.....	Trang 152-154
Sinh Hoạt Nguyễn Trãi Nam Cali	Trang 155-156
Sinh Hoạt Nguyễn Trãi Bắc Cali và	Trang 157-158

Nhạc

Tháng Tư Buồn: Thơ Hoàng Nguyên Linh, Nhạc Võ Tá Hân.....	Trang 148 -148
Cô gái quê, Gửi chút tình: Thầy Chung Quân.....	Trang 97-100 & Trang 101-104
Tôi yêu trường Nguyễn Trãi: Thơ Lão Hạc Mây Tàn, Nhạc Phạm Ngọc Cung.....	Trang 77-78
Dừng bước tha phương: Phạm Ngọc Cung.....	Trang 121
Tình bạn Nguyễn Trãi, NT Mái trường thân yêu: Thơ Tuệ Kiên, Nhạc Võ Tá Hân....	Trang 96
Hận sông Gianh: Thơ Đăng Phương-Nguyễn Ngọc Huy, Nhạc Phạm Bách Phi.....	Trang 119
Ta về: Thơ Tô Thùy Yên, Nhạc Phạm Bách Phi.....	Trang 117-118
Hoa học trò, Saigon đẹp xinh: Thơ Phạm Đức Liên, Nhạc Vũ Thế Dũng.....	Trang 102-121

THƯ NGỎ

Thời gian lặng lẽ qua mau. Mới đó đã tám năm kể từ đại hội Nguyễn Trãi đầu tiên ở Houston. Khi mùa thu cuộc đời đã gần kề, tám năm là một chuỗi gặp gỡ, thay đổi thật nhiều bằng những cuộc chia tay không hẹn trước.

Đại Hội NTTG lần thứ nhất ngập tràn niềm vui hội ngộ, để rồi sau lúc cuộc vui tàn Nguyễn Trãi Houston mất đi người anh thương mến Nguyễn Đình Khanh- người luôn đầy ắp ân tình dành cho Thầy cũ, bạn xưa và lớp đàn em. Anh sôi nổi, hân hoan cùng bạn bè cũ mới bao nhiêu thì lặng lẽ sau bức màn sân khấu, chăm sóc cho đêm văn nghệ Đại Hội bấy nhiêu. Sau mùa lễ hội tung bừng của Thầy trò, anh em Nguyễn Trãi là nỗi buồn ly biệt. Người sáng lập và cố vấn cho Đại Hội là giáo sư Đào kim Phụng. Cô trở lại Houston khi dư âm của ĐH chưa tan để về, nói lời chia tay với người học trò hiền lần sau cuối. Rồi những cuộc chia ly lặng thầm đâu đó không dừng, để lại hoài niệm mờ phai theo ngày tháng.

ĐHNT lần thứ 5 ở Houston lần này bớt nhộn nhịp, rộn ràng. Vòng tay dần hẹp lại, không đang xa ôm trọn tình thân khắp muôn nơi như buổi đầu tiên. Thầy Cô bây giờ tuổi hạc mong manh và những người học trò luống tuổi chững như mỗi một. Mọi thứ đều bị chi phối bởi vô thường, Thầy trò còn lại càng càng trân quý tình Nguyễn Trãi. Vật chất vốn phù du, thay đổi, chỉ có tấm chân tình còn mãi với thời gian.

Trao nhau nụ cười tươi ngày hội ngộ, gửi đến nhau tiếng hát, lời thơ. Món quà lưu niệm lần này thật giản dị, nhẹ nhàng. Đó là một E-Đặc San Nguyễn Trãi Online, được gửi tới Thầy Cô và anh em NT gần xa.

Ban Biên Tập Đặc san- ba anh em Thái Bình, Tuệ Kiên và Thảo Ly. Kính mong được Thầy Cô và anh em chia sẻ, đón nhận trong tình Nguyễn Trãi.

Xin chân thành cảm ơn quý Thầy Cô và các anh em đã đóng góp tác phẩm và bài vở cho E-ĐSNT 5.

Trân trọng Thảo Ly



Lễ chào cờ Thứ Hai hàng tuần tại sân Trường Trung Học Nguyễn Trãi. Hình chụp năm Đệ Thất niên khóa 1959-1960



Con tàu Đại Hội Nguyễn Trãi 5 Houston, Texas



**Đầu tàu là Nguyễn Thạch Bình
Trưởng Ban Tổ Chức xin trình bà con
Phụ trách Liên Lạc đồng môn
Quý Trần, Cấp Nguyễn thật nôn nóng lòng
Tuấn- Oanh lo lắng phập phồng
Có bao người sẽ book phòng đi Cruise
Tiếp tân đã có cô Mai
Ngọc Nhung trang trí khán đài thêm xinh
Vượng Trần, Hoàng Dũng sớm hôm
Tập dợt văn nghệ cho anh em nhà
Đông Thành cùng với Thảo Ly
Cali- Texas MC một nhà
Long- Thủy điều động nhịp nhàng
Cho từng tiết mục vẹn toàn khỏi chê!
Giữ gìn trật tự nhà nghề
Ngọc Doanh vốn cựu quân nhân thuở nào
Thái Bình lo E-Đặc San
Layout, kỹ thuật, trình bày từng trang
Thảo Ly cùng với Tuệ Kiên
Chọn lọc, edit suốt nhiều ngày qua.
Bạch Tuyết lo việc nhận tiền
Tuy là cực nhọc nhưng vui mỗi ngày
Đông Nguyễn phụ trách Website
Bá Đa sốt sắng lãnh vai Phó Nhòm**

**Đại Hội Nguyễn Trãi Kỳ 5
Mỗi người làm việc như tầm vương tở
Mong cho tất cả gần xa
Về cùng Đại Hội trường nhà mến thương**

Phạm Xuân Lương

NT 52-54



Vài nét phác hoạ về trường Trung học Nguyễn Trãi ở Hà Nội

trong những năm 1950 – 1954 từ tài liệu lưu trữ

Theo “Tờ thuyết trình về đầu niên học 1950 - 1951” của Hiệu trưởng trường Trung học Nguyễn Trãi – Đào Văn Trinh gửi lên sở Học chính Bắc Việt thì “trường Nguyễn Trãi được tái lập theo Nghị định số 7478-THP/ND ngày 24/8/1950 của phủ Thủ hiến Bắc Việt” và “được hưởng những toà nhà đồ sộ của trường Chu Văn An cũ, phố Đồng Khánh”. Sau kỳ thi tuyển học sinh vào lớp đệ thất và mấy kỳ thi lên lớp, trường đã cho khai giảng hôm 4/10/1950 và đến thời điểm này, trường đã có tất cả là 23 lớp, gồm: 5 lớp đệ thất, 5 lớp đệ lục, 3 lớp đệ ngũ, 4 lớp đệ tứ, 3 lớp đệ tam, 2 lớp đệ nhị, 1 lớp đệ nhất với 1030 học sinh, 39 giáo sư. (1)

Về cơ sở vật chất:

- Năm học 1950 – 1951:

Từ tháng 5, một phòng chữa răng miệng đã được thiết lập tại trường để phục vụ chung cho cả học sinh trung học và tiểu học.

Có 2 phòng thí nghiệm lý – hoá.

Có 2 máy hát Colum-bia và 2 bộ đĩa Assimil để dùng vào việc dạy tiếng Anh.

Đã thiết lập được 1 sân bóng rổ, 1 sân bóng chuyền. Ngoài ra có cả xà ngang, xà đôi.

Có 1 bàn bóng bàn. (2)

Tại trường, sở Công chính cho sửa chữa các nơi ngăn nắp và hợp vệ sinh, đã xây một bức tường để che kín nhà vệ sinh của học trò, đặt thêm máy nước ở nhà vệ sinh, đặt đèn điện ở khắp các lớp.

Lớp học đã có đủ dụng cụ: bảng đen, bục...

Dụng cụ học tập đến lúc này đã có: “1 kính soi vi trùng, 1 accu Baroclem, 1 chargeur Oxymétal Wes-tinghouse, 1 cân Roberval...” (3)

- Năm học 1951 – 1952:

Có thêm 1 phòng thực nghiệm, 1 sân khấu, 1 phòng chiếu bóng, 2 nhà để xe đạp cho học sinh cũng mới được làm thêm. (4)

- Năm học 1952 – 1953:

Về trường sở, mới quét vôi được phía trong lớp học, còn phía ngoài chưa có quỹ phải chịu để nhem nhuốc.

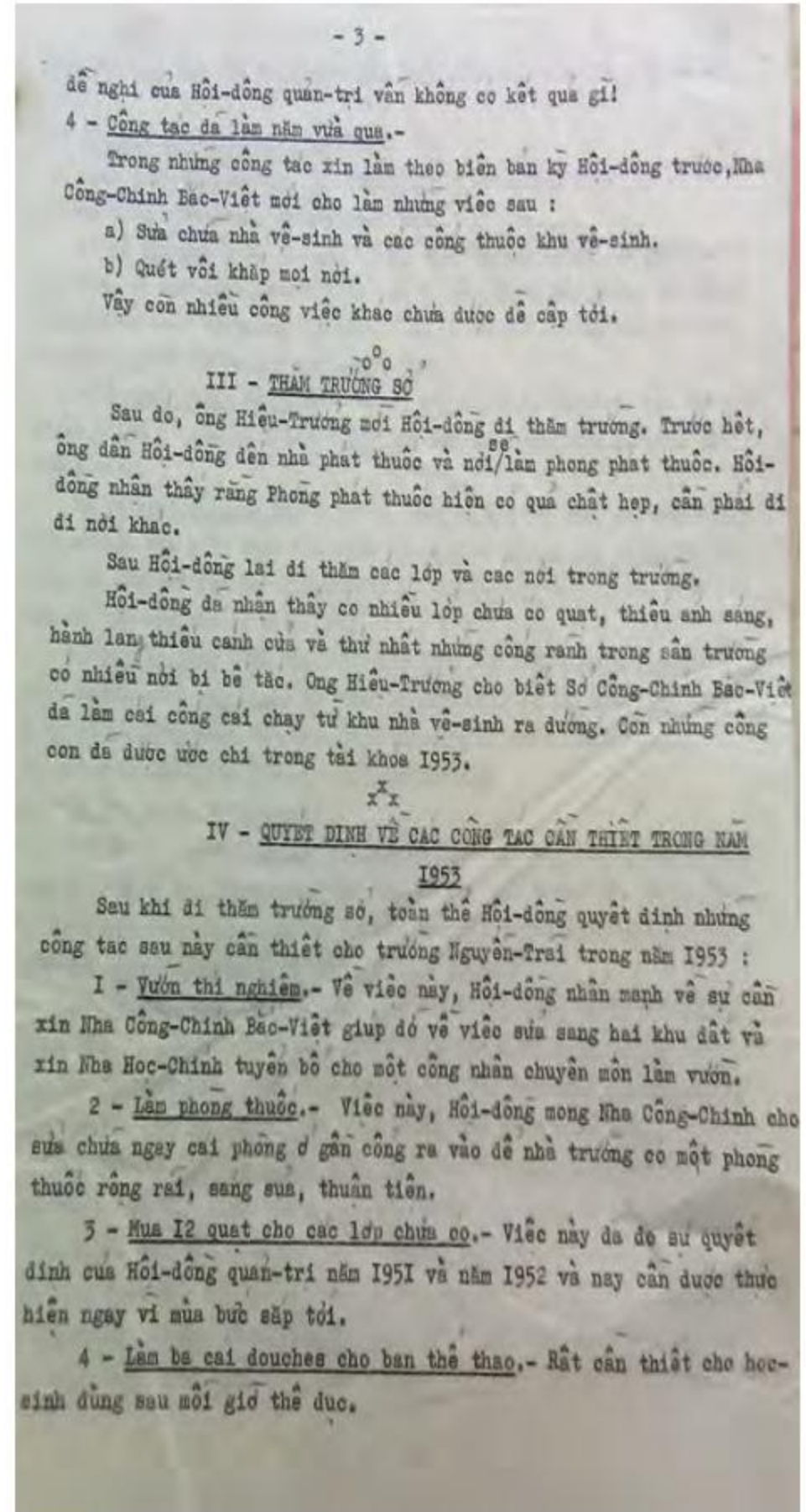
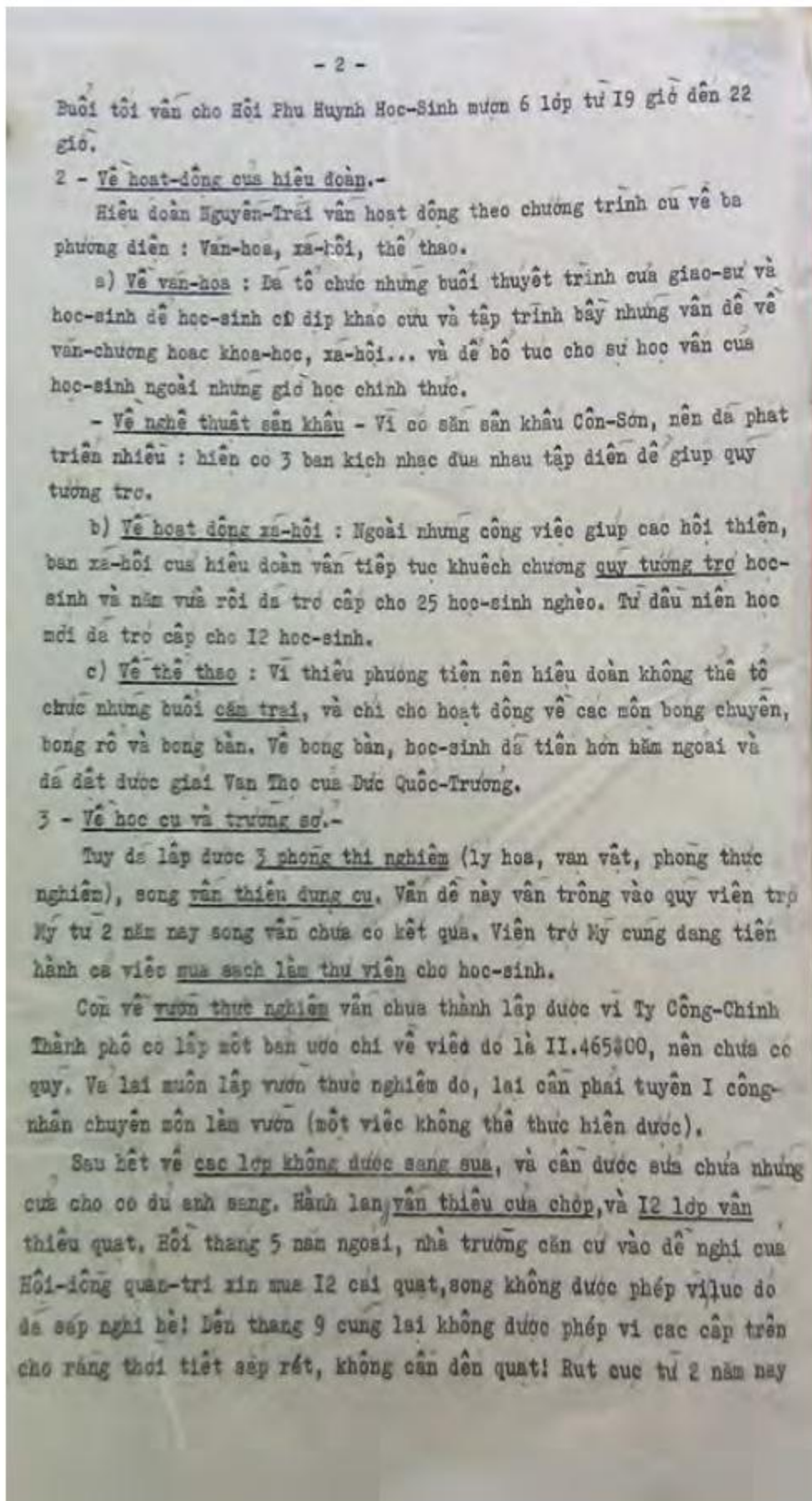
Đã lập được 3 phòng thí nghiệm và Phòng thí nghiệm có thêm các dụng cụ như: Ampe kế, vôn kế... (5)

Tuy vậy, các hoá phẩm và các dụng cụ vẫn chưa đủ để học sinh có thể thực nghiệm được. Vấn đề này vẫn trông vào quỹ viện trợ Mỹ từ 2 năm nay song vẫn chưa có kết quả. Viện trợ Mỹ cũng đang tiến hành cả việc mua sách làm thư viện cho học sinh. (6)

Vườn thực nghiệm đến lúc này vẫn chưa thành lập được vì chưa có quỹ. Và lại muốn lập vườn thực nghiệm cần phải tuyển 1 công nhân chuyên môn làm vườn (một việc không thể thực hiện được). Ngoài ra, các lớp vẫn chưa đủ ánh sáng, hành lang thiếu cửa chớp, 12 lớp vẫn thiếu quạt, cổng rào trong sân trường có nhiều nơi bị tắc.

Việc khắc phục những vấn đề này đều nằm trong bản kế hoạch các công tác cần thiết trong năm 1953 của nhà trường. (7)

Dưới đây là văn bản gốc



Thi cử

Kỳ thi tuyển học sinh vào các lớp cũng như thi lên lớp tại trường Trung học Nguyễn Trãi được tiến hành bài bản, nghiêm túc.

Việc tuyển học sinh vào các lớp đệ thất A và B được tiến hành với Hội đồng giám khảo và giám thị gồm 31

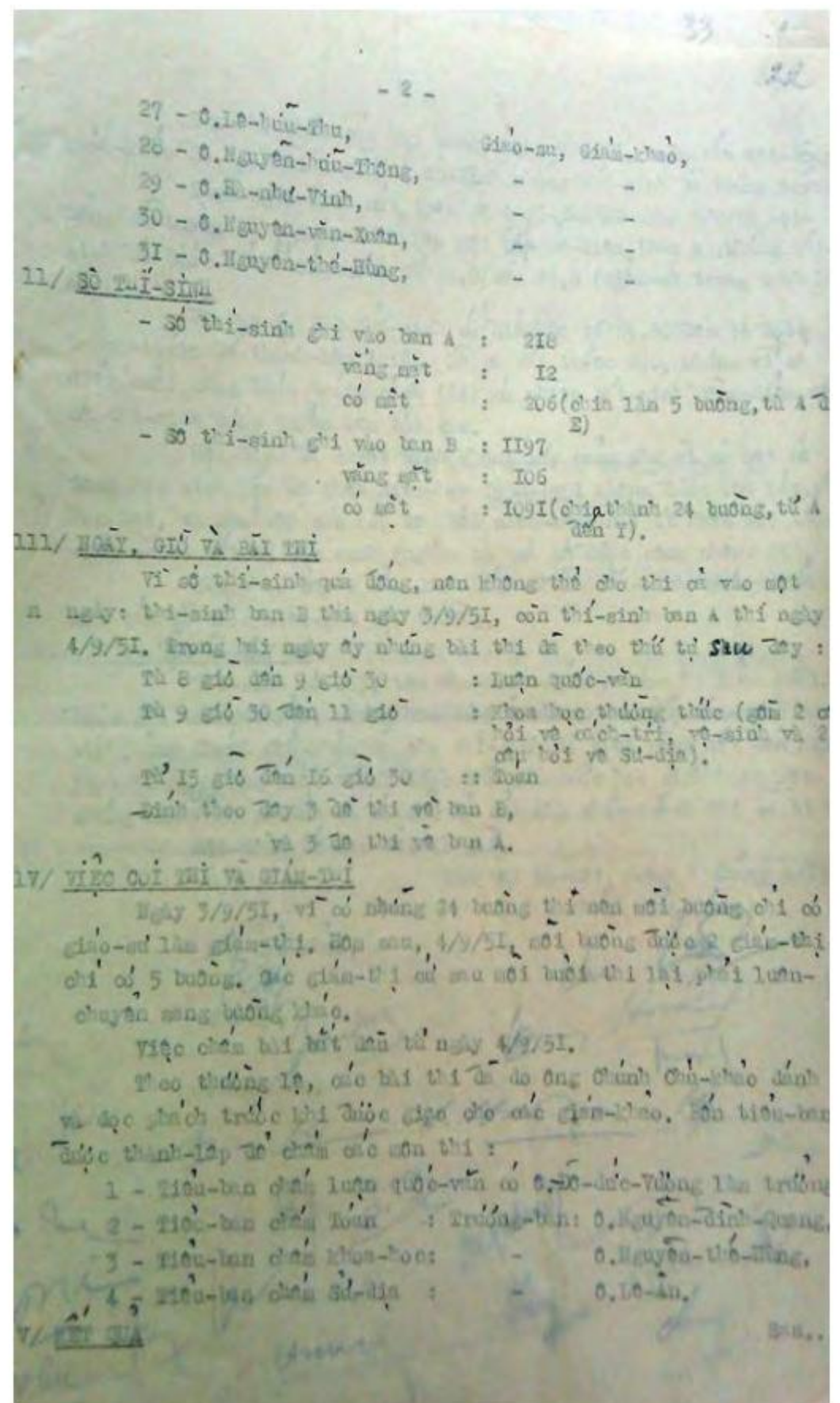
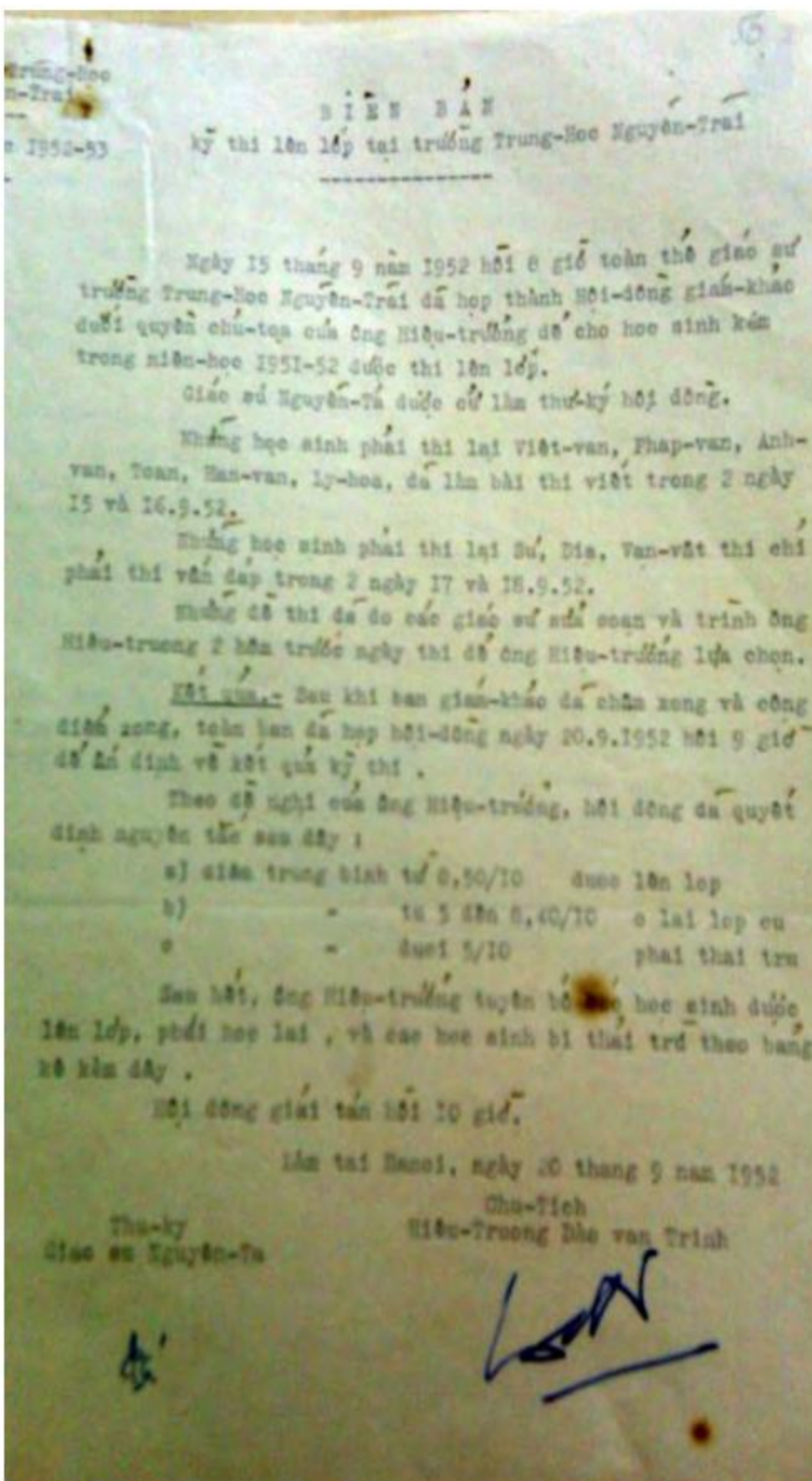
thành viên. Ban A và ban B thực hiện đề thi khác nhau với cùng các môn thi: Luận quốc văn, Khoa học thường thức (gồm 2 câu hỏi về Vệ sinh và 2 câu hỏi về Sử - Địa) và Toán.

Việc coi thi và giám thị: “ngày 3/9/1951, vì có những 24 phòng thi nên mỗi phòng chỉ có một giáo sư làm giám thị. Hôm sau, mỗi phòng được hai giám thị vì chỉ có 5 phòng. Các giám thị cứ sau mỗi buổi thi lại phải luân chuyển sang phòng khác.

Theo thường lệ, các bài thi đã do ông Chính chủ khảo đánh số và đọc phách trước khi được giao cho các giám khảo. Bốn tiểu ban đã được thành lập để chấm các môn thi.” (8)

Kỳ thi lên lớp được giành cho học sinh kém sau mỗi năm học. Hình thức thi bao gồm cả thi viết và vấn đáp. Kết quả có học sinh được lên lớp, có học sinh ở lại lớp cũ và cũng không ít học sinh trong số đó bị thải trừ. (9)

Dưới đây là văn bản gốc:



Một số đề thi các môn:

- Đề thi nhập học lớp đệ thất, môn Luận quốc văn, ban A (hạn 1 giờ 30): “Anh đứng trước một ngôi nhà bị tàn phá nay được xây dựng lại. hãy tả cảnh những người thợ đang làm việc và nói cảm tưởng của anh.”

- Đề thi nhập học lớp đệ thất, môn Khoa học thường thức, ban A (hạn 1 giờ 30):

“1, Áp dụng sức mạnh của nước (than trắng).

2, Bệnh giun, sán – cách đề phòng và điều trị.

3, Khí hậu Việt Nam.

4, Ông Hoàng Diệu với việc người Pháp lấy Bắc kỳ lần thứ 2.”

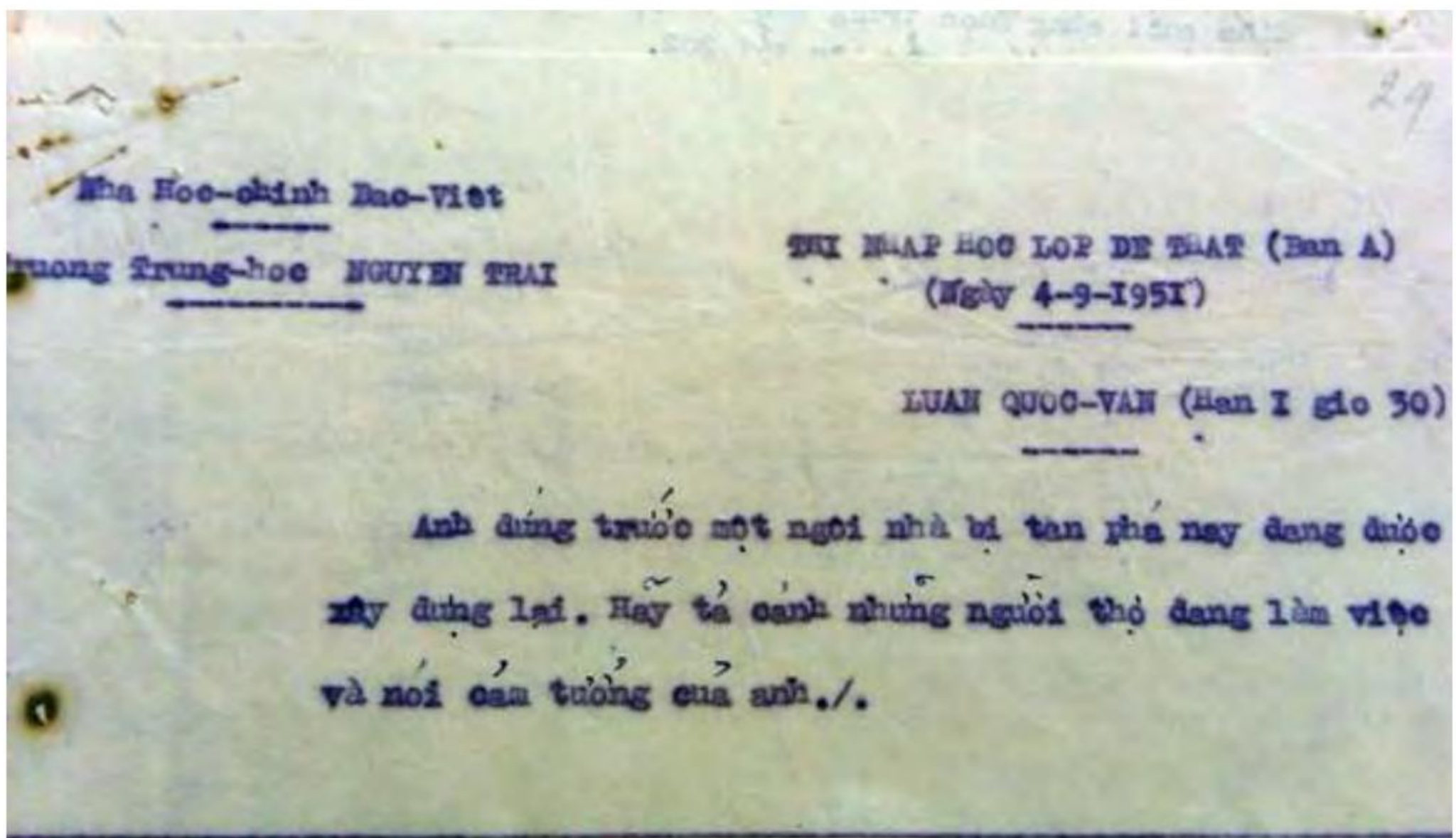
- Đề thi nhập học lớp đệ thất, môn Toán, ban A (hạn 1 giờ 30):

“1, Một cái bể đáy tròn cao 1m20, đường kính của đáy dài 5m. Bể ấy chứa nước lên đến $\frac{1}{4}$ bể cao. Người ta mở một cái vòi cho nước chảy vào trong bể mỗi phút được 45 lit. Nửa giờ sau, người ta mở thêm 1 vòi nước nữa, vòi này chảy 5 lit trong 3 giây.

Hai vòi cùng chảy trong bao lâu nữa để cho bể đầy nước?

($\pi = 3,14$)...” (10)

Dưới đây là văn bản gốc của một đề luận quốc văn:

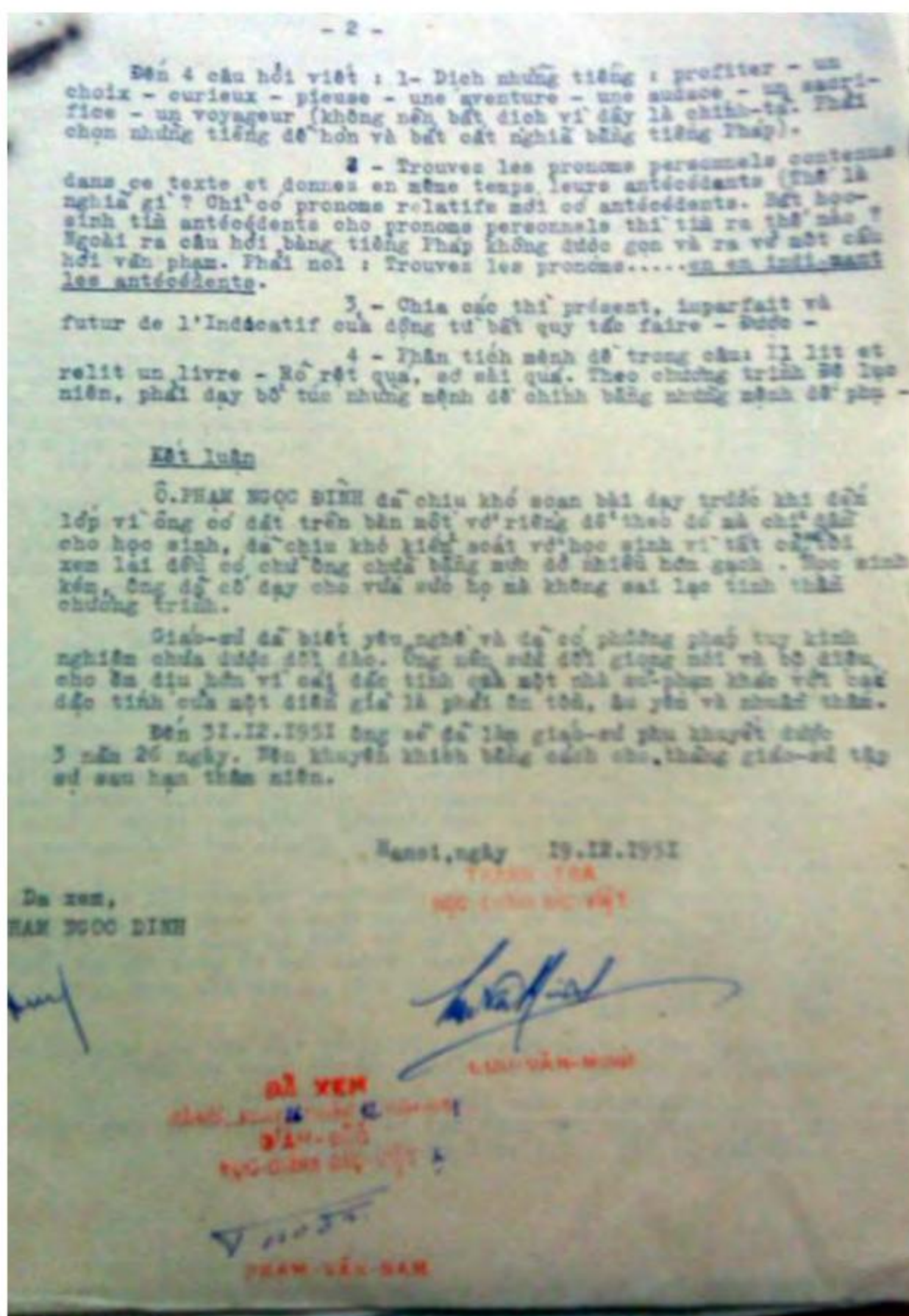


Cách thức và phương pháp dạy học:

Theo các tờ trình của thanh tra Học chính Bắc Việt khi dự giờ các giáo sư thì phần lớn đều có nhận định: giáo sư chịu khó soạn bài trước khi đến lớp vì trên bàn có đặt một vở riêng để theo dõi mà chỉ dẫn cho học sinh, đã chịu khó kiểm soát vở học sinh, vì tất cả vở đều có chữ chữa bằng mực đỏ nhiều hơn gạch. (11)

Khi dạy, giáo viên linh động kết hợp các phương pháp: hỏi, chữa và giảng, nhưng có giáo viên thì cần phải tích cực hơn, “phải hoạt động, đi lại xem xét, ghi lấy điểm số, không nên ngồi yên một chỗ” (12)

Dưới đây là một trong những văn bản đề cập đến việc này.

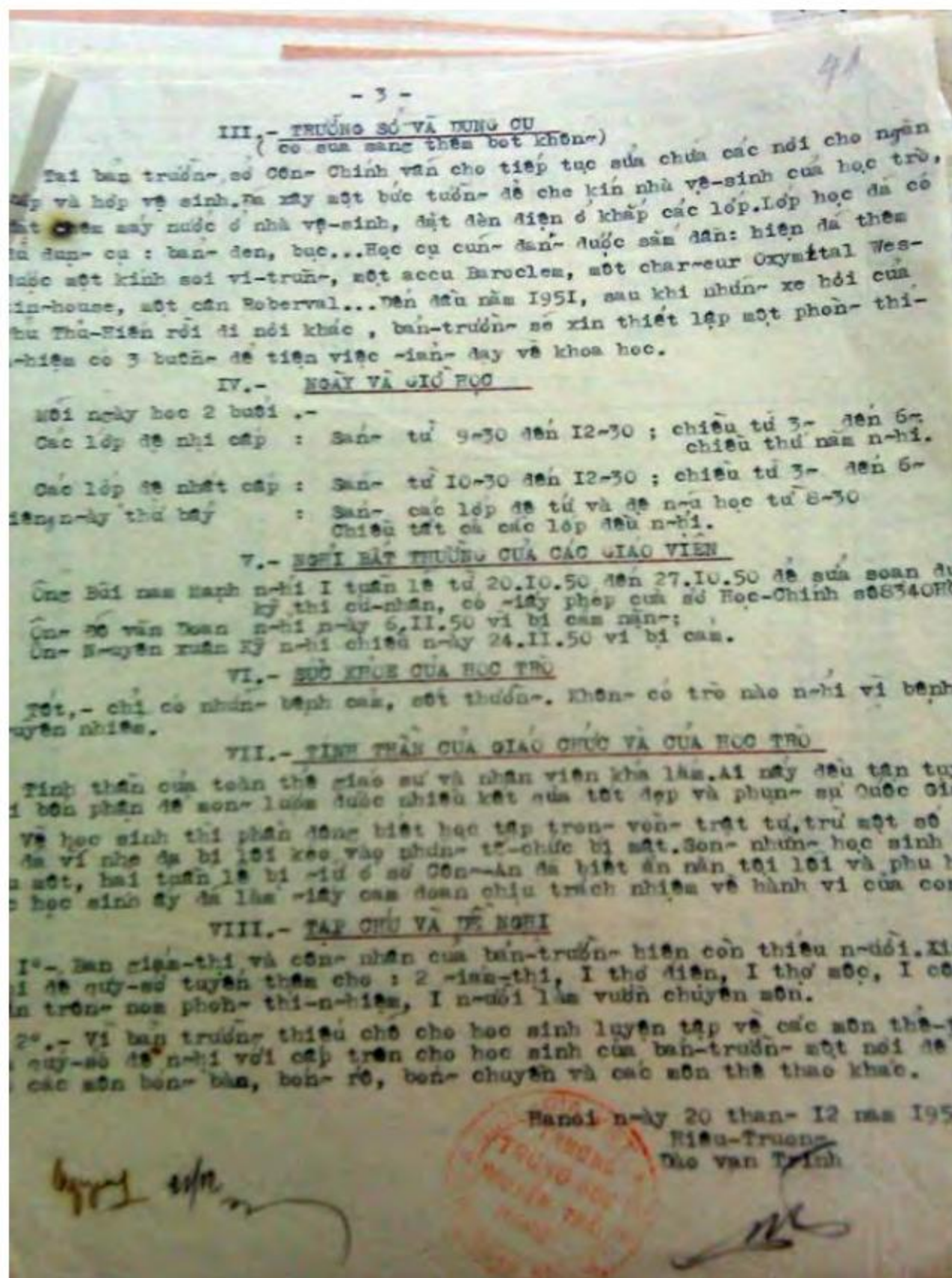


Việc điểm danh giáo viên và học sinh được thực hiện nghiêm túc, chẳng hạn ghi lại việc nghỉ bất thường của giáo viên:

“ Ông Bùi Nam Mạnh nghỉ một tuần lễ từ 20.10.50 đến 27.10.50 để sửa soạn dự kỳ thi cử nhân, có giấy phép của sở học chính số 8340HC.

Ông Đỗ Văn Doan nghỉ ngày 6.11.50 vì bị cảm nặng...”(13)

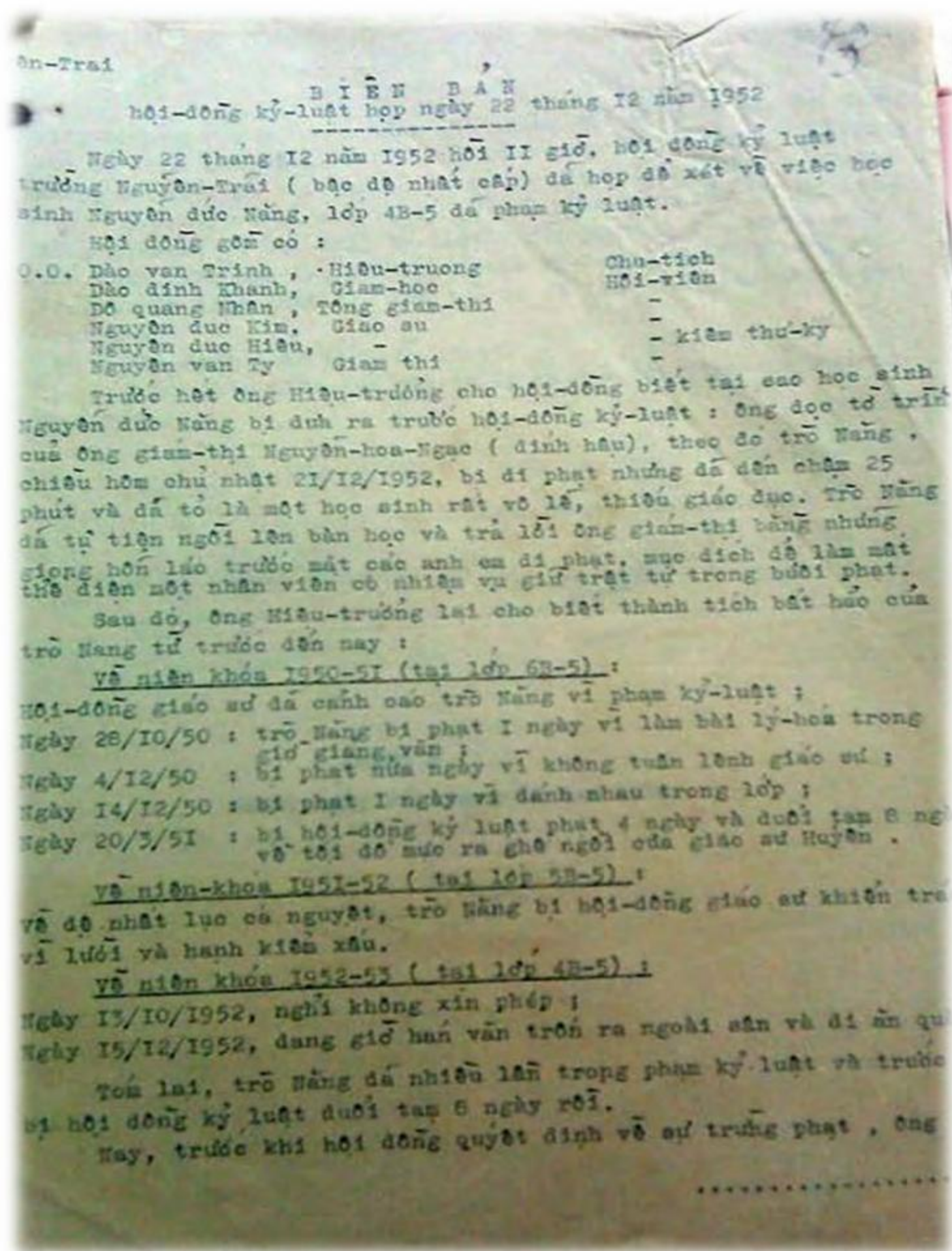
Dưới đây là văn bản gốc: (ảnh số 41)



Khen thưởng và kỷ luật:

Trường Nguyễn Trãi chú trọng khen thưởng cho những học sinh có thành tích trong học tập và trong các hoạt động văn nghệ, thể thao... nhưng cũng kỷ luật nghiêm khắc những học sinh vi phạm nội quy trường học như tự tiện ngồi lên bàn, vô lễ với giáo viên, đánh nhau trong lớp... Trong hồ sơ có lưu Biên bản hội đồng kỷ luật họp ngày 22/12/1952 để xem xét việc học sinh Nguyễn Đức Năng, lớp 4B-5 phạm kỷ luật. (14)

Dưới đây là văn bản gốc: (ảnh số 73)



Về các hoạt động văn hoá, xã hội, thể thao:

Theo tường trình của ông Hiệu trưởng trong buổi họp Hội đồng quản trị trường Nguyễn Trãi ngày 17/3/1953 thì trường đã tổ chức được các hoạt động như sau:

ĐSNT 2020 – Page 10

a. Về văn hoá:

Đã tổ chức những buổi thuyết trình của giáo sư và học sinh để học sinh có dịp khảo cứu và tập trình bày những vấn đề về văn chương hoặc khoa học, xã hội... và để bổ túc cho sự học vấn của học sinh ngoài những giờ học chính thức.

Về nghệ thuật sân khấu: - Vì có sân khấu Côn Sơn, nên đã phát triển nhiều: hiện có 3 ban kịch nhạc đua nhau tập diễn để giúp quỹ tương trợ.

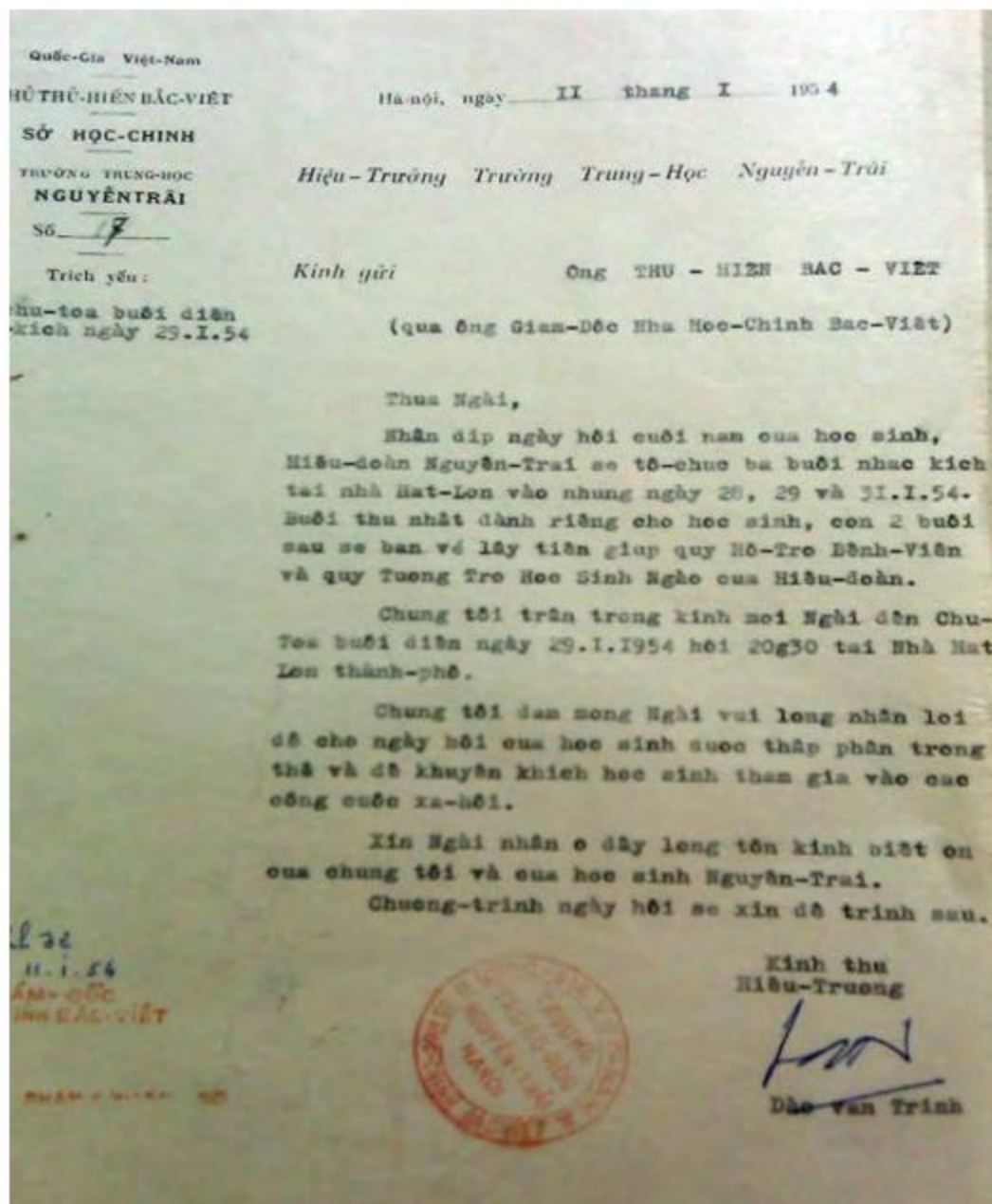
Trong hồ sơ còn lưu các giấy tờ về Chương trình Đại hội văn nghệ và nhạc kịch của trường Nguyễn Trãi tổ chức tại Nhà hát lớn Hà Nội trong các ngày 28 đến 31/1/1954. Trong Công văn gửi ông Thủ hiến Bắc Việt của Hiệu trưởng Đào Văn Trinh về việc mời ông làm chủ tọa buổi diễn nhạc kịch ngày 29/1/1954 có đoạn: “Nhân dịp ngày hội cuối năm của học sinh, Hiệu đoàn Nguyễn Trãi sẽ tổ chức ba buổi nhạc kịch tại nhà Hát Lớn vào những ngày 28, 29 và 31.1.54. Buổi thứ nhất dành riêng cho học sinh, còn hai buổi sau sẽ bán vé lấy tiền giúp quỹ Hỗ Trợ Bệnh Viện và quỹ Tương Trợ Học Sinh Nghèo của Hiệu đoàn” (15)

b. Về hoạt động xã hội: Ngoài những công việc giúp các hội thiện, ban xã hội của hiệu đoàn vẫn tiếp tục khuyến khích quỹ tương trợ học sinh và năm vừa rồi đã trợ cấp cho 25 học sinh nghèo. Từ đầu năm học mới đã trợ cấp cho 12 học sinh.

c. Về thể thao: Vì thiếu phương tiện nên hiệu đoàn không thể tổ chức những buổi cắm trại và chỉ cho hoạt động về các môn bóng chuyền, bóng rổ và bóng bàn. Về bóng bàn, học sinh đã tiến hơn năm ngoái và đã đoạt được giải Vạn Thọ của Đức Quốc Trưởng”. (16)

Dưới đây là văn bản gốc: (ảnh số 96)

Nguyễn Hồng Nhung - Trung tâm Lưu trữ quốc gia



Nguyễn Viết Kim sưu tầm

Tài liệu tham khảo

1. Tờ số 2, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
2. Tờ số 15, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
3. Tờ số 41, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
4. Tờ số 33, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
5. Tờ số 67, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
6. Tờ số 82, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
7. Tờ số 83, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
8. Tờ số 22, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.

9. Tờ số 56, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
10. Tờ số 24 -26, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
11. Tờ số 37, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
12. Tờ số 44 -45, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
13. Tờ số 41, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
14. Tờ số 73-74, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
15. Tờ số 96, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.
16. Tờ số 77, Hồ sơ số 605, phong sở Học chính Bắc Việt.

Bài Ca Hội Ngộ

Cung Vĩnh Viễn – NT/CVA 56-63

*Về đây những mái tóc sương
Về, tuy chẳng phải quê hương của mình
Mỗi người nặng một tâm tình
Mỗi người trải một hành trình biển dâu*

*Thôi thì trăm nhánh sông sâu
Nhớ nguồn, nhớ cội tìm nhau hợp lòng
Thôi thì chẳng kể đục trong
Tạm quên những nỗi long đong cuộc đời.*

*Tìm nhau tìm lại cái thời
Tuổi thơ ánh mắt nụ cười hồn nhiên
Chuyện vui chơi, chuyện sách đèn
Đời tươi những giấc mộng hiền đêm xuân*

*Bây giờ đã quá lục tuần
Trôi theo vận nước thăng trầm nổi trôi
Tuổi già lưu lạc quê người
Nghe mưa trông nắng bỏ hời lòng quê.*

*Thôi thì khăn gói gió đưa
Về nơi bè bạn hẹn hò gặp nhau
Nhắc chi tới chuyện mai sau
Mây trôi, bèo dạt về đâu thì về.*



Phóng sự vui

Tuần rồi đi dự họp mặt Câu Lạc Bộ Người Yêu Sách tại Gò Vấp, tôi gặp một tay phó nhòm kiêm viết văn làm thơ, năm nay 75 tuổi, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn và vui tính. Ông tên Trần Quốc Hải, người tỉnh Bắc Ninh thuộc nhiều thơ, văn, ca dao, tục ngữ và ăn nói rất hoạt bát.

Trong lúc ngồi giải lao trên băng ghế dưới bóng cây cerise trước sân tại khuôn viên thư viện quận, ông bàn chuyện về nhiếp ảnh với tôi. Ông nói làm cái nghề này bạc bẽo lắm, giống như làm dâu trăm họ, ông nhái thơ Tú Xương than thở:

*Cái nghề nghệ thuật nghệ mà kinh
Một thằng mở miệng chín thằng khinh
Phen này ông quyết đi buôn lợn
Vừa bán vừa rao đỡ bực mình.*

Nói vậy chứ ông vẫn không đoạn tuyệt được với cái kiếp phó nhòm, ông mê nó như mê một người tình, ông vừa chụp nghệ thuật vừa chụp dịch vụ để kiếm cơm. Đặc biệt ông này chỉ chụp bằng hai cái máy du lịch, một cái là Sony T70 và một cái là Canon Powershot G12. Ông chê máy chuyên nghiệp vì nó cồng kềnh và nặng nề mang theo lòi thôi lếch thếch. Phải công nhận ông ta sử dụng cái G12 thật nhuần nhuyễn, hình đẹp làm tôi ngẩn ngơ. Ông luôn luôn chụp không sử dụng đèn flash, trừ khi nào chụp tại cái mini studio của ông tại nhà thì ông sử dụng mấy cái đèn compact mà ông chế biến ra thành đèn floodlight. Tôi chưa chinh được cái Nikon D90 để chụp những hình trong nhà thiếu sáng hoặc contre soleil (backlit) như ông (dù rằng cái D90 đắt gấp 2 - 3 lần cái Canon PS G12). Chính ông làm tôi băn khoăn về cái máy chuyên nghiệp và cái máy du lịch cao cấp của Canon.

Nói chán về nhiếp ảnh ông quay qua nói chuyện tiểu lâm nghệ nghiệp. Ông kể có lần trong một cuộc họp mặt, nghe danh ông chụp hình đẹp, một chị sồn sồn nhờ ông chụp mấy tấm. Vì thấy hình trong monitor chị ta thích lắm. Hôm sau chị ta nhắn tin cho ông qua điện thoại di động. Không biết máy của chị ta có cài tiếng Việt hay không, hoặc có mà chị ta không biết cách bỏ dấu. Cái message chị ta nhắn như sau:

ANH NHO RUA LON CHO EM

Mở máy ra đọc tin nhắn, ông ta tá hỏa, không tin vào mắt mình, tưởng đọc lầm. Mấy giây sau, định thần ông biết rằng chị ta nhắn là ANH NHỚ RỬA LỚN CHO EM. Thật là một phen hú hồn. Câu chuyện ông kể làm mọi người ngồi nghe chung quanh được dịp cười vỡ bụng. Tiếng Việt thiếu dấu nhiều khi thật tai hại.

Hết nói về nhiếp ảnh, ông lại nói về thơ và ca dao. Ông nói chưa có nước nào mà ca dao hay các thi sĩ làm thơ ca tụng cái soutiene của phụ nữ như ở Việt Nam. Đó cũng là một nét văn hoá đặc thù của dân tộc mình. Trước cảnh thiên nhiên thì:

*Con cò đậu cọc cầu ao
Phát phơ đôi giải yếm đào gió bay
(Ca dao)*

Hoặc như nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp tả cô bé đi chùa Hương:

*Nho nhỏ cái đuôi gà cao
Em đeo cái giải yếm đào*

Một câu ca dao xứ Thanh thật lãng mạn và tình tứ:

*Thuyền anh mắc cạn ở đây
Mượn đôi giải yếm làm dây kéo thuyền
(Hồ sông Mã)*

Lại thêm một câu ca dao nữa:

*Ước gì sông rộng tày gang
Bắc cầu giải yếm để chàng sang chơi.*

Theo nữ sĩ Hồ Xuân Hương thì:

*Quân tử có thương thì bóc yếm
Hoặc:
Yếm đào để trể dưới nương long*

Nhà thơ Huy Trứ (tôi chưa nghe danh bao giờ) cũng góp phần:

*Nàng là Mẫu Thị đa đoan
Đã yêu rồi yếm chẳng toan tính gì*

Còn Hoàng Cầm trong bài Bên Kia Sông Đuống sáng tác năm 1948:

*Bao giờ về bên kia sông Đuống
Anh lại tìm em
Em mặc yếm thắm
Em thắt lụa hồng*

Và đến đây, ông ngâm và diễn luôn chứ không đọc nữa, một đoạn trên một tờ báo tường, tác giả vô danh, mà ông "chôm" được.

*Mỏng manh tấm áo vải mềm
Tuổi thơ tôi để trong diềm yếm nâu
Yếm người nào có rộng đâu
Mà sao như khoảng đất giàu mệnh mông
Ở đây cũng thể thành đồng*

*Ở đây cũng thể anh hùng nước non
Yếm vương cho giọt sữa tròn*



Động trong mỗi bước chân con tháng ngày

Ngâm xong, mọi người vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt. Không khí thật là vui.

Mấy câu thơ trên mộc mạc, nghe cảm động quá phải không các bác? Nó nói lên được cái mệnh mông của công ơn, nghĩa mẹ giành cho con, một nợ không lấy gì so sánh được.

Cuối cùng ông kể qua một giai thoại vui về nhà văn Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân là một người rất sành ăn uống. Đặc biệt nghệ thuật uống trà của ông ít ai bì kịp.

Một hôm nhà văn Đoàn Giỏi (1926 - 1989) đến thăm Nguyễn Tuân (1910-1987). Đứng về phương diện tuổi tác và trình độ thì Đoàn Giỏi chỉ đáng đàn em của Nguyễn Tuân. Vì là chỗ thân tình trong lúc Nguyễn Tuân đang bận tìm một cuốn sách trong tủ sách, thì Đoàn Giỏi tự động đi rửa ấm pha trà. Cái ấm đôi ấm nhỏ xíu lâu ngày cáu vàng bám đầy thành và miệng ấm. Đoàn Giỏi nghĩ Nguyễn Tuân ở dơ và làm biếng không rửa, bèn lấy dao cạo sạch đi. Sau khi pha trà xong Đoàn Giỏi mời Nguyễn Tuân uống. Mới nhấp một chút, Tuân bỏ ngay tách xuống, chộp chộp cái miệng, thấy hương vị trà nay sao hơi lạ. Mọi lần khi đầy nắp ấm thì nó cộm lên vì lớp cáu ghét lâu ngày đóng thành tầng, dày lên làm nắp đầy không khít. Nay thấy gọn gàng sạch sẽ quá, Nguyễn Tuân tá hỏa tam tinh khi thấy lớp cáu ghét bị cạo sạch. Ông tiếc ngẩn ngơ vì phải mất bao năm tháng mới tích lũy được. Chính nhờ lớp cáu đó mà trà mới có hương vị đậm đà. Nay không còn nữa thì mất đi một nửa cái ngon là phải rồi. Tuân trong bụng hơi bực, nhưng ngoài miệng cố cười gượng hỏi:

- Nay chú, chú có biết nhà văn đương đại nổi tiếng của Trung Quốc là ai không?

- Thừa bác đó là Tào Ngưu.

Nguyễn Tuân bèn chơi chữ:

- Ở bên Tàu có ông Tào Ngưu, tưởng ngưu hoá giỏi. Ở Việt Nam có ông Đoàn Giỏi, tưởng giỏi hoá ngưu.

Nói rồi chủ và khách cười xoà, cùng nhau nâng tách coi như không có việc gì xảy ra, và câu chuyện giữa hai người lại tiếp tục.

Cũng nhờ chuyện này mà Đoàn Giỏi học thêm được một bài học kinh nghiệm.

Đến đây mọi người vỗ tay hoan hô nhiệt liệt.

"Diễn giả" vừa dứt thì cũng là lúc chuông reo báo hiệu hết giờ giải lao.

Mọi người lục đục vào hội trường, trong lòng còn ngẩn ngơ tiếc nuối dư âm của câu chuyện vừa qua và mong một ngày nào đó sẽ được ông Hải tiếp tục kể chuyện vui.

Hà Sgn
NT 57-64

Điều Văn của một cựu học sinh Nguyễn Trãi đọc tại Tang lễ Thầy Phạm Văn Đàm

Ngày 3 tháng 5 năm 2019

Kính bạch Thầy Chân Tôn trụ trì Chùa Việt Nam tại Phoenix ,

Kính thưa cô Hồng phu nhân của Thầy Đàm và tang gia hiếu quyến

Kính thưa quý Thầy Cô cựu giáo chức và quý vị quan khách,

Kính thưa các anh chị cựu học sinh Trung học Phan Thanh Giản, Đoàn Thị Điểm, Cần Thơ, và Trung học Nguyễn Trãi , Sài Gòn.

Hôm nay chúng tôi xin phép đại diện vài bạn đồng môn Nguyễn Trãi tại bang Arizona cùng với một số đồng bằng hữu cựu học sinh Nguyễn Trãi tại khắp nơi trên thế giới đã không thể tham dự tang lễ Thầy Đàm, xin thành kính phân ưu với cô Hồng và toàn thể tang gia hiếu quyến .

Ngược dòng thời gian cả hơn nửa thế kỷ , nếu tôi nhớ không lầm, vào một sáng Thứ Hai cuối niên học 1966-1967 tại sân trường NT mới được xây cất và dọn về Khánh Hội, vẫn còn bùn lầy dính chân giày, toàn thể học sinh và giáo chức của trường hân hoan và trang nghiêm đứng tại sân cờ để chào đón vị Hiệu Trưởng mới thay thế là Thầy Phạm Văn Đàm. Với dáng mảnh khảnh và giọng nói lưu loát của một người miền Bắc, Thầy nói ngắn gọn, rằng Thầy rất hãnh diện được Bộ Giáo dục bổ nhiệm về làm hiệu trưởng của một trường công lập ưu tú của thủ đô Saigon, mang danh của một vị công thần khai quốc đời nhà Lê, đã sát cánh với vua Lê Thái Tổ ròng rã 10 năm kháng chiến và đánh đại bại kẻ thù phương Bắc để giành lại độc lập cho đất nước . Ngoài kỷ niệm đó , tôi còn nhớ hình ảnh một buổi chiều tan trường Thầy Đàm dắt chiếc xe Mobylette đi bộ ra khoảng sân đất cứng trước cổng trường để leo lên xe về nhà.

Sang niên học 1967-1968, tôi không còn học tại

trường Nguyễn Trãi nữa, song may mắn thay, còn giữ trong ký ức hai kỷ niệm nói trên về Thầy Đàm.

Gần đây vào mùa hè năm 2011 khi sang chơi San Diego, gặp lại các bạn hữu trong Hội Cựu ^{ĐSNT 2020 – Pa} viên Du Học tại Nhật trước năm 1975 và cựu Học sinh Nguyễn Trãi, tôi được họ cho biết có gia đình Thầy Đàm và Cô Châu cũng đang ở nơi đây. Sau đó vợ chồng chúng tôi đã có cơ duyên liên lạc với Thầy Đàm và Cô Châu để hội ngộ và nói lại tình thầy trò sau bao năm xa cách .

Một câu chuyện khác tôi vẫn còn trân quý giữ trong ký ức và xin chia sẻ nơi đây, để nói lên sự tận tụy với thiên chức một nhà giáo của Thầy Đàm, khi Thầy che chở cho học trò. Khoảng 5-6 năm trước, vào một dịp cuối tuần giữa mùa hạ nóng bức tại vùng sa mạc Phoenix, một người học trò cũ trường Nguyễn Trãi của Thầy Đàm từ Việt Nam sang Cali du lịch, xin tạm gọi là anh T. Nghe nói Thầy Đàm đã dọn về Phoenix, anh chị T. rất muốn đi thăm Thầy, nên anh Bình đã mở rộng tình đồng môn, lái xe chở anh chị T và mấy anh chị cựu học sinh Nguyễn Trãi khác từ San Diego sang Phoenix để thăm Thầy Đàm . Hôm đó cả mấy gia đình chúng tôi cùng nhau hẹn đến thăm Thầy Đàm, cô Hồng tại tư gia của Thầy Cô, là một căn biệt thự mới cất rất khang trang trong thành phố Mesa, ngoại ô của Phoenix . Buổi hội ngộ hôm đó thật là cảm động và tình thầy trò sống lại như khi còn ở Việt Nam. Sau đó chúng tôi mời Thầy Cô đi ăn tối tại một tiệm ăn Mỹ gần nhà . Qua câu chuyện trong bữa ăn tối, tôi mới biết tại sao anh T. sang Mỹ rất muốn gặp lại Thầy Đàm vì Thầy là vị ân nhân đã ra bót Cảnh sát để xin họ thả anh T. ra vì tội tham gia biểu tình chống chính phủ trong cuối thập niên 1960's tại Saigon .Thầy Đàm nói với anh T. và chúng tôi, may mắn thay ông Cảnh sát trưởng cũng là một học trò cũ của Thầy tại trường Phan Thanh Giản, Cần Thơ, nên nể tình thầy trò, đã thả anh T. ra khỏi phòng giam của bót CS.

Qua câu chuyện kể trên, chúng tôi mới hiểu thêm là vì trọng trách của một người hiệu trưởng. Thầy đã phải hết lòng lo cho học sinh của trường trong mọi hoàn cảnh.

Giờ đây tôi kính xin phép quý vị để thưa gởi đôi lời với hương linh của Thầy Phạm Văn Đàm.

Kính thưa Thầy, cùng với một số đồng các anh chị cựu học sinh Nguyễn Trãi tham dự tang lễ hôm nay, để đưa tiễn Thầy sang cõi thiện lành, chúng em kính dâng đến Thầy tấm lòng biết ơn sâu đậm về sự dạy dỗ chu đáo của Thầy trong cương vị một nhà giáo và sự đóng góp lớn lao của Thầy cho hệ thống giáo dục trung học của Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975, trong vai trò của một người hiệu trưởng hai trường trung học lớn của nước Việt Nam.

Trước khi dứt lời, vì cũng là một đạo hữu với Thầy Cô sánh vai tại đạo tràng các chùa Việt Nam vùng Phoenix, em xin kính nguyện cầu Đức từ phụ A Di Đà Phật phóng ngọc hào quang tiếp dẫn hương linh của Thầy siêu sanh về cõi tịnh độ .

Xin kính chào vĩnh biệt Thầy!

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

CDoan – NT 1962-1967
May 03, 2019



Mã số tranh: PAD217 Tranh Phật A Di Đà
Kích thước: 40cm x 60cm 50cm x 75cm 80cm x 90cm
Liên hệ: 0937 789 940 Email: mail@phatmai.com Website: www.hinhphat.com

THƠ TIÊU-BÌNH

1.

Nỗi Buồn Của Mẹ

*Xem màn ảo thuật như mơ,
Lá bài thành phát phối cờ dựng lên.
Khen người chiến sĩ quên tên,
Máu đào thấm đất bao phen không mờ.*

*Thương ai bảo bọc cơ đồ,
Trả cho đất nước hoang mồ hắt hiu...
Hỡi ôi chiến địa tịch liêu,
Thân chàng đổ xuống hồn phiêu phương
nào?*

*Xưa nay chinh chiến xáo xào,
Một đi về đất cờ nào dẫn thân?*

*Trách cho lòng dạ quỷ thần,
Đang tâm tước đoạt quyền dân an bình.
Địa-Cầu hần nổi điêu linh,
Oĩ người, sao mãi bắt tình giết nhau?!*

2.

Bất Tử

*Giữa riu rít đạn bay mưa bom dội,
Tám hình hài không có sớm hoàn không.
Kiếp phong trần thôi trả lại non sông,
Thân người đổ bao nợ nần rũ sạch.*

*Giờ còn ai bên tao cười khanh khách?
Ai máu đào bay-on-nét kẻ nhau?
Thượng đế ôi không chứng nổi u sầu?
Bạn bỏ bạn sao đành lòng hỡi bạn?!*

*Điều thuốc này hết rồi người hỏi tạm,
Cắm môi mày lần chót, cứ vậy đi.
Để tụi tao khiêng trồn tâm tử thi.
Anh hùng tử, nghĩa hùng anh bất tử.*

*Mày ơi mày, phải cho tao than thở!
Đừng bắt tao nín khóc giữa đời trai.
Chôn mày đi mà đau đớn ai hoài,
Bia mộ đâu cho vợ mày kiếm lại?*

Một phần của đề thi Toán Tú Tài (Séries S), Paris, tháng 06 năm 2019

Xin đóng góp với đặc san NT 2020 gọi là đồ vui để học. Một phần để xem vốn liếng của các “cụ” NT, thời còn đi học ban Toán trước 1975, nay còn nhớ chút nào không hay là đã trả chữ lại hết cho Thầy Cô.

Đây là bài toán thi Tú Tài năm nay (2019), bài thi dài 7 trang và thí sinh được phép làm trong 4 tiếng đồng hồ. Tôi chỉ dịch lại một phần nhỏ của bài thi (độ 30%) mà tôi nghĩ các “cụ” NT có thể làm được.

Phần A

Hãy khảo sát hàm số f được định trên tập hợp $\mathbb{R}$ của những số thực :

$$f(x) = 72 - 12(ex + e^{-x})$$

1. a. Tìm giới hạn của hàm số f trên $+\infty$.

b. Chứng minh rằng hàm số f là một hàm số giảm dần đều đặn trên vùng $[0; +\infty[$

c. Chứng minh rằng phương trình $f(x) = 0$ chấp nhận, trên vùng $[0; +\infty[$, một giải đáp duy nhất, mà chúng ta tạm gọi là α .

2. Hãy để ý là $f(x) = f(-x)$ cho tất cả số thực x , kiểm chứng rằng phương trình $f(x) = 0$ chấp nhận một cách chính xác hai giải pháp trên $\mathbb{R}$ và hai giải pháp này đối nghịch nhau.

Phần B

Có những nhà làm lồng kiếng dùng phương trình trên để tính bề cao cũng như bề dài của vòng cung theo như hình dưới đây :

Giả thử hình vòng cung C là một cạnh của lồng kiếng được trình bày như là hàm số f trên vùng $[-\alpha, \alpha]$. Trục tung có thể được xem như trục đối xứng.

1. Tính bề cao của hình vòng cung C .

2. a. Tính bề dài của hình vòng cung C trên vùng $[0; \alpha]$. Chúng ta chấp nhận rằng bề dài này, bằng mét $[m]$, có thể tính được qua nguyên hàm :

$$I = \int \sqrt{1 + (f'(x))^2} dx$$

Chứng minh rằng :

$$1 + (f'(x))^2 = \frac{1}{4}(ex + e^{-x})^2$$

b. Từ đó suy ra trị số của nguyên hàm I (là một hàm số của α)

Và kiểm chứng lại rằng chiều dài của hình vòng cung C bằng : $e\alpha - e^{-\alpha}$

Nguyễn Duy Vinh (NT 1958) dịch từ bản tiếng Pháp

ĐẠI ĐẾ TRẦN THÁI TÔNG BIỂU TƯỢNG SÁNG NGÒI VIỆT NAM



Chiến thắng oanh liệt hào hùng của Đại Đế Trần Thái Tông đã xóa bỏ danh hiệu “Bách chiến Bách thắng” của đạo quân khét tiếng thế giới. Chiến thắng oanh liệt 1258 đạo quân Mông Cổ thiện chiến đã mở đầu cho sự suy tàn của đế quốc Mông Cổ. Lần đầu tiên trong lịch sử, đế quốc Mông Cổ đã nếm mùi thất bại trước sức sống Việt Nam được biểu tượng qua người anh hùng dân tộc: Đại Đế Trần Thái Tông, văn võ toàn tài, khoan dung đức độ, biểu tượng ngời sáng của bậc đại nhân, đại trí, đại tài của Việt Nam. Trên phương diện tâm linh, Đại Đế Trần Thái Tông chính là hóa thân của Bồ Tát Cứu Khổ Cứu Nạn trong đời sống bình thường của một con người, trọn nghĩa vẹn tình, chu toàn bổn phận của một con dân đất Việt trước đại họa mất nước.

Trước đây, dân gian thường nghĩ rằng Phật Giáo là xuất gia, sống đời tu trì đạo hạnh. Phật Giáo thời Lý nhuốm màu huyền bí, trở nên xa lạ với người dân, thế nhưng các vị vua đời Trần thì suốt một đời sống thực, trải nghiệm qua những khổ đau mất mát đời thường, để tuốt gươm lên ngựa xông pha ngoài chiến trận, bảo vệ giang sơn, bờ cõi rồi giác ngộ thể hiện một tinh thần nhập thế, một triết lý nhân sinh Phật giáo đáp ứng nhu cầu tri thức hiện thực thời đại của nhân loại.

Ngoài chiến công hiển hách, Đại Đế Trần Thái Tông còn là một người thông tuệ, có trí huệ của bậc thiện tri thức ngay từ thế kỷ thứ 13. Đại Đế Trần Thái Tông là “Bồ Đuộc của nền Thiền Học Việt Nam”. Thời Lý Trần là thời kỳ cực thịnh của dân tộc nói chung và cũng thời kỳ rực rỡ của Phật Giáo Việt Nam với những vị vua nhân từ đức độ, không màng danh lợi, rời bỏ tột đỉnh quyền uy, cao sang phú quý, để trở thành những thiền sư thông tuệ đạo hạnh.

Ngay từ thời trai trẻ, nhà vua đã lãnh hội được tinh hoa của môn phái Đông A của dòng họ Trần, nên nhà vua tinh thông võ nghệ hơn người. Nhà vua đã cho thành lập Giảng Võ Đường ngay kinh đô để đào tạo quan võ, nên nhà nho Ngô Thời Sĩ đã viết trong Việt Sử Tiêu Án: *“Vua lập ra nhà học, tôn chuộng nghề văn, dựng nên ngôi nhà giảng tập việc võ. Cả văn lẫn võ có vẻ rực rỡ lắm cho nên có các ông Hán Siêu, Trung Ngạn, Nhật Duật, Ngũ Lão nối nhau xuất hiện, Văn Trinh và Hưng Đạo là bậc danh tướng lẫy lừng thời bấy giờ, là kết quả của sự tôn trọng văn võ đó...”*.

Sách sử chép không những khoan, nhân, độ, lượng mà còn bản lĩnh gan dạ, như *“năm 1241, người Thổ, Mán ở bên Tống sang cướp phá biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho viên đội trưởng là Phạm Kính Ân đem quân đi đánh tan giặc. Nhà vua đi tuần ngoài biên thùy, nhân tiện đi luôn vào đất Tống. Nhà vua thân chinh đem quân chèo thuyền từ trại Vĩnh Bình qua châu Khâm, châu Liêm, xưng là trai Lang rồi cầm mấy chiếc thuyền Kim Phụng, Nhật Quang và Nguyệt Quang trong cỏi đất ấy. Ban đầu người châu ấy không biết tình hình thế nào, đều sợ chạy cả, lúc biết ra, họ mới giăng xích sắt ở giữa dòng sông để cản đường về. Nhà vua sai nhỏ lấy vài cái neo bằng sắt đem về...”*³⁶

Các sử thần thời trước đều là những nho sĩ nên lấy “Tam Cương Ngũ thường” của nho giáo làm điển chương 36. Ngô Thời Sĩ: Việt Sử Tiêu Án,

bản dịch của Văn hóa Á Châu tr 180. mẫu mực nên thường đặt bút phê phán những nhà vua của thời Phật giáo thịnh trị. Bàn về việc nhân nghĩa từ Ngô Sĩ Liên tới Ngô Thời Sĩ đều lên án gay gắt việc lấy chị dâu làm vợ của Trần Thái Tông. Duy chỉ có Việt Sử Thông Giám Cương Mục viết một cách trung thực như sau: *“Nhưng bấy giờ Thái Tông hãy còn thơ ấu, mà Thủ Độ là người rất ngoan cố, phàm việc gì cũng do hắn chỉ sử, Thái Tông không theo cũng không được. Thế mà sử thần cứ chỉ trích riêng Thái Tông, như thế chưa phải là lời phê bình công bằng...”*.

Ngô Thời Sĩ trong Việt Sử Tiêu Án viết: *“... Trong lòng vua thấy bất an, đương đêm ra ở với Phù Vân Quốc Sư ở núi Yên Tử. Thủ Độ đưa quần thần đến mời vua về kinh đô. Vua nói: Ta tuổi trẻ không may phụ thân mất sớm, chưa kham nổi việc nước nên không dám ở ngôi vua để làm nhục cho xã tắc”. Thủ Độ nói “Vua ở đâu tức là triều đình ở đấy, xin phá núi làm cung điện”. Quốc Sư xin với vua “Bệ hạ nên hỏi loan không nên để cảnh sơn lâm của đệ tử bị phá hủy”. Vua mới chịu về...”*



Liễu tự nghĩ mình thế cô nên lên thuyền độc mộc đến nơi vua ở xin đầu hàng. Thủ Độ nghe tin đi thẳng đến thuyền vua ngự, lớn tiếng rằng “Phải giết giặc Liễu”. Vua vội vàng giấu Liễu đưa thân ra nhận. Thủ Độ ném thanh kiếm nói *“Thủ Độ này là con chó săn thôi, biết đâu lòng dạ sự thuận nghịch của anh em nhà vua”*. Vua phải giảng giải mãi, rồi cho Liễu đất An Sinh làm nơi ở riêng và phong cho Liễu làm An Sinh Vương.

Thế nhưng Ngô Thời Sĩ với thái độ cổ chấp của nhà nho vẫn đặt bút phê phán một cách vô lý *“Vua là người khoan nhân có độ lượng của bậc đế vương, lập ra chế độ, điển chương đã văn minh đáng khen, nhưng chỉ vì tam cương lộn bậy, nhiều điều xấu xa*

trong chốn buồng khuê...”.

Vua Trần Thái Tông hết sức quan tâm tới nền quốc học của nước nhà. Năm 1232, vua Trần Thái Tông cho tổ chức khoa thi Thái Học sinh là khoa thi Tiến sĩ đầu tiên của nước ta. Nhà vua tuy là một Thiền Sư Phật Giáo nhưng lại chủ trương chấn hưng quốc học trên nền tảng tinh thần “Tam Giáo” nên ra lệnh cho mở kỳ thi Tam giáo vào mùa Thu năm 1247. Sách Cương mục chép: *“Trước đấy, những nhà nho theo Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo mà có con nối nghiệp nhà đều được cho vào thi. Nay lại cho thi tất cả những ai thông hiểu các khoa về 3 tôn giáo...”*. Trong kỳ thi này, nhà vua đặt ra lệ Tam khôi, chọn 3 người đầu cao theo thứ tự là Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa.

Đặc biệt ở vào thời kỳ phong kiến mà nhà vua lại có tinh thần dân chủ nên năm 1250, xuống chiếu cho thiên hạ gọi vua là “Quốc Gia” nghĩa là nhà vua không xem nặng ngôi vị thiên tử mà tự xem mình là người đại diện cho nước nhà thì thật là cách mạng, thật là dân chủ không thấy ở bất cứ nước nào trên thế giới vào thời đó.

Sách sử cũng chép lại việc Trần Thủ Độ và Linh Từ Quốc Mẫu sắp đặt ép buộc vì quyền lợi dòng họ Trần khiến Trần Liễu tức giận tụ tập đại quân ở Đại Giang chống lại triều đình nhưng nhà vua đã hành xử hết sức nhân nghĩa, không vì bảo vệ ngôi vua mà giết anh như vua Đường Thái Tông đã đang tay giết em rồi lại lấy vợ em trong một đất nước lấy Hán Nho làm đích điểm trị quốc an dân như Trung Quốc.³⁷ Tất cả đã nói lên ý nghĩa cao đẹp chuẩn mực đạo đức của Trần Thái Tông, không vì ngôi vua và một người phụ nữ mà chối bỏ tình anh em ruột thịt...

Bàn về cách ứng xử của Đại đế Trần Thái Tông qua việc gả vợ cũ là công chúa Thiên Cực cho tướng tài Lê Phụ Trần, là người có công bảo vệ mạng sống của nhà vua, thì quả là hành xử của một bậc đại nhân đại nghĩa, trọn nghĩa vẹn tình. Trong “Thiền Học Việt Nam”, học giả Nguyễn Đăng Thục viết về chuyện này như sau: *“Nhà vua cũng có một cử chỉ đặc biệt nhân bản này, là sau khi vì quyền lợi của triều đại phải lấy chị dâu như tục Levirat cổ xưa, để có người nối nghiệp, mà phải bỏ Chiêu Thánh và phế xuống làm công chúa. Bấy giờ là năm 1237.*

Cách 21 năm sau, vào năm 1258, sau khi thắng quân Mông Cổ, vào sinh ra tử, nhờ có Phụ Trần can đảm và trung thành bảo vệ thoát chết. Một mặt nhớ ơn người trung thân, một mặt cũng nhớ tới tình xưa nghĩa cũ với Chiêu Thánh, nên sang ngày mùng một tết năm 1258, nhà vua ngự triều ở Chính Điện, định công đánh giặc để ban thưởng, phong cho Lê Phụ Trần chức Ngự Sử Đại Phu, rồi lại gả Chiêu Thánh Công chúa cho Phụ Trần. Nhà vua bảo Lê Phụ Trần rằng “Nếu Trẫm không có nhà người giúp sức, thì làm gì có được ngày nay. Nhà người nên cố gắng để cùng làm tròn sự nghiệp sau này...”.

Cứ chỉ trên đây chứng tỏ nhà vua vẫn có quan điểm về giá trị nhân sinh không hoàn toàn thuộc về hệ thống giá trị nho giáo. Trong thâm tâm nhà vua lúc ấy hẳn là quý trọng và biết ơn bấy tôi Lê Phụ Trần coi như chính bản thân mình vì nhờ Trần đem thân che cho mình khỏi mưa tên giữa trận tiền đang nguy ngập. Vậy nhà vua ở bình diện người đối với người cũng phải đề cao cái giá trị hy sinh cao cả và anh dũng ấy rồi. Hướng chỉ hành động hy sinh ấy của Phụ Trần lại là đối với chính mình. Như thế, ngoài việc nhà vua phải thưởng cho Tước vị cao, mà còn phải đền ơn cứu sống nữa. Lấy gì mà đền ơn ấy cho xứng đáng giữa người với người?

Nhà vua hy sinh mối tình đầu của mình cho ân nhân, vì Chiêu Thánh tuy bị phế xuống làm Công chúa do áp lực của triều đình, nhưng dù sao vẫn là người yêu ban đầu của nhà vua. Nhà vua hẳn bất an trong lòng khi phải chia tay với mối tình đầu, để người phụ nữ bỗng trở nên người góa phụ bất đắc dĩ. Do vậy mà xét, chúng ta có thể thấy được chỗ tế nhị u uẩn của con người Trần Thái Tông vậy...”.

Đọc lại sách sử xưa, suy ngẫm về những ứng xử, những hành động của người xưa để lại những bài học ý nghĩa giá trị mãi tới muôn đời sau. Viết về Trần Thái Tông, Sử thần Ngô Sĩ Liên viết trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư như sau: “Vua khoan dung nhân từ, đại độ, có cái lượng của bậc Đế Vương cho nên khai sáng nghiệp lớn để lại truyền thống, lập ra kỷ cương phép nước đó là chế độ nhà Trần vĩ đại vậy...”.

Sau khi đánh thắng quân Mông, truyền ngôi cho con lên làm Thái Thượng Hoàng sống đời tu trì đạo

hạnh khi mới 40 tuổi... Sử thần Ngô Thời Sĩ phải hết lời ca ngợi: “Nghiên cứu nội điển làm ra sách Khóa Hư Lục, mền cảnh sơn lâm, xem sống chết như nhau, tuy ý tứ gần với đạo Phật “Không tịch” mà chí thì rộng xa cao siêu, cho nên bỏ ngôi báu như trút bỏ giếp nát vậy...”.

Thời đại Lý-Trần là thời thịnh trị của dân tộc Việt về văn học và võ công. Năm 1054, vua Lý Thái Tông đặt quốc hiệu là Đại Việt và với chiến thắng năm 1075, danh tướng Lý Thường Kiệt mở ra một kỷ nguyên Đại Việt lấy lòng hiền hách, đánh tan tành Trung Quốc.

Đại Đế Trần Thái Tông, sau khi xóa sổ danh hiệu bách chiến bách thắng của đạo quân Mông Cổ, đã truyền ngôi vua cho con rồi lên làm Thái Thượng Hoàng, lo việc tu trì. Đến đời cháu nội là vua Trần Nhân Tông sau khi cùng với Hưng Đạo Vương đánh thắng quân Nguyên, năm 1293 đã truyền ngôi cho thái tử Trần Thuyên (tức vua [Trần Anh Tông](#)) và lên làm [Thái thượng hoàng](#). Sau đó vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành theo [đạo Phật](#) và lấy hiệu Trúc Lâm đại sĩ (竹林大士) nhưng vẫn tham gia điều hành chính sự, đánh dẹp quân [Ai Lao](#) xâm phạm biên giới và mở rộng bờ cõi về phương Nam bằng phương pháp ngoại giao. Đặc biệt, vua Trần Nhân Tông là vị tổ sáng lập của [Thiền phái Trúc Lâm](#), một dòng thiền Phật giáo mang bản sắc văn hóa Việt Nam và tinh thần nhập thế của Phật Giáo Việt Nam.

Trong Chiêu Truyền Ngôi tuyên cáo với thần dân, Nữ hoàng Lý Chiêu Hoàng đã viết với lòng tự hào dân tộc về Trần Cảnh: “Nay Trẫm suy đi tính lại một mình, chỉ có Trần Cảnh, văn chất rục rỡ, thật là thể cách thánh hiền quân tử. Uy nghi lắm liệt, có tư bảm văn võ Thánh Thần, dầu vua Cao Tổ đời Hán, Thái Tông đời Đường cũng không hơn được...”.

Vua Trần Thái Tông đã cho mở khoa thi Tiến sĩ đầu tiên trong lịch sử Việt trên nền tảng “Tam Giáo Đồng Nguyên”, nhà vua cũng cho mở Giảng Võ

Đường đầu tiên nên thời Trần nền văn học rực rỡ, võ học xiển dương. Chính vua Trần Thái Tông đích thân cầm quân đánh tan đạo quân Mông Cổ xâm lược, xóa bỏ danh hiệu “Bách Chiến Bách Thắng” của đế quốc Mông Cổ lừng lẫy một thời. Quân Mông Nguyên không chỉ đại bại 1 lần năm 1258 mà cả 2 lần sau cũng thảm bại tháo chạy về nước dưới sự lãnh đạo của vua Trần Nhân Tông và

tài chỉ huy của Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Đại Vương năm 1285 và 1288.

Đại Đế Trần Thái Tông và Hưng Đạo Vương quả là Đại Danh Tướng không những của Việt Nam mà còn của cả nhân loại nữa.

Phạm Trần Anh



Soi Gương

*Thôi con còn nói chi con.
Sống nhờ đất khách. Chết chôn quê người.
Nguyễn Du*

***Soi gương. Ta lại nhìn ta.
Tóc, râu đã bạc. Thịt da nhăn rồi.
Lòng ta luống những ngậm ngùi.
Sốt thân chìm, nổi quê người từ đây .
Trông vời ngọn sóng, chân mây.
Biết bao giờ mới có ngày hồi hũong ?
Mẹ già tóc trắng nhũ sưởng.
Tuổi trời còn chút nắng vũông chiều tà.***

***Soi gương. Ta chỉ thấy ta.
Tóc, râu đã bạc. Thịt da nhăn rồi.
Soi gương ta chẳng thấy người
Nghìn trùng cách biệt. Một đời điêu linh.
Soi gương ta chẳng thấy mình.
Em yêu ơi. Chỉ còn hình bóng xưa.***

Richmond, Thanksgiving 1990.
Tạ Quang Trung

BUỒN VUI VỚI THẦY, CÔ VÀ BẠN BÈ

Nguyễn Trần Trác- NT57

Bây giờ đã là năm thứ hai mươi của thế kỷ 21 và người viết đã ở rất xa, về khoảng cách và thời gian, với cậu bé ấy ngày đầu tiên cậu tới nhận lớp học ở trường trung học Nguyễn Trãi, Sài Gòn. Đó là lớp Đệ Thất B3, trường Nguyễn Trãi niên khoá 1957-1958). Khi đó trường còn học nhờ buổi chiều ở trường tiểu học Lê Văn Duyệt, trên đường Phan Đình Phùng,



nhìn xéo sang bên kia đường là Nha Phát Thanh, một toà nhà kiến trúc khá đẹp thời ấy. Thời gian đó vì thiếu phòng ốc nên trường chỉ có ban đệ nhất cấp, dạy tới lớp đệ Tứ, mỗi cấp có bốn lớp, ký hiệu là B, B2, B3 và B4. Ở bậc đệ nhất cấp chưa có phân ban thể mà không hiểu tại sao tên các lớp đều có thêm ký hiệu B, như ban B của bậc tú tài?

Trường có hai dãy nhà chính bằng gạch, lợp ngói, đúng quy cách trường học xây từ thời Pháp. Ở dãy gần đường Phan Đình Phùng, vốn dùng làm dãy văn phòng của trường tiểu học, nên trường Nguyễn Trãi chỉ mượn được một phòng duy nhất ở cuối dãy. Đó chính là lớp Đệ Thất B3 của chúng tôi. Dãy nhà gạch bên trong tiện nghi nhất thì dành cho các lớp đệ Ngũ, đệ Tứ. Ngoài ra, phía sau trường, về phía đường Tự Đức, là một dãy phòng lợp tôn dành cho các lớp đệ Thất khác và các lớp đệ Lục. Do thiếu phòng học nên văn phòng trường, kiêm văn phòng Hiệu Trưởng, kiêm phòng giáo sư, là một gian phòng nhỏ, lợp tôn, được làm thêm, ở cạnh đầu dãy giữa. Bây giờ nghĩ lại thấy thương quý thầy, những buổi chiều hè phải ngồi làm việc, nghỉ ngơi trong căn phòng chật hẹp, nóng bức ấy. Nhất là thầy Hiệu

Trưởng, vì thường xuyên thầy phải ngồi làm việc ở cái văn phòng nhỏ bé, chật chội này.

Thời gian đó, hiệu trưởng là thầy Vũ Đức Thận, vốn tốt nghiệp sư phạm trường đại học Đông Dương ở Hà Nội. Thầy người tầm thước, hơi gầy, luôn nghiêm nghị và tới trường bao giờ cũng vận một bộ complet trắng. Đúng là hình ảnh của một nhà sư phạm đáng kính thời xưa. Thầy là tác giả cuốn sách Vạn Vật lớp đệ Tứ mà thời đó được sử dụng rộng rãi ở các trường trung học ở Sài Gòn nhưng thầy không trực tiếp đứng lớp giảng dạy. Bọn nhóc chúng tôi đối với thầy vừa kính, vừa sợ, đang đi trên hành lang thấy thầy từ xa đi ngược lại thì "kính nhi viễn chi" đi vòng qua lối khác. Thầy làm hiệu trưởng tới năm học 1960-1961 khi chúng tôi lên đệ Tứ thì về hưu. Bạn nào có tấm hình của thầy Vũ Đức Thận cho ban biên tập mượn để in trong bài viết này thì thật quý quá.

Như đã nói ở trên, lớp đệ Thất B3 của tôi nằm trong một góc bà tó, ở đầu dãy phòng phía gần đường Phan Đình Phùng, cách biệt hẳn các lớp học khác ở dãy thứ hai bằng một khoảng sân rộng nên rất yên tĩnh và hầu như chỉ trong lớp chơi với nhau, ít khi có dịp "vượt biên" băng qua sân sang bên kia. Cuối hành lang là chỗ để xe của một số giáo sư. Thời đó nhiều thầy đi dạy bằng xe đạp, các thầy nhà xa trường thì dùng xe gắn máy của Đức hay xe mобыlette của Pháp, cũng có thầy đi Vespa hay Lambretta.

Lớp Thất B3 của tôi đầu năm học có 59 nhóc. Năm đó, chúng tôi còn phải học cả hai ngoại ngữ là tiếng Pháp và tiếng Anh. Tiếng Pháp thì ba xí ba tú đã học một chút ở tiểu học, còn tiếng Anh thì bắt đầu học từ "ây", "bi", "si". Các thầy phần nhiều còn trẻ, một vài thầy đã đứng tuổi như thầy Quý dạy Anh văn, người cao lớn, đi dạy bằng chiếc xe Lambretta, thầy Thịnh Del, dạy vẽ, thầy Tiến (nhạc sĩ Chung Quân) dạy nhạc. Thầy Quỳnh dạy Toán, Thầy Hoạt dạy Việt Văn. Kỳ thi đệ nhất bán niên bài luận của tôi được điểm cao nhất và được thầy Hoạt đọc cho cả lớp nghe. Mấy chục năm sau, một anh bạn từ Mỹ về

chơi làm tôi ngạc nhiên khi nhắc với tôi bài luận văn này. Tụi nhóc chúng tôi mới từ tiểu học lên, không còn bị thầy "kềm kẹp" tung ly từng tí như ở các lớp Nhi, lớp Nhất, mà học mỗi môn một thầy, ...thoải mái, tự do ... nên nhiều nhóc chưa quen, đâm ra chơi nhiều hơn một tí, học ít đi một tí. Một vài nhóc, sau khi có kết quả kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt, nhìn điểm môn này môn kia, mới giật mình vội "quay đầu về núi" sám hối, tu tỉnh và vươn lên được. Nhiều nhóc khác thì sa sút hẳn so với thời tiểu học.



Các Giáo Sư Nguyễn Trãi từ trái qua phải
Tô Đình Hiền (Việt Văn), Hoàng Trần Hoạch (Anh Văn), Thịnh Del (Hội Hoa), Phạm Quỳnh (Toán Lý Hóa),
Cù Hối (Hán Văn), Trần Văn Việt (Hiệu Trưởng), Lý Quốc Sinh và Bùi Thái Trư (Văn Vật)

Vì cuối hành lang là chỗ để xe ưa thích của nhiều thầy nên tụi nhóc Thất B3 biết được nhiều thầy dạy lớp trên và đôi khi "sự biết được" ấy cũng khá hồi hộp. Một buổi trưa đầu buổi học, một nhóc tí đệ Thất B3 bất thần từ trong lớp phóng ra hành lang để băng ra sân thì một chiếc Lambretta đang chạy ngon trớn trên hành lang thẳng rít lên, ngừng lại kịp. Đó là xe của thầy H. Đ. Hạnh. Cậu bé hoảng hồn đứng sững lại giữa hành lang nhìn thầy sợ sệt, trong khi thầy thì, với cặp kính trắng, nhìn trò một cách nghiêm khắc. Cậu bé bạn tôi lúc đó chắc sợ lắm nhưng không thấy thầy nói gì nên chạy đi chơi tiếp. Đó là ấn tượng đầu tiên của cậu học trò đệ thất là tôi với thầy H. Đ. Hạnh. Sau này có một thời gian thầy là hiệu trưởng trường Văn Hoá Quân Đội trên đường Thống Nhất và sau đó thầy được chuyển về làm hiệu trưởng trường Trung Học Nguyễn Trãi khi trường đã về trường sở mới ở đường Trịnh Minh Thế, Khánh Hội. Hiện thầy vẫn ở ngôi nhà ở địa chỉ cũ, nhưng đã được xây lại, đẹp hơn, trên con đường nhỏ ở gần chợ Tân Định.

Nhà tôi ở khoảng giữa đường Chi Lăng, giữa ngã tư Phú Nhuận và chợ Bà Chiểu. Mỗi buổi trưa khoảng 12 giờ đã cấp cấp đi học, vì phải đi bộ. Từ nhà, tôi theo đường Chi Lăng đi về phía chợ Bà Chiểu, tới ngã ba gần dinh Tỉnh Trưởng thì rẽ phải, qua Lăng Ông, đi tuốt tới cầu Bông (cây cầu nổi tiếng mà tụi nhóc tí vẫn nheo nhéo hát theo điệu của một bài hát nổi tiếng của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ: Ai đang đi ...trên cầu Bông,... té xuống sôngướt hết quần ni lông...ừ ừ Anh sẽ đưa em về ... anh sẽ đưa em về...). Tới rạp Casino Dakao thì rẽ trái, đi theo đường Đinh Tiên Hoàng, qua rạp chiếu bóng Asam, qua trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng, tới ngã tư giao nhau với đường Phan Đình Phùng thì rẽ phải, đi tiếp vài trăm mét thì tới trường Nguyễn Trãi. Chiếc bảng tên Trường Trung Học Nguyễn Trãi được để một bên, bé hơn, thấp hơn chiếc bảng đề tên Trường Tiểu học Lê Văn Duyệt để ở chính giữa. Kể lẻ dài dòng như vậy để các bạn cựu học sinh Nguyễn Trãi từ lâu xa quê có thể nhớ lại phần nào Sài Gòn cũ thừa "ngày xưa còn bé".

Hè năm đệ Thất, tôi được lãnh học bổng toàn phần của năm là 3600 đồng (học bổng toàn phần 400 đồng/ tháng, bán phần 200 đồng/ tháng. Cuối năm học lãnh một lần cho 9 tháng. Nhờ có khoản học bổng này tôi mua được một chiếc xe đạp "xịn", giá 1050 đồng, mà tôi sử dụng tới năm thứ ba đại học.



Thật tuyệt vời, mỗi trưa thông dong đạp xe tới trường thay vì lội bộ mấy cây số dưới trưa hè nắng gắt! Tôi lên lớp đệ Lục B3 trong niềm vui mới ấy. Thầy Tô Đình Hiền năm ngoái dạy Công Dân và Đức Dục thì năm nay dạy hai môn Việt Văn và

Công Dân. Các môn học khác đều có thầy mới phụ trách, trừ hai môn Nhạc và Vẽ, trong bốn năm đệ nhất cấp đều do thầy Chung Quân và thầy Thịnh Del phụ trách (dạo học Nguyễn Trãi, chẳng trò nào biết tại sao thầy lại có chữ Del ở sau tên thực, sau tìm hiểu mới biết khi thầy thi tốt nghiệp ở trường Mỹ Thuật Đông Dương, thầy đỗ thủ khoa. Từ "Del" là để chỉ vị trí thủ khoa trong kỳ thi này, không rõ viết tắt từ chữ gì, của ngôn ngữ nào. Nếu bạn nào rõ thì xin chỉ giáo)

Từ năm học này, Bộ Giáo Dục chủ trương thay đổi về học ngoại ngữ. Học sinh chỉ được học một ngoại ngữ. Đa số chọn tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, chỉ một số rất ít trò chọn Hán văn, như các bạn ở lớp tôi Nguyễn Đức Quang (nickname: Điền Bá Quang, Điền Bá Láp, hiện là thần dân của Nữ hoàng Anh), Nguyễn Ngọc Côn vẫn ở VN). Thầy Tô Đình Hiền vào lớp, mắng mấy trò này một trận "Thời buổi này phải chọn Anh Văn, ai đời lại đi chọn Hán Văn!". Vì vấn đề chọn ngoại ngữ này nên học trò các lớp được sắp xếp lại, một phen "tan đàn xẻ nghé".

Lớp đệ Lục B3 chúng tôi học ở dãy phòng cấp bốn lớp tôn, sát đường Tự Đức. Thầy dạy nhiều môn nhất trong năm học này là thầy Bùi Thái Trừu,



dạy ba môn: Vật lý, Hoá học và Vạn vật. Ngoài tiếng Anh là ngoại ngữ, tụi nhóc chúng tôi cũng được học thêm mỗi tuần một giờ chữ Hán với cụ Tú Anh. Cụ đồ tú tài trong một kỳ thi hương năm nào đó thời còn hệ thống thi cử Hán học. Thời gian này, các phong trào hiệu đoàn còn mới mẻ và thầy Tô Đình Hiền được cử làm Hiệu đoàn trưởng. Hầu như năm nào, lớp nào cũng có làm bích báo. Chẳng nhớ có đề cử hay bầu ban gì không mà năm đó tôi là đầu

tàu, "chủ nhiệm kiêm chủ bút" của tờ bích báo lớp đệ Lục B3, với sự cộng tác nhiệt tình của nhóc tì Phạm Văn Hà với vai trò "họa sĩ" của tờ báo, tha hồ cho cu cậu vẽ vờ, trang trí. Nhưng khi hô hào viết bài thì chỉ có một hai nhóc gửi vài chuyện cười, khiến cho ngài chủ bút phải ề cổ ra viết hết mục này tới mục khác để điền vào chỗ trống. Xong được mục nào thì hai ngài, chủ bút và họa sĩ, hí hửng khen lẫn nhau. Nhóc P. V. Hà bảo: bài viết của cậu có thêm hình vẽ của tớ hay hẳn hơn lên đấy. Ngài chủ bút gật gù tán thành. Ấy thế mà cuối cùng tờ bích báo cũng kín đầy bài vở, hình ảnh, được trình trọng treo lên tường. Cả lớp xúm vào xem, bình luận loạn xạ. Được một, hai hôm rồi chẳng còn nhóc nào thêm lưu ý tới nó nữa.

Năm học này trò Trác bị hai sao quả tạ. Quả tạ thứ nhất chỉ gây liếng xiềng, còn quả tạ thứ hai thì "hút chết". Câu chuyện về quả tạ thứ nhất như sau: Trong lớp phần lớn các trò đều nhận thấy có sự bất hoà giữa thầy T. Đ. Hiền dạy Việt văn và thầy Phạm Ch dạy Anh văn. Thầy Ch khi đó là giáo sư dạy giờ và đang học trên đại học. Việc dạy học có lẽ chỉ là phương tiện sống để thầy tiếp tục việc học ở đại học. Trường Nguyễn Trãi những năm đó, vào cuối học kỳ hai của năm học, dành cho ban giáo sư mỗi lớp quyền góp ý về hành vi của học sinh. Nếu một giáo sư trong lớp ghi ý kiến phản đối khen thưởng một học sinh thì em đó sẽ bị truất bỏ mọi khen thưởng cuối năm, dù là học sinh giỏi của lớp. Học kỳ hai năm ấy trò Th. nhất môn Anh văn. Trò này tính hiền lành nhưng cục, dễ nổi nóng. Một hôm trong giờ Việt văn của thầy T. Đ. Hiền, chẳng biết Th. bị thằng bạn bên cạnh chọc phá gì đó nên nổi cục, đấm cho thằng bạn một cú. Nào ngờ bị thầy Hiền trông thấy. Đánh nhau trong giờ học là một tội rất nặng nên thầy Hiền rất tức giận, ghi ý kiến phản đối khen thưởng trò Th. Hôm sau, đến giờ tiếng Anh, Mr. Phạm Ch. thấy trò Th., nhất môn tiếng Anh của mình, bị thầy T. Đ. Hiền ghi ý kiến phản đối khen thưởng thì bực lắm và chẳng biết thầy suy nghĩ thế nào mà mở sổ tìm xem trò nào nhất môn Việt văn của thầy Hiền và ghi ý kiến phản đối. Khổ nỗi trò nhất môn Việt văn của thầy Hiền lại là trò Trác. Tới giờ dạy hôm sau của Mr. Phạm Ch., trò Trác dơ tay xin hỏi "Thưa thầy, em thấy trong sổ thầy ghi phản đối khen thưởng ở chỗ tên em, không biết có gì nhầm lẫn không ạ?". Thầy Ch. xác nhận "Không, tôi không nhầm đâu". Thế là trò đành thua. (Tới giờ, đã trải qua 52 năm

dạy học, thỉnh thoảng nhớ lại chuyện này tôi vẫn không hiểu được thầy Phạm Ch.)

Quả tạ thứ hai thì nặng hơn nhiều, khiến trò Trác "hút chết" nhưng xin thôi không kể, sợ dài dòng .

Các bạn lưu ý là từ đầu tới giờ, tôi chỉ nhắc tới các thầy mà chưa hề nhắc tới các cô, lý do là thời gian đó, trường Nguyễn Trãi chỉ có các nam giáo sư, chưa có nữ giáo sư giảng dạy. Năm học 59-60, chúng tôi lên lớp đệ Ngũ B3, học ở phòng thứ hai của dãy chính, ngó nghiêng ra cửa lớp là thấy văn phòng thầy Hiệu trưởng. Học tới đệ ngũ rồi thì không còn hoàn toàn là "nhóc tí" nữa, nghịch thì vẫn nghịch nhưng đôi khi lơ mơ biết mơ mộng. Năm học này thầy Hà Đạo Hạnh là giáo sư hướng dẫn của lớp và dạy chúng tôi bốn môn là Toán, Vật lý, Hoá học và Văn vật.



Thầy Hà Đạo Hạnh và Thầy Nguyễn Huy Quán

Thầy được học sinh đặt nickname là thầy "Hạnh gầy". Dạy Việt văn là thầy Đặng Ngọc Hạnh, có nickname là thầy "Hạnh béo", (để phân biệt với thầy Hạnh gầy chứ thực ra thầy cũng chỉ đầy đặn hơn thầy Hạnh gầy một chút chứ không phải là béo). Chúng tôi cũng được học lại với thầy Diệu, đã dạy chúng tôi ở lớp đệ thất B3.

Trong năm học này không nhớ có sự kiện gì đặc biệt mà trường tổ chức cho tất cả các lớp thi làm bích báo vào dịp Tết. Vẫn hai trò đứng vai trò đầu

tàu là trò Trác về bài vỡ, và trò Hà về trang trí, nhưng có sự hướng dẫn khích lệ của thầy H. Đ. Hạnh nên các bạn chịu khó tham gia nhiều hơn. Tờ bích báo của lớp đệ Ngũ B3 năm ấy lấy tên là Xuân Việt. Tôi không nhớ rõ có đạt giải nào không.

Hoạt động hiệu đoàn thì tụi nhóc rất khoái nhưng khổ nỗi không phải thầy nào cũng ủng hộ. Một trong những thầy không ưa mấy công tác hiệu đoàn là thầy Đ. N. Hạnh (thầy tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương) nên thầy có chút ác cảm đối với mấy trò ham làm báo, làm bồ (học thì không lo học chỉ đâm đầu vào bích báo). Thậm chí, thi đệ nhất bán niên, trò Trác được điểm cao nhất nhưng khi trả bài thi thầy nói như cảnh cáo "Tôi cho anh điểm cao nhất vì không có bài nào khá hơn", thầy ngụ ý là "anh đừng tưởng là anh giỏi" (ngày xưa các thầy giáo miền Bắc thường gọi học trò là các anh, chị, không gọi một cách thân mật là các em như các giáo sư trẻ sau này). Tuy nhiên dần dần thầy nhận thấy trò này cũng là một thằng bé chăm chỉ, và nhất là trong kỳ thi bán niên thứ hai, tôi lại nhất môn Việt văn thì thầy không còn ác cảm gì nữa với việc "không lo học mà chỉ lảng nhãng làm báo" của tôi .

Trong chương trình Việt văn năm đệ Ngũ, chúng tôi được học tác phẩm Chinh Phụ Ngâm (các bạn học sinh Nguyễn Trãi sau 1975 chắc không có được cái may mắn học tác phẩm này). Mặc dù còn nhỏ tuổi nhưng chúng tôi đã có thể cảm nhận được cái buồn bã trước cảnh chia ly của người chinh phụ và người chinh phu qua những câu:

"Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai"

Và thắm thía trước nỗi thê lương của cảnh chiến trường

"Hồn tử sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu trăng dỗi dỗi soi
Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai mặc mặt nào ai gọi hồn"

Cùng lớp với tôi có Đặng Bằng, hai thằng khá hợp tính tình, thỉnh thoảng vẫn cùng nhau tâm sự vụn. Đ. Bằng có ba người em học cùng cấp (có lẽ do việc

di cư nên Bằng học trẻ) là Đặng Sảng, Đặng Duật, Đặng Vũ. Sau khi học xong tú tài, Đặng Bằng xung phong đi biệt kích. Sau một trận đụng độ, thân xác bạn đã nằm lại trận địa. Bạn đã không về, như câu thơ cổ mà ngày xưa, khi còn là cậu học trò Nguyễn Trãi, bạn đã từng ngâm nga: "Tuý ngọa sa trường quân mạc tiểu, cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi". Đặng Sảng học xong Võ bị Đà Lạt, nghe nói có tên trong danh sách sẽ đi học tại Mỹ. Nhưng khi được tạm phân về đơn vị, trong trận đụng độ đầu tiên với địch, Sảng đã hy sinh. Đặng Duật, Đặng Vũ cũng trong quân ngũ và chỉ rời đơn vị khi đã trở thành các thương binh. Có lẽ trong thế hệ chúng tôi, ít gia đình nào đã hy sinh xương máu quá nhiều cho cuộc chiến tranh tương tàn vừa qua như gia đình Đặng Bằng (một người anh của Đặng Bằng, anh cả, cũng ở trong quân đội nhưng trong ngành tâm lý chiến nên được an toàn qua cuộc chiến tranh).

Chúng tôi lên lớp đệ Tứ B3 năm học 1960-1961. Đây là năm học đặc biệt quan trọng vì cuối năm học chúng tôi phải thi văn bằng tốt nghiệp bậc trung học đệ nhất cấp. Cũng từ năm học này, trường Nguyễn Trãi được phép mở lại bậc học Tú tài (bị cắt bớt từ năm di cư từ Hà Nội vào). Lớp đệ Nhất, lấy học sinh từ các trường ngoài vào, là các thí sinh tự do hay học sinh trường tư mới đổ tú tài phần một, nằm ở phòng đầu tiên dãy giữa, nhìn vào hông văn phòng trường. Năm học này thầy Vũ Đức Thận về hưu, hiệu trưởng kế nhiệm là thầy Phạm Đăng Châu, tương đối trẻ, từ Vĩnh Long đổi về. Lễ khai giảng đầu năm học được tổ chức rất long trọng với sự tham dự của ông Bộ trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Các học sinh đều mặc lễ phục quần tây trắng, áo sơ-mi trắng, xếp hàng nghiêm chỉnh theo từng lớp. Có ban quân nhạc yểm trợ. Sau lễ chào cờ là màn giới thiệu trường và ban Giáo sư với Bộ trưởng.

Năm đệ Tứ này, chúng tôi được học toán với thầy Nguyễn Huy Quán. Thầy giảng bài nhỏ nhẹ nhưng rất mạch lạc, cho làm bài nộp đều đặn, luôn luôn chấm, trả, sửa bài đúng hạn. Chúng tôi cũng được gặp lại thầy Quý, thầy Quynh (đã được học ở lớp đệ Thất B3, gặp lại thầy B. T. Trừu (đã dạy ở lớp Lục B3), và thầy Đ. N. Hạnh (đã được học ở lớp Ngũ B3). Dạy Việt văn là thầy Nguyễn Tri Tài, hậu duệ của Tổng Đốc thành Hà Nội Nguyễn Tri Phương. Giờ Việt văn đầu tiên, thầy hiệu trưởng Phạm Đăng Châu đích thân dẫn thầy Tài tới lớp giới thiệu một

cách trình trọng: thầy Tài là bạn tôi, đang làm luận văn cao học tại đại học Văn khoa... Sau này, chúng tôi công nhận thầy hiệu trưởng giới thiệu thầy Tài không quá đáng vì khi giảng về chuyện Kiều, thầy cứ thao thao bất tuyệt.

Điểm đặc biệt là năm học này là lần đầu tiên tại "nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò" chúng tôi được học với một nữ giáo sư. Vào giờ học thứ năm của một buổi chiều trời sắp đổ mưa, phòng học đã phải bật đèn thì thầy Tùng, giám thị lớp đệ Tứ, vào lớp giới thiệu vị giáo sư mới, phụ trách môn Công Dân Giáo Dục. Đó là cô An Hà Châu. Cô còn rất trẻ và đẹp, đi dạy luôn mặc áo dài trắng. Trong giờ học của cô, các cậu học trò đều trở nên nghiêm chỉnh, kể cả mấy đứa ưa quậy phá. Hình như cô chỉ dạy ở Nguyễn Trãi vài niên khoá rồi chuyển theo nơi công tác của chồng. Nhiều năm sau, cô về dạy học ở Nha Trang. Một buổi hết giờ dạy ra về, cô đang đi trên hè phố thì một chiếc xe Zeep quân đội tấp vào lề, hai người sĩ quan còn trẻ nhảy xuống xe tiến tới chào. Thấy cô ngạc nhiên, hai người vội giải thích: thưa cô, tụi em ngày xưa học với cô ở trường Nguyễn Trãi Sài Gòn, lớp đệ Tứ, năm học 60-61.

Với thầy N. H. Quán, nhiều năm sau 1975, tôi có cái duyên tết năm nào cũng được đến chúc tết và mừng tuổi thầy. Thầy vẫn ở ngôi nhà cũ trên đường Lê Đại Hành, gần trường đua Phú Thọ, cho tới ngày tạ thế.

Thầy Chung Quân sau này tiếp tục học thêm, lấy xong bằng cử nhân tại Đại học Văn khoa, thầy xin được học bổng du học tại Mỹ. Lấy xong bằng Ph. D, thầy về nước và năm 1973, được bổ nhiệm giảng dạy ở Đại Học Huế. Sau 1975, các thầy cô ở Đại học Huế, cũng như ở Sài Gòn hay Cần Thơ đều phải trải qua các đợt học chính trị do các cán bộ ngoài



Bắc vào giảng về cuộc "kháng chiến chống Mỹ cứu nước". Sau phần thuyết giảng của cán bộ là phần thảo luận của các học viên, trong đó, thầy Tiên (tức nhạc sĩ Chung Quân) góp ý rằng cuộc chiến vừa qua chỉ là nội chiến giữa hai miền Nam, Bắc.

Mặc các ý kiến khác bài bác, thầy vẫn giữ nguyên quan điểm. Nghe nói, ít lâu sau đó, thầy được cho nghỉ giảng dạy. Thầy trở về sống nhàn tản ở Sài Gòn và mất năm 1988.

Qua kỳ thi trung học đệ nhất cấp, bắt đầu một ngã rẽ cho một số bạn bè. Một vài bạn như Trần Xuân Trương, thi vào trường Quốc Gia Sư Phạm để ra làm giáo viên tiểu học. Bạn Trương sau học thêm ở Đại Học Văn Khoa, lấy xong bằng cử nhân tiếng Anh và lên giảng dạy tiếng Anh tại Đại Học Võ Bị Đà Lạt. Bạn Trương đã mất khi vào hạn tuổi năm ba (bốn chín chưa qua năm ba đã tới)

Lên đệ Tam, vì thiếu phòng trường chỉ mở một lớp Tam B và một lớp Tam A, do đó một số bạn phải chuyển sang học Chu Văn An ở quận 5 hoặc Võ Trường Toản, đối diện sở thú. Tôi được xếp vào lớp đệ Tam B. Ban giáo sư của lớp phần nhiều còn trẻ. Đứng tuổi nhất là thầy Minh, dạy Việt văn, vừa dạy Nguyễn Trãi vừa kiêm nhiệm hiệu trưởng trường trung học bán công Hoài An nên lúc nào cũng thấy thầy có vẻ vội vã. Sau này thầy được bổ nhiệm Chánh Sở Giáo Dục tỉnh Gia Định. Các thầy dạy Toán, Lý, Hoá, Vạn vật đều mới tốt nghiệp ĐHSPSG. Đặc biệt, năm học này chúng tôi được học ngoại ngữ với hai giáo sư nữ, cô Trợ dạy Pháp Văn, cô Kim Phụng dạy Anh văn. Hai cô đều trẻ đẹp. Trong khi cô Trợ có vẻ đẹp rất Huế, thì cô K. Phụng lại có vẻ đẹp rất Sài Gòn. Năm học này tôi học thêm mấy môn chính của lớp đệ Nhị để thi nhẩy Tú Tài một nên trong học kỳ hai, vài buổi có trốn học để ôn thi. Một buổi, thấy lớp Tam B khá vắng, thầy giám học, GS Tạ Văn Ru vào điểm danh. Hôm sau thầy vào lớp đọc tên từng em vắng mặt ngày hôm trước để cảnh cáo. Khi đọc tới tên tôi thầy

ngừng lại, nói: Anh Trác mà cũng trốn học cơ à!

Sau khi đỗ Tú tài một, tôi vào gặp thầy Ru xin vô lớp đệ Nhất. Thầy rất vui khi biết tôi thi đỗ nhưng khuyên tôi sang học bên Chu Văn An (không thể học ở Nguyễn Trãi vì Bộ cấm học nhẩy), tôi đành giã từ trường trung học Nguyễn Trãi, sang xin học bên Chu Văn An. Tôi được xếp vào học lớp đệ Nhất B4, niên khoá 62-63, học buổi chiều.

Rất nhiều năm sau tôi tình cờ được đọc một đặc san của trường Trung học Tân An, thấy trong danh sách giảng dạy có GS Phạm Đăng Châu, hỏi thăm một anh bạn trước có dạy trường ấy thì anh cho biết “ổng” từ Sài Gòn dời về. Tôi cứ phân vân không biết có phải là nguyên hiệu trưởng Trung học Nguyễn Trãi SG thời tôi học Nguyễn Trãi hay không?

Mới đây, tôi nhận được video Nguyễn Trãi 57 họp mặt. Tôi mừng quá mở ra xem hy vọng được thấy tụi bạn Nguyễn Trãi 57 cũ. Khung cảnh buổi họp khá sang trọng, người dự đông đúc. Tôi nhìn kỹ từng khuôn mặt nhưng chỉ thấy toàn các cụ ông, khoảng 75 hay 76 tuổi. Có cụ phương phi, béo tốt, có cụ "mình hạc, xương mai", lại có vài cụ để râu nữa chứ. Đâu rồi các cậu bạn Nguyễn Trãi 57 của tôi ngày ấy! Những cậu bé mắt sáng, môi tươi, nụ cười rạng rỡ. Tôi cũng thấy trong buổi họp mặt danh sách các bạn Nguyễn Trãi 57 đã sớm từ giã cuộc chơi. Kia Lê Đình Các, cậu bạn ngồi cùng bàn, cạnh tôi, ở lớp đệ Tứ B3, kia Hoàng Văn Viêm, kia Đặng Bằng, Đặng Sáng, Đặng Duật, kia Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Thiệu Quang,... Bạn Trần Xuân Trương của tôi cũng đã mất nhưng không thấy tên trong danh sách này. Trong số hơn 230 cậu bé trúng tuyển vào trường Trung học Nguyễn Trãi năm 57 ấy, đã có ít nhất 43 bạn từ bỏ cuộc chơi ngắn ngủi ở thế gian này để rong chơi ở một cảnh giới khác. Chẳng biết các cậu ở bên ấy thỉnh thoảng có họp mặt và nhắc tới chúng tớ không?

Nguyễn Trần Trác- NT57



Thầy HT Nguyễn Bằng Tuyết và Thầy Giám học Tạ Văn Ru

Kỷ Niệm Trường Xưa

Giáo Sư Ngọc Hạnh

Sáng thức dậy nhìn qua cửa kính thấy bình minh tươi đẹp, trời trong mây trắng, không âm u như những ngày trước nhưng sân cỏ lồi đi phủ đầy tuyết trắng xóa. Hóa ra tuyết rơi đêm qua trong lúc mọi người say giấc nồng. Tuy nhiên trời trong sẽ có nắng vàng, không âm nhưng cũng đủ làm tan tuyết trên sân cỏ. Lối đi lại trơn trượt ướt át có thể cả ngày chưa khô. Tôi chợt nghĩ đến các bằng hữu định cư vùng đất lạnh tình nồng như Canada hay các bạn, các cựu học sinh cư ngụ vùng nắng ấm như Cali hay Texas.

Nói đến Texas tôi lại nhớ đến Đại Hội trường Trung học Nguyễn Trãi tổ chức vào cuối tháng 2 năm 2020.

Mỗi 2 năm các em Cựu học sinh tổ chức một lần ở các địa điểm khác nhau khi ở Houston, khi Cali Hoa kỳ. Kỳ Đại Hội vừa qua tổ chức ở Canada, quy tụ các anh chị em cùng chung mái trường nơi quê nhà trước kia, từ các nơi về họp mặt: Việt Nam, Pháp, Úc, Hoa kỳ... Năm 2012 Đại Hội Trung học Nguyễn Trãi hơn 400 người tham dự gồm các thầy cô giáo, các cựu học sinh... Lâu ngày không gặp nhau nên mọi người không ngại tốn kém, đường xa xôi, hăng hái ghi danh tham dự Đại Hội từ nhiều tháng trước, để ban Tổ chức tiện việc đặt nhà hàng, khách sạn...

Năm nay một em trong ban tổ chức cho biết còn hơn 2 tháng nữa là đến ngày Đại Hội nhưng chưa đến 300 người ghi danh. Theo tôi việc đó cũng hiểu được vì theo thời gian các thầy cô giáo cũ nay tuổi cao, ngại đi đường xa. Những giáo chức thân thương từng gắn bó với sinh hoạt các em nay người đau chân, người chóng mặt không ngồi lâu được, có vị đau đầu gối... Đã có 2 vị cựu Hiệu trưởng NT từ già gia đình bằng hữu, các cựu môn sinh vĩnh viễn ra đi, để lại tiếc thương cho người thân. Hỏi có ai

sống mãi trên đời! Một vị ra đi khi 90 tuổi và một Hiệu trưởng khác rời bỏ trần gian lúc tuổi đời chưa đến 80, dù cả hai đều định cư Hoa kỳ, nơi các dịch vụ y tế được xem như tốt nhất thế giới...

Theo tôi, cựu học sinh Nguyễn Trãi trước 1975 người trẻ nhất cũng 50 tuổi, lớp đàn anh có người gần đến 70 tuổi. Tôi không biết các em cựu học sinh Trung học Nguyễn Trãi hải ngoại còn tổ chức Đại Hội NT được bao nhiêu lần nữa, khi lớp đàn anh sống rải rác khắp các quốc gia hay các tiểu bang khác nhau ở Hoa kỳ, theo thời gian, tuổi đời tăng, sức khỏe giảm, không còn tốt như xưa. Cầu chúc các em còn đủ tình thương yêu đồng môn, sư đệ, để ngôi phi cơ lâu 5, 10 tiếng dự Đại Hội, gặp gỡ bạn hữu và thầy cô giáo cũ.



Chuyện Xưa:

Nhớ lại Trường Trung Học Nguyễn Trãi chuyển từ ngoài Bắc vào Nam năm 1954. Lúc đầu học sinh học nhờ trường Tiểu Học Lê Văn Duyệt đường Phan đình Phùng, Dakao quận I Saigon vào buổi chiều. Các giáo sư và học sinh phần lớn là người miền Bắc.



Thưa quý độc giả, khoảng những năm 1947-1952 ở miền Nam đã có nhiều người bị gián đoạn việc học, bỏ trường lớp theo gia đình tản cư về thôn quê. Thời gian ấy vùng đô thị mất an ninh. Ban đêm Việt Minh về rải truyền đơn, bắn chết người làm việc nơi quận, tỉnh hay người có tiền của, bắt các nạn nhân đem đi nơi nào mất tích. Ban ngày Pháp dẫn lính đi ruồng bố kiểm Việt Minh, nhưng những người này biến mất và trở lại vào đêm khác, không ai biết giờ giấc nào. Ngoài ra Việt Minh đốt cháy các nhà gần thị xã trong thời kỳ tiêu thổ kháng chiến. Có nhà cháy hết chỉ còn nền trơ trụi, nhà nào to lớn sáng ngày được cứu thì còn nham nhở ít vật dụng, cột nhà cháy đen thui, mái ngói sụp đổ. Tôi kể ra đây để vi nào sống nơi an bình, được học suông sẻ lên Đại học kể như có phước lớn. Ai trở về trường đi học lại sớm là may mắn. Có người theo gia đình chạy loạn, bỏ nhà cửa mấy năm mới hồi cư và lúc đi học lại bạn cùng lớp ngày xưa đã học trên mình 2, 3 lớp, có khi hơn. Tuy nhiên không những lớp người già ngày xưa học hành gián đoạn vì thời cuộc, sau

1975, con em gia đình “ngụy” cũng gặp khó khăn do tài chánh eo hẹp hay do lý lịch dù đã hòa bình, hết chiến tranh. Một cựu học sinh NT kể với tôi: “Em đập xích lô ban đêm để có tiền tiếp tục đi học, vì cha đi tù cải tạo, mẹ và các em bị đuổi ra khỏi nhà do chánh quyền cũ cấp, phải ở nhờ nhà bà con”...

Thật là “Đoạn trường ai có qua cầu mới hay” (ND).



Nước chảy mây bay, những học sinh ngày xưa nay đã thành cha mẹ, ông bà, thành công nơi xứ người hay ở quê hương. Dù thành công hay không tôi cũng cầu mong các em được an vui, hạnh phúc. Một chị bạn nhà giáo tâm sự ” trường Nguyễn Trãi là gia đình thứ hai của chị ”. Tôi đồng ý, vì nếu không thương học trò và trường học, chị có thể xin chuyển về trường khác gần nhà hơn, khỏi phải đi sớm về muộn. Riêng tôi cảm ơn các em đã nghiêm túc, học hành chăm chỉ, nhất là những lúc tôi nhờ thầy cô khác dạy giùm để có thể thăm nhà tôi, đang ở tù cải tạo nơi chốn xa xôi...

Kỷ Niệm Vui Buồn:

Nhớ lại khi Trung Học Nguyễn Trãi xây trường mới khang trang trên đường Trịnh minh Thế trước kho 5, Khánh Hội, quận 4 Saigon, trở thành trường Trung học Đệ II cấp, dạy từ đệ thất đến đệ nhất. Lúc

học nhờ trường Nam Tiểu Học, chỉ là trường Đệ I cấp, dạy từ đệ thất đến đệ tứ. Tuy nhiên vì trường xây ở Khánh Hội nên phần lớn phụ huynh là người bình dân lao động so với các trường Trung Học quận I, quận 3 Saigon, phụ huynh khá giả hơn. Như thế các học sinh cư ngụ quận 4 đến trường học cũng là sự cố gắng của chính các em và cha mẹ mong muốn các con có chữ nghĩa, hầu tương lai thoát khỏi cảnh cơ cực vất vả. Được học trường công đâu phải dễ dàng, phải thi tuyển và đậu cũng” oai “lắm chứ. Thi rớt muốn học tiếp phải học trường tư, tốn tiền cha mẹ, vốn không được rộng rãi tiền bạc như các phụ huynh nơi khác...

Thưa quý độc giả tôi dài dòng vì ngoài giờ đứng lớp, tôi phụ trách Khải Đạo(counselor), mỗi tuần 1 giờ, làm cố vấn cho các em tâm sự nhỏ to. Trường Nguyễn Trãi lúc ấy ngoài tôi còn 2 vị giáo sư Khải Đạo kinh nghiệm khác, là cô Bích Hà và thầy Biên. Có em đến phòng Khải Đạo cho biết em muốn nghỉ học để đi làm phụ giúp gia đình. Các em ấy có khi phải phụ cha mẹ đi làm ban đêm, sáng không tỉnh táo đến trường hay không có thì giờ làm bài, học bài, nên nghỉ học. Vắng mặt nhiều, điểm xấu, bị các Giám Thị quở trách, các em muốn bỏ trường bỏ lớp nhưng tiếc, phân vân nửa ở nửa đi, nên đến cô giáo Khải đạo vẫn kể. Không khi nào các cô đồng ý cho các em bỏ học, chỉ khuyến khích các em cố gắng khắc phục khó khăn, mượn bài vở của bạn những hôm vắng mặt, để có thể đủ điểm trong các kỳ thi... Hoàn cảnh khó khăn nhưng các em cũng học xong Trung học, có Tú tài, đi sĩ quan hay vào Đại học, thành công trong các ngành nghề trong xã hội kém chi các trường Trung học ở các quận nhà giàu Saigon. Tôi nhớ đã nhắc nhở các em “Nghèo học giỏi mới hay. Không gia sư thi đậu mới tài. Học hành tử tế cho cha mẹ vui lòng. Hãy nghĩ đến tương lai tốt đẹp cho bản thân và gia đình. Biết đâu sau này các em giàu có nhưng không có chữ, người ta sẽ gọi các em là... trọc phú”. Tôi cho các em biết chủ nhân biệt thự Hui Bon Hoa gần chợ Saigon,

người làm chủ rất nhiều bất động sản Saigon, Cholon lúc trẻ cũng nghèo...

Tôi rất vui khi biết các em tiếp tục đến trường.

Học sinh trường Trung học Nguyễn Trãi Khánh Hội ngày xưa có tiếng quậy phá, nên các thầy cô ở xa mới dời về trường đều e ngại lúc đầu. Thật ra các em rất dễ thương, nhiều tình cảm. Nếu không, các thầy cô giáo, các giám thị đâu có gắn bó với trường có người gần 20 năm... Lúc trường từ quận I sang trường mới quận 4, rất xa cho các em cư ngụ quận I. Các em có thể chuyển về các trường quận I như Võ trường Toàn, Petrus Ký. Nhưng phần lớn các em theo về trường mới, vì yêu thầy mến bạn nên không ngại đường xa?



Riêng tôi có một kỷ niệm vui với các em. Lần tôi vắng mặt mấy ngày vì bệnh, các em đạp xe từ Khánh Hội sang quận 1 thăm cô giáo. Lúc ấy trường toàn nam sinh. Thật cảm động thấy các em lúng túng với túi quà nhỏ trên tay. Quà tuy ít nhưng tình thương mến cho cô giáo chắc cũng ... khá nên mới chịu khó đi xa. Tôi vui vui nhớ lại ngày xưa tôi cũng thương mến cô giáo tôi nhiều lắm và ước mong lớn lên sẽ... làm cô giáo.

Khi đi dạy và làm chủ nhiệm lớp 11, tôi được phân công dẫn các em cùng với thầy trò các lớp lớn khác đi làm thủy lợi, đào đất đắp đường. Thức ăn tự túc. Thầy trò cơm nắm muối vừng, 7 giờ sáng có mặt tại điểm ngoại ô thành phố. Đi sớm để trời mát, đỡ mệt. Đến nơi thấy nước sâm sấp mặt ruộng, có đĩa

hay không chưa biết. Các thầy cô giáo nhìn ngao ngán nhưng trường ban lại mừng vì đất mềm dễ đào đất.

Các em không cho tôi xuống ruộng, chỉ giao cho tôi bình nước và một số ly nhựa. Nhiệm vụ tôi là cho các em nước uống khi cần. Các em lo hết và hoàn thành tốt đẹp công tác, phần việc của mình, đào đất đắp khoảng đường nhà trường ấn định, còn làm giúp lớp bạn cho chóng xong để cùng về một lúc. Không có các em giỏi giang ấy chắc tôi bị kiểm thảo vì không làm tốt công tác.

Gác Trường Ban Đêm:

Sau 1975 có thời gian học sinh các lớp lớn phải luân phiên gác trường ban đêm, mỗi đêm 5, 7 em tùy lớp trường sắp xếp. Trường có cổng. Gác dan được cấp nhà ở riêng trong phạm vi nhà trường. Một hôm giáo sư than phiền nước ngọt mua trong trường nhạt như nước trà. Bác gác dan xưa nay vẫn để nước ngọt trước nhà không vấn đề gì. Đêm đó học sinh lớp tôi làm chủ nhiệm trực nhưng khi Tổng giám thị hỏi, các em đều không biết việc gì xảy ra... Ban giám hiệu giao cho tôi tìm thủ phạm, nếu tìm không ra thì viết kiểm điểm.” Mũi đại, lái chịu đòn”. Các em học giỏi và rất đoàn kết tuy nghịch ngâm, dễ gì các em cho biết thủ phạm.

Tôi gọi riêng các em trực đêm cho biết tôi sẽ viết kiểm điểm và sau đó sẽ từ chức chủ nhiệm. Không từ chức thì Ban Giám hiệu cũng cách chức vì không hướng dẫn tốt các em. Thừa quý độc giả, các em chung nhau đèn kết nước ngọt cho bác gác dan, dù em đầu tiên nhận trách nhiệm và cả nhóm đều bị phạt... cảm tức. Nguyên nhân bác gác dan hay rắc rối việc để xe nên các em phá bác cho... bớt ức. Các em tiêu thụ hết nước ngọt, pha trà thể vào, đóng nắp lại thật chặt giống như cũ. Ban Giám hiệu đồng

ý không phổ biến nội bộ, không viết thư cho gia đình lý do bị phạt. Các em là học sinh giỏi nên dù có lỗi, ban Giám hiệu cũng “đưa cao đánh khẽ”. Hôm nay viết những dòng này tôi cầu chúc các em và gia đình có đời sống tốt đẹp, dù các em định cư bất cứ nơi nào, quê hương hay hải ngoại...

Nhìn hình ảnh các thầy cô trong Đặc San Nguyễn Trãi thấy lạ quá, có người tôi không nhận ra. Thời gian qua mau và không tha một ai, nhưng thầy, cô giáo già, thì các học sinh trẻ ngày xưa cũng trưởng thành, kinh nghiệm và khôn ngoan hơn... Tôi cầu chúc quý vị giáo chức, các anh chị em trong văn phòng, tất cả các em học sinh Nguyễn Trãi mới, cũ, đồng bào trong nước và hải ngoại mãi vui tươi, nhiều sức khỏe, niềm vui, may mắn và hạnh phúc.

Xin nguyện cầu cho hương linh các em vĩnh viễn nằm trong lòng biển cả hay từ trần lúc làm nghĩa vụ Campuchia ở tuổi hoa niên, được an nhàn trong cõi phúc.

Xin cảm ơn các cựu học sinh Nguyễn Trãi dành cho tôi tình cảm ngọt ngào dù tôi chỉ là giáo chức trường cũ, không dạy các em ngày nào.

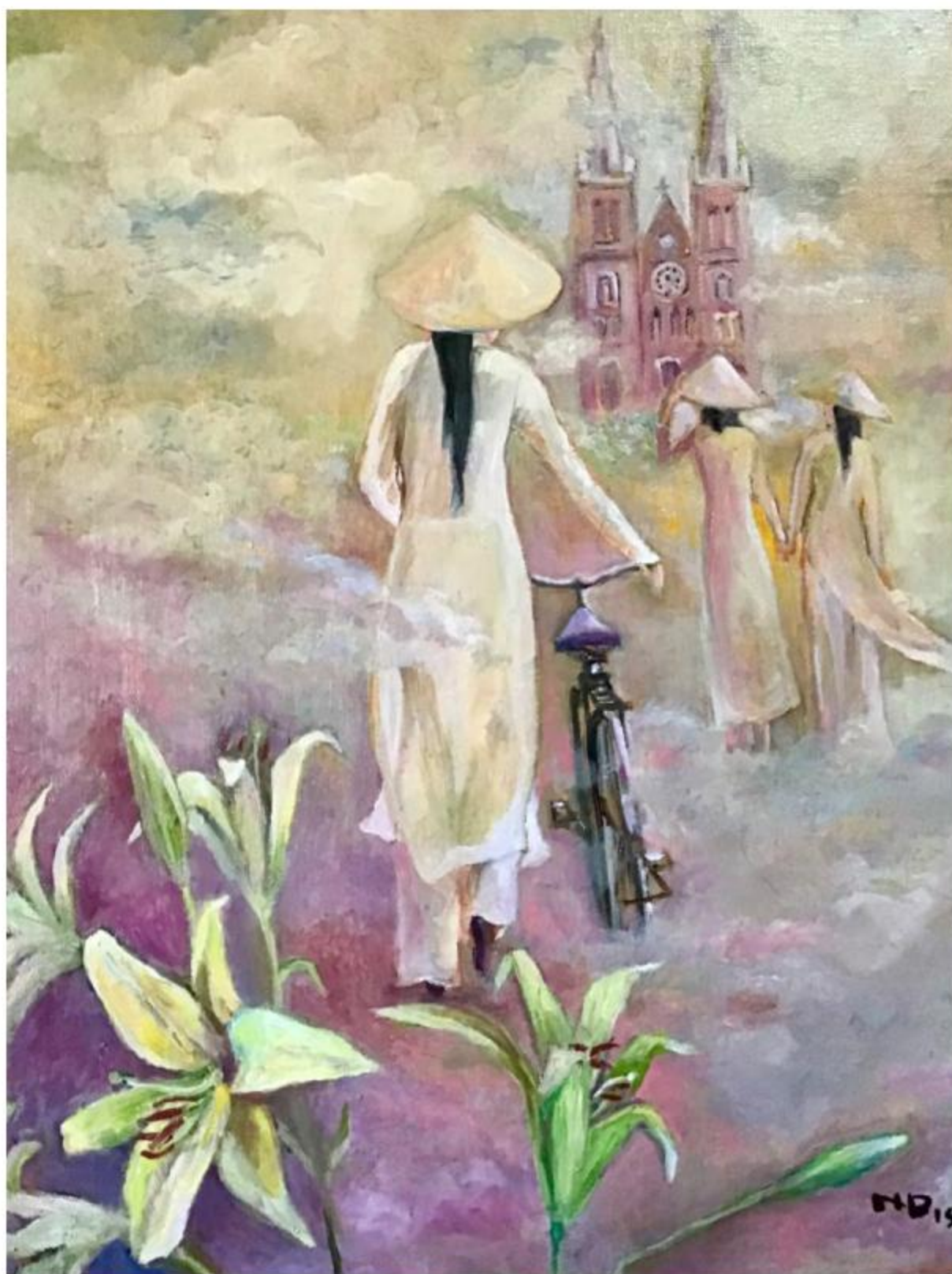
Ngoài sân nắng vàng rực rỡ nhưng rất lạnh. Rừng cây sau nhà đã trụi lá tro cánh. Tôi băng khuông nghĩ đến đồng bào Thượng ở cao nguyên Việt Nam và những kẻ không nhà. Cầu mong họ được cơm no áo ấm. Xin cảm ơn nước Hoa kỳ giàu lòng nhân ái đã cho gia đình và đồng bào tôi được định cư nơi xứ sở bình an, văn minh tiến bộ...

Ngọc Hạnh

Phòng Triển Lãm Nghệ Thuật Trung Học Nguyễn Trãi

Hội Họa:

Tranh Đặng Thống Nhất (NT61-68)



Chỉ Còn Là Kỷ Niệm - Tranh sơn dầu - 14x18

Hai bức tranh sơn dầu với chủ đề nữ sinh Saigon mà hồi đi học quần xanh áo trắng ngần ngơ với các nữ sinh tan trường về làm trắng xoá con đường như một nhóm thiên thần hạ giới tíu tít bên nhau.

Đây là một thú tiêu khiển mà thầy Thịnh Del đã nóm cho tôi cùng với tài hí hoáy nên tự học thêm và bây giờ là triệu phú của thời gian nên tay hay ngửa ngáy tạo tranh cho vui và đẹp cuộc đời

Xin liên lạc với tác giả bằng email : thongnhat9@hotmail.com nếu muốn giữ riêng cho mình.

Đăng Thống Nhất 61-68



Em Tan Trường Về - Tranh sơn dầu - 14x18

Tranh Thư Pháp:

Hoàng Song An (NT 58)



***Các anh đi
Ngày ấy đã lâu rồi...
Các anh đi
Chớ bao giờ trở lại!
Xóm làng tôi
Trai gái vẫn còn kinh!!!***

Hoàng Song An
NT 58

Tranh Nguyễn Thái Bình (B1NT59-66)



"Trái Cấm" - Acrylic Abstract Painting – Bình Nguyễn



"Nhà Ven Hồ"

Oil Pastels – Bình Nguyễn



“Tình Dịch”

Digital Painting – Bình Nguyễn



"Xuân bên hồ sen"

Acrylic Painting – Bình Nguyễn

Dừng bước tha hương

Nhạc và lời: Phạm-Ngọc-Cung

Slow-Rock

Tôi đến Hous - ton một chiều còn nắng
Đi trên đại lộ đời sống
Chiến sĩ vô danh Việt - nam Cộng - hòa
Ôi bao sót đến đời đời
Đốt cháy tương lai khổ đau ngậm ngùi.
Nay bao ước sa nhỏ những ngày còn cùng nhau chiến đấu xông pha bốn vùng chiến
đây thấy cờ vàng rộn ràng trên phố xá tung bay. Lá cờ ấp
mơ đã trở lại bùng dậy trong ánh mắt reo vui. Phong trần qua
thuật giữ yên quê nhà.
Nhưng đất nước ơi định mệnh nghiệt ử chiến sĩ - thuyền nhân đứng trên tuông
dai.
Hous - ton thân yêu ơi
Nay ta dừng bước chân tha hương muộn màng. Qua bao nhiêu
gian nan tìm ta lại cháy lửa tin yêu nồng nàn. Khi đi trên
đại lộ Sài - gòn, đường tự do, đường mang tên những danh
tướng đã oanh liệt chết theo quê hương. Khi đất nước rơi vào bộn quý.....
rồi dừng bước tha hương Hous - ton tuyệt vời.

Người về từ Cù lao Phố

Cố lý thôn thổ tôi là Bắc kỳ đặc, bởi cố lý nên bay về Hà Nội rồi vù vào Sài Gòn. Lúc này đang ngồi ở quán cóc uống cà phê vọt ở *Hồ con rùa* tại công trường Duy Tân.



Với bút một túi, giấy một túi, cố lý thôn thổ tôi ngồi ngẫm ngẫm... vẽ chuyện chữ nghĩa thì “cố lý” là nhớ quê, “thổ” là đất, là *thổ ngơi* có gốc tích, tích này tích nọ, là động mồ động mả tới cụ Tả Ao. Ấy là chưa kể thổ thần, thổ địa, thổ âm, thổ ngữ sẽ...thổ lộ sau.

Bèn lẩy dây tới đồng môn kiến trúc tên LTS, bạn ta viết bài địa lý Tả Ao chữ nghĩa rất hàn lâm có tựa đề: Phong thủy Sài Gòn - Rồng châu hồ

phục. Phần “Dẫn” bạn viết:

“... Chuỗi đô thị theo trật tự tứ linh: Long (Hà Nội), Lân (Huế), Quy & Phụng (Sài Gòn) đều được thiết kế bởi các nhà đô thị học người Việt. Xa hơn nữa vào thế kỷ III, Loa thành 3 lớp xoáy *hình tròn* của An Dương Vương An có thể xem như nguyên mẫu với thành *hình vuông Trường An của Trung Quốc*. Riêng *thành hình tròn ốc* của nước ta có cả về mặt *lý luận*, cả về mặt *triết học* (hòa đồng/nhất thể) ...”.

Nghe khiếp quá thể gì mà nguyên mẫu (chữ của nhà văn Tô Hoài) là...giống nhau giữa “hình tròn” và “hình vuông”. Thêm nữa đô thị học có “lý luận” với “triết học” hòa đồng/nhất thể nghe hãi thật. Ấy là chưa kể đọc lời mắt bài phong thủy của bạn ta, chả thấy Sài Gòn *long châu hồ phục*, và *quy phụng* đâu. Chỉ thấy bạn tả con rồng với tiêu đề: Long thân (đầu chim, đuôi rùa), tôi bèn tâm phục khẩu phục bạn ta quá lắm:

“... Núi Bà (Sơn Long) và hồ Dầu Tiếng (Thủy Long) ở Tây Ninh cách Sài Gòn gần 100km. Ngược lên cao nguyên Mơ Nông và cao nguyên Di Linh (cao nguyên Lâm Viên #+2400m), Thái Tông Sơn (cao nguyên Daklak #+2500m), Thiệu Tổ Sơn (cao nguyên Kon Tum #+2600m), Thái Tổ Sơn (Trường Sơn #+2700m. Khởi mạch từ vùng núi cao, hạ dần cấp cao độ, vượt qua vùng trung du, về phía đồng bằng....”

Đến đây, tôi đồ chừng: về đồng bằng, đầu rồng núi ngóc đầu lên ở Sài Gòn

Từ đầu rồng ở Sài Gòn, tôi lọ mọ tới đồng môn kiến trúc tên NK qua ai đây viết:

“...Kiến trúc kỳ lạ là cột bê tông cao với 5 cánh hoa đón đỡ một nhụy hoa. Có 2 cầu thang đi lên, và con rùa đội rên lưng bia đá lớn, vì vậy dân gian gọi là *Hồ con rùa*. Hồ được Huỳnh Bá Thành trong cuốn *Vụ án Hồ con rùa* bịa tạc: Năm 1967 ông Thiệu cho mời một thầy phong thủy người Tàu nổi tiếng đến coi thế đất.

Với long mạch, thầy phong thủy nhìn thấy đầu rồng nằm ở dinh Độc Lập, đuôi rồng nằm tại công trường Duy Tân. Nhưng do đuôi rồng hay vùng vẫy nên sự nghiệp không bền, cần phải trấn yểm bằng cách đúc một con rùa lớn để trấn đuôi rồng không cho cục cựa. Ông Thiệu nghe theo và cho xây một hồ nước và cho đặt một con rùa lớn đúc bằng đồng ngay chính giữa hồ. Cũng vì thế, nhiều người cho rằng kiến trúc tháp cao giống như hình một thanh gươm hay một cây đinh khổng lồ đóng xuống lưng con rùa (xem Cù lao Rùa tr 2) để giữ chặt đuôi rồng....”.

Dòm Hồ con rùa, tôi lụi đụi về một nơi chốn cách đây hơn 200 năm...

Nguyễn Hữu Cảnh (1) được chúa Nguyễn Phúc Chu bổ là kinh lược sứ để cai quản vùng đất mới Cù lao Phố.



Ông biến vùng đất hoang sơ thành một thương cảng vào bậc nhất ở phương Nam vào thời bấy giờ. Khúc sông Đồng Nai ở Cù Lao Phố từ đó được biết với tên mới: Sông Phố. Ông định cương giới, *lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình*. Vì vậy có thể nói ông là người khởi đầu gián tiếp lập lên Sài Gòn sau này. Tết Đoan ngọ ông bị thổ tả rồi mất ở Rạch Gầm (Mỹ Tho), quan tài mang về quán ở dinh Trấn Biên ở Cù lao Rùa, sau đấy đưa về chôn miền Trung, đất quê ông. Trên Cù lao Rùa cư dân đắp mộ giả, dựng tấm bia cao ghi công ơn vị công thần này và sắc phong của chúa Nguyễn phong ông là Thượng đẳng thần, là thần hoàng. Tôi hình dung tấm bia cao nghêu trên cái mộ u lên như con rùa, nào khác gì Hồ con rùa ở đây kia.

Đang vật lộn với thần hoàng bản thổ đến đây, tôi ờ ra vì có ông quan văn, đeo kiếm như quan võ rách gươm rơi xuống ngòi ngay trước mặt..Tôi lập bập:

- Quan...quan...

Ông cười cái bép:

- Bản chức đã là thần hoàng rồi còn quan quách gì nữa.

Nói rồi ông nhòm tựa đề bài văn khảo đang viết của cô lý thôn thổ tôi: *Người về từ Cù lao Phố*. Ông cười vu vơ: "Cậu viết ký à" và dềnh dàng như quan viên đi tể...

- Cậu Ngô Không trong *Chữ nghĩa làng văn* học mót theo nhà văn Nguyễn Tuân với chuyện muốn viết ký phải biết lịch sử và địa lý. Một ngày cậu ta hóa kiếp là...thầy tướng số xem...tướng đất với động mồ, động mã thì Sài Gòn có thể đất "hoàng xà thỉnh cấp" tức *rắn vàng rình con cóc*. Qua lịch sử của ông Tây và các cụ ta xưa với thế đất này, mai kia Sài Gòn sẽ bị con rắn nuốt chửng cho mà xem.

Ông rầm rầm "Qua lịch sử ông Tây" lập ra Sài Gòn thì thằng Tây biết khi gì địa lý với phong thủy. Bỗng không ông gật đầu tấp lự đây đó: nghĩ cho ngay cái cậu Ngô Không trẻ người non dạ cũng hay

hóm ra phết. Ông gật đầu đó đây:

- Tên Sài Gòn đã đi vào ... cổ sử, cũng... lịch sử đấy.

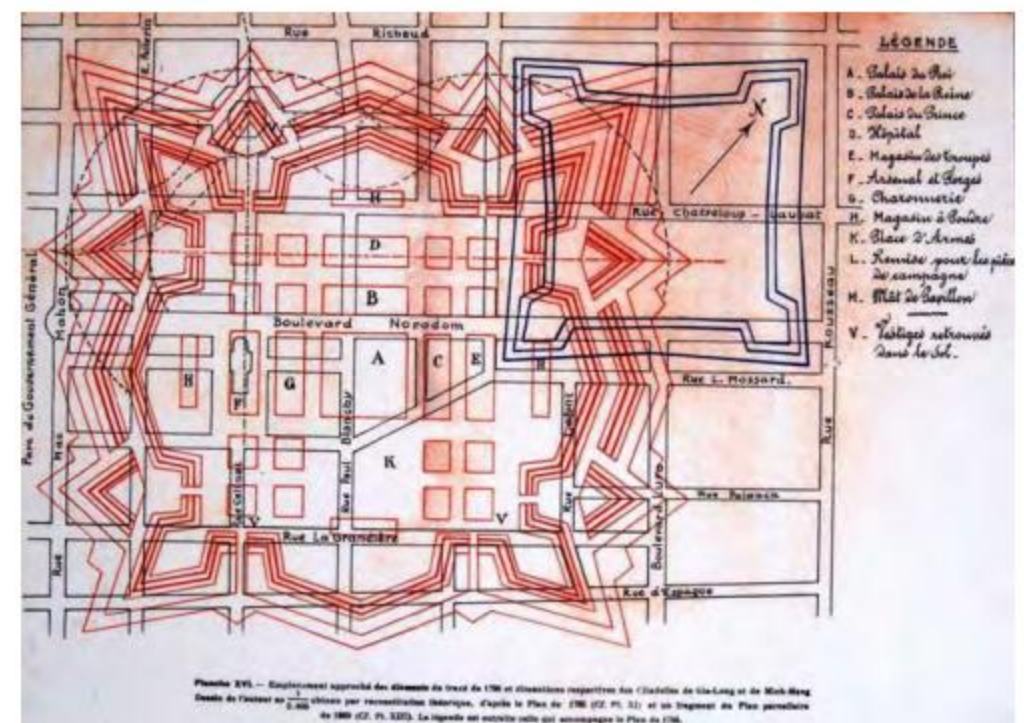
Thế là tôi biết ngay chóc ông đây là ngài Khâm sứ (xem tr 5) đại thần Nguyễn Hữu Cảnh. Trộm thấy ông biết cụ Ngô Không mà tôi lại...không biết, qua cách nói chuyện về cụ Ngô Không, dường như ông còn biết cả địa lý với phong thủy nữa. Vì vậy tôi hỏi về “người Tàu đến dinh Độc Lập coi thế đất” là ai. Ông cho hay bịa tất, ấy là cụ tướng số và địa lý Ngô Hùng Diễn. Ông Thiệu mới cụ vào dinh hỏi chuyện đất nước. Vì mặt tiền dinh Độc Lập gần cả ngàn tám “phù điêu”, phù thế như những tám xương. Cụ dậy nước sẽ mất rất nhanh qua cuộc binh đao người chết như rạ. Nhưng đất nước sẽ trở lại cũng rất nhanh và không ngờ. Nói rồi ông mắng tôi té tát vì cái đáng hỏi lại không hỏi, vì theo ông: anh chàng LTS viết đô thị Ta là nguyên mẫu của Tàu thì anh ta theo Tàu đứt đuôi con nòng nọc rồi chứ còn gì nữa. Ông khề khàng dám anh ta là hình nhân thể mạng của ông địa lý Tàu lắm ạ. Vì anh ta nho tảo, nho chùm với *Thái Tông Sơn, Thiếu Tổ Sơn, Thái Tổ Sơn*, ông có hiểu khi mốc gì đâu. Như cái anh Ngô Không với đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, bất nghi bất ngộ thì anh LTS dám tên...Sơn không chừng!

Ông hực hặc họ dựng chuyện con rùa bị đặt chất nổ để anh em nghệ sĩ đi tù chơi. Thì sao mình không hư cấu họ cũng tin phong thủy, họ sợ đuôi rồng quây tằm bầy quạt trúng cái lăng Ba Đình đổ lẫn kênh ra thì...đổ nợ, vì vậy họ là người đặt chất nổ chứ còn ai trồng khoai đất này. Nói rồi người về từ Cù lao Phố dựa cửa thiên với sai hay đúng chỉ cách nhau một sợi tóc, cái sai của ông lỗ...100 năm sau đúng thì sao.

Thề cá trê chui ông: Bổng con tì con vị nó quây như đuôi rồng. Tôi bật ra ý nghĩ đưa ông vào...Chợ Lớn, tới phố Tân Đà ăn bò viên gân bò chấm với tương đen, tương đỏ thì chỉ có nước quên chết, quên

luôn chuyện non nước mình. Móc cái “cùi bắp” ới “xe con” con cóc, tôi đưa ông tới thẳng...nơi chốn thờ cúng ông, là đình Minh Hương *Gia Thạnh* ở đường Trần Hưng Đạo. Làng Gia Thạnh của người Minh Hương có ngôi đình cổ nhất Sài Gòn, xây năm 1789. Trong đình, bên phải thờ Trần Thượng Xuyên, bên trái thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Người Hoa thờ hai ông vì sau khi Trần Thượng Xuyên được chúa Nguyễn đưa vào Cù lao Phố, tiếp đến ông vào kinh lược, nhờ vậy người Hoa mới có làng Minh Hương và Chợ Lớn. Năm 1775, tức sau 90 năm có mặt của hai ông, Cù lao Phố suy thoái để nhường cho Chợ Lớn, và *Bến Nghé* (tên của Sài Gòn) sau này.

Bờ Bến Nghé ở Chợ Quán, từ đình Minh Hương ra đường Trần Hưng Đạo, tới đường Trần Bình Trọng tôi lưỡi đá miệng: Nhà thờ *Chợ Quán* ở số 20 Trần Bình Trọng được xây vào năm 1674 là



nhà thờ cổ nhất tại Sài Gòn và cổ nhất ở miền Nam. Ngôi thánh đường Chợ Quán có kiến trúc Gothic của Tây, nhưng lợp ngói đỏ của Ta.

Xe con...con cóc Renault 4CV ậm ạch như trâu vào Sài Gòn...

Ông dễ dàng vùng đất Chợ Quán thuở sơ khai

nằm bên con rạch, theo Trịnh Hoài Đức, bên nước đây người Miên gọi là Kompong Krabey với *Kompong* là *bến*, *Krabey* là...*trâu*. Khởi thủy Sài Gòn chỉ là một làng Khmer nhỏ, *Promenade dans Saigon* của bà Hinda Arnold ghi vùng Chợ Quán là khu đầm ao (des Mares), có vết tích của một làng cổ người Miên (làng Nhơn Giang). Qua dân làng bà ghi chép tại đây đêm đêm cá sấu, chúng kêu văng vẳng như nghé nên được gọi là “nghé”, kết hợp với “bến” nước thành...Bến Nghé. Năm ngày bảy tật của tôi là tật nói leo nên nói leo theo ông, tôi nghiêng về bà Hinda Arnold: Vì cá sấu ăn hết...trâu của người Miên nên nó đói, nó há mồm kêu đói ngo nghẹ nghe như nghé vì vậy có ai trông thấy trâu, hay nghé đâu.

Làm như không nghe, ông dằng dênh tiếp...

Sử ta lần đầu tiên nói đến *Sài Gòn* vào năm 1674 khi Nặc Ông anh đuổi vua Nặc Ông em tiến xuống chiếm lũy Sài Gòn. Ông em cầu cứu chúa Nguyễn đem binh đánh. Ông anh tử trận. Chúa Nguyễn phong cho ông em làm phó vương ở Sài Gòn. Doanh trại ông em ở vùng từ chùa Cây Mai tới trường đua Phú Thọ. Nhà khảo cổ Malleret cho biết cung điện này ta gọi là “Tây cung” để phân biệt với *thành Sài Gòn ở Bến Nghé*.

Lại vẫn cái tật đánh chết không thừa của tôi là tật nói leo...

Vậy tên *Sài Gòn* có từ thời chúa Nguyễn năm 1674, sau này cụ Lê Quý Đôn cũng gọi là Sài Gòn, cụ chú thích vì chữ “gòn” Tàu không có, nên các cụ nhà Nho ta vì bí chữ nên dịch là “côn”.

Vậy mà ông Vương Hồng Sển cứ rối rắm với tên...Sài Gòn. Tôi trộm nghĩ ông họ Vương không viết những gì đáng viết như: Năm 1861, người Pháp đặt tên: Thành phố *Sài Gòn*. Năm 1954, Bảo Đại đặt tên: Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn.

Làm như lảng tai không nghe, ông dùm đậu: Năm 1790, Gia Long ra lệnh xây cất “Thành Sài Gòn”.

Người Pháp vẽ kiểu tên Oliver de Puymanuel, ông này có tên Việt là Ông Tín, xây theo kiểu Vauban: thành xây tám góc theo Bát Quái, tên chữ gọi Quy

Thành. Vách cao 4m80, toàn bằng đá ong Biên Hòa kiểu “lục lăng”.

Thành Sài Gòn nằm trong 4 đường hình chữ nhật:

Phía bắc là Phan Đình Phùng (Rue Richaud) nay đổi tên là Nguyễn Đình Chiểu.

Phía nam là đường Lê Thánh Tôn (Rue d’Espagne)

Ở chính giữa là đường *Thống Nhất* (Boulevard Norodom)

Phía tây là đường Công Lý (Rue Mac Mahon)

Phía đông là đường Cường Để (Rue Rousseau)

Trong thành đặt nhà Thái miếu về bên tả, bên hữu là hành cung. Vòng ngoài thành, Gia Long ra lệnh xây nhà cho giám mục Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc hay cha Cả) để trả ơn sự giúp đỡ của ông này khi có chiến tranh với Tây Sơn.

Cầu vào mắt là đường...cụ Nguyễn Đình Chiểu, tôi khoe mẽ với ông xưa kia người Pháp đặt tên là *đường Mọi* (Rue des Mois). “Mọi” đây là người bản xứ là người Mạ, người Stieng sống ở thung lũng Donai ở trên Biên Hoà (người Thượng). Thế kỷ 17, người Chăm, Khmer, lưu dân Việt, người Minh Hương sống lẫn lộn với họ để có giọng nói đặc thù người Sài Gòn ngày nay. Nghe rồi ông nói tôi bất thức chi vô, là *chẳng biết quái gì* sất: vì đường Mọi cắt ngang đường Công Lý gần cầu Thị Nghè.

Bởi tôi thiên bất đáo địa bất chi nên ông cho biết thêm...

Hồi trước bên sông Sài Gòn có chợ Vải là nơi buôn bán vải vóc của chợ Bến Thành để khách thương hồ theo kênh chợ Vải vào thành Sài Gòn buôn bán (chợ Bến Thành thay chợ Vải. Chợ Vải

trở thành Chợ Cũ sau dọn về khu Tôn Thất Đạm). Con kênh chợ Vải được lấp đi thành đường Nguyễn Huệ. *Chợ Bến Thành* cũ sau khi bị phá người Pháp xây kho bạc, dưới tháp đồng hồ kho bạc là pháp trường.

Về Sài Gòn khi là thành Sài Gòn, ông xa xăm: Giồng Thăng Long thành mà ngoại thành là làng mạc, phố phường. Từ cổng thành Sài Gòn xuống bến sông Sài Gòn tức từ đường Lê Thánh Tôn xuống bến Bạch Đằng là phố phường của người Việt gồm cửa tiệm, hàng quán nằm trong bốn làng Hòa Mỹ, Tân Khai, Long Điền và Trường Hòa.

Có làng có xóm, ông thu vén: đừng quên phía sau Sài Gòn phố còn là Sài Gòn xóm. Những con xóm một thời ẩn chứa nhiều dấu tích, một phần không thể thiếu trong ký ức của người Sài Gòn xưa cỡ ông già Ba Tri như xóm Cái, xóm Đất, những cái tên nô nôm na, mang đầy dấu ấn xóm làng dọc *sông rạch* trước khi chuyển sang phố thị. Từ đó, dần dần ra đời những phố sá, ngõ ngách, nhà cửa, mồ mả ẩn khuất đâu đây.

Khi không ông dẫn tôi tới phố Trần Quang Khải và mưa nắng hai mùa...

Nơi đây là...xóm Vạn Chài. Dân câu lấy thuyền làm nhà, ăn ngủ trên sông gọi là Vạn Chài. Thuở ấy khúc sông cầu Bông nhỏ lắm vì vậy dân câu kéo lên mảnh đất (Trần Quang Khải) còn hoang sơ hợp thành xóm, làng. Tôi định bực bạch ông chả biết sông rạch gì sất. Vì một là từ sông Sài Gòn ở xưởng Ba son, lần mò vào sở thú gặp cầu Thị Nghè 1 bắc ngang sông gọi là...*rạch Thị Nghè*. Đến đoạn cầu Bông gọi là...sông cầu Bông. Rồi chầy tới cầu Kiệu vẫn là sông,...sông cầu Kiệu. Nhưng từ cầu Công Lý tới cầu Trương Minh Giảng gọi là...kinh Nhiêu Lộc. Hai là cầu Thị Nghè 2 nằm trên đường mang tên ông mà ông chả biết gì cả. Nhưng tôi chợt nghĩ đến Mai Thảo có câu thơ: “Ta thấy tên ta những băng đường - Nhìn hình ta khuất bóng ta xa” nên thôi.

Với phố sá Sài Gòn thập niên 20, ông ngắn hai

dài một, ít có phố nào tráng nhựa, thường trải đá xanh. Nghe vậy, tôi đành dẫn dắt ông về...nhà tôi có đường Đề Thám. Thập niên 50 vỉa hè rộng độ tám tấc, nhưng đã lì xuống bằng với mặt đường, ô tô tha hồ leo lên, người đi bộ lắm khi phải nhảy bổ vào nhà người ta. Vì vậy qua đoạn đường đó y xì như *qua cầu đoạn trường, lên lễ thì đoạn tâm, còn xuống thì đoạn căng*.

Nhưng ít ai biết “Người đặt tên phố Sài Gòn” là Ngô Văn Phát, ông có bằng cán sự Điền địa, như tôi làm ở Ty Điền địa Gia Định thập niên 70, ông còn là trưởng phòng họa đồ. Năm 1956, sau hơn ba tháng, ông trình lên Hội đồng Đô thành toàn bộ danh sách 300 tên đường phố. Những tên đường nhân vật lịch sử ở một nơi chón gần bó với nhau. Thằng như gần nhà tôi, thời 1 đồng 2 điều Ruby, tôi đã thấy ông Nguyễn Thái Học gắn liền với Cô Giang, Cô Bắc ở...chợ Cầu Muối. Khi 2 đồng 1 điều Ruby, con đường tình ta đi là đại lộ Lê Lợi cận kề với đường Lê Lai, người chết yểu thay cho Lê Lợi thì nhỏ và ngắn hơn. Lặng quạng đưa người tình bát phố tới con đường này, thì một sớm hai sương, chém chết cuộc tình cũng ngắn ngủn và vắn số như ông... Lê Lai vậy.

Với việc khai phá miền Nam, chúa *Hiền Vương* Nguyễn Phúc Tần, đóng góp nhiều công sức trong



việc chinh phục vùng đất Gia Định. Ấy là chưa nói tới hai vị tướng đã mở mang đất đai nước ta tới tận

biên giới... Hai con đường hướng về Bà Queo sang thẳng đất Miên qua ngã Gò Dầu, được mang tên hai vị tướng này: đó là đường Trương Minh Giảng và Lê Văn Duyệt. Sau 75, người miên Bắc vào... khai phá miền Nam, những công thần nhà Nguyễn mất tên trên bảng đường phố. Như Sài Gòn đã mất tên.

Đến đây ông day tôi đến rất mệt vì tôi làm ở Ty Địa phương Gia Định mà chả hay biết Gia Định xưa lớn lắm: phía tây lan tới Cao Miên (Lộc Ninh), phía nam bao trùm cả Vũng Tàu vậy mà chỉ có 40 làng.

Tôi lại bị ông phay thêm một phát vào mặt vì tôi viết hư cấu về Cù lao Phố, Cù lao Rùa cứ như... thật ấy. Nhưng tôi lại không cho người ta biết Cù lao Phố nằm ở phía nam Biên Hòa, có nhiều làng người Minh Hương. Ông nói tôi chả biết quái gì về Cù lao Rùa, ông cấp nấp nhờ ông và người Tàu dựng lên

Cù lao Rùa như một thành phố thu nhỏ, có hai, ba phố, dăm ba tiệm mì, tiệm ăn. Ông nói cũng đúng thôi, nói dối phải tội, cái mà tôi không biết trước 75, ngồi ở đường Hiền Vương... ăn phở gà, vậy mà tôi không biết Hiền Vương là... ai? Vì vậy tôi đánh trống lảng.

Tôi lấy ngắn nuôi dài về người Việt đầu tiên vẽ địa lý và bản đồ Sài Gòn-Gia Định. Đó là ông Trần Văn Học, người Bình Dương, giỏi Quốc ngữ, La tinh và tiếng Tây, ông được giới thiệu làm thông ngôn cho Nguyễn Ánh.

Ngoài ra ông có tài vẽ địa đồ như trác địa, tỷ lệ xích. Năm 1790, Nguyễn Ánh xây thành Bát Quái. Ông phụ trách “phác họa đường sá và phân khu phố phường” như ông Ngô Văn Phát ở trên. Ông Học được thăng chức Cai cơ, rồi thêm chức Giám thành sứ *Khâm sai Chương cơ*, là chức lớn trong hàng tướng lĩnh của thời bấy giờ.

Chợt nhớ người về từ Cù lao Phố “lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình”, ở Tân Bình có Gò Vấp. Tôi lo mọ theo bản đồ Sài Gòn-Gia Định của Trần

Văn Học lập năm 1815. Gò Vấp thuộc địa phận xã Hanh Thông Tây, phủ Gia Định.



Bởi Gò Vấp là thánh địa của cổ lý thôn thổ tôi vào thập niên 60, tôi có tí tiền còn là đi hành hương ở...*ngã ba Chú ía*. Theo cụ Ngô Không trong *Chữ nghĩa làng văn*, đúng ra là *ngã ba chó ía*. Với tích dân gian, từ chữ “chú”, Sài Gòn mới có thổ âm, thổ ngữ “một tiếng kêu cha, hai tiếng kêu chú”. Gò Vấp có tên trong sổ bộ từ thời Gia Long 1815, vậy mà người sau ngấu chuyện: “Ở đây có gò đất cao, trồng cây vấp nên mới có tên Gò Vấp. Nay cây vấp không còn, trừ một cây ở trong... sở thú, thế nên cây vấp chỉ là huyền tích, huyền thoại. Ấy là chưa kể... “cây vấp” chứ chả phải cây vấp.

Gia dĩ là người về từ trăm năm cũ nên ông chỉ thích đào xới thổ địa...

Nhà thương Từ Dũ cất trên bãi tha ma có hàng trăm năm mộ. Mồ mã ở Sài Gòn thân mật lắm. Người ta sinh hoạt giữa mồ mã như quen biết với ma dữ lắm (theo Bình Nguyên Lộc). Bên hông nhà thương Từ Dũ có hai ngôi mộ song hôn khá to. Trên mộ có cây mọc. Người ta treo võng dưới tàng cây và những trưa hè, người ta đóng đưa kéo kệt trông rất an nhàn. Ngộ nghĩnh nhất là tấm bảng hiệu “hót tóc” cắm trên mộ, cạnh chiếc võng. Khách hót tóc cứ ra vào cái tiệm lộ thiên ấy mà không chút sợ sệt e dè.

Làm như bị ma hành sao ấy, bỗng không người trăm năm cũ ngâm nga: "Này ai ơi. Thử trèo bức tường đổ, trông quăng đồng xa, mả con mả lớn, chỗ năm chỗ bảy, chẳng quan thời dân, chẳng trẻ thời già, trước cũng người cả bây giờ đã ma. Nào tiền nào của, nào cửa nào nhà, nào con nào vợ, nào lợn nào gà, nào câu đối đỏ, nào đầu đầu cả mà nay chỉ thấy sương mù nắng rải với mưa sa". Nghe thăm sâu gì đâu, tôi dẫu mồm hỏi ai làm thể văn biên ngẫu nay không còn nữa, nghe quá hay? Ông rề rề vậy mà tôi bày đặt dẫn ông đến đường ông...Tản Đà để ăn bò viên.

Xe con đang trên đường rời Gò Vấp, đang lang thang như thành hoàng làng khó, ông tha ma mộ địa ở Sài Gòn có nghĩa trang nào cổ lỗ không. Tôi ba điều bốn chuyện nghĩa địa Tây ở đường Mạc Đĩnh Chi dựng năm 1859. Người đã khuất kể lại một khúc lịch sử qua bia mộ như Trung úy Francis Garnier (1873) bị quân Cờ Đen giết ở ô Cầu Giấy. Cũng bị giết bằng dao như anh em ông Ngô Đình Diệm (1963). Nghĩa trang bị phá bỏ, người ta phát hiện tấm bia mộ tên Barbé, tên ông Phạm Đăng Hưng được khắc phía sau. Với ký tích: Phạm Đăng Hưng, thân sinh bà Từ Dũ, khi ông mất, bia đá chôn trên thuyền bị chìm. Người Pháp vớt lên khắc tên Đại úy Barbé bị chém bay đầu trong trận đánh thành Gia Định năm 1859. Nghe nghĩa địa Tây không còn nữa, ông thờ ra, thêm lăng Cha Cả ở gần Tân Sơn Nhất bị rời đi, ông thờ ra như tiếng thờ dài vì ấy là di tích cả mấy trăm năm, người sau đi qua và nhớ lại một giai đoạn của lịch sử.

Bỗng trong một thoáng mây bay ông hỏi ở đâu có Nghĩa trang Sài Gòn? Tôi chưa kịp u ơ thì chuyện cứ như bịa vì từ cổng nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi đi ra là ông già Tàu. Nếu như ông này bán ve chai hay chè chí mè phủ chả nói làm gì. Ông ta lại bán...đậu phộng rang. Tôi bèn bật ra bài thơ *Hoa trái mùa* năm 1943...

Quần chăm khiêu, áo lang thang

Trên đầu đội cái nón rách

Đi khắp quanh đường tắt

Làng trên xóm dưới reo vang

Tàu phộng rang

Liền một khi, trong đầu tôi lòi tòi ra câu rao hàng: “Phá xa, húng liu nóng ròn đây” của ông Tàu già ở tháp Hoà Phong gần hồ Gươm, Hà Nội. Vì đang quanh quẩn ở lăng Cha Cả, tôi nói “lái xe” lái tới phi trường

.....Tân Sơn Nhất.

nhiều người Nam làm thông ngôn vì người Hà Nội nói được tiếng Pháp rất ít. Họ kéo theo một số người làm kinh doanh, họ mở quán cà phê, quán rượu ở phố Paul Bert, quán bán “nem rán Sài Gòn” quanh hồ Gươm. Năm 1898, một số người chết vì bệnh tật không thể đưa về quê an táng. Họ lần chiếm mảnh đất hoang ở ô cầu Giấy, tại đây chỉ có một tấm đồng dầy, tròn như cái mâm bị xích vào tấm bê tông và khóa lại, trên khắc tên Francis Garnier. Người Hà Nội ngày đó nghe ai nói tiếng Nam kỳ đều gọi là người Sài Gòn, là Nghĩa trang Sài Gòn. Năm 1962, vì để làm bến xe, các hài cốt bị dời lên Yên Kỳ, chấm dứt 64 năm tồn tại của Nghĩa trường Nội Bài.

Số ruồi, phong thủy, địa lý Tả Ao lại bám như cua cắp ông và tôi ở tháp Rùa...

Ngồi bên bờ hồ Gươm ăn nem rán Sài Gòn, uống bia Trúc Bạch tôi bớt một dài hai hồ Gươm Hà Nội



không có cái gươm đóng xuống như Hồ con rùa Sài Gòn. Tôi chỉ gò rùa giữa hồ Gươm, và đầu chuyện trong tiểu thuyết lịch sử *Bóng nước Hồ Gươm* viết về Hà Nội cuối thế kỷ 19, nhà Nho, nhà văn Chu Thiên (tác phẩm Bút nghiên, Nhà nho) kể chuyện có một nhân vật là ông tú Nam kỳ người Biên Hòa, làm tri phủ một huyện ở Hưng Yên lấy cô Xuyên con gái ông bá hộ Kim, người xây Tháp Rùa ở hồ Hoàn Kiếm theo phong thủy để táng bố ông ở trên đảo rùa nhưng không thành. Hai vợ chồng ông tú giúp đỡ nghĩa quân Bãi Sậy, quân Pháp bắt hai người đem xử tử. Nhà văn Chu Thiên cho rằng: “Ông tú Nam kỳ là người đầu tiên lấy vợ Hà Nội”. Đó là cô Tư Hồng.

Nghe thùng rồi ông thích quá thể vì có người Cù lao Phố lấy vợ Hà Nội. Đang uống bia Trúc Bạch, ăn nem rán Sài Gòn, tôi đem chuyện theo cụ Ngô Không trong *Chữ nghĩa làng văn* ghi tích kỳ cổ: Năm 54, người Hà Nội mang nem rán Sài Gòn di cư vào Nam thì ngã ngựa ra món này, gốc tích của người Sài Gòn. Ngược dòng vào năm 1883, người Sài Gòn theo chân những người làm thông ngôn ra Hà Nội mang món ăn Nam kỳ mở quán ở quanh hồ Gươm, mà người Hà Nội gọi là nem rán Sài Gòn. Hơn 60 năm sau, món này ngược về Sài Gòn với tên cô lý thôn thổ của nó là chả giò.

Dòm cù lao rùa của Hà Nội hôm nay, tôi lụng bụng với người về từ Cù lao Phố nghĩ gì về hồ con rùa ở Sài Gòn với phong thủy, địa lý Tả Ao? Thì rõ cơ khổ, ông cười khục khục mà rằng Sài Gòn mưa đây, nắng đây còn gì nữa chẳng..

Thạch trúc gia trang
Canh Tý 2020

Ngô Không Phí Ngọc Hùng

(1) Có thể vì kỵ húy với hoàng tử Cảnh, con của Nguyễn Ánh nên *Gia Định thông chí* và *Thực lục tiền biên* của nhà Nguyễn đổi tên Nguyễn Hữu Cảnh thành Nguyễn Hữu Kính.

Nguồn: Lý Thái Sơn, Nguyễn Kỳ, Tung Sơn, Nguyễn Đức Hiệp, Xuân Phương, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Văn Luận, Vũ Linh Châu

Niệm khúc tráng tư

*Tháng tư buông súng tàn cuộc chiến
Hiệp định hòa bình địch xé tan
Đồng minh chơi xấu đâm một kiếm
Anh em chiến hữu phải tan hàng*

*Tháng tư buông súng tàn cuộc chiến
Nỗi đau năm cũ vẫn còn nguyên
Sống nơi xứ lạ bao năm tháng
Vẫn mãi trong ta những muôn phiền*

*Tháng tư buông súng tàn cuộc chiến
Đêm mơ vẫn thấy chuyện chiến chinh
Quân trường ta bạn cùng nhịp bước
Lời thề giữ nước vọng vang rền*

*Tháng tư buông súng tàn cuộc chiến
Nửa đời ôm hận kiếp lênh đênh
Có phải nào ta không chiến đấu
Ván cờ quốc tế đành lui binh*

*Tháng tư buông súng tàn cuộc chiến
Mà sao lòng vẫn mãi chưa quên
Mong lắm một ngày về đất mẹ
Tìm lại bạn xưa...những mộ phần*

Ngọc Trân

Nhớ phượng xưa

Nhìn áo trắng với cánh hoa phượng đỏ
Tuổi học trò lại chợt đến trong tôi
Ba tháng hè lòng sao thấy chơi vơi,
Ngày tạm biệt thầy cô cùng bạn hữu

Ta nhớ mãi ngày lên đường chiến đấu
Từ giã bạn bè cùng mái trường xưa
Hôm tiễn đưa nhìn ánh mắt ngày thơ
Ta chợt thấy bờ mi ai ngấn lệ

Đời lính chiến hiểm nguy đâu dám nghĩ
Tình yêu kia không dám ngỏ cùng ai
Đường hành quân cùng năm tháng miệt mài
Nên trường cũ người xưa càng xa mãi

Ký ức năm nao hôm nay trở lại
Khi nhìn hình áo trắng cánh phượng xưa
Trong lòng mình lại chợt thấy ngán ngơ
Màu phượng vĩ với mắt buồn thướt trước

Đôi chúng ta đã không tròn mơ ước
Thấy thương nhiều cho lứa tuổi hoa niên
Bạn bè ta trong thời buổi đao binh
Vì đất nước bao chuyện tình dang dở

Những người vợ đành làm thân cô phụ
Tháng ngày buồn theo dõi bóng chinh nhân
Hoặc có người đã quấn mảnh khăn tang
Khóc số phận tuổi xuân thành góa phụ

Trưng Vương ơi những người em năm cũ
Mùa phượng về giờ em ở nơi đâu
Gia Long ơi phượng cũ đã phai màu
Tên trường cũ giờ chỉ là kỷ niệm

Ngọc Trân

Đứa con rơi

Truyện ngắn cuối cùng

Tạ Quang Khôi

Lão Quý nửa tỉnh nửa mê nằm trên một chiếc giường nhỏ trong một bệnh viện. Lão lơ mơ nghe như có ai nói gì bên tai. Lão cố gắng mở mắt để xem người đang nói là ai. Lão thấp thoáng thấy một người mặc áo trắng đang đứng cạnh giường. Lão không biết người đó là bác sĩ hay y tá. Ông ta đang nói gì với lão mà lão nghe không rõ vì chưa hoàn toàn tỉnh ngủ.. Lão nhắm mắt lại, rồi ngủ thiếp đi.



Trong giấc ngủ mê man, lão được tiếp nước biển, nên khi tỉnh dậy, lão thấy trong người dễ chịu và tỉnh táo. Không những thế, lão còn thấy bụng đói. Lão với tay lên đầu giường để bấm chuông gọi y tá trực. Không đầy 5 phút sau, một nữ y tá vội vã bước vào phòng. Bà ta hỏi ngay:

“Ông Thấy trong người thế nào ?”

Lão phều phào đáp :

“Tôi thấy đói !”

Bà y tá tỏ vẻ mừng rỡ :

“Ồ ! Thế thì tốt quá ! Đó là triệu chứng khỏe lại. Tôi sẽ mang đồ ăn vào ngay.”

Rồi bà hấp tấp ra khỏi phòng. Không đầy 10 phút sau bà trở lại với một khay đồ ăn, gồm một tô xúp và một ổ bánh mì. Ngoài ra, còn có thêm một bánh ngọt để ăn tráng miệng.

Lão vừa cảm ơn bà y tá vừa vội cầm lấy muỗng để bắt đầu ăn. Bà y tá cười vui vẻ, bước ra khỏi phòng.

Khi đã ăn no, lão nằm xuống nghỉ. Vừa lúc

đó, một nữ y tá khác vào bắt mạch, đo huyết áp cho lão. Trước khi ra khỏi phòng, bà chợt hỏi :

“Bác có quen ai tên Phụng không ?”

Vì câu hỏi bất ngờ, lão ngơ ngác lắc đầu.

Bà y tá mỉm cười, không nói gì, bước ra khỏi phòng.

Còn lại một mình, lão nằm suy nghĩ vẩn vơ, chợt nhớ tới tên Phụng mà bà nữ y tá vừa nhắc. Lão lẩm bẩm “Phụng ! Phụng !” Rồi lão chợt thấy tên này quen quen. Rồi, bỗng lão reo nho nhỏ :”Ồ, phải rồi ! Chắc Phụng này chứ còn ai vào đây nữa !”

Thế là cả một dĩ vãng xa xưa trở về.

Hồi trẻ, còn độc thân, lão là một giáo sư dạy trung học. Trong trường, có một nữ giáo sư mót tốt nghiệp sư phạm, tên là Phụng. Cô còn trẻ nên ít kinh nghiệm, thường hỏi lão nhiều việc trong nghề gõ đầu trẻ. Vì thường nói chuyện với nhau, hai người trở nên rất thân mật, rồi yêu nhau lúc nào không biết. Cả hai còn độc thân nên chuyện yêu thương là bình thường. Rồi hai người quyết định sẽ làm đám cưới để chính thức là vợ chồng. Gia đình Quý đã nhờ mai mối xin hỏi Phụng cho Quý và đã định ngày làm đám cưới.

Vì chắc chắn sẽ là vợ chồng nên hai người không cần giữ gìn gì nữa. Nhưng bỗng ngày 30 tháng 4, 1975 ập tới. Người miền Nam hoảng hốt, hoang mang. Thế là các cuộc vượt biển tìm tự do, trốn chạy cộng sản ào ào diễn ra.

Một hôm, Quý đến tìm Phượng để xin bố mẹ Phượng cho phép cưới...“chạy tang”, rồi cả hai sẽ tìm đường ra biển tỵ nạn cộng sản. Nhưng, Quý rất ngạc nhiên vì nhà Phượng đóng cửa im lìm. Anh gõ cửa mãi mà không ai ra mở. Một người hàng xóm thấy thế, bèn ra nói nhỏ với Quý là gia đình



Phượng đã đi khỏi nhà đêm qua. Tuy bà hàng xóm không nói rõ đi đâu, Quý cũng đoán biết gia đình Phượng đã tìm đường vượt biên. Quý rất thất vọng, nhưng không dám trách gia đình Phượng, vì trong tình thế này, nếu có cơ hội tốt không ai có thể bỏ qua.⁴

Quý đành lủi thủi ra về để lo chuyện vượt biên của chính mình. Và cuộc tìm tự do của Quý thành công mỹ mãn, rồi anh được định cư ở Mỹ. Cuộc sống mới nơi xứ lạ quê người có nhiều khó khăn, vất vả, Quý dần dần quên Phượng. Rồi anh cũng có gia đình, con cháu đầy đàn. Vì hoàn cảnh mà hai người phải xa nhau, không ai phụ ai.

Lão thất mắc không hiểu bà y tá nhắc đến tên Phượng có mục đích gì ? Lão sẽ hỏi lý do khi gặp lại. Phải chăng bà y tá này có liên hệ với Phượng ?

Buổi chiều, người đưa cơm, không phải bà y tá mà lão Quý mong chờ. Lão thất vọng nên rút rè hỏi :

“Bà y tá thường gặp tôi, bây giờ còn trong bệnh viện không hay đã ra về ?”

Bà y tá vui vẻ trả lời :

“Chị ấy hết giờ làm việc nên đang sửa soạn ra về.”

Lão mừng rỡ nói ngay :

“Tôi muốn gặp bà ấy trước khi bà ấy ra về.

“Dạ. Cháu sẽ nói với chị ấy vào gặp bác.”

Không đầy năm phút sau, người nữ y tá mà lão muốn gặp đi vào phòng. Bà hỏi ngay

“Bác muốn gặp cháu ? Có chuyện gì ?”

Lão mừng rỡ nói :

“Bà nhắc tới một người tên Phượng, tôi muốn biết bà có liên hệ gì với bà Phượng ?”

Bà y tá giữ im lặng một lúc, rồi nói “

“Thưa bác, Phượng là tên mẹ cháu”

Lão hơi giật mình, nhìn bà y tá đăm đăm :

“Là mẹ của bà ? Bây giờ bà Phượng ở đâu?”

Bà y tá chột buồn :

“Mẹ cháu mất cách đây đã mấy năm.”

Lão ngáp ngừng vài phút, rồi buồn buồn:

“Tôi và Phượng yêu nhau, rồi vì hoàn cảnh bất ngờ mà phải chia tay nhau. Chúng tôi đã định

làm đám cưới, nhưng thời thế thay đổi bất ngờ, phải xa nhau.”

Bà nữ y tá có vẻ ngậm ngùi, chậm rãi nói :

“Mẹ con cũng cho biết như vậy... Sau khi sinh ra con, mẹ con quyết tâm ở giá để nuôi con đến khôn lớn.”

Lão rụt rè :

“Như vậy...Như vậy...”

Bà nữ y tá liền nói :

“Vâng, con chính là con của bố đây. Trong mấy ngày vừa qua, con đã lấy máu của bố để thử DNA nên biết chắc con là con của bố.”

Lão bị xúc động mạnh, nên không nói được một lời nào, chỉ nhìn bà y tá dăm dăm. Bà kéo ghế đến sát giường, rồi ngồi xuống, thân mật nói:

“Con xin kể hết chuyện của Mẹ con cho bố biết... Mẹ con là người rất đàng hoàng, sau khi sinh ra con, bà hết lòng lo cho con, dù cũng có một vài ông tỏ vẻ thích Bà. Nhờ vậy mà con được sống một cuộc đời sung sướng, tràn đầy hạnh phúc. Chồng con là một bác sĩ chuyên về giải phẫu. Con dù là y tá trưởng của bệnh viện này, nhưng vẫn tiếp tục học. Hai năm nữa con sẽ tốt nghiệp bằng bác sĩ chuyên về tai, mũi, họng. Vì vậy, con xin bố giữ gìn sức khỏe để dự lễ ra trường của con.”

Nghe người y tá nói vậy, lão rất xúc động vì không ngờ lại có người con gái đặc biệt như vậy. Lão dăm dăm nhìn người nữ y tá, không thốt nên lời. Lão thầm nghĩ: “Không lẽ con người xinh đẹp, tài giỏi thế này mà là con ruột mình sao ? Thật không ngờ và rất khó tin.”

Lão ngập ngừng hỏi :

’Xin lỗi, bà...bà...tên gì ?’

Người nữ y tá liền nói :

“Bố đừng gọi con là bà nữa.”

Lão khẽ thở dài, rồi khẽ hỏi :

"Chị tên gì ?"

"Mẹ tên Phượng, con là Phương, thưa bố."



Lão dăm dăm nhìn người đàn bà tự nhận là con gái lão, rồi nhận ra những nét giống mẹ. Lão vui lắm, không ngờ cuối đời lại được gặp con gái ruột của mình. Tự nhiên nước mắt lão tràn ra dàn dụa...

TQK

5 tháng 5, 2018

Những đau thương tức tưởi của ngư dân miền Trung

Nguyễn Duy Vinh

Thảm họa Formosa là một thảm họa môi trường kinh hoàng: cá chết la liệt trên 250 km đường biển, trên 10.000 (mười ngàn) người dân mất phương tiện sinh sống. Thêm vào đó, với tình trạng ô nhiễm tiếp tục, số người dân sống dọc ven 250 km bờ biển đó đã và sẽ còn phải đương đầu với bệnh tật gây ra bởi các độc tố trong các chất xả thải lỏng tuôn ra ngày đêm vào lòng biển từ nhà máy Formosa.

Nhà nước CHXHCNVN vẫn tiếp tục bảo vệ và bao che cho nhà máy gang thép Formosa Hà Tĩnh và cho họ tiếp tục xả chất thải lỏng xuống biển. Đã có hơn cả trăm bài viết về tình trạng ô nhiễm biển gây ra bởi nhà máy Formosa ở Vũng Áng. Các bạn đồng môn NT có thể tự Google và tìm đọc những bài này trên mạng.

Phần tôi, để góp phần với cái nhìn của một người có chút vốn liếng về khoa học, tôi có viết 2 bài khi thảm họa kinh hoàng này xảy ra và xin chép xuống đây liên kết để mời quý độc giả nghiên cứu thêm, mặc dù hai bài này khá cũ (xin xem danh sách tham khảo, hai bài [1] và [2]).

Thảm họa môi trường gây ra bởi Formosa là một thảm họa rất lớn. Theo các nhà khoa học Âu Tây, hệ sinh thái biển có thể mất từ vài chục năm đến cả hàng trăm năm mới trở lại bình thường nếu chúng ta ngừng đổ chất độc vào biển. Làm người Việt Nam chân chính, không ai không đau lòng khi đọc được những tin như vậy trên báo chí trong nước và hải ngoại. Lúc đầu nhà nước Việt Nam tìm mọi cách giấu nhem tin tức này. Đến khi vỡ lở ra, cá chết



trắng trôi lênh bênh dọc bờ biển và các thợ lặn (ngư dân) địa phương tìm ra ống nước xả thải từ nhà máy Formosa, nhà nước lại vẫn tiếp tục khuyến dân ăn cá và tắm biển an toàn [2]. Đây là phương pháp làm việc cực kỳ vô trách nhiệm và vô lương tâm của nhà nước Việt Nam.

Thảm họa Formosa gắn liền với việc xâm phạm và chà đạp (tiếng Tây có chữ bafouer thật hay, les droits fondamentaux sont bafoués) những quyền căn bản nhất của con người, những người dân hiền lành thật thà và cần cù sống ven biển từ Vũng Áng đến Lăng Cô trên dải đất yêu quý Việt Nam. Những quyền này được ông Philippe Larochelle diễn giải



và phân tích tỉ mỉ trong đơn khiếu nại mà ông (đại diện cho nhóm JFFV, tiếng Việt là Nhóm Công Lý Cho Nạn Nhân Formosa) đã đệ trình lên Ủy Ban Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc vào cuối tháng 05

vừa qua (trước những sai phạm mới của nhà máy Gang Thép Formosa, Hội Công lý cho Nạn Nhân Formosa JFV vừa chính thức nộp đơn khiếu nại tại Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, xin xem trên jffv.org).

Những quyền căn bản của hơn 10 ngàn người dân Việt bị bầm dập gồm có:

1. Quyền được sống trong môi trường bình an, trong sạch và lành mạnh,
2. Quyền hưởng thực phẩm sạch và lành mạnh,
3. Quyền được làm việc và phương tiện sinh sống,
4. Quyền được biết những thông tin và quyền được phát biểu và hội họp,
5. Quyền được khắc phục những mất mát một



cách hữu hiệu.

Các bạn có thể tìm đọc đơn khiếu nại này bằng tiếng Anh qua trang mạng của JFFV (ghi trên) để biết rõ ràng thêm những quyền căn bản của người dân thấp cổ bé họng bị chà đạp như thế nào, qua đơn khiếu nại của luật sư Philippe Larochelle. Theo phân tích của ông Larochelle thì thảm họa Formosa đưa đến những mất mát liên hệ mật thiết với quyền căn bản của con người. Cả nước sôi sục, biểu tình khắp nơi vào những tháng ngày sau thảm họa, người dân thỉnh cầu nhà nước can dự.

Vào chiều ngày 30 tháng 06 năm 2016, Formosa đã công khai nhận tội và sẵn sàng bồi thường vật chất 500 triệu đô la Mỹ. Số tiền quá ít ỏi so với những

thiệt hại nặng nề mà người dân gánh chịu. Xin chép xuống đây lời tuyên bố của luật sư Lương Trọng Nghĩa (đại biểu quốc hội CHXHCNVN):

“Người dân Việt Nam có quyền hít thở một thứ không khí, tắm một thứ nước biển, ăn một thứ thực phẩm với tiêu chuẩn sạch và an toàn, và tự do đánh cá mưu sinh trên vùng biển của mình như người dân ở Mỹ, ở Úc, ở Đức hay ở Đài Loan. Cái quyền văn minh ấy không thể đánh đổi bằng bất cứ loại ngoại tệ nào, dù là bao nhiêu. Hàng chục triệu người dân Việt Nam theo dõi vụ Formosa suốt mấy tháng qua đã bày tỏ một cách kiên quyết và rõ ràng nguyên tắc này và Chính phủ Việt Nam có đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn bảo đảm cái quyền ấy cho nhân dân của mình”.

Nhưng nhà nước Việt Nam đã không làm hoặc không làm được gì trong việc bảo đảm những quyền căn bản của người dân. May thay có những hội từ thiện như nhóm CÔNG LÝ CHO NẠN NHÂN FORMOSA (JFFV) được thành lập với mục đích yểm trợ cho công cuộc tìm công lý cho nạn nhân của thảm họa môi trường do công ty Formosa gây nên. Mục tiêu của JFFV là:

1. Đòi hỏi sự đền bù xứng đáng cho các nạn nhân,
2. Đòi hỏi làm sạch các vùng biển bị ô nhiễm,
3. Yểm trợ tinh thần và phương tiện cho những vụ khiếu kiện trong và ngoài Việt Nam.

Việc khiếu nại của JFFV đệ trình lên Ủy Ban Nhân Quyền LHQ là một việc đáng làm. Luật sư Philippe Larochelle là một luật sư từng có 20 năm kinh nghiệm đã từng làm việc trong những hồ sơ tố tụng hình sự quốc tế, văn phòng nằm tại Montréal (Canada): <http://www.larochelleavocats.com/equipe/philippe-larochelle/>

Luật sư Philippe Larochelle chuyên về nhân quyền không chỉ có kinh nghiệm trên 20 năm, ông còn thắng nhiều vụ kiện lớn về nhân quyền như vụ giết người hàng loạt tại Rwanda. Xin xem liên kết dưới đây: http://www.tribunalvoices.org/voices/transcripts/transcript_LAROCHELLE_Philippe_part_01.pdf

Khiếu nại tại Liên Hiệp Quốc chỉ là một trong những hoạt động tranh đấu cho nạn nhân Formosa. Ngày 11 tháng 6 vừa qua, họ đã giúp gần 10,000 nạn nhân qua việc trình đơn kiện Formosa tại Tòa Án Đài Loan. Xin xem liên kết:

<https://m.youtube.com/watch?v=AW-9d6ZuSqI>

Hoặc bản tin của

BBC: <https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam-48590812>

Hoặc ngay trên website jffv.org của hội JFFV.

Có thể hiệu quả của việc khiếu nại này đối với nhà nước Việt Nam không có gì to tát và đáng quan ngại vì Việt Nam xưa nay vẫn coi thường những luật lệ quốc tế (như vụ kiện tụng với ông Trịnh Vĩnh Bình và vụ bắt cóc ông Trịnh Xuân Thanh ở Đức gần đây) nhất là những luật lệ động đến nhân quyền

người dân. Tuy thế, Việt Nam đã khôn khéo biết tru tréo khi có lợi cho mình, la lên đòi Trung Quốc phải tôn trọng vùng 200 hải lý thuộc đặc quyền kinh tế biển (EEZ) của Việt Nam khi vùng EEZ này bị tàu bè Trung Quốc xâm phạm, dựa trên công ước biển (UNCLOS) của LHQ mà Việt Nam đã ký kết.

Và nói cho cùng thì đây có thể chỉ là bước đầu của JFFV. Tôi nghĩ JFFV sẽ không ngừng tại đây. Nếu nhà nước Việt Nam lơ đi không tuân thủ những khuyến cáo của Ủy Ban Nhân Quyền LHQ, dĩ nhiên UBNQ LHQ sẽ có những biện pháp thích nghi để bắt buộc Việt Nam tuân thủ, dựa trên những cam kết về Công Ước Về Các Quyền Dân Sự và Chính Trị mà Việt Nam đã ký năm 1982.

Làm người dân Việt Nam mà không có một chút cảm xúc cho những gì xảy ra trên chính quê hương mình thì đó là điều rất đáng buồn. Tôi nghĩ chúng ta, những người Việt may mắn được sống trên những mảnh đất an lành của nhiều quốc gia trên thế giới, chúng ta được tự do đọc rất nhiều thông tin trên mạng, chúng ta có quyền nghĩ và nói lên tiếng nói của mình mà không sợ nguy hiểm đến tính mạng, chúng ta có bổn phận phải tiếp tục nói lên

những bất công (và bất hạnh) mà dân tộc Việt Nam đang gánh chịu.

Danh sách tham khảo:

[1] <https://anhbasam.wordpress.com/2016/08/07/9482-chon-ca-hay-chon-thep/>

[2] <https://anhbasam.wordpress.com/2016/05/13/8266-tai-sao-ca-bien-chet-hang-loat-doc-bo-bien-viet-nam/>

Tháng Tư đen

*Tháng Tư về lại thấy buồn tênh
Ước nguyện hồi hương vẫn gập ghềnh
Bốn mươi lăm năm sao còn lận đận
Một đời người số kiếp lênh đênh*

*Tự do sao mãi còn e ấp
Dân chủ xem ra vẫn bấp bênh
Thợ tạo xoay vần nhanh lên nhé
Để không còn những chiều mộng mênh*

Người xứ Thái NT 59



TUỞNG NIỆM QUỐC HẬN 30-4

Tình Nguyễn Trãi

(Mến tặng quý Thầy Cô và bạn đồng môn Nguyễn Trãi Saigon)

*Vẫn náo nức mong gặp các đồng môn,
Ôn chuyện xưa, khi còn học chung trường.
Nguyễn Trãi Saigon nghe thân thương quá,
Còn mãi đậm sâu cuối đời tha hương.*

*Tình Nguyễn Trãi khác chỉ tình huynh đệ,
Bao năm mãi còn như thể keo sơn.
Nghĩa Thầy trò mình trân trọng ân Sư,
Trí, đức dục từ Thầy Cô khai sáng.*

*Thời gian sẽ đưa ta về dưới mộ,
Vì thân này giả hợp với duyên sinh.
Khi còn sống, hãy sống trọn nghĩa tình,
Ơn giáo dưỡng, thương Thầy Cô mãi mãi.*

*Tình Nguyễn Trãi hôm nay cùng thể hiện,
Về bên nhau những giây phút thần tiên.
Bắt tay bạn hiền tản mác tứ phương,
Vô cùng nhớ những ngày vui hợp mặt...*

*Tình Nguyễn Trãi, từ đây càng bền chặt,
Thương Thầy Cô, theo năm tháng già hơn.
Thương chính mình nên quên hết giận hờn,
Ta vui sống, bạn hiền ời nhớ nhé!...*

*Tuệ Kiên Vũ Văn Sang
NT 58-62*

NHƯ DỊCH MỘT BÀI THƠ

Lê Tất Điều

Giữa năm 2006, bị lạc một cú kinh hồn, muốn tàn đời luôn – thực sự là đã tiêu tủng gần hết những tháng năm vàng an hưởng tuổi già.

Suốt hơn một thập niên cứ lững lờ phiêu dạt từ những vi thể cực nhỏ, nhỏ hơn nguyên tử, đến những khoảng không vô tận, kích thước bao trùm vũ trụ. Tâm trí bồng bềnh, lúc cực kỳ sáng suốt, tinh táo, lúc lơ mơ, ngây ngất, giữa hai cõi vô cùng. Đường về vẫn nhớ, cũng ngăn thôi, mà không thể quay gót. Miên man bị hút về phía trước, trí tuệ cố mở to hơn mắt, miệt mài tìm cho được một chân dung kỳ bí đã thấy chập chờn, nửa kín nửa hở, ở cuối chân trời.

Chuyện khởi đầu rất tầm phào, vớ vẩn, thật không đáng kể lại làm rờm tai bà con cô bác. Nhưng nó là nguyên nhân chính gây ra cuộc “đổi đời” – từ thi sĩ thứ thiệt biến thành khoa học gia dõm – đành xin vắn tắt:

Xế trưa hôm đó, sau khi dự đám tang một anh bạn, người bạn thân, mệt mỏi, lòng buồn bã, hoang mang, về nhà là tìm ngay cái võng ở vườn sau.



Nằm nhìn trời xanh, mây trắng, bồi hồi lưu luyến đoán tìm xem những đợt khói trắng đem thân xác bạn, bay lên từ ống khói lò thiêu, giờ này đã nhập vào đám mây nào.

Rồi mơ tưởng một phi thuyền vượt thời gian, bay ngược về quá khứ, gặp lại bạn hiền.

Thoạt đầu cũng viễn vông sơ sơ, vừa phải thôi, chỉ rụt rè khiêm tốn tính nhờ bác tài lái phi thuyền đi rước mấy ông “cố” bạn đồng môn, ghé Little Saigon cà phê cà pháo, ôn ào nhắc chuyện xưa. Rồi bốc hứng, nhớ ra mình đang có cái phi thuyền quý hóa như thế mà chỉ dùng để tìm lại một cuộc hội ngộ ăn nhậu tầm thường thì ngu quá. Hèn nhất cũng phải bay vào tương lai khi đám nhân loại hậu sinh đã tìm ra những phương thuốc trị tuyệt nọc bệnh nan y của các bạn, đem thần dược về cứu cấp từng ông, dời lại vô hạn định ngày các ngài phải trình diện nhà quan.

Nhưng chỉ lo cứu bạn thôi thì vẫn phí của, vẫn còn ngu dại, lại can thêm tội ích kỷ. Thế là leo thang, tính chuyện làm ăn lớn, tạo sự nghiệp lẫy lừng.

Phi thuyền du lịch xuyên thời gian có tốc độ nhanh hơn ánh sáng, sự viễn vông của anh chàng du khách tốt bụng và đầy tinh thần trách nhiệm với xã hội này còn bay nhanh hơn. Trong chớp mắt, kế hoạch cứu bạn bị hạ xuống hàng thứ yếu, ưu tiên một dành cho chiến dịch phục vụ nhân loại. Trước hết, phải khẩn trương dẹp Đệ Nhị Thế Chiến, cứu nhiều triệu mạng người.

Cũng dễ thôi, chỉ cần hại đời tư Hitler – làm cho ông ấy không có một... đời tư – bằng cách bay về quá khứ tuyển một toán nữ điệp viên thật kiêu diễm ra tay quyến rũ thân phụ ông ấy từ năm 1887. Đồng thời mở chiến dịch loan tin đồn thất thiệt, phổ biến fake news, làm bà thân mẫu Hitler ế chồng, có chồng mộng mà gào vãn ế xung ế xia, ế thiu ế chảy, ế không thể nào còn ế hơn được nữa, thế là hết hồng hạ sinh quý tử Hitler.

Loại được bà má Hitler ra ngoài vòng chiến là mới thành công một nửa. Tiến hành song song với chiến dịch “hại má Hitler” là cuộc hành quân “Tiêu diệt tận gốc rễ” nhắm vào ông bố. Cũng dễ ợt. Chỉ cần sai toán điệp viên kiều diễm ấy quyến rũ, bắt cóc ông về, thiền phăng đi là xong. Quả thực hơi hung bạo và bất công, nhưng có thể mới chắc ăn chứ biết làm sao!

Chỉ trong khoảnh khắc mà trí tưởng viễn vông bắt phi thuyền đang đi đón bạn phải tức khắc đổi hướng, bay về nước Việt năm xưa, rước cho được cố Thủ tướng Đỗ Mười thưởng hân vi, nhờ ông trở tay nghề tuyệt kỹ, búng hết gốc rễ của Hitler! Ui cha!



Đi nhanh, đi xa đến thế là hết cỡ, lại đạt thắng lợi về vang, hả hê lắm rồi, bèn cho cố tật viễn vông tạm nghỉ xả hơi, bắt đầu suy nghĩ nghiêm chỉnh.

Nghiêm chỉnh nghĩ ngay đến thuyết Tương Đối Đặc Biệt – thường được gọi nôm na, giản dị là thuyết Thời Gian giãn nở – của Einstein.

Thuyết là nền tảng nguồn hy vọng lớn của nhân loại: một mai sẽ cưỡi phi thuyền du lịch xuyên thời gian, nhào tới tương lai, lộn về quá khứ ào ào, dễ như đi chợ. Chỉ cần khoa học tiên bộ, và thuyết đúng.

Chuyện khoa học tiên bộ thì xong rồi, khỏi lo. Từ cái phôn quay số xoành xoạch tới cái Iphone thâm gọn thế giới trong lòng bàn tay, đâu có lâu la gì. Cứ

cái đà này, quân ta đóng phi thuyền vượt tốc độ ánh sáng mấy hồi.

Ngay chiều hôm đó, ngồi nghiền cứu lại thuyết, vừa đỡ buồn mắt bạn, vừa tăng cường hy vọng một ngày trong tương lai, nhờ công đức cụ Einstein, ít nhất lại được dịp cùng bạn tay bắt mặt mừng, ăn tục nói phét.

Thế là vất vả cuộc đời.

Nhớ lại những lý luận, vẽ lại các biểu đồ lập thuyết của Einstein, chợt thấy một chỗ bất ổn. Trong cái thí nghiệm bằng trí tưởng (thought experiment) của cụ có một chi tiết bị bỏ quên. Một điểm trên sàn tàu – nằm cuối tia sáng chiếu xuống từ ngọn đèn trên trần – đã di chuyển theo con tàu, nhưng Einstein tưởng là nó bất động.

Loay hoay tính toán, vẽ tới vẽ lui, vẫn thấy cái điểm bưng bình đó khi tàu chạy là phóng theo liền. Nếu nó không chịu đứng một chỗ theo lệnh Einstein, cứ nhất định di động, thì tánh mạng lý thuyết của cụ lâm nguy.

Xin thú thực lúc đó có hoảng hồn và hơi teo.

Sự lo sợ kéo dài cả tháng. Không lo cho số phận cái thuyết của Einstein mà lo trí óc mình bị lão hóa quá nhanh. Thuyết là quý tử của một khoa học gia vĩ đại nhất trong lịch sử loài người, đã ngự trị thế giới cả trăm năm, được hầu hết vật lý gia coi là tuyệt tác, là “chân lý”, vậy mà mình cứ thấy nó sai thì rõ ràng là mình ngu ngốc, tối tăm quá. Hồi đó, tuổi ta – tuổi thật – mới 66 chứ mấy. Thân thể còn tráng kiện, chưa đến nỗi nào, vậy mà trí tuệ đã suy thoái đến mức này thì nguy to.

Vội vàng ghi lại những chỗ bất ổn, gửi tới các bậc cao minh xin chỉ giáo. Đồng thời, tự mình nghiền cứu tìm hiểu thêm. Nhất quyết dùi mài kinh sử, tầm sư học đạo, cho đến chỗ đắc đạo – nghĩa là hiểu được chỗ kỳ diệu của Einstein như mọi người, nâng cấp trí óc mình lên mức vẫn đáng tin, còn xài được, mới thôi.

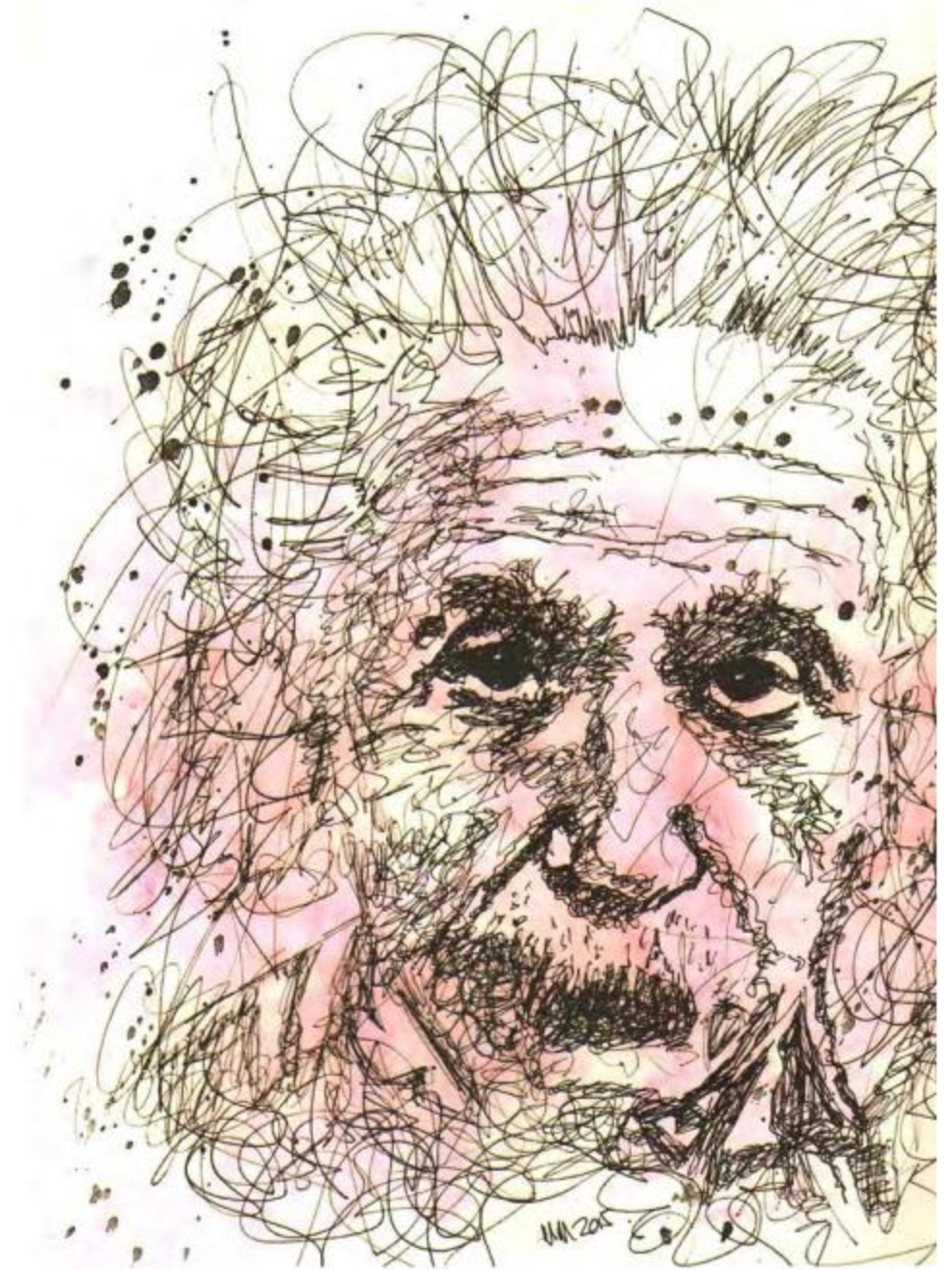
Thế rồi, sau này, khi biết chắc thuyết của Einstein sai thật – ngay từ giây phút khởi đầu lập thuyết – vững bụng rồi, thì lại hí hục lo viết bài phản bác thuyết và cả những luận án ca tụng, bênh vực nó sáng giá nhất. Cái ách Einstein giữa đàng lơ quàng vào cổ vẫn co kéo nhì nhằng, chưa cời được.

Đã vậy, cái xảy nầy cái ung! Vì lơ chăm học, nghiên cứu kỹ quá nên quàng thêm dăm cái ách nữa. Chưa xong vụ “thời gian giãn nở” đã đụng ngay thuyết “Big Bang” phi vật lý, ngây ngô, huyền hoặc, của Georges Lemaître. Rồi điều luật Thứ Ba trong đạo luật về chuyển động của Newton cũng có “vấn đề” lớn, cần điều chỉnh, chữa chạy. Và ngay cả thuyết về “Hấp Lực” tuyệt vời của Einstein cũng bị chính tác giả, không hiểu sao, ban cho một định nghĩa phi vật lý, quái dị, cần sửa lại cho con cháu chúng nó... đỡ khổ.

Để nêu rõ những sai lầm của các cụ, thật ra cần không quá vài trang. Như điều luật Thứ Ba về chuyển động của Newton “*When one body exerts a force on a second body, the second body simultaneously exerts a force **equal in magnitude and opposite in direction on the first body***”, chỉ cần nhẹ nhàng trình cụ rằng: “Ngài ban hành một đạo luật như thế thì nguy hiểm cho nhân loại quá xá. Nếu những trái banh (body 2) tuân hành nghiêm chỉnh luật lệ của ngài, khi bị chân cầu thủ (body 1) đá, tức khắc đá lại bằng một sức mạnh **TUÔNG ĐƯƠNG** (equal in magnitude) thì còn gì là chân cẳng con người ta! Chân vàng, cẳng bạc gì gì cũng què ráo trội! Thỉnh cầu ngài đèn trời soi xét lại cho” Cụ sẽ ngớ ra rồi sửa luật, hoặc nếu là người thiếu ngay thẳng, tự ái vật, sẽ mở máy trở tài nguy hiểm, cả vú lấp miệng em. Cụ phản ứng cách nào thì cũng coi như xong, cần chi phải dài dòng.

Nhưng không làm thế được. Nêu ra những sai lầm của Einstein, Georges Lemaître, Newton... là phi báng thánh thần, tội nặng lắm rồi, không dám phạm thêm tội bất kính đối với các khoa học gia đang cật lực xung tưng và bảo vệ lý thuyết của các vị ấy.

Người ta đã mất công xây những bức tường kiên cố, bất khả xâm phạm, nay mình vác búa tạ đến phang vài cái làm xập hết, rồi đứng cười cười, thì quá bất nhã.



Thành ra phải nhẹ nhàng từ tốn gỡ từng viên gạch, vừa gỡ vừa phân trần, giải thích thật tỉ mỉ. Mất mấy năm trời viết tới viết lui hàng trăm trang sách cho nó lịch sự, nhã nhặn. Xong rồi, tưởng là thoát nợ, có quyền thở phào nhẹ nhõm. Lại lầm to!

Anh đang an hưởng tuổi già, tự do nhàn du trên đại lộ thênh thang vô trách nhiệm, vô tích sự, thấy chuyện bất bình, anh bày đặt đóng vai hiệp khách, xía mũi vô. Nêu ra những sai lầm của các vĩ nhân, một mình một ngựa giao chiến với đạo binh trung thành của các cụ đông như kiến mà không sút mẻ gì, lại có khả năng ghi chép chính nghĩa của mình vào sách, giúp các thế hệ sau chiến đấu tiếp... Thế là quý hóa quá, là chu toàn bổn phận công dân hết

xảy rồi, sao không rũ áo bỏ đi nhân du tiếp, còn lưu luyến đứng xớ rớ trong thế giới khoa học làm cái giống gì! Có cái chi ràng buộc, lưu giữ anh nữa đâu?

Xin thưa, có đấy. Tôi như người thầy thuốc lang thang ven rừng cấm cúi tìm dược thảo chữa bệnh lũ lần cho vài bậc tiền bối, vô tình lạc sâu vào một vùng cỏ tích, lúc dừng bước, nhìn lên thì đã núi non trùng điệp, cỏ cây xanh mượt, bạt ngàn, và quanh mình rục rở muôn hoa.

Hậu quả của nhiều năm tìm tòi nghiên cứu là càng lúc càng nhìn sâu vào bản thể vũ trụ và bị chính hấp lực của nó giam chặt cứng. Nó có cái hấp lực khủng khiếp của một bài thơ tuyệt tác.

Chuyện còn nhiều chi tiết ly kỳ, hay ho, nhưng bài quá dài rồi, xin vắn tắt:

Vũ trụ còn khôn chứa đựng những điều huyền bí rải cùng khắp trong cái thể xác mệnh mông vô tận vô cùng của nó. Nó gợi ra những câu hỏi làm nền cho thi tứ của các nhà thơ Đông Tây Kim Cổ, đã tạo sóng rung động muôn triệu trái tim người. Câu hỏi đã “thơ” đến thế thì câu trả lời còn thi vị biết nhường nào.

Khoa học không làm giảm cái hấp lực đó đâu. Khoa học dí vào mũi ta dung nhan thực của Mặt Trăng, chỉ tiêu diệt được những thần thoại dành cho con trẻ. Ánh trăng trên cỏ cây hoa lá, núi rừng, sông biển... vẫn còn nguyên sự nhiệm mầu.

Đóng vai khoa học gia tay mơ gốc thơ thần như tôi càng khốn khổ. Câu hỏi không bớt, chỉ chất chồng thêm. Tại sao khối đất đá khổng lồ kia – như vô lượng thiên thể trong không gian – cứ lơ lửng lung trôi, mãi miết chuyển vần? Và tất cả các nguyên tử, phân tử tạo nên nó cũng không ngừng vần xoay? Rồi bằng cách nào ánh trăng luôn lan tỏa về mọi hướng, soi khắp thế gian? Và nhờ cái gì mà ánh sáng lại “bay” nhanh đến thế?

Câu trả lời nằm trong sự vận hành cùng cấu trúc của vũ trụ hiện ra trước mắt ta, sừng sững, như một bài thơ ý nghĩa rõ ràng, nôm na, nhưng viết bằng ngôn ngữ lạ, cực kỳ khó hiểu.

Sau hơn một thập niên mò mẫm, mở to huệ nhãn đọc tới đọc lui, cuối cùng cũng thấm được vài đoạn trong bài thơ lớn khắc trên bia vũ trụ. Xin dịch lại, ghi lại cùng những sai lầm của tiền nhân, vào cuốn sách nhỏ này, và trân trọng gửi đến quý bạn đọc yêu khoa học và yêu thơ.

Lê Tất Điều

(1- 28 - 2019)

Sách: THE MAKING OF THE UNIVERSE
(Amazon)



Đây lối đi quen

Tạ Quang Tuấn

*Đây lối đi quen bước mỗi về
Thăm đồng lúa chín đậm tình quê
Dòng sông tuổi trẻ ngày xưa đó
Vẫn mãi trong tim từng bước về.*

*Đây lối đi quen nhớ xóm làng
Tìm về lối cũ con đò ngang
Mùi hương mạ lúa quyện trong gió
Để mãi hồn ta những ngõ ngàng.*

*Đây lối đi quen của những chiều
Bên bờ đê nhỏ gió dịu hiu
Trời cao mây trắng dịu no gió
Dĩ vãng ngày xưa nhớ thật nhiều.*

*Đây lối đi quen tới cổng trường
Bạn bè ngày cũ thật thân thương
Thầy cô phấn trắng còn hay mất?
Ký ức tuổi thơ chẳng lạc đường.*

*Đây lối đi quen trở lại nhà
Cuộc đời viễn xứ sẽ trôi qua
Quê hương bao nẻo nhiều lưu luyến
Ghi mãi trong tim rất đậm đà.*

*Đây lối đi quen thấy ngậm ngùi
Trở về quê mẹ thấy lòng vui
Bao năm phiêu bạt con xa xứ
Nhớ lắm Quê Hương nhớ muôn đời.*

Cơ giới (Trời), vận nước

(hay Theo dấu chân nhà Nguyễn)

Bà má dzợ tui (đã qua đời) mỗi khi bàn về những tai họa đã xảy đến cho dân tộc Việt Nam, cụ luôn thờ dài ngao ngán và hay thốt câu : “... tất cả đều là cơ giới vận nước cả...”.

Và theo lối suy nghĩ này, hình như đã có một luật lệ huyền bí nào đó quy định hết những gì đang xảy ra cho con người, cho xã hội và cho một quốc gia. Nếu thật sự có một ông Xanh nào đó chứng giám và luật nhân quả thật sự có mặt thì con người chỉ còn cách duy nhất là “ăn hiền ở lành” may ra sẽ tránh được nghiệp dữ và cơ giới vận nước từ đó chắc cũng được chuyển hướng và số phận một nước chắc nhờ vậy sẽ tốt lành hơn...

Vận nước của Việt Nam vào cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17 (và cho mãi đến ngày nay) không được tốt cho lắm. Đó là thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Ngoài Bắc (từ Thanh Hoá trở ra, còn được gọi là đảng ngoài) thì có Chúa Trịnh (Trịnh Tùng, Trịnh Tráng từ năm 1570 cho đến năm 1657). Trong Nam, tức là từ Thanh Hoá trở vào thì có Chúa Nguyễn (từ thời Nguyễn Hoàng thoát chết chạy vào đảng trong năm 1558 cho đến lúc Vua Gia Long lên ngôi năm 1762). Bắc Nam đánh nhau chí tử. Thêm vào đó, các Chúa Nguyễn thi nhau xua quân bành trướng về phía Nam : năm 1611 Nguyễn Hoàng chiếm Chiêm Thành và năm 1759 Việt Nam lấy Chân Lạp và lập thành 6 tỉnh Nam Việt đầu tiên. Thế nhưng chưa hết đâu nha. Ba anh em ông Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ nổi lên năm 1771 và chỉ trong vòng 6 năm lấy được miền Nam (đuổi các Chúa Nguyễn chạy có cớ) và đánh thắng luôn miền Bắc. Phải nói là nhờ vào ba anh em nhà Tây Sơn mà nước ta thống nhất từ Nam ra Bắc, nhưng lại cơ giới vận nước, việc thống nhất này không giữ được lâu (xin xem ghi chú 1 ở cuối bài).

Cái gì đã xảy đến ? Lại giặc giã tiếp tục chứ có gì khác đâu ! Chúa Nguyễn Ánh (tức hoàng đế Gia Long sau này) chạy sang cầu cứu Xiêm La và được vua Xiêm (Thái Lan) giúp đem hàng vạn quân hùng hậu cả thủy lẫn bộ sang đánh quân Tây Sơn. Ai có dzia (về) Mỹ Tho Rạch Gầm thì chắc không thể không ghé thăm vùng Xoài Mút, nơi mà quân Tây Sơn đã oanh liệt đánh tan toán quân Xiêm hùng hậu năm 1785. Rồi ngoài Bắc cũng không yên. Ông vua Việt Nam Lê Chiêu Thống lúc đó chạy sang lánh nạn bên Tàu bên cầu cứu nhà Thanh. Triều đình nhà Thanh gọi là thương vua Việt (chứ trong bụng thì lúc nào cũng chỉ đợi dịp thôn tính nước ta) năm 1788 gửi Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân sang chiếm Thăng Long (cùng năm với Nguyễn Huệ vừa lên ngôi hoàng đế). Trong vòng một tháng từ khi quân Thanh đang ăn mừng chiến thắng ở Thăng Long,



Nguyễn Huệ thân chinh xuất quân chiếm lại Thăng Long và chỉ trong vòng 6 ngày quân Tây Sơn đánh tan 29 vạn quân Thanh. Tướng Sầm Nghi Đống tự vẫn, Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống (cõng rắn cắn gà nhà) nghe nói phải chạy thoát thân trong những điều kiện vô cùng nhục nhã.

Nhưng vận nước Việt Nam không được tốt : năm 1792, vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) chết đột ngột thọ 39 tuổi mà không có người giỏi kế nghiệp (có đứa con còn quá trẻ, triều đình lọt vào tay những quan đại thần). Dòng họ Nguyễn Phúc Ánh đến thời kỳ may mắn...

Trong lúc Việt Nam đang lo đánh nhau tranh giành ngôi báu, trên thế giới đang có những chuyển biến lớn. Nào là sự phát minh ra máy chạy bằng hơi nước của ông James Watt (1736-1819), nào là những phát triển kinh tế tư bản và kỹ thuật ở Âu Châu, cộng thêm vào đó một hiểm hoạ ghê gớm của thế lực đế quốc Âu Châu đang thực hiện chính sách chiếm hữu thuộc địa. Quân Âu Châu đi chinh phục thế giới bằng thuyền có súng thần công và quân sĩ tinh nhuệ được vũ trang bằng súng mứt cà tông. Vua Gia Long (qua Giáo Sĩ Bá Đa Lộc, Pierre Pigneau de Béhaine và hiệp ước Versailles ký bởi vua Louis XVI cam kết giúp Nguyễn Ánh lấy lại

ngai vàng năm 1787), với thuyền và súng ông đầy đủ, đã phá tan nhà Tây Sơn năm 1802. Và lúc này mới thấy cái ác của dân Việt mình. Vua Gia Long trả thù nhà Tây Sơn, cho đào mộ Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc giã ra thành bột và đem giam đồng tro tàn trong ngục tối, và xử tử một cách thảm thiết cả nhà hai vợ chồng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân. Vua Gia Long cũng không thọ lâu, ông chết năm 1820 thọ 58 tuổi, làm vua 18 năm, để lại... 31 người con ! Hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm lên làm vua, tức là vua Minh Mạng. Và từ đây mộng thôn tính Việt Nam của người Pháp đã bắt đầu thành hình...

Sách vở ghi lại là đời vua Tự Đức là đời mà Pháp lấy được nhiều quyền thống trị Việt Nam nhất. Vua Tự Đức Nguyễn Phúc Hồng Nhậm chết năm 1883 sau 36 năm trị vì và trong thời gian còn sống ông đã ký hiệp ước Nhâm Tuất (1862) và sau đó là hoà ước Quý Mùi (1883). Ngay năm sau Pháp bắt Việt Nam ký hoà ước Patenôtre và Việt Nam trở thành xứ bị chính thức đô hộ cho đến năm 1954. Từ Gia Long,

Minh Mạng cho đến Kiến Phúc, lịch sử ghi lại là các vua thì yếu sức khoẻ hoặc chết yếu và các quan đại thần vì tham lam cá nhân đã lộng quyền thay vua và ký kết với Pháp những hiệp ước bán nước. Và cách cai trị của người Pháp trong thời gian này cũng rất dã man. Cách cư xử của những nhà toàn quyền Pháp cũng vô cùng hống hách. Chúng ta hãy cùng đọc lại một đoạn của bức thư ông toàn quyền Pháp Jules Harmand gửi cho triều đình Huế năm 1883 :

“...tôi cho quý ông 48 tiếng đồng hồ để chấp nhận hay bác bỏ toàn diện, không cần thương lượng trao đổi, những điều kiện mà chúng tôi biểu các ông với một tấm lòng cao cả...v.v...Nếu các ông từ chối những điều kiện này, các ông sửa soạn nhận những đau khổ lớn nhất. Hãy tưởng tượng những điều kinh khủng nhất, các ông vẫn sẽ còn ở bên dưới thực trạng. Đế quốc An Nam, triều đại, các hoàng tử và triều đình tự tuyên bố bản án cho mình. Tên nước Việt Nam sẽ không còn tồn tại trong lịch sử nữa...”

Ăn nói dữ tợn và coi thường cả một dân tộc đến thế là cùng. May thay trong các vua, cũng có vài vị anh hùng ra mặt chính thức chống đối Pháp. Người đầu tiên là vua Hàm Nghi. Tiếp đến có các vua Thành Thái và Duy Tân nhất định không cộng tác với Pháp. Và Pháp đã bắt giam và áp giải các vị vua này.



Vua Hàm Nghi bị đi đày ở Alger đầu năm 1889 và bị quản thúc tại biệt thự Villa des Pins thuộc làng El Biar cách Alger 12 cây số (lúc đó vua Hàm Nghi mới được 18 tuổi).

Vua mất năm 1944 tại El Biar thọ 73 tuổi và hài cốt được cải táng về nghĩa địa Thonac năm 1965.



Thonac là một làng nhỏ nằm bên sông Vézère phía Trung Nam nước Pháp (vùng Dordogne). Nhiều sách ghi sai là Sarlat (cách Thonac chắc cũng khoảng 30 cây số).

Trong hăm vua có bốn người khác được chôn bên cạnh. Đó là các mộ của bà Marcelle Laloë (chính phi của vua Hàm Nghi), công chúa Như Mây (có sách ghi là Như Mai hoặc Nhữ Mây), hoàng tử Minh Đức và bà Marie Jeanne Delorme (hình như là người làm của gia đình vua). Vua Hàm Nghi có 3 người con. Công chúa Như Mây (sinh năm 1905), công chúa Như Lý (sinh năm 1908) và hoàng tử Minh Đức (sinh năm 1910). Công chúa Như Mây tốt nghiệp thủ khoa Kỹ Sư Nông Nghiệp khi vừa 21 tuổi (trường Nông Nghiệp Quốc Gia Pháp tại Versailles). Công chúa Như Mây sống độc thân, thọ 94 tuổi, không có hậu duệ. Công chúa Như Lý kết duyên cùng bá tước François de la Besse, qua đời năm 2005, thọ 97 tuổi, được an táng tại thị trấn Vigeois. Công chúa Như Lý có 3 người con (hai trai một gái).

Hai vua Thành Thái và Duy Tân bị áp giải đi đày trên đảo La Réunion năm 1916. Hiện nay trên đảo này có chiếc cầu lớn (xem hình) nối liền thành phố St Denis và quốc lộ chính chạy quanh đảo được mang tên Vĩnh San (người Pháp viết không bỏ dấu “Vinh San”) tức là hoàng tử Nguyễn Phúc Vĩnh San

(tên vua Duy Tân). Vua Duy Tân qua đời ngày 26 tháng 12 năm 1945 tử nạn máy bay rơi tại làng Bassako bên cạnh M’Banki thuộc Cộng Hoà Trung Phi, thọ 47 tuổi. Chiếc máy bay Lockheed Lodestar C-60 của hãng hàng không Pháp cất cánh từ Paris bay về Bangui là trạm ngừng kế tiếp (sau Fort Lamy). Phi hành đoàn gồm 9 người không ai sống sót. Sau khi xảy ra tai nạn, di hài vua Duy Tân được chính phủ Pháp và con cháu vua chôn cất ngày 26 tháng 12 năm 1945 tại nghĩa địa hiệp hội công giáo M’Banki. Người con trai lớn của vua Duy Tân là hoàng tử Guy Georges Vĩnh San (nay đã qua đời, xin xem ghi chú 2 dưới đây), với sự trợ giúp của chính phủ Pháp (thủ tướng Jacques Chirac lúc bấy giờ), đã sang bốc mộ vua đưa về Paris làm lễ truy điệu ở Vincennes trước khi chuyển hài cốt về Việt Nam ngày 28 tháng 03 năm 1987. Một buổi lễ quốc táng được tổ chức trọng thể tại điện Cần Thành và sau đó vua Duy Tân được an nghỉ vĩnh viễn tại An Lăng, nơi có mộ phần của bố là Thành Thái và ông nội là Dục Đức.



Từ khi vua Duy Tân rời Huế (1916) cho đến lúc chỉ còn là nắm xương cốt tro tàn trở lại Huế (1987), đúng 71 năm đã trôi qua.

Nguyễn Duy Vinh (cựu học sinh Nguyễn Trãi Sài Gòn 1958-64)

Phỏng theo “Dấu Xưa... Tàn Mạn Lịch Sử Nhà Nguyễn” bởi tác giả Mathilde Tuyền Trần (Edition Mathilde Tuyen Tran, France 2010)

Ghi chú 1

Xin xem cuộc nội chiến giữa ba anh em nhà Tây Sơn theo liên kết dưới đây :

<https://www.tindachieu.org/2017/10/cuoc-noi-chien-giua-3-anh-em-nha-tay-son.html>

Ghi chú 2

Vua Duy Tân lấy bà Fernande Antier có tám người con, 4 trai 4 gái đều mang họ Vĩnh San:

1. Thérèse Vinh-San sinh 1928 (mất sớm).
2. Rita Suzy Georgette Vinh-San
3. Solange (mất sớm)
4. Guy Georges Vĩnh San (Nguyễn Phúc Bảo Ngọc)
5. Yves Claude Vĩnh San (Nguyễn Phúc Bảo Vàng)
6. Joseph Roger Vĩnh San (Nguyễn Phúc Bảo Quý)
7. Ginette sinh 1940 (mất sớm)
8. André (mất sớm).

Bài thơ dùng cho dòng của vua Minh Mạng có tên “Đế Hệ Thi” gồm có bốn câu như sau:

Miên Hồng Ứng Bửu Vĩnh
Bảo Quý Định Long Trường
Hiền Năng Kham Kế Thuật
Thế Thoại Quốc Gia Xương.

Sau đây là một tham khảo ngắn về bố của ông vua Duy Tân:

Khi cả hai vua Thành Thái và Duy Tân, cha và con, bị áp giải đi đày trên đảo la Réunion năm 1916, có ba bà trong hoàng tộc đi theo vua Duy Tân: bà

Nguyễn thị Định, mẹ vua, bà Mai thị Vàng, vợ vua và bà Lương Nam, công chúa em vua. Nhưng ít lâu sau, trong năm 1917, cả ba bà đều trở về Huế, bỏ lại Duy Tân một mình. ,

Tháng 10 năm 1945, Duy Tân chấp thuận lời đề nghị của Tổng thống Pháp Charles de Gaulle trở về Việt Nam, nhưng bị tai nạn máy bay và qua đời trên đường đi thăm vợ con ở đảo Réunion. Sự kiện này chính thức kết thúc cuộc đời của vị vua yêu nước triều Nguyễn.



Mộ vua Duy Tân được cải táng về lăng Dục Đức (Huế) ngày 6-4-1987



Vua Thành Thái

VỀ ĐÂU ĐÔI MẮT ẤY



*Ta già từ phương Đông
Một đêm tháng mười trời mây vẫn vũ
Xếp lại thanh xuân ngày tháng cũ
Gói trọn niềm riêng, vội vã lên đường.*

*Em đến từ trời Nam
Bước tạm dung qua bao ngày lênh đênh mưa lũ
Chưa gột hết u buồn sau một chuyến ra khơi
Bình minh đen gác lại cuối chân trời
Trong ánh mắt thấp thoáng niềm tin
Còn bàng hoàng cơn mê hấp hối.*

*Ta gặp em đây tình cờ
Chuyến bay đêm lâm lũi
Bỏ lại quê hương, em ngậm ngùi.
Còn ta... một đêm thu
Nương cánh bằng ta tui.
Giã biệt Xứ Mặt Trời phương Đông*

*Tưởng bình yên một cõi!
Tần ngần ta hiểu kiếp lưu vong.*

*Ánh mắt em nhìn ta mù khơi
Thoáng hiện u hoài ôi xa xôi
Ký ức oan khiên bỗng tìm về trong đêm tối
Không gian im lìm lạc lõng những vì sao
Ánh mắt em trao, xen kẽ tiếng rì rào
Sâu thẳm nhưng âm thầm ta hiểu.
Thôi thế từ mai em ơi,
Đời mình sẽ không còn Nam-chi chờ Việt-điều
Tình người Việt Nam tha phương
Quê hương mờ xa còn diệu vợi đến bao giờ?*

*Ta biết rồi mai thôi chia tay
Về nơi tuyết trắng bao ngày
Nơi đâu cũng vẫn nơi nào ấy
Có một dòng sông mây trắng bay.*

PHÙNG QUÂN

Hoài niệm Chuyến Bay Đêm từ Los Angeles đến trại tị nạn Fort Chaffee, dạo cuối tháng 10, 1975. Trên chuyến bay đó tôi gặp người con gái ấy. Gia đình nàng đang lúc chuyển trại từ Pendleton về Fort Chaffee. Nàng có đôi mắt buồn đen láy, y như câu thơ của Lưu Trọng Lư, có thời Phạm Đình Chương đã phổ nhạc thành Ca khúc Mắt Buồn: "Nhìn thôi mà chẳng nói, có nói cũng không cùng...". Đôi mắt như còn mang mang nỗi bàng hoàng của một Saigon, trong cơn mê hấp hối. Trước ngày rời trại Fort Chaffee, tình cờ tôi gặp lại nàng một lần nữa. Chỉ có vậy, nhưng đôi mắt ấy đã ám ảnh và trở thành kỷ niệm không phai mờ trong những bước chân đầu tiên đời tạm dung.



HÃY TRỞ VỀ NHƯ CHƯA BƯỚC ĐI

*Ca khúc HÃY TRỞ VỀ NHƯ CHƯA BƯỚC ĐI - thơ
Phùng Quân - Nguyễn Tuấn phổ nhạc.*

*HÃY TRỞ VỀ NHƯ CHƯA BƯỚC ĐI (KOK) -
Tiếng hát HOÀNG QUÂN*



*Hãy trở về nghe tiếng nói xưa
Nhìn nhau khi tóc đã thay mùa
Có phải trăm năm là huyền mộng
Nói cười quên hết cuộc tình thua!*

*Hãy trở về đi kéo nữa mai
Lời nào chưa nói buổi sơ khai
Thì đem hong nốt vãn thơ nuôi
Gửi gió thay ta một tiếng cười!*

*Hãy trở về mau kéo nữa mai
Đường trần lắm kẻ đã phôi phai
Một hôm quãng gánh đời lưu lạc
Bỏ lại sau lưng tiếng thở dài !*

*Hãy trở về như chưa bước đi
Xôn xao cứ ngỡ tuổi xuân thì
Thu sang em nhớ tô quầng mắt
Để lỡ ngày sau chẳng mấy khi!*

*Nếu trở về hãy khoan bước đi
Cho anh tìm dấu vết xuân thì
Dấu là ẩn hiện sau quầng mắt
Yên lặng... Ừ thôi không nói chi!*

PHÙNG QUÂN



HÃY TRỞ VỀ NHƯ CHƯA BƯỚC ĐI (KOK) - Tiếng hát HOÀNG QUÂN

By Hung V Dang

Nhạc : NGUYỄN TUẤN Lời : Thơ
PHÙNG QUÂN Hòa âm : GIANG
ĐÔNG

<https://youtu.be/IQtEitAM6Dw>



Tình Nghĩa Thầy Trò

Kính tặng quý Thầy, Cô và các bạn học

Nguyễn Trãi

Tình là những cảm xúc phát xuất từ sự thông cảm (tình bằng hữu), từ sự mến chuộng hay ưa thích (tình quê hương), và thương/yêu là đỉnh cao của tình (tình yêu trai gái).

Tóc mai sợi vẫn sợi dài.

Lấy nhau chẳngặng thương hoài ngàn năm. (ca dao)

Tình cảm hồn nhiên khi không bị ràng buộc bởi tham ái như tình bằng hữu, tình hàng xóm, được xếp vào loại *tình hồng*, nhẹ nhàng, trong sáng. Những tình cảm ẩn chứa sự đam mê hay ý muốn chiếm đoạt (ích kỷ) thường dẫn đến những hệ lụy, những khổ đau, như tình yêu nam nữ. Tình yêu ấy có khi trở thành tình hận.

Mười năm gói hận bên giường

Mười năm nước mắt bữa thường thay canh

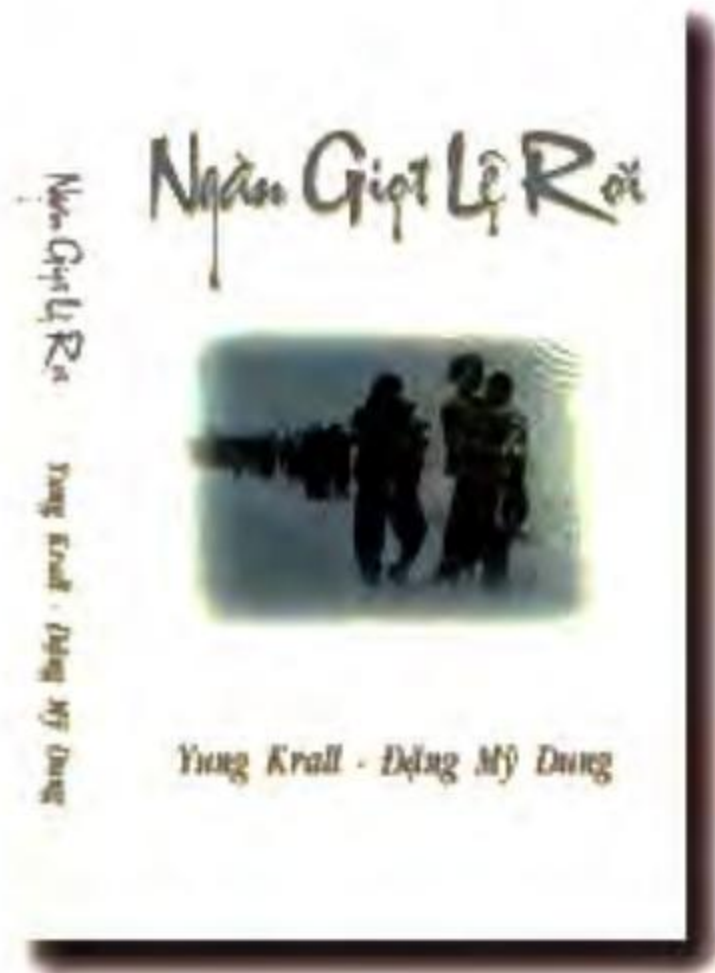
Mười năm đưa đám một mình

Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên

(Nguyễn Bính - Lữ Bức Sang Ngang)

Ngoài tình còn nghĩa. **Nghĩa** là những tình cảm phát xuất từ lòng biết ơn, gắn liền với đạo đức hay bổn phận, có tính cách cao thượng, như: vì nghĩa quên mình. "Cha Con Nghĩa Nặng" là tựa đề một tập truyện của nhà văn Hồ Biểu Chánh. **Tình nghĩa** bao gồm cả **tình** (thương yêu) lẫn **nghĩa** (đạo đức) là những cảm xúc vừa có "tình" lại vừa có "lý", loại tình cảm mà trong đó *lý tính* vượt trội *cảm tính*. Tình nghĩa gia đình là sợi giây kết nối rất chặt chẽ và rất bền giữa các thành viên trong gia đình, dẫu thâm tình, nhưng cũng khó tránh khỏi những hệ lụy, những oan trái, đắng cay. Trong tập truyện "A Thousand Tears Falling" - Ngàn Giọt Lệ Rơi, tác

giả Đặng Mỹ Dung đã kể lại câu chuyện thương tâm của gia đình bà: "Cha tôi một đảng viên của đảng Cộng Sản Bắc Việt... Năm 1954 quyết định tập kết ra Bắc, mẹ tôi ở lại. Cuộc phân ly



nào cũng mất mát... 19 năm sau tôi chạy lo được giấy tờ đem má tôi qua Pháp gặp ba tôi... (nhưng vì lập

trường chính trị xung khắc - cha theo cộng, mẹ chống cộng)... Má tôi trở về Mỹ như một con chim đại bàng bị thương, ba tôi về Sài Gòn như một tráng sĩ thua trận. Nhưng tình nghĩa giữa cha mẹ tôi vẫn nồng vẫn đậm, kể từ đó ba tôi lén gởi thơ, làm thơ cho má tôi, chuyển tay qua những người bạn tín cẩn, má tôi tiếp tục bảo vệ tánh mạng ba tôi bằng cách ngăn cản, năn nỉ tôi đừng chống cộng ra mặt.

Biết tôi viết quyển A Thousand Tears Falling, bà rất hãnh diện về công trình này nhưng bà năn nỉ tôi đừng xuất bản khi ba còn sống. Ba tôi qua đời mùa Hè, năm 1986, tôi xuất bản sách vào mùa Thu năm 1995". Truyện này cho thấy tình có thể đoạn nhưng nghĩa vẫn không đứt. Dù tình yêu có thể đã xa bay, nhưng vợ chồng nghĩa nặng đã hoá giải được những oán hờn chất ngất, tưởng chừng không bao giờ nguôi.

Trong gia đình, từ nhỏ, con cái được dạy dỗ về lòng

biết ơn: ơn sinh thành, ơn thầy học...

Lòng biết ơn là phẩm tính chung của con người. Kẻ vô ơn bạc nghĩa bị xã hội dè bĩu, kết án. Người biết trọng ơn nghĩa được khen ngợi, ca tụng. Truyện ông Carnot (Học trò phải biết ơn thầy) các bạn ở tuổi "thất thập" hẳn còn nhớ. Nếu quên, tôi xin phép kể lại.

Ông Carnot xưa là một ông quan to nước Pháp, một hôm nhân lúc rảnh việc về chơi quê nhà. Khi ấy ông đi ngang qua trường học ở làng, trông thấy ông thầy dạy mình lúc bé, bây giờ đã đầu tóc bạc phơ, đang ngồi trong lớp dạy học. Ông ghé vào thăm tròng (trường) và chạy ngay lại trước mặt thầy giáo, chào hỏi lễ phép mà nói rằng: "Tôi là Carnot đây, thầy còn nhớ tôi không?". Rồi ông ngoảnh lại khuyên bảo học trò rằng: "Ta bình sinh, nhất là ơn cha, ơn mẹ ta, sau ơn thầy ta đây, vì nhờ có thầy chịu khó dạy bảo, ta mới làm nên sự nghiệp ngày nay".

(Quốc Văn Giáo Khoa Thư)

Tại Việt Nam thuở xa xưa, học trò dù đã đỗ đạt, dù là Tiến sĩ hay Trạng nguyên, khi vinh qui về làng cũng phải tới lễ tạ ơn thầy trước tiên. Bao nhiêu cờ quạt, võng lọng đều phải giếp qua một bên, rồi xuống kiệu đi bộ tới nhà thầy. Không phải vô cớ mà Thầy Đồ (Giáo Sư) được các môn sinh kính trọng.



Thầy Đồ, đa số xuất thân khoa bảng, sau khi từ quan về lại quê nhà thường ngồi dạy học (tiên vi

quan, đạt vi sư). Việc dạy học không những được coi là trách nhiệm của kẻ sĩ mà còn do tình lân mẫn của bậc trưởng thượng với đám hậu sinh hiếu học.

Một trong những tục lệ tốt đẹp của dân ta về lòng biết ơn là tết thầy. Vào dịp Tết Nguyên Đán, con cái mừng tuổi ông bà, cha mẹ và học trò đi tết thầy - *Mồng Một thì ở nhà cha, mồng hai nhà vợ, mồng ba nhà thầy*. Nhân đây tôi xin kể một truyện vui về **tết thầy** tôi lược được từ báo "Phong hoá" cách đây hơn nửa thế kỷ mà tôi vẫn chưa quên.

Tại một ngôi làng kia có đám học trò, nhân ngày Tết, bảo nhau góp tiền mua một cặp gà trống hiến để tết thầy. Sau khi nhận bu gà và nghe lời chúc Tết trình trọng của trưởng tràng, thầy bảo: "Bữa nay là ngày Tết, thầy muốn ra một vế câu đối để các con hoạ lại cho vui". Nói xong, thầy chỉ ngay anh trưởng tràng hỏi: "**Thần** đối lại là gì?" Trưởng tràng gãi tai đáp: "Bẩm thầy, **thánh** đối với **thần** ạ". Thầy gật đầu rồi quay qua hỏi một trò khác "Còn **nông** đối lại là gì?". "Dạ, **xâu** ạ". Thầy bảo: "Nông đối xâu, được lắm". Được thầy khen cả bọn hí hửng mừng. Thầy hỏi trò đáp, đối nhau chan chát: nào là **Đáo** đối với **gươm**, **dân** đối **quan**, **nghệ** đối **gừng**, v.v... Đối xong, thầy bỗng thở dài đánh sượt một cái làm cả bọn giật mình, ngơ ngác. Về mặt đầm chiêu như người bị tảo bón kinh niên, thầy chậm rãi bảo: "Vế đối thầy ra là **Thần nông giáo dân nghệ ngũ cốc**, có nghĩa là vua Thần Nông dạy dân nghề trồng ngũ cốc. Vế mà các con đối lại là: **Thánh xâu gươm quan gừng tam cò**". Rồi thầy chắc lưỡi, than: "Tùng trò một thì đối rất hay, gom chung lại chẳng ra sao cả!" Hiểu ý thầy, từ đó mỗi lần Tết đến, chúng đi tết thầy riêng rẽ.

Vào thời phong kiến, việc giáo dục được đặt trên nền tảng đạo đức và *ngghi lễ* được coi là quy chuẩn về hành vi và phát triển nhân cách đứng đắn - *tiên học lễ, hậu học văn*. Bộ giáo dục thời đó được gọi là bộ lễ. Học trò phải tôn kính thầy (tôn sư trọng đạo) và biết ơn thầy (không thầy đồ mầy làm nên). Tại

Nhật, từ thời Minh Trị Thiên Hoàng, dân Nhật đã coi **lễ nghi quan trọng hơn kiến thức**. Học sinh tiểu học ở Nhật không phải trải qua kỳ thi nào cho đến khi lên lớp 4 (10 tuổi). Trong 3 năm học đầu, các em chỉ làm những bài kiểm tra nhỏ. Đối với người Nhật thay vì vội vã cho con học kiến thức, họ quan tâm nhiều hơn đến nhân cách và đạo đức. Việc giáo dục phải được bắt đầu khi còn bé, tuổi thơ dễ uốn nắn. *Ấu bất học lão hà vi* (trẻ không học, già làm gì). Phàm nước nào coi trọng giáo dục thì dân trí cao, nếp sống văn minh, nhân phẩm con người được tôn trọng. Tại Nam Phi (South Africa), trước cổng bất kỳ trường đại học nào cũng thấy ghi câu nói của Tổng Thống Mandela: "Sự xụp đổ của giáo dục là sự xụp đổ của một quốc gia". Tại Việt Nam, trước kia, việc giáo dục được đặt trên nền tảng *nhân bản* nhằm phát triển đồng đều trên cả 3 lĩnh vực: trí dục, đức dục và thể dục. Thầy học, dưới các triều đại Đinh, Lê, Lý Trần cho tới triều đại cuối cùng là Nguyễn, vì chịu ảnh hưởng của Nho giáo, địa vị của người thầy (sư phụ) trong nấc thang xã hội rất quan trọng, Thầy (Sư) chỉ đứng sau vua (Quân) và trước cả cha (Phụ) theo trình tự: Quân - Sư - Phụ. Thầy được trò tôn kính gọi là "ân sư".

Xưng nghe chiếu mở khoa thi

Vân Tiên lạy tạ ân sư ra về

(Nguyễn Đình Chiểu - Lục Vân Tiên)



Ngày nay, vai trò của giáo dục nhằm phát triển kiến thức.

Trau dồi đạo đức tùy thuộc vào gia đình và xã hội, phát triển tâm linh thuộc

lĩnh vực tôn giáo, nhà trường không can dự. Quan hệ

thầy trò chỉ còn là sự tương giao giữa người dạy (thầy) và người học (trò). Thầy được coi là người đi trước (người dẫn đường) có trách nhiệm trao truyền kiến thức, sự hiểu biết của mình, cho trò là người đi sau. Dạy học được coi là một nghề - nghề dạy học, được trả lương (thù lao) giống như những nghề nghiệp khác trong xã hội. Vai trò của người thầy không còn được coi trọng như trước. Tình nghĩa thầy trò không còn khăng khít, đậm ấm như xưa.

Nói cho ngay, nhận định này có thể thiếu chính xác, phiếm diện. Tình nghĩa thầy trò nhìn bên ngoài, qua hình thức hay cung cách bày tỏ, ta có thể nghĩ là nay khác xưa; nhưng nhìn sâu vào bên trong (nội dung) ta thấy cốt lõi của tình cảm cao thượng này không khác (không biến chất). Tôi xin phép nêu vài bằng chứng rút tỉa từ kinh nghiệm bản thân.

Sau cuộc đổi đời năm 1975, tôi mất việc, bị sa thải vì thuộc diện "ngụy quân". Vào thời điểm ấy, không có việc là bị xóa hộ khẩu, phải đi kinh tế mới, khó mà sống! Nhưng trong cái rủi lại có cái may. Tôi đã được nhiều học trò cũ xúm nhau vào giúp đỡ. Người này móc nối để tôi có việc làm chính thức, không còn lo bị đuổi đi vùng kinh tế mới; người kia giới thiệu tôi dạy tiếng Anh, và giúp tôi làm trung gian chuyển tiền ra ngoại quốc. Cuộc sống của gia đình tôi nhờ vậy bớt khó khăn, chật vật. Thậm chí có trò còn lo cho tôi và gia đình vượt biên vì gia đình trò ấy đang đóng tàu chuẩn bị ra khơi. Tôi ngộ ra rằng: không phải chỉ có trò biết ơn thầy mà Thầy cũng biết ơn trò. Tôi tin vào tình người và phẩm tính của lòng biết ơn chân thật.

Sau khi định cư tại Canada, tôi trở lại nghề "gỗ đầu trẻ", nay là gỗ đầu người lớn - những di dân đến từ nhiều quốc gia khác nhau. Cũng là một di dân nên tôi thông cảm với những khó khăn của họ. Sau khi mãn khóa học, tôi thường giúp họ tìm kiếm công ăn việc làm. Chúng tôi đối xử với nhau như những

người bạn rất thân tình. Có lần tôi đưa 3 học viên cùng nghề sửa xe hơi, nhưng không cùng quốc tịch, đi dự phỏng vấn xin việc. Bữa đó trời mưa như trút nước, chiếc xe "thỏ tã" của tôi bị chết máy giữa đường. Cả 3 anh sốt sắng mở nắp xe rồi bàn tán với nhau rất hăng say. Tôi ngồi trong xe nghe không rõ, chỉ thấy anh người Somalia và anh người Nicaragua, người chỉ chỗ này, kẻ trỏ nơi kia, khua chân múa tay coi bộ không đồng ý. Sau cùng, anh người Hungary ra dấu bảo xe hết xăng. Quả đúng là hết xăng thật. Chúng tôi phải cuộc bộ đi mua xăng. Đến nơi hẹn thì đã trễ hơn nửa tiếng. Tôi xin lỗi ông chủ garage và kể chuyện xe hết xăng. Ông cười thông cảm. Sau cuộc phỏng vấn, anh người Hungary được nhận vào làm. Tôi hết sức thắc mắc vì anh này nói tiếng Anh tệ hơn hai anh bạn kia rất nhiều. Sau này mới vỡ lẽ là anh có tay nghề rất giỏi và trong hãng có một người thợ cùng gốc Hungary (ngôn ngữ không còn là chướng ngại). Bẵng đi vài năm, một bữa anh đến trường gặp tôi vào giờ nghỉ trưa, cho hay là anh không còn làm ở chỗ cũ và đang làm cho một tiệm ăn Hungary. Anh mời tôi tới chỗ anh làm uống cà phê. Báo hại, bữa đó tôi không dám về lớp dạy tiếp vì mặt tôi lúc đó đỏ như gấc chín. Cà phê Hungary uống xong thấy "phê" liền, vì nửa là cà phê, nửa là cognac. Với những học viên phái nữ, sau khi mãn khoá học, tôi thường dẫn họ tới xin việc tại một xí nghiệp chuyên may quần áo và đồ lót phụ nữ. Có lần tôi dẫn vài người tới đây, vừa thấy tôi bước vào xưởng may, một đám chừng 6, 7 cô thợ may, bỏ việc chạy ủa lại thăm hỏi rồi rít. Người supervisor quen mặt vì tôi đã dẫn những người này đến đây xin việc nên chỉ cười cười, không rầy la gì cả. Có lần, nhân ngày nghỉ lễ, tôi dẫn cả lớp đi câu cá. Chúng tôi chỉ có 5 cần câu nên ai cũng muốn giành. Lát sau cảnh sát tới hỏi, vì không có giấy phép câu cá nên làm biên bản phạt

\$50 mỗi cần câu. Không tiền nộp phạt chúng tôi phải ra hầu toà. Ông toà hỏi, cả bọn mặt cứ ngệt ra, chẳng hiểu mô tê gì cả. Tôi cũng giả bộ ngơ nghe. Ông ngán ngẩm sua tay đuổi bọn tôi về. Thế

là thoát nạn. Sau này gặp nhau, nhắc lại chuyện xưa, thầy trò ôm nhau cười chảy nước mắt. Tôi còn giữ được một cuốn album đầy những hình kỷ niệm, chụp với từng lớp khi mãn khoá, trong dịp lễ Giáng Sinh hay năm mới hoặc chụp khi đi picnic cả trường. Giờ đây, khi coi lại những tấm hình đã mờ đã ố, lòng không khỏi bồi ngùi, thương cảm: 1 ĐSNT 2020 giờ lưu lạc phương nào, ở đâu, làm gì?



Vậy đó, nghề dạy học tuy đồng lương ít ỏi nhưng tình người thì chứa chan. Tôi đã gắn bó với nghề dạy học là vì thế. Nhân đây, tôi muốn nhắn với các bạn trẻ là nếu không ham nghề, không yêu thương học trò thì hãy ráng kiếm nghề khác mà làm (nghề gì cũng được), chớ chọn nghề thầy giáo, kéo tội nghiệp học trò và thêm khổ cho mình. Chẳng ích gì!

Có điều, lời nhắn nhủ tâm huyết (sic) của tôi e rằng chẳng có ma nào nghe, vì trong số các bạn đọc có ai còn trẻ đâu, lão hết rồi! Thôi đành ngẩng mặt lên trời, khóc ba tiếng, cười ba tiếng, như Khổng Minh thời Tam Quốc, hồi chưa gặp vận. Rồi đi ngủ cho khoẻ!

Viết xong lúc 2 giờ sáng, ngày 22-12-2019.
Trịnh Vũ Diệp (NT 49-54)

BÀI THƠ SINH NHẬT

Một buổi sáng, đang tập thể dục tôi chợt nhớ hôm nay là ngày sinh nhật, ngày tôi chào đời. Mới đây mà đã bảy mươi lăm năm. Vèo một cái đã thành một ông già hom hem. Vèo cái nữa là hết một đời người. Chẳng còn gì! Lòng còn đang bồi hồi tiếc nhớ dĩ vãng một thời, thơ không biết từ đâu thăm lặn tuôn chảy. Tôi vội ngưng tập, lấy giấy bút ra ghi chép lại những vần thơ không đợi mà có này.

*Bảy lăm năm chỉ một sát na
Ngoảnh đi ngoảnh lại đã ông già
Vuốt râu chỉ thấy cầm nhẵn thín
Tóc vẫn dính đầu chưa xuất gia*

*Kiếp này xin làm thân cư sĩ
Cư sĩ giả danh cho vui mà
Pháp danh Trí Thắng nghe oai nhi
Có thắng ai mô chỉ thắng ta*

*Tu chỉ là tu, tu cũng không
Niết Bàn rằng có lại rằng không
Một mai liễu ngộ là sinh tử
Ta cười ha hả về hư không.*

Bài thơ này khi chép xong, tôi đã sửa lại một chữ trong câu đầu, bỏ chữ "**như**" thay vào đó bằng chữ "**chỉ**" (chỉ một sát na) nghe coi bộ mạnh hơn. Trong đạo Phật, **sát na** là từ để chỉ thời gian ngắn nhất và **a tăng kỳ** để chỉ thời gian dài nhất. Thời gian chỉ là chế định, do con người cùng thoả thuận đặt ra, như 60 giây là một phút. Nhưng thật ra, 60 giây không phải là 1 phút, nếu giả sử như trước kia người ta qui định 100 giây là một phút. Do vậy, thời gian chỉ có tính cách tương đối, ngắn hay dài, lâu hay chóng, là do lòng người cảm nhận, hay nói cho vắn vè là do tâm tạo. Khi buồn ta thấy thời gian dài lê thê - nhất nhất tại tù, thiên thu tại ngoại (một ngày trong tù dài bằng ngàn mùa thu ở ngoài tù). Khi vui thì "ngày vui ngắn chẳng tày gang". Vậy nên "**Bảy lăm năm chỉ** (như) **một sát na**" ý là thế.

Khi không, lượm được bài thơ như món quà sinh nhật trời cho. lòng vui như mở hội, tôi đã đại dốt đem bài thơ này ra khoe với vợ.

*Anh đọc thơ em nghe
Bài thơ làm ngày sinh nhật
Em cười bảo này anh nhớ lấy
Còn em bên đời sao xuất gia
Chớ tưởng tu đời thường là dễ
Tu nhà tu chợ khó trăm bề!
Em cười rất tươi anh tưởng "bờ"
Đọc một hơi đoạn chót thơ "ta"
Em thôi cười về đêm chiêu thấy rõ
Từng lời nhỏ nhẹ em khuyên:
Duy tâm sở hiện lời kinh dạy
Lý sự viên dung khó nghĩ bàn
Kinh nghiệm Niết Bàn ta chưa có
Coi chừng hí luận tội nhiều đời
Hãy cẩn thận vì tâm ngã mạn
Còn nằm sâu trong tạng thức anh
Nên nhớ giờ vĩnh biệt phút giây khó nhất
Chỉ những bậc chân tu ngộ đạo
Ngộ vô thường tự tại một ra đi
Còn phàm phu tu chưa tới sao cười?
Gẫm lại coi cười khó lắm ta ơi!*

Lời nhẹ nhàng mà nghe thấm thía
Nên dặn lòng sửa lại câu thơ

"Một mai liễu ngộ là sinh tử
Rủ bụi trần về với hư không"

Bài thơ ngẫu hứng này thật ra cũng không có gì đáng nói, đáng bàn, ngoại trừ đoạn cuối.

Tu chỉ là tu, tu cũng không.

Nếu có ai hỏi "Tu là gì? Tu để làm gì?" thì có lẽ mỗi người có thể có những câu trả lời khác nhau, chẳng ai giống ai. Nào là: tu là sửa, tu là rèn luyện thân tâm, tu là buông bỏ, v.v... và theo kiến giải của một Thiền sư: "Tu như không tu, không tu (mà) như tu, là tu". **Tu chỉ là tu, tu cũng không** ý là vậy.

Câu này nghe coi bộ rắc rối, khó hiểu. Thôi, nói tóm gọn, đơn giản cho dễ hiểu: tu là hướng thiện (làm lành, lánh dữ), đích cuối là **Niết Bàn**. Phải nói ngay, Niết Bàn không phải là một nơi chốn. Nó không có trú xứ nhất định. Ở đâu cũng có thể là Niết Bàn. Vì Niết Bàn do tâm tạo (Niết Bàn tự tâm). Tâm Niết Bàn thì hiện cảnh Niết Bàn; tâm Địa Ngục thì hiện cảnh Địa Ngục, tâm Nga Quỷ thì hiện cảnh Nga Quỷ. Tâm nào thì cảnh ấy.

Tuy nhiên, trên đời này có ai giống ai đâu, cả về thân (hình tướng) lẫn tâm (suy tư). Người theo đạo Phật tin Niết Bàn, nhưng người không theo đạo hay khác đạo, đa phần, không tin Niết Bàn. Có điều, hầu như mọi người, trong chúng ta, ai cũng có những trải nghiệm về Niết Bàn. Đó là lúc chúng ta không có việc gì để làm hay để phải bận tâm. Chúng ta ngồi thanh thoi và tâm ta hoàn toàn vắng lặng. Niết Bàn ngay đó. Có điều là giây phút Niết Bàn ấy không kéo dài, không liên tục, lúc có, lúc không. Câu "**Niết Bàn rằng có lại rằng không**" ý là thế.



Nhưng làm (hay tu) thế nào để có Niết Bàn ngay bây giờ và ở đây? Bàn đến các pháp tu (học) hay pháp hành (ứng dụng) thì ôi thôi "có nói cũng không cùng. Nói mấy cũng không cùng!". Tài liệu về lịch sử Phật Giáo đã cho thấy những dị biệt và những tranh luận giữa các tông phái, ngay sau khi Phật nhập diệt không lâu và kéo dài cho tới nay. Nhưng cách tu dù cho có khác biệt (về hình tướng) chung cuộc là tu cách nào cũng không quan trọng

miễn là giữ được "Tâm Không" hay tâm rỗng lặng. Tâm rỗng lặng là tâm không động, không bị vướng mắc vào bất kỳ chuyện gì (không tham đắm, không sân hận, không chấp chước, không mong cầu). Tâm giống như một tấm lưới thưa, mọi thứ đều qua lọt, không gì vướng mắc. Hiểu như thế hành giả không còn phân biệt pháp tu và pháp hành, vì tu là để hành và hành cũng là tu. Tu và hành hợp nhất, gọi chung là tu hành (công đức tu hành sư có lòng - Trần Tế Xương).

Phật giáo nguyên thủy thường đề cao trí tuệ, vì chỉ có trí tuệ mới đưa đến giác ngộ, giải thoát. Đến Đại thừa người ta nâng từ bi lên ngang hàng với trí tuệ. Nói cho cùng từ bi và trí là một (bất khả phân). Trong từ bi có trí, trong trí có từ bi. Do vậy mà có lẽ Phật giáo nguyên thủy thấy chỉ cần nhấn mạnh đến yếu tố trí tuệ là đủ.

Mặt khác, ta cũng không nên phân biệt tâm và trí. Tâm và Trí tương tức (cái này dung chứa cái kia, cái kia dung chứa cái này). Khi tâm rỗng lặng (tâm thanh tịnh) thì trí tuệ có mặt, cùng lúc. Trí tuệ là thấy biết các **pháp** (chỉ chung mọi sự, vật, hiện tượng trong vũ trụ) đúng như thật (đúng như nó là). Nó thế nào thấy đúng như thế, không thêm bớt, không phẩm bình, không bóp méo theo quan kiến của mình.

Nói thì dễ, hiểu cũng không khó lắm, nhưng làm được thì, hỡi ôi, khó hơn lên trời! Nhưng khó thì khó đấy, nếu quyết tâm và kiên nhẫn rồi cũng có ngày ... Tâm không mong cầu thì thời gian vô nghĩa. Chưa biết chừng thành bậc "Chánh đẳng chánh giác" lúc nào không hay! Còn không, ta cũng có cơ may thoát khỏi vòng hệ lụy sinh tử luân hồi. Cái thấy biết đúng như thật theo từ ngữ Phật giáo là liễu ngộ. Liễu ngộ rồi thì sinh tử không còn làm gì được ta nữa. Câu "**Một mai liễu ngộ là sinh tử**" ý

Con người vốn tham sống sợ chết thường thắc mắc, lo âu, không biết khi mình chết rồi đi về đâu? Câu hỏi này đúng ra là không cần thiết vì ta chỉ cần sống chân thật ngay bây giờ và ở đây, còn quá khứ đã qua rồi (nhớ làm gì?) tương lai thì chưa tới (sao biết?). Các pháp vận hành theo qui luật tự nhiên, không cách gì thay đổi. Chết là một trong những qui luật tự nhiên. Có gì mà hỏi? Dù vậy, các bậc Thầy vĩ đại đã vì lòng từ bi mà chỉ cho ta thấy. Đức Chúa phán "Cát bụi người lại trở về cát bụi". Đức Phật dạy "Do nhân duyên (điều kiện) đầy đủ thì hiện hữu (sinh); nhân duyên thiếu thì hoại diệt (tử). Trên thế gian này, tất cả mọi thứ (vạn hữu) chỉ là đến rồi đi, sinh rồi diệt. **Rũ bụi trần** là xả bỏ thân xác. **Về với hư không** hàm ý không còn bị sinh tử trôi buộc (giải thoát). Nếu có tái sinh thì tâm ta vẫn tĩnh lặng như mặt nước hồ thu và khi ấy ta luôn sống trong sự tỉnh giác, tùy duyên thuận pháp, sống đời bình thường (đói ăn, khát uống).

*Đi là thiền hành
Ngồi là thiền tọa
Thong dong tự tại
Chẳng khác thần tiên*

Trịnh Vũ Điệp (NT 49 - 54)



Ghi chú thêm:

Trước khi đặt bút viết bài này, tôi đã đắn đo rất nhiều vì những điều viết ra có cái đúng, cái chưa đúng và cái sai. Nhưng nghĩ lại thấy tôi và bạn không khác, cùng là môn sinh Nguyễn Trãi, nên mới có bài này. Dù đúng hay sai, dù hay dù dở xin vì tình bạn mà lượng thứ hoặc chỉ cho nhau những chỗ sai lầm. Nhé!





TÔI YÊU TRƯỜNG NGUYỄN TRÃI

Thơ Lão Học Mây Tán
Nhạc Phạm Ngọc Cung NT 57

Slowly ♩ = 64

Tôi yêu Nguyễn Trãi lạ thường yêu từ Hà Nội đến trường Quận Tư Nguyễn Trãi tôi, một danh
sư yêu cô Thị Lộ mà thơ với tình hôm nay Nguyễn Trãi trường mình vui mừng họp
mặt ôn chuyện ngày xưa bao nhiêu kỷ niệm tuổi thơ bên nhau đèn sách cùng vui nô đùa
Nguyễn Trãi Nguyễn Trãi của tôi đi từ Hà Nội tuyệt đẹp tuyệt xinh qua bao thắng
trầm đành chôn dấu thân phận mình nơi Quận Tư thấy cô xuất sắc học trò ngoan ngoãn thông
minh Tôi yêu Nguyễn Trãi triền miên yêu nàng Xóm Chiếu nên duyên tơ hồng
dù cho xa gần cách biệt một ngày Nguyễn Trãi ta vẫn mãi là anh em

©Copyright by Lão Học Mây Tán & Phạm Ngọc Cung NT 57

*Dùng Ctrl + Click để mở Link trên
YouTube:*

Tôi yêu trường Nguyễn Trãi

<https://youtu.be/rij3xqb97bM>



Tôi Yêu Trường Nguyễn Trãi

Thơ Lão Hạc Mây Tần Nhạc Phạm Ngọc Cung Hoà
âm Vũ Thế Dũng Ca sỹ Quang Châu

Tôi yêu trường Nguyễn Trãi

*Tôi yêu Nguyễn Trãi lạ thường,
Yêu từ Hà Nội đến trường Quận Tư
Nguyễn Trãi tôi một danh sư
Yêu cô Thị lộ mà thơ với tình*

*Hôm nay Nguyễn Trãi trường mình
Vui mừng họp mặt, ôn chuyện ngày xưa
Bao nhiêu kỷ niệm ngày xưa
Bên nhau đèn sách, cùng vui nô đùa*

*Nguyễn Trãi, Nguyễn Trãi của tôi
Đi từ Hà Nội, tuyệt đẹp, tuyệt xinh
Qua bao thăng trầm, đành chôn dấu thân phận mình
Nơi Quận Tư Thầy Cô xuất sắc
Học trò ngoan ngoãn thông minh*

*Tôi yêu Nguyễn Trãi triền mien
Yêu nàng Xóm Chiếu, nên duyên tơ hồng
Dù cho xa gần cách biệt
Một ngày Nguyễn Trãi, ta vẫn mãi là anh em*

Cái ngày mài lưng quần xa xưa ấy

Thời gian cứ chậm chậm đi qua mà muốn níu lại lấy không được. Bây giờ mới ngồi nhớ tới những kỷ niệm xa xưa, hồi tưởng lại ngày còn đi học tung tăng cắp sách đến trường, nhớ được chuyện nào hay chuyện ấy vì sẽ không bao lâu đầu óc sẽ lú lẫn và những kỷ niệm ngày ngồi mài lưng quần sẽ khép lại rồi chìm dần vào quên lãng.

Cuộc đời đi học của tôi bắt đầu từ cậu bé ngây thơ trong trắng như cuốn vở mang theo chưa có chữ nào rồi trở thành chàng học sinh áo trắng quần xanh hờ hờ đến trường rồi thành anh chàng sinh viên đeo kính trắng bước dạo mạo vào trường Đại Học Sư Phạm rồi bỗng chốc trở thành nhà giáo gõ đầu trẻ nơi đất Mỹ xa lạ. Có bao nhiêu là truyện muốn viết, muốn chia sẻ cùng với mọi người. Một điều chúng ta khác với loài súc vật là chúng ta ai cũng có chuyện truyền lại cho nhau hầu như để bắc nhịp cầu, phá vỡ bức tường chia rẽ, ngồi gần với nhau hầu tạo nên sự thông cảm giữa người với người.

Khi gia đình tôi may mắn được di cư vào Saigon từ Hà Nội vào năm 1954 bằng máy bay thì tôi đã lên năm nên tôi được vào học lớp năm hay là lớp 1 theo hệ thống giáo dục bây giờ tại trường tiểu học Đa Kao gần nhà. Học sinh trường phần nhiều cũng là dân di cư từ ngoài Bắc vào nên tôi không bị ngỡ ngàng.

Nhìn lại mới thấy lớp đông lắm, có đến năm sáu chục học sinh. Nhớ nhất là ông giáo già gầy guộc thầy Ngự dạy lớp Tư. Thầy có móng tay dài nhọn hoắt sẵn sàng bấm tai học sinh nào không thuộc bài và tôi không tránh khỏi hình phạt này dù rằng ông hay đến nhà tôi chơi mặt chược với ba tôi.

Thế rồi thời gian trôi qua nhanh tôi học xong lớp nhất mà không bị "đúp". Tôi còn nhớ cô giáo Châu

An dạy năm cuối cùng tiểu học rất hiền hậu và chăm chỉ luyện thi cho chúng tôi vào lớp đệ thất. Cô Châu An là thân mẫu của Đỗ Thành Ý, cũng là dân Nguyễn Trãi sau này. Lúc đó Saigon có rất nhiều trường trung học tư thục và giáo sư phần đông không có bằng cử nhân hay tốt nghiệp trường Đại học Sư Phạm. Trong khi các trường trung học công lập giáo sư có bằng cấp và chứng chỉ hành nghề và được Bộ Giáo Dục bổ chọn nhưng loại trường công lập này quá ít, đếm được trên đầu ngón tay. Ba tôi chọn cho tôi thi vào trường trung học công lập Nguyễn Trãi không xa nhà lắm và nhất là miễn phí cho gia đình đông con của ông.

Cuộc thi đầu tiên của đời học trò của tôi đã đến. Sáng sớm ba tôi đích thân đưa tôi vào trường thi. Tôi không nhớ là làm bài thi như thế nào nhưng tôi chót lọt đậu kỳ thi này dù hạng không cao lắm.

Trường Nguyễn Trãi vẫn với chữ "nhãi con" vì chắc là không sáng giá bằng các trường lớn như Chu Văn An hay Petrus Ký. Tuy trường này có tiếng ở Hà Nội được thành lập năm 1923 có tên là École Normal Supérieure sau đó đổi tên là Đỗ Hữu Vị. Sau năm 1945 trường được thay tên là Nguyễn Trãi, một danh nhân Việt Nam. Khi trường di cư vào Saigon năm 1954 và thành phố không đủ trường ốc nên trường phải học nhờ trường Trương Minh Ký và sau đó được chuyển sang trường Lê Văn Duyệt cũng là trường học nhờ. Học sinh tiểu học đi học vào ban sáng còn chúng tôi học ban chiều. Nhưng dù vậy chúng tôi hằng ngày cắp sách đến trường thu thập kiến thức mà không màng chi hết.



Trường nằm trên đường Phan Đình Phùng có ba hay bốn dãy nhà. Có sân chơi lớn, cầu tiêu và một hồ bơi. Nhưng chắc không đủ ngân sách bảo trì và trả lương cho người chăm coi nên hồ bơi cạn nước không dùng đến và cầu tiêu thì tôi thường phải nhin vì tiêu chuẩn vệ sinh còn thiếu.

Thế rồi dưới cái nắng gay gắt ban trưa của Saigon, tôi hằng ngày mặc đồng phục đảng hoàng, quần xanh với huy hiệu Nguyễn Trãi trên áo trắng vào lớp Đề Thất B2 ban Anh văn. Tôi thích học môn Anh Văn hơn hết vì Anh văn bắt đầu phổ biến hơn Pháp văn. Sau giờ học tôi phải đi học thêm Anh Văn tại trường Khải Minh gần chợ Tân Định. Lúc đó đâu biết rằng cái ngôn ngữ thịnh hành này theo đuổi tôi cho đến ngày hôm nay.

Nhờ học thêm và tôi có khiếu về môn này nên tôi rất là thích thú đàm thoại bằng tiếng Anh với thầy Tuấn, giáo sư mới du học từ Mỹ về và tôi thường hỏi thầy về đời sống trên đất Mỹ. Sau đó khi tôi học ở Văn khoa thì thầy cũng là giáo sư của tôi tại đây. Năm lớp Đề Tam chúng tôi phải học thêm sinh ngữ hai và chúng tôi có thầy Nghiêm Hồng dạy tiếng Tây rất là lý thú.

Lớp Việt Văn tại Nguyễn Trãi có thầy Tô Đình Hiền nói nhiều nhưng dạy rất hay, thầy Cao Thanh Tùng rất điển trai cao ráo thu hút học sinh khi dạy về Truyện Kiều và thầy cũng là người điều khiển chương trình “Đố Vui Để Học” trên truyền hình mà tụi tui ham mê vì được mở mang kiến thức trong tinh thần tranh đua giữa các trường tại Saigon.

Thầy Hòe với dáng dấp của ông đồ xưa dạy Hán Văn thường khảo chúng tôi viết chữ Tàu trên bảng. Ai mà nhớ được cái chữ ngoằn nghèo như gà bới này nên chúng tôi thường hay viết trước chữ vào tay khi lên bảng chỉ việc copy! Không biết thầy có dây đưa rế má với anh rế của tôi như thế nào mà thầy là cháu của anh rế tôi!

Tôi còn nhớ thầy Hối cho đề bài luận tả cảnh buổi sáng và tôi viết một bài khá linh động nên được

hạng cao cộng với lời khen của thầy. Thế là từ đó tôi có một động lực thúc đẩy viết văn cho đến bây giờ. Vâng, chỉ một lời khích lệ của ông thầy và đã ảnh hưởng đến một đời học sinh. Cảm tạ thầy đã mớm cho em cái hứng thú này!

Tôi có một kỷ niệm đáng nhớ và buồn cười với thầy Cửu, giáo sư dạy môn địa lý. Đó là lúc thầy trả bài thi đệ nhất lục cá nguyệt. Khác với lệ bên Mỹ là giáo sư không được thông báo điểm của học sinh công khai trong lớp nhưng tại Việt nam thì chuyện này rất thông thường và người có điểm cao nhất có vinh dự chép điểm của cả lớp vào sổ điểm. Thầy đứng giữa lớp cầm xấp bài thi và đồng dục tuyên bố: “Nhất mười sáu điểm!” Nghe thầy tên vui quá tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng đứng dậy. Nhưng thầy ngoắc tay cho tôi ngồi xuống và nói: “Người đứng hạng nhất được mười sáu điểm, không phải là em”. Tôi tên tò mặt đỏ như gấc. Tụi bạn có dịp cười nắc nẻ no nê! Tôi có tình cờ gặp lại thầy khoảng mười năm sau đó và thầy đang bị bệnh ung thư nặng chắc thầy không còn nữa.



Các thầy dạy NT (từ trái qua phải):

Tô Đình Hiền, Hoàng Trần Hoạch, Nguyễn Đức Thịnh(Thịnh Del), Phạm Quynh, cụ Hối, HT Phạm Văn Việt, Lý Quốc Sinh và Bùi Thái Trừu

Vì ham thích vẽ vời nên tôi thích môn hội họa của thầy Thịnh Del. Thầy đã dạy cho chúng tôi những căn bản của hội họa như phép vẽ phối cảnh với

đường chân trời và điểm tụ và cho thí dụ như khi nhìn vào đường rầy xe lửa càng gần thì thấy rộng và càng xa thì thấy nhỏ đi. Cho đến bây giờ tôi vẫn áp dụng phép này cho tranh của tôi. Thầy rất thương học trò, đứa nào không nộp bài thầy cho zero ghi vào sổ điểm bằng bút chì và sẽ được điểm chính thức bằng bút nguyên tử khi nộp bài kỳ sau.

Thầy Hà Đạo Hạnh dạy môn toán rất nghiêm khắc làm học sinh nghe rằm rắp. Khi thầy quay lưng viết bài toán trên bảng thầy nói: “Này, tôi có cặp mắt sau gáy tôi nhìn các em đấy nhé!” Ghê quá! Cộng thêm cái kính cận của ông vậy ông có sáu mắt lận! Tôi nghĩ thầm. Nhà thầy ở Tân Định gần rạp ciné Moderne bên cạnh nhà của bạn chị tôi nên tôi nghe nói ở nhà ông hãy còn nghịch phá không có nghiêm nghị như ở trường đâu!



Thầy Hà Đạo Hạnh

Sau những giờ học vất vả trong cái nóng ban chiều của Saigon thì thầy Chung Quân dạy nhạc đến như là mang một luồng gió mát thổi vào lớp. Thầy đã dạy cho chúng tôi bao nhiêu bài hát đặc sắc của âm nhạc Việt nam. Bài “Làng tôi” của thầy được chúng tôi học thuộc lòng và được coi như là bài “quốc ca” của trường trung học Nguyễn Trãi không bao giờ thiếu trong các kỳ họp mặt hay đại hội.

Nguyễn Trãi là trường cho nam học sinh nên chúng tôi được xếp vào hạng ba "nhất qui, nhì ma, thứ ba

học trò". Có đứa còn mang theo hình con heo 36 kiểu truyền tay nhau trong giờ học. May mà thầy

Trừu, thầy dạy vật lý không để ý. Thầy mà lục ngăn bàn thì chắc thằng này tới số! Tuy nhiên tôi vẫn là anh chàng e dè nhút nhát coi như là loài hoa nở muộn. Cho đến khi vào trung học tôi mới biết đạp xe đạp đi học. Anh tôi tập cho tôi riết mà tôi không lái được cho đến khi một hôm như có phép lạ tôi đạp được một mình mà không có ai phụ giúp.

Khi vào trung học thì học sinh không phải viết bút mực với lọ mực không đồ nữa. Phần đông học sinh trung học viết bút nguyên tử. Tôi là loại thư sinhang sang viết bằng bút mực pilot nhập cảng từ bên Nhật mà ba tôi hay cho tiền tôi mua tại nhà sách

Khai Trí. Nhưng lúc đó tôi hiền như cục đất làm mấy thằng bạn hay mượn xỏ cái bút viết ngon lành này và nhiều khi lờ không chịu trả. Mấy chục năm sau gặp lại chúng hãy còn nhớ chuyện này cười khanh khách. Ai chưa trả lại bút pi lốt cho tao, dơ tay lên!

Khi Tết sắp đến là chúng tôi sửa soạn mở tiệc liên hoan ca hát ăn uống và mời thầy cô và nhân viên nhà trường đến tham dự. Để giúp vui tôi lên hát hay hét bài “Diana” của Paul Anka rất thịnh hành hồi đó.

Tôi gia nhập vào ban bích báo tức là một tờ báo lớn làm bằng giấy bìa cứng treo trên tường với bài viết, bài thơ và trang trí hoa hoè hoa sỏi đều viết vẽ bằng tay của chúng tôi có chủ đề Xuân. Tôi còn nhớ bích báo mà Trịnh Đắc Phúc làm trưởng ban báo chí có tên là “Đất Mẹ”. Tôi đã dịch một bài thơ về Tổng thống John F. Kennedy sau khi ông bị ám sát năm 1963 trên tờ bích báo này.

Khi mới vào trường Nguyễn Trãi thì nhà tôi nằm ngay sau Bưu Điện Saigon vì ba tôi làm tại đây có chức lớn nên có nhà của sở. Tuy ngay thành phố nhưng nhà có chuồng nuôi gà và chim bồ câu, có cây dừa, cây tầm ruột và thích nhất nhà có hai phòng tắm và hai bồn tắm anh em tôi tha hồ vùng

vẩy. Ra trước cửa Bưu Điện thì có bao nhiêu hàng quà và kiosk Hương Lan bán bánh mì, bánh ngọt.

Đến đêm Giáng Sinh thì khu nhà tôi như chảy hội vì gần Vương Cung Thánh Đường. Dù không phải là Công Giáo nhưng chúng tôi cũng gia nhập theo làn sóng người đi ăn mừng Chúa sinh ra đời. Sau đó sở lại phái ba tôi dọn nhà đến góc đường Đinh Tiên Hoàng và Phan Đình Phùng. Nhà cũng rộng rãi có cây cổ thụ và hàng chục cây hoa xứ trong vườn. Thích nhất là tôi đi bộ đến trường chỉ mất năm phút trước khi chuông trường reo.

Sau Cách Mạng 1-11-1963 chính phủ Ngô Đình Diệm bị lật đổ thì tình hình chính trị của Nam Việt Nam quá rối ren và bất ổn vì các tướng lãnh tranh giành chức tước quyền lực trong khi Việt Cộng lấy nhân dịp này lại càng quấy nhiễu đất miền Nam. Gọi là cách mạng cũng đúng vì ngay cả học đường cũng bị xáo trộn với bao nhiêu là cuộc xuống đường, bãi khóa của trường đại học và trung học tại Saigon và làm cho nhiều học trò không còn vâng lời kính trọng thầy cô như trước. Tôi nghiệp cho cô Cúc dạy vạn vật có tiếng là nghiêm khắc và hà tiện cho điểm bị học sinh ném đá trong sân trường và cô phải lấy nón đỡ đá. Cách mạng là vậy sao? Nghe nói về sau tụi học sinh này đến nhà cô xin lỗi.

Cái dịch bãi khóa dần dà rồi cũng tới trường Nguyễn Trãi. Tôi còn nhớ ngày đó sau buổi ra chơi chúng tôi đang học môn toán với thầy Quán, bỗng nhiên nghe tiếng la lớn: “Bãi khóa, bãi khóa!” của mấy anh lớp trên. Thầy Quán hiền hậu nhìn chúng tôi như van lơn và tiếp tục dạy nhưng chúng tôi chạy ủa ra sân một cách hỗn độn. Lúc đó còn bé đâu biết tí gì về chính trị chính em nên thấy được nghỉ học thích quá nên bắt chước làm theo mấy ông đầu têu.

Chúng tôi đi dầy dài lên trung tâm Saigon chống chính sách trung lập của Tổng Thống Pháp De Gaulle. Trước khi đi mấy ông nhô lớp lớn còn treo lên tường tỉnh mang theo cái bảng tên trường bằng sắt dựng trước cửa trường nhưng bảng có hai cái cột

bằng sắt kiên cố làm cho hậu duệ cụ Nguyễn Trãi không thể nào dứt ra được nên đành bỏ kế hoạch này!

Chúng tôi vừa đi bộ vừa hô những khẩu hiệu như con vẹt mà người khởi xướng là người lạ không phải dân Nguyễn Trãi. Chúng tôi bị giật dây lúc nào không biết!

Thế rồi Saigon sau đó có bao nhiêu là biến cố thay đổi chính quyền. Đời sống học sinh cũng bị xáo trộn nhưng việc học tại trường vẫn tiếp tục. Cuối năm đệ Tứ tôi thi đậu kỳ Trung Học Đệ Nhất Cấp và lên lớp Đệ Tam.

Trường Nguyễn Trãi không còn học nhờ tại trường Tiểu Học Lê Văn Duyệt và dọn sang trường mới toanh bên Kho Năm Khánh Hội. Nhà tôi cũng dọn về xóm nhỏ gần Cầu Kiệu vì ba tôi về hưu. Lúc đầu nghe đến Kho Năm là ai cũng lo sợ tình hình an ninh của khu vực này.



Sân sau trường Nguyễn Trãi

Chúng tôi hơn hờ đi học trường mới dù rằng phải đi xa hơn, qua cầu bắc ngang sông Saigon và phải lái xe cẩn thận vì xe vận tải lớn của nhân sự và quân sự Việt nam và Hoa kỳ đi nườm nượp và chúng thả khói xe đen ngòm. Một điều ngạc nhiên và không mấy thích thú vào ngày khai trường khi thấy phòng vệ sinh bị mất mát bao nhiêu là dụng cụ như vôi rửa tay hay bồn rửa tay. Nghe nói dân anh chị Kho Năm đã tháo gỡ trước ngày khánh thành trường.

Qua năm Đệ Tam mà chúng tôi gọi là năm hưởng

nhân tuy vậy tôi vẫn tà tà theo đuổi việc học. Cho tới năm Đệ Nhị thì tình hình chính trị trở nên nóng bỏng và tàn khốc ảnh hưởng cho toàn dân. Đó là cuộc tổng tấn công vào dịp Tết Mậu Thân 1968 của Việt Cộng.



Chụp tại Thủ Đức trước cửa nhà Thầy Nghiêm Hồng, gs Pháp văn vào dịp Tết năm 1967

*Hàng trên trái qua phải: Chúc, Nhất, Trần Văn Thắng, Môn
Hàng dưới: Triệu Hùng, Báu, Bích, Gia Khánh*

Tuy khu tôi ở Cầu Kiệu không bị ảnh hưởng nhiều nhưng khu Khánh Hội bị tổn thất nặng nên trường biến thành trung tâm tị nạn và trường học phải đóng cửa ba bốn tháng. Hình như cho đến tháng năm trường mới mở cửa lại và chúng tôi phải học gấp rút cho kỳ thi vượt vũ môn Tú Tài 1. Nếu ai không vượt được có thể ca bài: "Rớt tú tài anh đi trung sĩ". Và tôi bị loại ngay khỏi vòng đầu vì môn Toán không phải là môn ruột của tôi. May mắn cho tôi được miễn dịch vì tôi là con trai út còn lại trong vì có hai anh là bác sĩ quân y. Tôi phải đổi sang ban A là ban vận vật và vượt qua hai cửa ải Tú Tài với hạng bình thứ.



Tám anh hùng hảo hán: Môn, Bích, Thắng, Khánh, Chúc, Hùng, Vũ V. Du (nhà văn Nguyễn Phong) và Nhất

Khi lên đại học thì tôi không còn bén mảng tới trường Nguyễn Trãi nữa. Đổi ngành học sang sư phạm dạy tiếng Anh và nhận ra đây mới là đất dụng võ của mình. Trước khi nhập học tôi phải ký hợp đồng với Bộ Giáo Dục làm cho chính phủ 10 năm và được lãnh tiền lương tháng 3.000 \$ trong khi đi học. Thích quá vừa đi học vừa được trợ cấp!

Nhưng oái ăm thay học đến năm thứ ba chỉ còn hai tháng là ra trường gia đình tôi lặng lẽ đau xót rời Saigon không một lời từ giã với người thân và bạn bè bốn ngày trước khi Saigon không còn là Saigon vào mùa xuân năm ấy. Với gia tài quần áo, giấy tờ, hình ảnh nằm trong hai túi xách tay cùng bốn đô la đổi tại phi trường tôi mừng mừng tủi tủi rời Saigon bằng máy bay vận tải C-130 của Quân Lực Hoa Kỳ.

Tôi được định cư tại tiểu bang Utah và tiếp tục theo ngành sư phạm và chẳng bao là thầy giáo song ngữ và ESL tại Minneapolis. MN trong khi các bạn cùng lớp phân đông đổi sang ngành khác.

Sang tới đất Mỹ phần đông lúc đầu ai cũng quay cuồng vật lộn với đời sống mới, học hành, công việc, ngôn ngữ, phong thổ bao nhiêu việc phải đối phó. Rồi thời gian trôi qua khi đời sống khá ổn định thì lúc đó người ta tìm lại bạn cũ, thầy cô xưa để nối lại dây liên lạc, chia sẻ vui buồn với nhau làm cho Lớp niên khóa 1961-68 của tôi đã có những buổi họp mặt tại Quận Cam vài lần tại tư gia hay tại nhà hàng do Trần Đức Tâm hay Tâm Xì Dầu đứng lên khởi xướng và tổ chức. Tại vì tôi ở Minnesota xa xôi nên thỉnh thoảng mới tham dự. Kể cũng vui gặp lại hàn huyên và vui cười với nhau.

Sau bao nhiêu năm trường Nguyễn Trãi mới có Đại Hội Thế Giới Nguyễn Trãi Saigon Kỳ 1 tại Houston, TX năm 2012 với sự khuyến khích của cô Đào Kim Phụng giáo sư Anh văn. Chúng tôi có những giờ phút ấm cúng thân ái gặp lại các bạn và thầy cô và ban tổ chức nhiệt tình đón tiếp chúng tôi. Tôi thích nhất là buổi tiền đại hội khi lớp chúng tôi niên khóa 61-68 gặp nhau tại trung tâm Việt Ngữ

của anh chị Đỗ Hoàng Ý. Buổi họp mặt rất có ý nghĩa đầy tình người và chương trình văn nghệ bỏ túi linh động.

Rồi hai năm sau Đại Hội Thế Giới Kỳ 2 được tổ chức tung bừng tại Quận Cam với số người tham dự đông đảo hơn. Chương trình rất đặc sắc như màn đọc văn tế và trình diễn thời trang áo dài của mấy “cô” nữ sinh Nguyễn Trãi. Có một điều là khi tụi tôi đến tìm bàn ngồi thì không thấy bàn mình đâu và ngồi chỗ bàn trống thì bị đuổi đi. Có một dân Nguyễn Trãi phàn nàn:” Mình sang Mỹ lưu vong mà bây giờ cũng bị long đong!” Nhưng sau đó họ cũng xếp cho chúng tôi ngồi mé sân khấu cạnh cái loa lớn nhạc xập xình điếc tai và nhìn đời bằng nửa con mắt!



Đại Hội Thế Giới Kỳ 2

Năm 2016 Đại hội được tổ chức tại San Jose, CA như được coi là thủ phủ của dân tị nạn Việt Nam. Chắc vì bận bịu chuyện gì đó nên chúng tôi không tham dự được. Nghe nói chương trình văn nghệ hay lắm vì ngoài các ca sĩ cây nhà lá vườn còn có nhiều ca sĩ chuyên nghiệp đến giúp vui.

Hai năm sau, năm 2018 Đại Hội vượt biên giới được tổ chức tại Ottawa, thủ đô của Gia Nã Đại. Chúng tôi ghi tên ngay vì Ottawa không xa Minnesota mấy và cũng là dịp đi ngắm cảnh mùa thu rực rỡ bên đó. Đại Hội này không đông đảo người tham dự chắc vì quá xa xôi. Tuy vậy chúng

tôi rất cảm kích với sự thân tình của ban tổ chức. Anh Cần, người tổ chức đại hội đích thân đưa chúng tôi vào chỗ ngồi. Chương trình văn nghệ cũng hay lắm với sự điều khiển của anh Phi. Chúng tôi thích nhất là màn phỏng vấn các cựu giáo sư trường nhà.

Tới lượt cô Phương Mai được hỏi về cảm tưởng về nghề giáo của cô tại Việt nam sau 1975 và tôi nhớ mang máng chuyện khi cô được hiệu trưởng phái cho cô làm thêm nhiệm vụ đại diện giáo sư và cô có dịp đi họp cùng với đại diện học sinh. Anh chàng này học lớp với cô lúc đầu nó không nói gì nhưng về sau không biết cô phát biểu gì có thể không đúng chính sách nhà nước nên bị ông nhô này phê bình kiểm thảo. Cô rất ngạc nhiên và sợ quá đành từ chức việc làm thêm này. Thiệt đúng là chuyện trò lên mặt thầy cô chỉ xảy ra trong thiên đường Cộng sản.

Tôi chắc mọi người trong lớp tôi đã bước sang một giai đoạn mới của tuổi xế chiều. Có người sống ẩn dật ít khi muốn giao tiếp với bạn cũ vì nhiều lý do nhưng cũng có người vẫn còn tinh thần trẻ trung muốn tìm lại giây phút tình cũ trường xưa gặp nhau cho vui cuộc đời. Bây giờ chúng ta không bị gò với bó với thời gian và công việc nghề nghiệp nên có dịp gặp nhau là một điều đáng quý!

Trường Nguyễn Trãi bây giờ hãy còn đó được mở rộng và thay đổi rất nhiều không còn đơn sơ như hồi xưa. Vật đổi sao dời bao nhiêu sự vật thay đổi làm cho tôi như một người xa lạ đến một vùng đất mới khi có dịp về thăm.

Chính nhờ các buổi họp tao ngộ bạn bè và thầy cô như các Đại Hội Nguyễn Trãi rộng lớn hay các buổi họp mặt bỏ túi của các lớp mới gây cho nhiều xúc động với ánh mắt, nụ cười thân quen và các bài hát thuộc lòng ngẫu nhiên của thầy Chung Quân làm cho lòng người bồi hồi ấm lại nơi xứ người.

May nhờ kỹ thuật tối tân của truyền thông trường Nguyễn Trãi có một trang mạng như là một sân

chơi để cựu học sinh kết nối và chia sẻ tin tức, bài hát bài văn bổ ích cho các cựu học sinh với tuổi trung niên kéo dài.

“Một ngày học Nguyễn Trãi mãi mãi là anh em

Một ngày dạy Nguyễn Trãi mãi mãi là thầy cô”

Đây là một khẩu hiệu đặc biệt và hầu như dân Nguyễn Trãi ai cũng biết. Lúc đầu ngày nào tôi

cũng phải ghé qua sân nhà trong lúc rảnh rỗi, có khi tôi cũng gửi bài viết, hình ảnh du lịch hay các bức tranh vẽ.

Nhưng về sau không còn cảm hứng xem nữa vì có hai ba “chuyên viên” hằng ngày đăng copy các bài của nhà báo Việt nam nhuộm mùi chính trị nặng.

Lời lẽ chống Cộng quyết liệt đầy nhưng phần nhiều tuyên truyền nâng bi đảng mầu đỏ của Mỹ với lời lẽ thô thiển không tôn trọng người đọc. Có người cho rằng đây là tự do ngôn luận nhưng cũng có người cho rằng đó chỉ là các loa phường ra rả suốt ngày chỉ làm người nghe điếc tai và bị xóa bỏ ngay tức khắc. Chỉ mong các chuyên viên này đọc kỹ và phân tích trước khi đăng lên trang mạng trường Nguyễn Trãi của anh em thầy cô thân yêu.

Tuổi hạc của tôi đã ập đến lúc nào không hay. Chuyện xưa thì nhớ lắm nhưng chuyện bây giờ nếu có hỏi tôi hôm qua đi đứng ăn uống ra sao thì tôi chả nhớ gì nhiều. Thôi gỡ được chữ nào hay chữ ấy với cặp mắt kèm nhèm chúi vào máy vi tính này. Góp nhặt vài ba câu chuyện tiêu pha thời gian còn lại là vui lắm rồi.

Cái thời ngồi mài lũng quần tại trường Nguyễn Trãi sao mà đẹp thế!

Đặng Thống Nhất (NT61-68)



Đại Hội Thế Giới NT kỳ III



Đại Hội Thế Giới NT kỳ IV



Nghệ Thuật Nhiếp Ảnh Qua Tinh Thần Phật Giáo.

Khi ta nghĩ về nghệ thuật và Phật Giáo (Buddhism) chúng ta thường liên tưởng đến những bức họa cổ xưa hay những bức tượng Phật ngàn năm. Ít ai thấy sự liên quan giữa một bộ môn nghệ thuật nhiếp ảnh mới, dùng kỹ thuật hiện đại tân tiến (máy ảnh số), lại có nhiều điểm tương đồng với triết lý cổ xưa Phật Giáo. Hôm nay chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu một đề mục khá mới lạ: Nghệ Thuật Nhiếp Ảnh Qua Triết Lý Phật Giáo và Thiền (Photography Art in View of the Buddhism and Meditation).

Thế nào là triết lý hay tinh thần Phật Giáo? theo định nghĩa của trung tâm phật giáo thế giới, Phật Giáo là con đường thực hành và phát triển tâm linh dẫn đến cái nhìn sâu sắc vào **bản chất thực sự (truth)** và **hiện tại (present)** của cuộc **sống đơn giản (simplicity)**. Thực hành Phật Giáo như **thiền (meditation)** là phương tiện thay đổi bản thân để phát triển được sự nhận thức cao hơn, với lòng tốt và trí tuệ. Kinh nghiệm được phát triển trong truyền thống Phật giáo qua hàng ngàn năm đã tạo ra một nguồn tài nguyên sâu sắc cho tất cả những ai muốn đi theo một con đường - một con đường mà cuối cùng đạt đến giác ngộ trong sự khai sáng qua triết lý Phật Giáo. Một người giác ngộ sẽ nhìn thấy bản chất của thực tế **hoàn toàn rõ ràng (clear)**, giống như nó là vậy, **chân thật (real)**, và sống đầy đủ và tự nhiên (natural), đơn giản là phù hợp với tinh thần Phật Giáo. Thiền là việc thực hành nhận thức về bản thân, tâm trí, và tình cảm của mình để sống trong giây phút hiện tại, để đạt được cảm giác bình tĩnh, và an bình. Cộng đồng thiền theo trường phái Zen chia xẻ: Thiền không diễn tả bằng chữ nghĩa hay sự suy diễn. Thiền là chúng ta đang sống ở thời điểm hiện tại, không suy nghĩ và cứ để thời

gian tuần tự đến và đi ta không quan tâm đến quá khứ hay tương lai. Chúng ta mở lòng cảm nhận thời gian hiện tại, chúng ta không đánh giá xấu, tốt, thích hoặc không thích. Tôi thích nhất là sự định nghĩa rất khoa học và dễ hiểu từ đại học UC Berkley: Thiền là sự duy trì nhận thức từng giây từng phút của hiện tại về những cảm xúc, cảm giác, và những nhận thức chân thực của bản thân và môi trường xung quanh mình.

Bắt đầu nghiên cứu để viết về đề tài này, lúc đầu mình cũng hơi ưu tư làm thế nào để phối hợp nhiếp ảnh với triết lý Phật Giáo và thiền? Qua những định nghĩa về Phật Giáo và thiền ở trên, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu nghệ thuật nhiếp ảnh có điều gì tương đồng với triết lý Phật Giáo nhé các bạn!



Figure 1

Bản chất thực sự (truth):

Phật giáo thường đề cập đến hai sự thật. Sự thật bình thường rõ ràng là những hình ảnh và sự kiện chúng ta gặp hàng ngày và lẽ thật thực sự xuyên qua sự giác ngộ hay nguyên lý của sự thật. Những cảm nhận về lẽ thật thực sự chỉ có thể được thực hiện thông qua thiền định, và nó không phải lý thuyết hoặc suy đoán. Phật giáo, bắt đầu bằng kinh nghiệm

giác ngộ của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, là con đường hay phương pháp để đạt đến sự giác ngộ thành chính quả. Phật (Buddha) có nghĩa là người giác ngộ, người tỉnh thức hoàn toàn khỏi các ràng buộc và chấp thủ của thế gian. Tôi phát hiện ra rằng Phật giáo và nhiếp ảnh có nhiều điểm chung, bao gồm ghi lại hình ảnh thực với sự đồng cảm và hoàn toàn tự nhiên trong khoảnh khắc hiện tại đến với chúng ta. Những bộ môn nghệ thuật khác như hội họa, phim ảnh, điêu khắc đều đòi hỏi sự sắp xếp và gửi gắm tư duy, ý kiến, hoặc những sáng tạo, kỹ thuật phần nào cũng làm thay đổi không gian và thời gian thực. Xin các bạn xem bức hình trên đây (hình 1), dù không không diễn nghĩa các bạn cũng thấy và nhận thức được đây là một hình ảnh thực của một em bé gái nghèo, ngồi bên hè phố trong một một đêm giá lạnh



Figure 2 Kinkakuji

Nhìn rõ (clear seeing) là một mối quan tâm chính của triết lý Phật Giáo. Mối liên hệ giữa Phật Giáo và nhiếp ảnh có thể không rõ ràng nếu chúng ta chỉ nhìn phiến diện, nhưng những người đã nghiên cứu sâu về Phật Giáo đã sử dụng tâm trí và trái tim đem áp dụng sự hiểu biết và thực hành của họ vào những thách thức của cuộc sống trong hơn hai ngàn năm trăm năm. Có lẽ quan trọng nhất, nhiếp ảnh và Phật giáo chia sẻ những yếu tố thiết yếu: cả hai đều quan tâm đến việc nhìn rõ. Phật giáo quan tâm đến việc

nhìn thấy rõ ràng bởi vì nhìn thấy rõ ràng là liều thuốc giải độc cuối cùng cho sự nhầm lẫn và thiếu hiểu biết. Đạt được giải thoát khỏi sự nhầm lẫn và thiếu hiểu biết là một mục tiêu tối quan trọng của Phật Giáo. Nhìn rõ cũng là một mối quan tâm chính đối với nghệ thuật nhiếp ảnh, bởi vì bức hình rõ nét là một trong những yếu tố quan trọng nhất khi chụp hình. Nhìn rõ là nguồn gốc căn bản của những hình ảnh sống động và mỹ thuật. Xin quý vị thưởng thức bức ảnh dưới đây, ảnh của Kim Tự Tháp rất rõ nét, sống động, và rất đẹp phải không các bạn?

Khi bạn thực sự đam mê chụp ảnh, và tập trung hoàn toàn vào chủ đề, việc này nảy ra một kết quả rất tự nhiên, đơn giản, và rất đẹp. Lúc đó mình chỉ đơn thuần ghi lại hình ảnh mỹ thuật một cách chân thật không hơn không kém. Khi đó mọi nhận thức của ta hoàn toàn đắm chìm với hoạt động chụp hình của mình và không nghĩ đến điều gì khác. Tính cách này cho ta thấy nhiếp ảnh trên thực tế rất gần gũi với sự chân thật và tính thực của Phật Giáo và nó đến rất tự nhiên. Vì khi đó mình chỉ tập trung nhận thức hoàn toàn vào cảnh quang và chụp ảnh và dường như không có gì khác có vẻ quan trọng hơn nữa trong lúc đó. Phật Giáo liên quan đến nhiếp ảnh theo nhiều khía cạnh, nâng cao tầm nhìn và nhận thức giúp chúng ta tập trung và củng cố kỹ năng của một nhiếp ảnh gia. Khi thiền ta bắt đầu bằng việc tập trung vào một điều cụ thể, có thể là những nhịp thở hoặc hình ảnh mình đang quan sát. Áp dụng những điều này lâu dài sẽ giúp các nhiếp ảnh gia tập trung vào chủ đề, đây cũng là phương pháp có thể áp dụng cho nhiếp ảnh để phát triển những giác quan đặc biệt. Không hay tâm trí trống rỗng (nothingness, emptiness): Theo triết lý Phật Giáo sự trống rỗng hay hư vô có ý nghĩa gì? Tâm trí trống rỗng là một cách nhận thức, hoặc một cách nhìn vào sự việc nhưng không thêm gì vào, và không lấy gì ra từ dữ liệu thô của các sự kiện thuộc về thể chất hoặc tinh thần. Bạn nhìn vào các sự kiện trong tâm trí và các giác quan mà không nghĩ đến việc liệu có bất cứ điều gì nằm đằng sau chúng hay không. Mình cũng hay phân trí bận tâm với suy

nghĩ thế nào để duy trì một tâm trí trống rỗng (emptiness) khi chụp ảnh. Khi chụp hình với quan niệm tối giản (minimalist photography) Nhiếp ảnh và thiền thường được bắt đầu như một tờ giấy trắng, nó thường đến với chúng ta rất tự nhiên



Figure 4. To Am

Khởi điểm quan trọng ta cần một tâm trí trống rỗng cảm nhận phong cảnh chung quanh, chỉ chờ đợi một thời điểm mà ánh sáng, hình dáng, và nghệ thuật cùng hội tụ là ta bấm máy. Nhiếp ảnh và thiền là một tư duy dựa trên những yếu tố căn bản là tối giản. Những hình ảnh được chụp cần có yếu tố đơn giản tối thiểu trên mọi khía cạnh. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu thêm về những bố cục hình tối giản có thể giúp chúng ta đạt được một bức hình đẹp, nghệ thuật tối giản phù hợp với ý niệm thiền chánh niệm. Hình với bố cục đơn giản tối thiểu thường thấy không gian có nhiều khoảng trống hoặc rất ít chi tiết. Hội họa và nhiếp ảnh có nhiều sự tương đồng nhưng chúng khác nhau ở một điểm rất

quan trọng: Với hội họa, tác giả chỉ chấm dứt và hoàn tất một tác phẩm khi họ đã vẽ xong và không còn thêm một đường nét nào nữa vào tác phẩm của mình. Khi đó một nhiếp ảnh gia với ý niệm thiền lại khác, họ thường từ từ loại bỏ các chi tiết không cần thiết của một bức ảnh (frame composition) cho đến khi chủ đề được dẫn dắt tối thiểu hóa và nâng lên cao hơn để tạo ra một bức hình nổi bật và đi vào lòng người. Thể loại hình này rất ít đường nét và trong hình có nhiều không gian trống.

Bức hình trên ghi lại hình ảnh đôi chim cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình. Vài nhiếp ảnh gia cho ý kiến có thêm mấy câu thơ. "Hình rất nét và thật ý nghĩa vì chẳng có hạnh phúc nào có thể sánh bằng đôi uyên ương cùng chung tay xây tổ ấm" (nhiếp ảnh gia C Vũ). "Bức ảnh đơn giản về hình thức, nhưng mang lại nhiều cảm xúc cho người xem: cảm động, ấm áp và tràn đầy yêu thương" (NAG M.Thu)

Đôi chim non đến tuổi bay về mái lá

Đem theo những sợi tơ dệt mộng tháng ngày
(NAG Văn Vũ)

Người xem ảnh khi thường thức loại hình với bố cục tối giản, họ thường cảm thấy sự an bình, một cái gì đẹp nhẹ nhàng đến rất tự nhiên hướng dẫn họ vào chủ đề chính tràn đầy ý nghĩa.



Ý Xuân

cvn

Figure 5. Tele zoom Macro

Chụp hình với ống kính có độ dài tiêu cự lớn: Dùng ống kính dài bạn có thể zoom vào một chủ đề, càng zoom hình ảnh lại càng giới hạn, zoom một lần nữa, nó lại giảm xuống ít hơn nữa. Sử dụng một ống kính có độ dài tiêu cự lớn hơn vào một không gian ảnh, sẽ cho bạn một góc nhìn với bố cục chặt chẽ hơn, giúp bạn loại bỏ những yếu tố rác ở chung quanh và nó cũng giúp bạn thể hiện ý tưởng chính của mình cho bức ảnh. Thể loại hình này rất tâm đầu ý hợp với quan niệm tối thiểu hóa tiến đến hư vô, phù hợp với triết lý thiền phải không các bạn?

Hình chụp với vận tốc chụp hình thật chậm: đây là loại ảnh được phơi sáng với thời gian dài. Hình dưới đây chụp ở bãi biển Galveston, buổi tối với độ chụp ống kính ở 5 giây. Thời gian dài làm cho những cơn sóng biển đang giận dữ đánh vào tảng đá, trở nên nhẹ nhàng và vật thể cố định là những tảng đá rục rờ, nổi bật lên. Nếu bạn chụp hình ban ngày, bạn có thể dùng thêm bộ lọc mật độ giúp làm giảm ánh sáng quá chói lọi. Nếu bạn không có những bộ lọc, bạn luôn có thể đợi cho đến khi hoàng hôn hoặc ban đêm để tăng tốc độ màn trập tự nhiên. Xin các bạn thưởng thức một bức hình chụp cảnh hoàng hôn ở bãi biển Galveston dưới đây. Nhiều người thưởng thức bức ảnh này đã nói như đang ở trên thiên thai, với phong cảnh mờ ảo như một giấc mơ đến với họ rất nhẹ nhàng, thơ mộng.



Chụp ảnh với kỹ thuật lia hoặc lướt máy ảnh:

Khi trong ảnh bạn định chụp có vật thể rắn di chuyển, đôi khi ta không cần đòi hỏi bức hình phải sắc nét. Đôi khi các bức ảnh về các cảnh biển chỉ có mây nước ta có thể chụp một bức hình nghệ thuật với những chi tiết quyện vào nhau tạo ra sự mềm mại, bay bổng bằng cách lướt máy ảnh trong khi bấm máy hình. Khi được sử dụng đúng cách, việc lia hoặc lướt máy ảnh này sẽ tạo ra ý tưởng và cách nhìn mới vì bạn có thể xoay máy ảnh theo dòng chảy của nước hoặc những đám mây trên bầu trời. Kỹ thuật này tạo ra những hình ảnh huyền ảo nhưng rất độc đáo và lạ. Tác động này sẽ tối thiểu hoá các chi tiết trong một bức ảnh làm bức ảnh trở thành rất đơn giản và nhẹ nhàng rất phù hợp với ý niệm thiền. Xin mời bạn thưởng thức bức ảnh này, để cảm nhận sự nhẹ nhàng thanh thản qua kỹ thuật lia hoặc lướt máy ảnh.



Tác phẩm ảnh hình vuông:

Bạn thường không thấy những họa sĩ vẽ trên khung vải vuông, có lẽ bởi vì họ muốn có một không gian hình chữ nhật rộng hơn, để tạo ra các sáng tác với bố cục phức tạp, chứa đựng thêm nhiều đường nét và nội dung. Một số nhiếp ảnh gia đương thời cũng khẳng định rằng hình vuông là cứng nhắc, và họ cho rằng rất khó để tạo một bức ảnh vuông cho vừa ý. Thực ra, quan sát sâu hơn về bố cục của một bức ảnh vuông, ta nhận thấy một bức ảnh vuông cho ta một cái nhìn tức thì về nội dung của bức ảnh. Với

chiều rộng bằng với chiều cao, khung trở thành trung hòa, như thể khung ảnh không còn hiện hữu. Điều đó sẽ làm cho nội dung của ảnh nổi bật và hình vuông là một hình dạng rất ổn định. Cho dù bạn lật hoặc đảo ngược nó, hình vuông vẫn giữ nguyên sự cân bằng và không thay đổi, do đó rất phù hợp với nguyên tắc trung đạo, cân bằng, và hòa hợp với triết lý Phật Giáo. Xin bạn thưởng thức một bức ảnh hình vuông. Bạn có cảm nhận gì? Hai trái tim yêu quện vào nhau với nhịp đập thồn thức, thu hút và rất cân bằng phải không các bạn?



Hiện Tại (present):

Trong nhiếp ảnh, chúng ta không thể chụp một hình ảnh về quá khứ vì nó đã bay qua. Chúng ta cũng không thể nào chụp một bức hình của tương lai vì hình ảnh đó chưa đến. Khi bấm máy chụp một bức hình là ta chỉ có thể đơn giản ghi nhận lại hình ảnh của hiện tại thôi. Nhiếp ảnh rất phù hợp với triết lý Phật Giáo về hiện tại phải không các bạn? Tôi rất yêu thích chụp hình đen trắng vì thể loại này màu sắc đơn giản. Để có một tấm hình đen trắng nghệ thuật, chúng ta phải làm nổi bật những đường nét, bố cục và nội dung của bức ảnh. Loại ảnh đen trắng giúp người xem ảnh chú tâm vào chủ đề và không

bị rối loạn bởi màu sắc. Ngoài ra, thường ngày những hình ảnh quanh ta từ quá khứ đến tương lai đều có màu sắc. Hình đen trắng mang đến cho ta một cảm giác mới lạ. Một trong những lý do chúng ta thích ảnh đen trắng vì trong đó bức ảnh có tính cách vượt thời gian. **Hình đen trắng gần gũi hơn về ý niệm thiền, qua một bức hình đen trắng đơn giản không màu mè và chứa đựng tính chất vượt thời gian, dường như nó đã xóa đi sự cách biệt của quá khứ, hiện tại và tương lai. Chúng hầu như cô đọng lại vào một thời gian quan trọng nhất, đó là hiện tại.** Mời quý vị thưởng thức bức ảnh đen trắng “Yêu Nhau Ngày Mưa”



Chúng ta đã chia sẻ với nhau vài kỹ thuật nhiếp ảnh có thể phù hợp với triết lý Phật Giáo và ý niệm về thiền. Bạn có thể tự hỏi thể loại nhiếp ảnh nào có thể ứng dụng những kỹ thuật trên, để chúng ta có thể sáng tác một bức ảnh mỹ thuật qua ý niệm thiền? Tất cả mọi thể loại nhiếp ảnh đều có thể ứng dụng những kỹ năng chúng ta đã chia sẻ ở phần trên. Để có một khái niệm rõ hơn chúng ta hãy cùng nhau khám phá vài thể loại hình rất phổ biến:

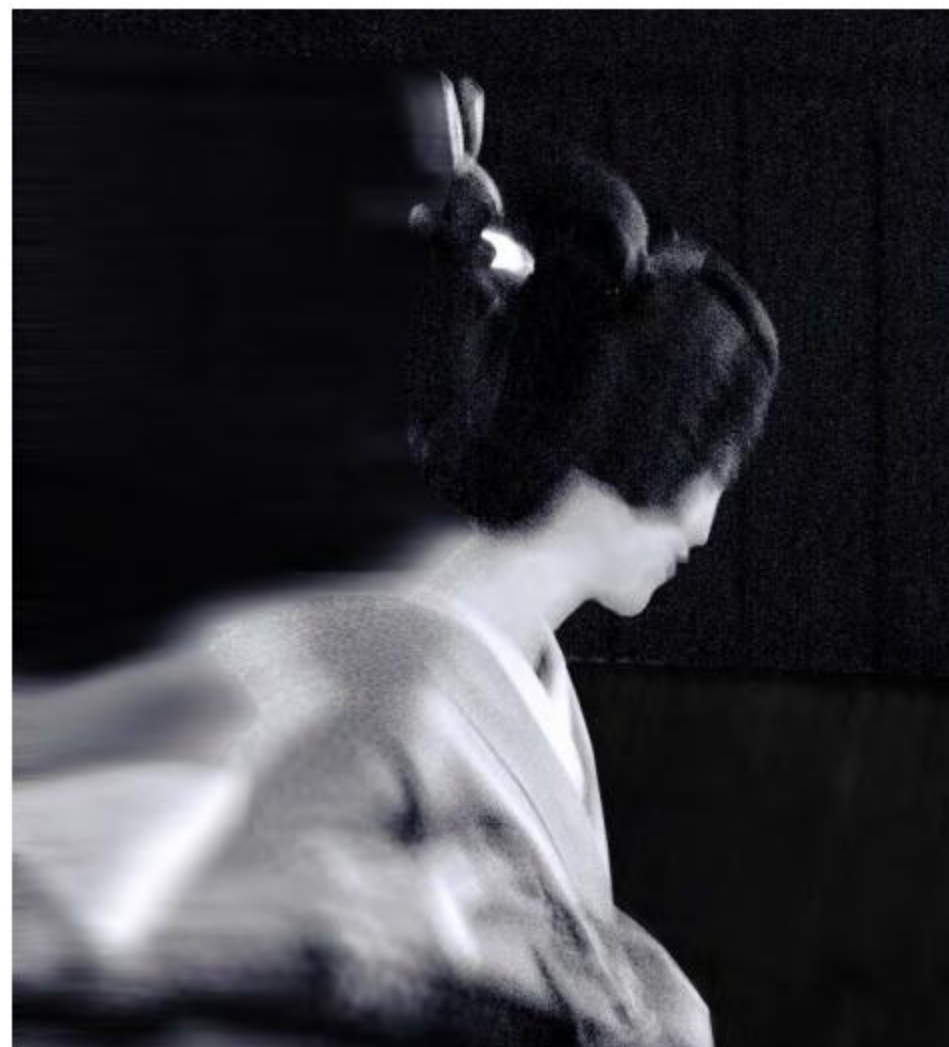


Chụp hình phong cảnh:

Thể loại phong cảnh có lẽ ai cũng yêu thích vì chúng thường rất đẹp, dễ cảm nhận và rất gần với thiên nhiên. Hình phong cảnh thường chứa đựng những cảnh vật đẹp, thơ mộng và trong sáng nhất. Thông thường khi ta chụp hình phong cảnh, ta cố gắng chụp cảnh thật bao la khi nhìn thấy sự hùng vĩ của tạo hóa. Để làm được điều đó, nhiếp ảnh gia cố gắng tập trung vào việc lấp đầy khung ảnh từ góc này sang góc nọ với ánh sáng rực rỡ, với đường nét, kết cấu, màu sắc từ tiền cảnh đến hậu cảnh của dãy núi hoặc bầu trời đầy mây xa xa. Tuy nhiên hình quang cảnh với ý niệm thiền lại khác. quang cảnh cần mang lại sự tĩnh lặng yên tĩnh, an bình trong sự đơn giản của quan điểm thiền. Nhiếp ảnh gia cần nắm bắt một ý tưởng chính hấp dẫn cho bức ảnh và loại bỏ những yếu tố phụ trong hình. Nhiếp ảnh phong cảnh về thiên nhiên tối giản là một nghệ thuật chỉ đạt được khi chúng ta thực hành thường xuyên. Đôi khi bức ảnh quang cảnh nổi bật nhất là bức ảnh đơn giản nhất vì nó đòi hỏi sự chú tâm quan sát, cảm nhận qua một thời gian dài. Đây có lẽ là một trong những đòi hỏi phức tạp nhất khi chúng ta chụp hình phong cảnh với ý niệm thiền. Hình ảnh trên đây cho thấy đôi khi hình đơn giản ít chi tiết lại có kết quả hơn là bức hình phức tạp nhiều đường nét.

Nhiếp ảnh đường phố:

Nhiếp ảnh đường phố quan trọng nhất có lẽ là mình chú tâm thường thức các bước đi của bạn (từ từ) với máy ảnh trong tay. Nhiếp ảnh đường phố với ý niệm thiền là tìm kiếm vẻ đẹp trong thế giới phức tạp quanh ta với ý tưởng rất đơn giản và tự nhiên.



Ngày xưa, tôi đã từng nghĩ nhiếp ảnh đường phố giống như một "anh thợ săn". Bây giờ tôi thấy nhiếp ảnh đường phố như là "thiền đi bộ", một cơ hội để tôi đi bộ từ từ, làm dịu tâm trí, giữ tâm mình trống rỗng về những suy nghĩ phức tạp. Tôi đi từng bước với sự bình thản, an nhiên. Tôi tập trung vào hơi thở, cảm nhận những hình ảnh, cảnh vật xung quanh. Tôi mỉm cười với những người tôi gặp khi đi dạo phố chụp hình, và chụp ảnh rất tự nhiên bất cứ khi nào trong lòng tôi có cảm hứng. Tôi cũng không bận tâm hình ảnh của tôi là "đẹp hay "xấu" mà chỉ nhìn thấy, ghi nhận và chụp vì chúng đến với tôi ở thời điểm hiện tại; Tôi chỉ đơn giản ghi lại những hình ảnh của những gì tôi nhìn thấy và trải nghiệm qua từng bước chân trên hè phố. Mời quý vị thưởng thức bức ảnh chụp một cô Gheisa trong một buổi tối ở phố cổ Kyoto (không có ý niệm sang hèn, tốt xấu). Ảnh với đường nét đơn giản nhưng gợi sự mờ ảo, tò mò và thơ mộng phải không các bạn?

Làm thế nào để bắt đầu với nhiếp ảnh qua ý niệm Phật Giáo và thiền? Ban đầu bạn sẽ không hoàn toàn chắc chắn làm thế nào để bắt đầu cuộc hành trình nhiếp ảnh qua ý niệm thiền? Đừng bận tâm

quá, bạn hay bắt đầu bằng cách tiếp cận với nhiếp ảnh thiên từ từ, trong khi bạn vẫn chụp ảnh bình thường như xưa. Một khi bạn đã quen và nắm bắt được những điều căn bản về sử dụng máy và nhận biết góc nhìn, ánh sáng và bố cục một cách tự nhiên hơn; Khi đó nhiếp ảnh qua ý niệm thiên sẽ đến với bạn một cách dễ dàng hơn và chụp hình với một ý tưởng trông rộng sẽ đến với chúng ta một cách tự nhiên hơn. Những nhiếp ảnh gia có sự kiên nhẫn thường gặt hái nhiều thành quả tốt, vì vậy đừng bao giờ vội vã trong quá trình chụp ảnh, nhất là với ý niệm Phật Giáo và thiên. Thí dụ, khi chụp hình phong cảnh ta cần nhiều thời gian và kiên nhẫn để chờ đợi cho ánh sáng rơi đúng vào giờ “hoàng đạo”. Tìm vị trí tối ưu để đảm bảo các điều kiện ánh sáng, bố cục trở nên hoàn hảo như bạn tưởng tượng, và dự đoán. Đừng băn khoăn nếu hôm đó thời tiết xấu, sương mù hay mưa cũng có thể giúp chúng ta giấu đi nhiều chi tiết xấu và sự mờ ảo của chúng cũng rất thích hợp với ý niệm thiên bạn ạ. Thời tiết có thể đổi thành thuận lợi vài giờ sau đó hay bạn vẫn có thể trở lại địa điểm này trong tương lai. Đôi khi thậm chí nhiều năm sau dự tính bạn đầu, nhưng khi bạn kiên nhẫn và đạt được kết quả tốt lại càng tăng thêm giá trị cho những nỗ lực của mình.

Tôi hy vọng chúng ta đã cùng nhau khám phá một tiểu thể loại mới của nhiếp ảnh tương đồng với triết lý Phật Giáo với ý niệm thiên. Thiên trong Phật Giáo là một khái niệm giống như "tâm trí của đứa trẻ". Chúng rất tò mò, vui tươi, tự nhiên, và không có bất kỳ hạn chế nào về sự sáng tạo của chúng. Chúng thử nghiệm, cố gắng hơn và không ngại thử những điều mới lạ. Bất cứ khi nào mình đánh giá một bức ảnh là "đẹp" hoặc "xấu", mình đang sử dụng những khái niệm và luật lệ nhiếp ảnh đã được hình thành và học hỏi từ trước của chúng ta; Khi ý tưởng đã bị đóng khung, thường sẽ giới hạn về nội dung trong quá trình sáng tác mỹ thuật. Một điểm tôi muốn nhấn mạnh là mình nên tìm thấy vẻ đẹp hoặc sự đặc biệt trong tất cả mọi khía cạnh, cho dù đó là một tòa nhà đổ nát, những nếp nhăn trên

khuôn mặt của một người già, hay nụ cười của một đứa trẻ thơ. Một trong những thú vui hưởng nhân tạo nhẽ là bộ môn nhiếp ảnh, nay thêm vào ý niệm thiên lại càng tăng thêm ý nghĩa cho cuộc đời phải không quý vị. Chúng ta hãy cùng nhau bắt đầu cuộc hành trình sáng tác và tìm sự rung động qua các tác phẩm nhiếp ảnh mỹ thuật của mình nhẽ.

Chúc các bạn luôn vui khỏe, an bình, và nhất là sẽ có những tác phẩm nhiếp ảnh mỹ thuật đầy ý nghĩa qua triết lý Phật Giáo và ý niệm về thiên định.

Cấp Văn Nguyễn

NT68-75

Nhóm Nhiếp Ảnh COFFA, Houston, TX



COFFA Exhibit 2012 @ Palette Gallery_Houston, TX



BẢNG XẾP HẠNG TỔNG THỐNG HOA KỲ

Từ mùa hè năm 2019, cuộc vận động tranh cử ngôi vị Tổng Thống của quốc gia hùng mạnh nhất thế giới đã bắt đầu sôi động. Đây kịch tính với những toan tính, đấu đá, thủ đoạn của các chính trị gia hàng đầu của cả hai chính đảng; với những màn đạo diễn ngoạn mục để leo lách cử tri của tập đoàn truyền thông Mỹ.

Chân giả khó lường, trong khi đó, cử tri Mỹ chia ra hai phe rõ rệt, FOR TRUMP or NO MORE TRUMP. Bảo Thủ hay Cấp Tiến.

Bầu cho ai? Bầu cho phe nào? Là sự chọn lựa của mỗi công dân Mỹ.

Người đắc cử sẽ leo lách con tàu Mỹ Quốc trong bốn hoặc tám năm sắp tới, sẽ toàn là phong ba bão tố:

- Chiến tranh chống khủng bố và những bất ổn vùng Trung Đông với Hồi Giáo và dầu hỏa.
- Sự trì trệ kinh tế thế giới, chiến tranh mậu dịch trong một tương lai gần, khá bi quan.
- Vấn đề di dân tại Hoa Kỳ và gánh nặng dân tỵ nạn toàn cầu.
- Lá bài thống trị thế giới của Trung Cộng và có thể cả Nga Xô.
- Thiên tai với những vấn đề thay đổi khí hậu toàn cầu...

Và sau khi người ấy ra đi, chỉ có lịch sử mới đánh giá được rằng sự chọn lựa của mình đúng hay sai.

Chúng ta thử tìm hiểu xem lịch sử đánh giá thế nào về các vị Tổng Thống Hoa Kỳ. Tự chung, đại đa số đều có khả năng lãnh đạo và được người dân tôn trọng và quý mến. Với một “cái tôi đầy chủ quan” nhưng hy vọng có nhiều tính thuyết phục, xin

mời bạn theo dõi bảng xếp hạng dưới đây cùng những thành tích đáng nể của họ.

Chúng tôi sẽ đánh giá họ từ hạng nhất tới hạng năm theo ba tiêu chuẩn:

THEO KHẢ NĂNG LÃNH ĐẠO:

1-George Washington, 1789-1797. Ông được tôn vinh là nhà khai sáng đất nước và cha già của dân tộc; Tổng Tư Lệnh duy nhất của Quân Đội Cách



Mạng đã dành được độc lập và quyền tự chủ từ Anh Quốc. Tổng Thống đầu tiên và đã được toàn dân tín

niệm do toàn thể Quốc Hội thời bấy giờ bầu ra. Ông có tài lãnh đạo, cai trị và tổ chức, ông thiết lập các cơ cấu chính phủ, các định chế về tiền tệ và ngân hàng quốc gia đầu tiên.

Ông có một chính sách ngoại giao hoà hoãn với Anh và trung lập quốc tế rất khôn ngoan thời mới lập quốc để tập trung tất cả tài nguyên, nhân lực cho công cuộc kiến thiết một nước Mỹ còn non trẻ. Ông không tham quyền cố vị nên đã đặt ra tiền lệ – một Tổng Thống chỉ có thể đảm nhiệm tối đa là hai nhiệm kỳ liên tiếp để tránh nạn độc tài - sau này là khuôn mẫu cho mọi nền dân chủ trên thế giới. Một Tổng Thống của dân, do dân và vì dân.

2-Franklin D. Roosevelt, 1933-1945. Ông là vị Tổng Thống duy nhất đắc cử bốn nhiệm kỳ liên tiếp do tình thế đặc biệt trong chiến tranh. Ông lãnh đạo nước Mỹ và bàn thảo những sách lược, chiến thuật với các giới lãnh đạo Âu châu, đóng góp nhân vật lực cho cuộc chiến khiến Đồng Minh đạt chiến thắng trong Thế Chiến Thứ Hai. Ông điều hành

chính quyền Liên Bang vượt qua cuộc Đại Khủng



Hoàng Kinh Tế với chính sách New Deal-an sinh xã hội- cùng nhiều cải cách khác góp phần tạo nên một

nước Mỹ thịnh vượng và hùng mạnh nhất thế giới trong lịch sử cận kim. Ông khéo léo nhưng quả quyết trong khi giao dịch với nguyên thủ các nước Đồng Minh và luôn luôn được mọi người yêu mến và kính trọng.

3-Ronald Reagan, 1981-1989. Ông có tài thuyết



phục người khác, được sự ưa thích và kính trọng của cả hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ. Có viễn kiến, có tài

lãnh đạo và kinh Tế, ông giảm thuế, khuyến khích tự do mậu dịch, tạo nhiều công ăn việc làm. Ông có tài ngoại giao, cùng với TT Bush Cha, đã đàm phán với Nga tài giảm bom nguyên tử, chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh giữa hai quốc gia, dẫn tới sự giải thể Cộng Sản ở châu Âu

4-Thomas Jefferson, 1801-1809. Ông là một nhà



đại thông thái lại thấy xa, trông rộng, một trong những nhà lập quốc, ông là tác gia chính của bản Tuyên Ngôn

Độc Lập -1776.

Ông mở rộng bờ cõi –gấp đôi- với Louisiana Purchase. Ông ban hành đạo luật Tự Do Tôn Giáo. Ông trao lại nhiều quyền hành cho chính quyền tiểu bang.

5-Abraham Lincoln, 1861-1865. Ông là một lãnh



tụ tài ba cả về đối nội, quân sự cũng như đối ngoại, thành công trong nỗ lực lãnh đạo và chỉ huy vượt qua cuộc nội

chiến, duy trì chính quyền liên bang thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Ông xóa bỏ chế độ nô lệ, hiện đại hóa nền kinh tế và tài chánh. Rất tiếc là ông đã bị ám sát và từ trần khi vừa đắc cử nhiệm kỳ hai.

THEO KHẢ NĂNG CẢI TRỊ – ĐỐI NỘI:

1-Gorge Washington

2- Ronald Reagan

3-Lyndon Johnson, 1963-1969. Mặc dầu gặp



nhiều khó khăn vì chiến cuộc Việt Nam, Ông đã đạt nhiều thành tích đối nội với những chính sách lo cho dân nghèo, như Medicare, Medicaid, trợ cấp giáo dục Head Start, cải thiện

nạn kỳ thị chủng tộc, trợ giúp gia cư HUD, mở rộng di dân, bảo vệ môi trường, khuyến khích nghệ thuật, mở rộng quyền đi bầu cho mọi sắc dân, phát triển truyền thông và không gian...

4-Franklin D. Roosevelt

5-Dwight Eisenhower, 1953-1961. Ông là một vị tướng lãnh tài ba, với chức vụ Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đồng Minh, đã đem lại chiến thắng trong Thế Chiến Thứ II. Là nhà lãnh đạo có tài



cai trị, ông đã phát triển an sinh xã hội thời hậu chiến, hệ thống xa lộ tối tân trên khắp nước Mỹ, đem lại sự hùng cường cho đất nước, thịnh vượng và no ấm cho toàn dân. Ông đẩy mạnh vai trò lãnh đạo Thế Giới Tự Do của Mỹ, chống lại sự bành trướng của chế độ độc tài Cộng Sản.

THEO KHẢ NĂNG ĐỐI NGOẠI

1-Gorge Washington

2-Ronald Reagan and Gorge W. Bush, 1989-1993. Reagan đã sáng suốt, khôn ngoan và nhạy bén



khai thác những yếu điểm của Nga, vừa dọa leo thang binh bị, vừa hòa đàm với Gorbchev mở đường cho Bush - cha, một chính trị gia đầy kinh nghiệm trong ngành ngoại giao tiếp

tục đàm phán và đã thành công chấm dứt chiến tranh lạnh, tài giảm nguyên tử và giải thể các chế độ Cộng Sản Đông Âu-1990, sau đó còn lôi kéo họ vào liên minh NATO. Chiến dịch Panama-1989, Kuwait-1991 chứng tỏ khả năng tuyệt vời của Bush đã đóng góp nhiều vào nền hòa bình và an ninh thế giới.

3-Franklin D. Roosevelt

4-Harry Truman, 1945-1953. Trong bối cảnh chiến tranh lạnh giữa Mỹ Nga, để kiềm chế Nga, Tàu Ông đã đưa ra nhiều chính sách ngoại giao



nâng cao uy tín của Hoa Kỳ trên thế giới như: thả bom nguyên tử ở Nhật sớm kết thúc chiến tranh, Marshall Plan- tái thiết Tây

Âu, bảo vệ Nam Hàn, Truman Doctrin- ngăn chặn C. S. ở Greece và Turkey, thành lập liên minh NATO.

4 –Đồng hạng -Dwight Eisenhower .

BẢNG XẾP HẠNG CHUNG KẾT

- 1- GORGE WASHINGTON : Một vĩ nhân của nhân loại
- 2- FRANKLIN D. ROOSEVELT: Một nhà lãnh đạo tuyệt vời
- 3- RONALD REAGAN
- 4- THOMAS JEFFERSON
- 5- DWIGHT EISENHOWER/ HARRY TRUMAN

Những Tổng Thống khác với thành tích đáng kể:

Theodore Roosevelt, 1901-1909. Ông là người Mỹ đầu tiên đoạt giải Nobel Hòa Bình vì đã đàm phán kết thúc chiến tranh Nga-Nhật-1905.

James Madison, 1809-1817. Cha đẻ của Hiến Pháp Hoa Kỳ và Tuyên Ngôn Nhân Quyền.

Woodrow wilson, 1913-1921. Lãnh đạo Hoa Kỳ chiến thắng Thế Chiến Thứ Nhất.

Bill Clinton, 1993-2001. Chàng và nàng Monica Lewinsky.

Donald Trump, 1917- . Tỷ phú.

“Make America great again”

Nguyễn Văn Thanh, NT59

Nhạc:

Võ Tá Hân

TÌNH BẠN NGUYỄN TRÃI - Thơ: Vũ Văn Sang -
Nhạc: VTH

<https://www.youtube.com/watch?v=NVR-VcLmyFs>

NGUYỄN TRÃI MÁI TRƯỜNG THÂN YÊU -
Thơ: Vũ Văn Sang - Nhạc: VTH

<https://www.youtube.com/watch?v=LBb8olDqmZk>

GẶP NHAU - Thơ: Vũ Văn Sang - Nhạc: VTH

<https://www.youtube.com/watch?v=c-ulXuErazo>

MAI TÔI CHẾT CỜ VÀNG XIN ĐỪNG PHỦ -
Thơ Ngọc Trân - Nhạc VTH (Bài này đã hát rất
thành công tại Đại hội NT 1 tại Houston)

<https://www.youtube.com/watch?v=d8oFQ2UW10E>

<https://www.youtube.com/watch?v=ZHX-4u-G-Ss>

CÒN GẶP NHAU - Thơ: Tôn Nữ Hỷ Khương -
Nhạc VTH

<https://www.youtube.com/watch?v=cwuGZA0-cLg>

TRƯỜNG CŨ BẠN XƯA - Thơ: Lê Minh Đức -
Nhạc: VTH

https://www.youtube.com/watch?v=_45Yt5zsl0E

HOUSTON MỘT NGÀY MÙA ĐÔNG - Thơ
Phạm Ngọc - Nhạc VTH

<https://www.youtube.com/watch?v=fINAx4cz60>



Notes: Ctrl + Click để Follow Linls

CHUNG QUÂN



NHÀ IN-NHÀ XUẤT BẢN

NHÀ SÁCH — TỔNG PHÁT HÀNH

THẾ-GIỚI

116, Duy - Tân, 116

16, Nguyễn-Công-Trừ, 16

HANOI

GIÁM-ĐỐC *Nguyễn van-Ho'i*

ĐÃ XUẤT BẢN

Đủ các loại sách giáo - khoa, khảo cứu, kinh - tế
âm - nhạc, tiểu - thuyết v...v...

RIÊNG VỀ ÂM NHẠC

Loại cũ đã phát hành, hơn 100 bản

LOẠI MỚI ĐÃ PHÁT HÀNH

LÀNG TÔI
BẾN CÚ
MỘT CHUYẾN ĐI
NGƯỜI Ở NHÀ
TIẾNG ĐÀN TÔI
GÁNH LỬA
CHỦ CƯỜI
DÂN CA THƯƠNG BINH
RA ĐI KHI TRỜI VỪA SÁNG
LEO RỪNG
TÌNH QUÊ HƯƠNG

CHUNG QUÂN

ANH VIỆT

in lần thứ nhất đều theo đúng
chính của tác giả

PHẠM DUY

và PHẠM ĐÌNH CHUÔNG

VIỆT LANG

Nhà in Bắc Việt — Hà-nội

Giá 5\$

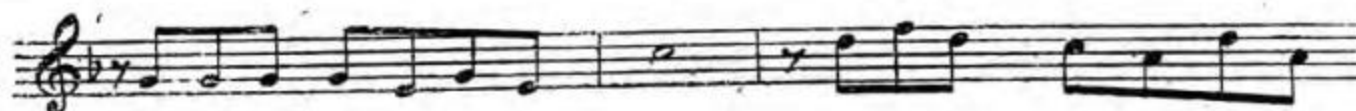
Ngoài B V. 6\$

CÔ GÁI QUÊ

LỜI VÀ NHẠC: CHUNG-QUAN



Sương thu mênh mông, hoàng hôn mờ xuống



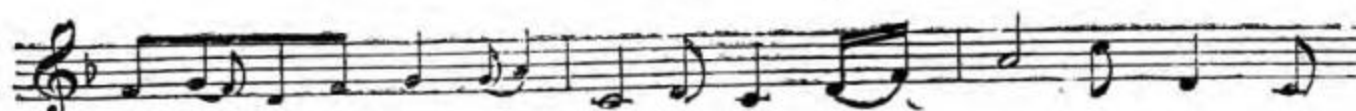
Bơ vơ trên đê, còn ai một bóng: -- Cô gái quê ơi, gồng gánh đi



dâu? Dưới bóng tre xanh lay lắt trên đầu? Mà rồi buồn buồn cô ngâm câu



hát -- Khắp thôn đồng xa -- Luyến vắng lời ca -- Hát lên câu



rằng: (Nước nhà hùng anh (ơi tình) em gồng em gánh, cánh đồng đồng

Copyright by CHUNG-QUAN

Tác giả giữ bản quyền

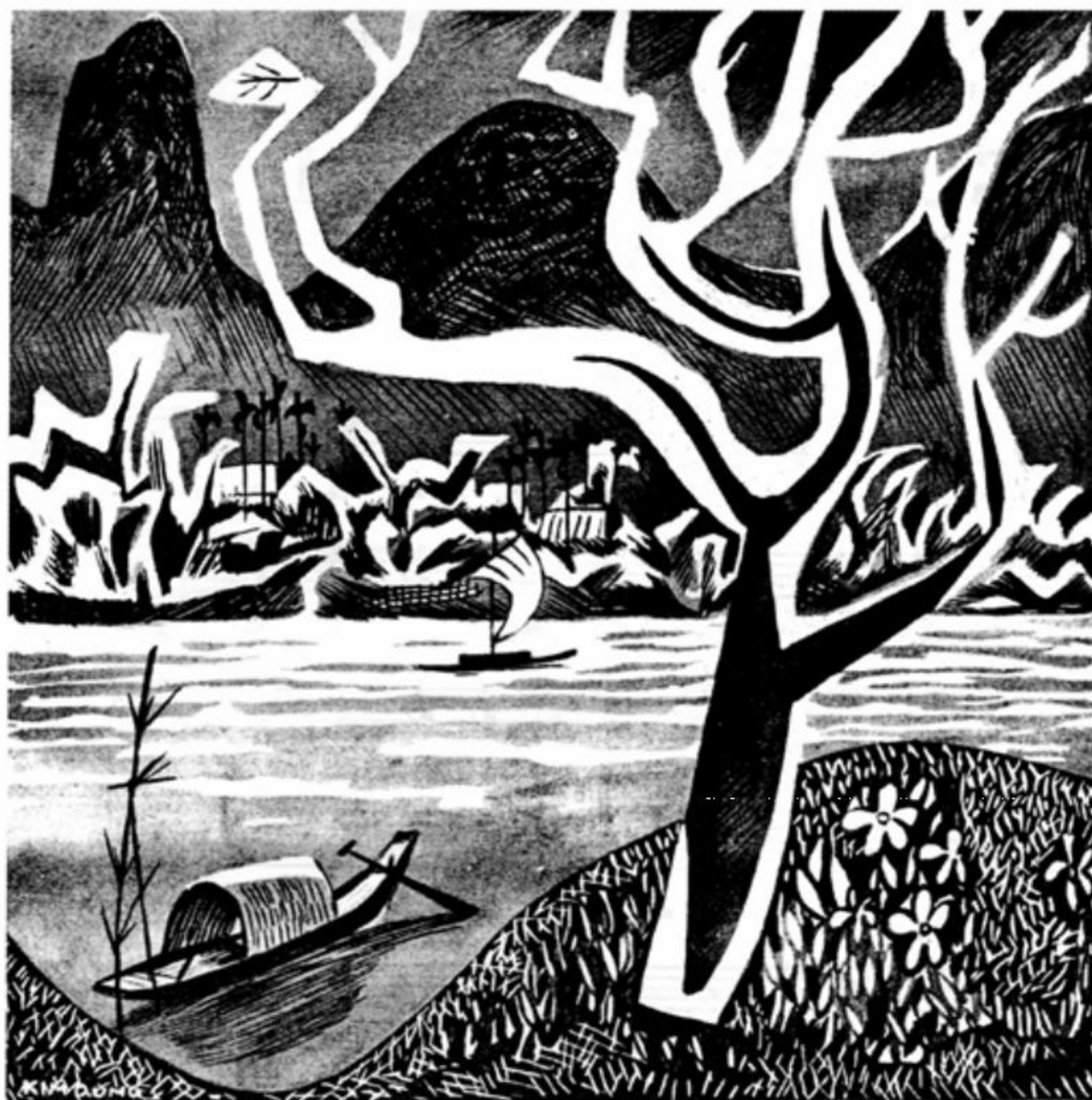
K.D. 142 B.V.

Cấm in lại, trích dịch, đàn hát nơi công cộng hoặc in ra từng bản chỉ có lời ca.



xanh ! Chiều chiều mờ sương - Em về đường quê có khi dừng bước - Em nhớ nhớ
 người, em nhớ nhớ người - Cung tên chiến trường - Xa xôi non
 nước - Em ngóng em chờ, chàng đi ? Thu nay ba thu, hoàng hôn mờ xuống
 Riêng em cô đơn ngày đêm mờ bóng - Theo gái quê em gồng gánh đi
 buồn - Dưới bóng tre xanh lay lắt trên đồng - Chiều về buồn buồn em ngâm câu
 hát - Lúc xưa ngoài hiên .. Nhấn nhủ cùng em Hát lên câu
 rằng : « Nước nhà hùng anh (ời tình) em gồng em gánh, cánh đồng đồng xanh ! »

« CÔ GÁI QUÊ » do nhà THẾ - GIỚI
 xuất bản lần thứ nhất. Ngoài những bản
 thường còn in thêm 30 bản đặc biệt đánh dấu
 C. Q. T. G.



CHUNG QUÂN
GỬI
chút tình



TINH-HOÀ XUẤT-BẢN

CHI-NHÁNH MIỀN BẮC

Số 35, đường Lương-văn-Can
HANOI

NHÀ XUẤT-BẢN TINH-HOÀ

GIÁM-ĐỐC : TĂNG-DUYỆT
Số 121, Đường Trần-Hưng-Đạo — HUẾ

CHI-NHÁNH MIỀN NAM

180, đường Marchaise, Hộp Thư 510
SAIGON

- 273) Mây Thu,
274) Hồ Leo Núi
275) Tiếng Đàn Trong Đêm
276) Trương-Chi
277) Chử Cuội
278) Suối Mơ (Bài Thơ Bên Suối)
279) Em Đến Thăm Anh Một Chiều-Mưa
280) Đi Chơi Chùa Hương
281) Nhạc-Sĩ Trong Sương Chiều
282) Bến Xuân (Đàn Chim Việt)
283) Tiếng Trục Bên Sông
284) Nhớ Cảnh Chiều Quê
285) Thu Nhớ Mong
286) Bên Ngàn Hoa Thắm
287) Thăng-Long Hành Khúc
288) Ra Đi Khi Trời Vừa Sáng
289) Khối Tình Trương-Chi
290) Không Quên Việt-Nam
291) Nhịp Xuân
292) Đêm Xuân
293) Xuân ... Xuân
294) Xuân Tươi Thắm
295) Khúc Nhạc Xuân
296) Tình Xuân
297) Mơ Tiên
298) Bầy Chim Đêm Khuya
299) Chúng Ta Yêu Đời
300) Ai Về Sông Tương
301) Lúa Vàng
302) Mơ Xuân
303) Hương Lúa Đồng Quê
304) Nàng Tiên Trắng
305) Nhớ Bạn
306) Làng Bến
307) Nhạc Bình Minh
308) Tình Thôn Nữ
309) Chiều Chia Ly
310) Cảnh Hoa Trắng
311) Hồ Lãng-Bạc
312) Nhảy Lửa
313) Ngàn Cảnh Chim Về
314) Hương Nhớ Nhung
315) Mùa Thi
316) Hoàng Hôn
317) Gò Đống Đa
318) Tiếng Hát Dân Chàm
319) Tiếc Một Thời Xuân
320) Buồn Tàn Thu
321) Người Trai Việt Nhớ Chàng ?
322) Tôi Là Nhạc-Sĩ
323) Tiếng Sáo Thiên-Thai
324) Bình Minh Ca Khúc
325) Đêm Tàn Bến Ngự
326) Một Chiều Thu

- Võ-đức-Thu
Phạm-dinh-Chương
Trần-nhật-Bằng
Văn-Cao
Phạm-Duy
Văn-Cao và Phạm-Duy
Tô-Vũ
Trần-văn-Khê
Châu-Kỳ
Văn-Cao và Phạm-Duy
Nguyễn-Thiện-Tơ
Lê-quang-Nhạc
Ngọc-Bích
Dương-thiệu-Tước
Văn-Cao
Phạm-dinh-Chương
Phạm-Duy
Văn-Cao
Trần-Ích
Phạm-Duy
Nguyễn-hữu-Ba
Văn-Giang
Hoàng-Trọng
Vũ-Thành
D. T. Tước và Minh-Trang
Trần-Hoàn
Ngô-Ganh
Thống-Đạt
Mặc-Hi
Hoàng-Trọng
Hoàng-Giác
Trần-nhật-Bằng
Vũ-Thành
Tô-Vũ
Văn-Giang
Thống-Đạt
Trần-Ích
Phạm-Duy
Xuân-Tùng
Văn-Giang
Thăm-Oánh
Vũ-Thành
Kim-Bằng
Ngọc-Linh
Văn-Cao
Châu-Kỳ
Dương-thiệu-Tước
Văn-Cao
Thăm-Oánh
Trần-văn-Trạch
Phạm-Duy
Võ-đức-Thu
Dương-thiệu-Tước
Trần-nhật-Bằng

- 327) Chiều Đò Thị
328) Bài Ca Tuổi Trẻ
329) Có Hàng Cà-Phé
330) Tạ Từ
331) Mưa Rơi
332) Được Mùa
333) Tiếng Hát Quay Tơ
334) Dạ Khúc
335) Trỏ Về
336) Quê Hương
337) Tà Áo Văn Quân
338) Xuân Về
339) Bà Mẹ Núi
340) Trăng Mơ Bên Suối
341) Gió Lạnh Chiều Đông
342) Nhớ Quê
343) Bóng Chiều Xưa
344) Tủi Đàn
345) Chiến Sĩ Hải Quân
346) Miếng Trầu Duyên
347) Có Gái Quê
348) Tiếng Dân Chài
349) Mưa Đêm Thu
350) Ngày Mùa
351) Quê Mẹ
352) Tuổi Thơ
353) Chàng Ra Đi (Rừng Chiều)
354) Tình Nước
355) Hình Ảnh Một Buổi Chiều
356) Lỡ Cung Đàn
357) Tiếng Dân Cây
358) Xuân Đã Về
359) Mỗi Độ Xuân Về
360) Xuân Thanh Bình
361) Kéo Gõ Rừng Khuya
362) Những Ngày Tàn Mơ
363) Tiếng Nhạc Trong Sương
364) Tình Ca
365) Tiếng Chuông Chiều Thu
366) Kiếp Cuội Già
367) Tiếng Thu
368) Dạ Lai Hương
369) Nam Tiến
370) Con Chim Non
371) Anh Đi Mai Về
372) Đoàn Người Phiêu Lưu
373) Lúa Đồng Quê
374) Khi Bóng Trăng Vàng Lên Khơi
375) Khúc Nhạc Canh Tân
376) Mưa Khuya
377) Gửi Chút Tình
378) Khúc Đàn Tâm
379) Cung Đàn Xưa
380) Đợi Con Về

- Phạm-duy-Nhượng
Phạm-dinh-Chương
Canh-Thần
Tô-Vũ
Ưng-Lang
Phạm-dinh-Chương
Tứ-Phác
Mỹ-Ca
Châu-Kỳ
Hoàng-Giác
Phạm-duy-Nhượng
Thăm-Oánh
Phạm-Duy
Lê-mộng-Nguyên
Hoàng-Trọng
Yến-Lan
D.-th.-Tước & Minh-Trang
Canh-Thần
Văn-Cao
Đan-Trường
Chung-Quán
Phạm-dinh-Chương
Võ-đức-Thu
Văn-Cao
Thu-Hồ
Lê-Thương
Trần-Hoàn
Vũ-hóa-Thanh
Lâm-Tuyền
Hoàng-Giác
Mỹ-Ca
Minh-Kỳ
Phạm-dinh-Chương
Lâm-Tuyền
Văn-Giang
Anh-Việt
Hoàng-Trọng
Phạm-Duy
Tô-Vũ
Phạm-dinh-Chương
Ngọc-Linh & Nam-Huân
Phạm-Duy
Lưu-hữu-Phước
Trần-Hoàn
Hoàng-Nguyên
Văn-Giang
Sỹ-Minh
Châu-Kỳ
Nguyễn-thiện-Tơ
Thăm-Oánh
Chung-Quán
Hoàng-Trọng
Văn-Cao
Triều-Dương

TỔNG PHÁT-HÀNH NAM-VIỆT
NAM-CU'ONG
185, Đại-lô Kilchener — SAIGON
K. T. Số 605 — ngày 18-1-1954

Giá : 7\$00

TỔNG ĐẠI-LÝ MÈN-LÀO
HON-DU
4, Delaporte — PHNOM-PENH
Triah-Bay : LÊ-MÔNG-BẢO

GỬI CHÚT TÌNH

LỜI VÀ NHẠC : *Chung-Quân*

Moderato Expressivo

Hôm nay ai có về đồng
quê , Qua đây nhận một đôi tiếng , Tôi hỏi thăm làng
quê . Nhà tôi trên bến trường-giang, Bao cánh thuyền xuôi , đêm
lắng tiếng hát của mấy cô nàng . . . Thu
qua , mấy lần lửa khói tôi - bời . Không biết ngày
nay lá bàng còn tươi , Cô lái đò còn chở sang
sông , Quán nước bên bờ còn đó hay không !

Ấn-phẩm 1954 của TINH-HOA — Việt-Nam
TÁC-GIẢ GIỮ BẢN-QUYỀN

CẮM TRÍCH DỊCH, IN LẠI
VÀ SỬA ĐỔI LỜI CA KHÁC

Nhớ - người nhớ người làng quê , Nhớ giòng nhớ giòng sông
 quê , Ai về Phủ - Kim , tôi gửi chút tình :
 - Cô lái mòi đào cười xinh , Đôi mắt nhung
 huyền , lòng tôi khó quên . Nhớ - đồng nhớ đồng khoai
 xanh , Nhớ vườn nhớ vườn cau xanh trước đình làng xưa trăm
 mồi hẹn hò . . . Nay khói súng mờ làng
 thôn , Bao khách sang đò nhìn sông vắng buồn . . .

BẢN « GỬI CHÚT TÌNH » ẤN-HÀNH LẦN THỨ
 NHẤT. NGOÀI NHỮNG BẢN THƯỜNG CÒN IN
 THÊM 30 BẢN ĐẶC-BIỆT ĐÁNH DẤU TỪ C.Q.
 I ĐẾN XX - T.H. I ĐẾN X ĐỀU CÓ CHỮ KÝ CỦA
 TÁC-GIẢ VÀ ĐÓNG TRIỆN SƠN T. H. ĐỀ TẶNG.

T. H. 377

Thăm Viếng Bắc Mỹ và Canada

Hôm nay chúng tôi thăm viếng Ngàn Đảo và Montreal. Nếu đi sớm (5g30-6giờ) được dùng điểm tâm trên tàu do tour guide đài thọ nhưng chẳng ai muốn thức sớm nên hướng dẫn viên cho điểm tâm ở MC Donald trên đường đi đến bến tàu. Xe rời khách sạn 7g30. Có lẽ hướng dẫn viên đặt trước nên khi đến Mc Donald chúng tôi không phải chờ lâu. Sau điểm tâm ai dùng cà phê nước ngọt tùy ý. Các trưởng đoàn lấy thức ăn cho nhóm mình. Nhân viên bận tíu tít, may mà đủ chỗ ngồi cho cả đoàn.



Nơi bến tàu viếng Ngàn Đảo (Thousand Islands) có mấy tàu khác dưới bến. Tầng dưới của tàu bày biện như nhà hàng nhỏ, có bàn ghế cho thực khách. Phần lớn du khách ra ngoài sau đuôi hay ở đầu tàu, để nhìn và chụp hình cho dễ. Tàu chạy chậm chậm trên dòng sông Saint Lawrence nước xanh hiền hòa, mặt nước phẳng lặng. Nhiều đảo lớn nhỏ nhô lên trên mặt nước. Trên đảo có nhà to và đẹp như biệt thự, có nhà chứa thuyền tàu sơn màu mè xanh đỏ vui mắt hơn các nhà xe trên đất liền. Cây xanh, nước xanh thật là thơ mộng hữu tình. Có đảo chỉ có một cái nhà độc nhất giữa cây xanh và nước chung quanh. Nhà to thì có cầu tàu và vài tàu nhỏ dưới bến. Theo tôi nơi đây là nhà nghỉ mát của nhà giàu, không thể là nơi định cư vĩnh viễn cho gia đình vì trẻ con phải đi học và cần giao du bạn cùng trường cùng lớp. Lúc cả gia đình chủ nhân về đất liền, người quản gia ở lại có thể chán lắm vì chỉ có nước

và cỏ cây, hàng xóm xa xôi. Nhà trên bờ sông to và rất đẹp, có cầu tàu, thuyền tàu nhỏ vài chiếc dưới bến. Tôi liên tưởng mấy nhà giàu thôn quê miền Tây Việt Nam ngày xưa. Nhà giàu nhà lớn thường có ghe hầu mui sơn màu xanh hay màu trắng dưới bến để đi đây đó, như người thành phố di chuyển bằng ô tô.

Ngàn Đảo nằm dọc theo sông Saint Lawrence biên giới Hoa kỳ và Canada gồm gần 2000 đảo lớn nhỏ. Đảo to có thể đến 40 cây sô vuông, nhỏ nhất gần 1 mét vuông cũng gọi là đảo nếu quanh năm nhô lên khỏi mặt nước và có 2 cây sống tươi tốt. Có khi trên đảo có người, có khi không ai ở. Các đảo to có công viên, cây cảnh đẹp mắt, có nơi câu cá. Thức ăn mang ra từ đất liền, có điện... Trên các đảo to có lâu đài như lâu đài Rest, lâu đài Singer và lâu đài Tình Yêu (Love Castle) nhiều người biết tiếng, xin kể chuyện Lâu Đài Tình Yêu sau.

MONTREAL:

Chúng tôi đến Montreal vào buổi chiều. Đoạn đường từ Toronto qua Ngàn đảo đến Montreal dài 411 dặm. Chúng tôi đến nhà thờ St Joseph lúc 6 giờ chiều thay vì 5 giờ như dự định. Trời mưa, xe chạy chậm và bị kẹt nên đến nhà thờ Montreal muộn cả tiếng. Thành phố đẹp dưới ánh đèn. Cao ốc khắp nơi. Trời hơi lạnh, lá cây đổi màu từ xanh qua màu cam, vàng, đỏ ... đó đây như bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp. Chị Ngọc Thanh và tôi có hẹn gặp mấy chị bạn ở nhà thờ ST Joseph nhưng thấy muộn và trời mưa nên không hy vọng mấy chị còn chờ. Không liên lạc được qua điện thoại, thế mà gặp nhau, mừng ới là mừng. Người nào cũng khoác áo mưa. Mấy chị chờ vì biết thế nào chúng tôi cũng đến. Các chị đưa chúng tôi viếng nhà thờ, chỗ này, chỗ nọ như tour guide chuyên nghiệp: phòng nguyện, nhà ăn, mộ thánh Joseph, thánh đường chính, lên lầu, xuống lầu, quẹo trái, quẹo phải... Chị đưa đến nơi toàn là nạng, gậy của người bệnh bỏ lại sau khi lành bệnh. Nhà thờ ST Joseph xây năm 1904, lớn nhất Canada, nổi tiếng về kiến trúc, lớn rộng và linh thiêng.

Tôi có hai cô bạn thân mến Sao Khuê và Tiểu Thu cư ngụ tại địa phương mời ăn tối nhưng chúng tôi phải lên đường về khách sạn Gouverneur, cách



nhà thờ chừng 3 tiếng, đành từ chối mà tiếc lắm vì đã lâu không gặp nhau.

Được biết Montreal ngôn ngữ chính tiếng Pháp nhưng 50% nói được tiếng Anh cả tiếng Pháp, là thành phố lớn nhất bang Quebec, đông dân cư thứ nhì Canada. Montreal có nhiều trường Đại học nhất nước, có nhiều người Việt và du học sinh.

Theo lời người bạn sống lâu năm Canada cho biết Canada có 4 mùa, đẹp nhất mùa Thu. Chị gửi hình ảnh mùa Thu cho tôi xem với lá vàng, vàng cam, hồng hồng, đỏ như mặt trời lúc bình minh, rất đẹp. Mùa Đông Montreal lạnh và có tuyết từ tháng 12 đến tháng 3, tuyết cao khỏi đầu gối và không tan. Mặt hồ nước đông thành đá. Tuy nhiên bảo hiểm sức khỏe tốt và dễ tìm việc làm nên vẫn đông dân cư ngụ.

Nhớ có lần chị Ph. và tôi đi Montreal thăm 2 vợ chồng người bạn học cũ, được anh chị đưa đi xem thi xã thấy cao ốc san sát nhau. Anh chị cho xem Tòa án, sở Tài Chánh, City Hall và nhà thờ St Joseph nhưng không vào bên trong nhà thờ. Down Town Montreal người qua lại đông đúc, vỉa hè rộng nhưng không bày bán hàng hóa ngoài lề đường như Toronto. Có nghệ sĩ đánh đàn cho người khác nhún



nhảy theo điệu nhạc hay người y phục chỉnh tề, đứng yên như pho tượng với cái nón lật ngửa trước mặt. Ai muốn chụp hình chung thì bỏ tiền vào nón. Anh chị cũng đưa chúng tôi ra bến tàu. Nhiều tàu lớn nhỏ xinh xắn đậu dưới bến. Hai bên cầu tàu toàn cửa hiệu bán quà lưu niệm hay thức ăn. Nghe đồn vườn hoa Montreal có nhiều hoa lạ và đẹp nhưng chúng tôi không có thì giờ để thăm viếng

BOLDT CASTLE or Love Castle :

Buổi sáng chúng tôi được tàu chở lòng vòng dọc theo sông St Lawrence xem phong cảnh và các nhà lớn nhỏ trên Ngàn Đảo nhưng không lên bờ.

Cách đây ít lâu chị PH. và tôi có dịp thăm đảo Heart Island do vợ chồng bạn ở Ottawa đưa đi. Tôi xin ghi lại để quý vị chưa đi có chút khái niệm. Từ Ottawa đến bến tàu đi Ngàn Đảo mất khoảng 90 phút lái xe. Vé mua thăm đảo giá khác nhau tùy loại 2 hay 3 tiếng .



Boldt Castle nằm ở Heart Island, một trong các đảo lớn nhất ở Ngàn Đảo. Cách kiến trúc như thời Trung cổ xa xưa: tường đá, lầu tháp hình tròn, nóc nhọn cao ngều. Sân trước, sân sau lầu đài rất rộng, cây cảnh cỏ hoa xinh đẹp. Gần lầu đài có khu picnic rộng rãi, cây to bóng mát, cỏ xanh. Nơi nào có bàn và băng gỗ được lát gạch sạch sẽ. Từ nơi picnic có thể nhìn thấy The Boldt Yacht House màu đỏ thắm nổi bậc trên mặt nước xanh. Nơi đó ngày xưa chứa những chiếc Yacht và tàu, thuyền chủ nhân. Gian chính nhà này cao 64 feet, chứa được thuyền có cột

buồm cao. Cạnh house boat có nhà cho nhân viên sửa chữa lâu đài cư ngụ. Từ cầu nhìn lên có kiến trúc khác nhỏ hơn lâu đài, tường đá, tháp tròn, nóc nhọn có tên “Mini Castle” hay “Clock Tower”. Chung quanh Mini Castle toàn nước, nối với đất liền có cầu đá hình vòng cung xinh xắn. Tàu chạy trên sông ngang qua cũng thấy Mini Castle. Có người cho nơi đó chủ nhân nghỉ ngơi hay đọc sách. Năm ấy hai chị bạn tôi vào thăm bên trong Mini Castle, tôi chờ ở đất liền với người bạn khác.

Lâu đài Boldt có 5 kiến trúc tất cả: Power House, The Henry, The Arch, The Alter House và The Stone Gazebo. Mỗi kiến trúc diện tích to, bé và kiểu xây cất khác nhau. Chúng tôi vào thăm lâu đài chính. Xinh đẹp tỉ mỉ nhưng tầng lầu chót chưa xong. Có 6 tầng tính từ tầng trệt đến các tháp hình tròn. Có hồ bơi trong nhà, có thang máy, 120 phòng, 365 cửa sổ. Đứng phòng nào nhìn qua cửa sổ cũng thấy trời, nước, cỏ hoa dưới sân. Vào lâu đài như lạc vào thời Trung cổ với phòng ăn thật rộng rãi, màn cửa xinh đẹp, trang trí huy hoàng có thể chứa hàng trăm thực khách khi yến tiệc và cả trăm gia nhân, người giúp việc.



Ông Boldt người Russia đến Hoa kỳ lập nghiệp khi còn rất trẻ, thành công trong kinh doanh, làm chủ tịch các công ty và giám đốc ngân hàng, có nhiều khách sạn ở New York và Philadelphia. Ông mua đảo Hart Island đổi tên là Heart Island để tặng bà Louise Boldt, người vợ ông cưới khi 26 tuổi và bà 15 tuổi. Lâu đài sắp hoàn thành năm 1904, bà Louise qua đời vì bệnh tim khi bà 41 tuổi. Ông Boldt đau lòng điện ra đảo cho công nhân ngừng việc xây cất và mọi người thu dọn hành trang, dụng cụ trở về đất

liền. Bao nhiêu đồ dùng trang trí đất liền mua từ Pháp, Ý như tranh, thảm, bồn tắm, gạch... bỏ mặc gió mưa làm hư hỏng. Lâu đài bỏ hoang đến 73 năm sau, 1977 hãng THOUSAND ISLAND BRIDGE mua lại, tiếp tục công trình, tân trang, trồng cây cỏ, hoa lạ, làm lâu đài thêm phần sinh động tươi vui, thành địa điểm du lịch với mọi tiên nghi, thu hút du khách ngày thêm đông đảo. Hãng du định dùng tiền bán vé để bảo trì, giữ gìn lâu đài mãi xinh đẹp như một di tích lịch sử cho thế hệ mai sau.

Ngày nay tầng một lâu đài như bảo tàng viện, trưng bày hình ảnh từ lúc ông mới mua đảo và lúc ông bắt đầu xây cất, các quyển sách nhỏ nói về sự nghiệp và tình yêu của ông với người vợ đảm đang xinh đẹp, là nguồn cảm hứng của ông trong việc kinh doanh khách sạn và ngân hàng... Trong lâu đài có cả lối đi dành cho người tàn tật. Con đường từ bến tàu vào lâu đài, các nơi picnic được lát gạch sạch sẽ, có nơi bán quà lưu niệm, thức ăn dọc theo lối đi. Du khách có thể nghỉ ngơi thoải mái chờ tàu ra đón về đất liền. Phương tiện thăm viếng đảo dễ dàng bằng thuyền máy hay tàu lớn nhỏ hoặc water taxi. Lâu đài mở cửa cho du khách thăm viếng vào tháng 5 đến giữa tháng 11 khi khí hậu ôn hòa, cỏ hoa xinh đẹp

Khi thăm viếng lâu đài Boldt, tôi lần lần nghĩ đến sức mạnh của tình yêu, sự quan trọng của người vợ với chồng từ xưa đến nay, từ vua đến thường dân. Ngày xưa vua Tự Đức trong bài “Khóc Bằng Phi” đã viết:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,

Xếp tàn y lại để dành hơi

Ông Boldt là người thông minh tài giỏi nhưng khi người vợ yêu thương qua đời, ông chẳng màng đến công danh sự nghiệp. Lâu Đài Tình Yêu (Love Castle) huy hoàng, tráng lệ có thể tồn tại hàng thế kỷ như chứng tích cho mối tình chung thủy, lãng mạn sẽ lưu lại cho thế hệ mai sau. Khi tàu chạy ngang qua lâu đài Boldt thấy Mini Castle, hoa cỏ tươi tốt trên bờ trong khu vực lâu đài tôi lại nhớ chuyến thăm viếng lâu đài mấy năm trước và sự hiếu khách của anh chị TH & Ray, chị Sơn, anh

Châu, anh chị Song An khi chúng tôi đến Canada. Tuy không gặp gỡ nhưng tôi vẫn nhớ sự tử tế, ân cần các anh chị trước kia cũng như sự chu đáo của ban Tổ chức, các trưởng nhóm và quý anh chị trên xe trong chuyến thăm viếng Bắc Mỹ và Canada.

Tôi chợt nhớ lời nhắn nhủ trước khi hát của một thành viên trẻ trên xe, đại ý "xin hãy nói những lời yêu thương để cuộc đời tươi đẹp hơn..." Riêng tôi ước mong người Việt Nam ở quê hương hay Hoa Kỳ đều được an vui hạnh phúc trong tình yêu thương gia đình, bằng hữu, đồng nghiệp, đồng môn, đồng bào...

Bên ngoài trời trong nắng đẹp, chim hót líu lo, hoa cúc rực rỡ đón chào mùa Thu an lành, tươi vui. Ngày hôm sau đoàn sẽ viếng Quebec, Canada và Boston, Hoa kỳ.

Thăm Bắc Mỹ

Ngơ ngác đàn nai dẫm lá vàng

Viếng thăm Bắc Mỹ lúc Thu sang.

Đường xa trăm dặm vui ca hát,

Mùa Thu cảnh đẹp tự thiên đàng.

Ngàn Đảo, lâu đài thật huy hoàng,

Toronto, Montreal rất khang trang.

Nhà thờ ST Joseph hơn trăm tuổi

Cầu mong dân Việt được an nhàn.

Ngọc Hạnh



Lá Rụng

Một ngày chớm thu nhận được tin, một bạn nữ học chung thời trung học mới từ già cỗi tạm này một cách bất ngờ. Cảm xúc về sự ra đi quá sớm này, xin chia sẻ: Hình và thơ sáng tác vào buổi sáng hôm đó sau khi nghe tin

Lá Rụng

Sáng nay thức dậy

Vội vã, vội vã

Bước ra ngoài ngõ

Ánh nắng ban mai

Tràn ngập lòng tôi

Ôi, kìa chiếc lá

*Giáng vóc nghiêng
nghiêng*

Chỉ chút chớm vàng

Lạc lõng đơn côi

Ánh sáng lóng lánh

Chiếu sáng hồn ai

Mùa thu chưa đến

Sao lá lại rơi

Thiên thần từ già

Mãi mãi vô thường.

Cáp Nguyễn

Chớm thu 2019, Houston TX

NHỮNG ĐỨA TRẺ SƠN LA

*Từ thành phố này “Người” đã ra đi,
Và khi Người trở về...*

*1.- Ở một góc Công Viên tối tăm
Của “Thành phố Hồ Chí Minh quang vinh và vĩ
đại”
Thành phố rực rỡ tên vàng,
nơi mà những ánh đèn màu sắc huy hoàng
của trà đình tửu quán không rọi tới
chỉ nghe văng vẳng tiếng đàn ca
của những cuộc truy hoan bất tận
trong những căn nhà trọc trời
vây quanh Công Viên
nơi tụ họp của những thành phần ở đáy cùng xã
hội.*

*2.- Trên chiếc ghế đá
Ở góc Công Viên tối tăm ấy
có một đồng giẻ rách
quần quanh thân xác của một bé gái ăn mày
nằm bất động đã mấy ngày
vì bệnh tật,
vì thiếu ăn.*

*3.- Trăm lạy các ông,
ngàn lạy các bà
hai anh em chúng con quê ở Sơn La
nơi rừng núi bạt ngàn
đất cây lên sỏi đá
" Sơn La âm u giá rét trong sương mù "
Đất Sơn La còn nổi tiếng với nhà tù
Nhà Tù Sơn La
Sơn La lại càng nổi tiếng hơn
với dự án xây tượng đài “Chủ tịch Hồ Chí Minh
quang vinh và vĩ đại”
trị giá một ngàn bốn trăm tỷ đồng
và người dân Sơn La thường ao ước
nếu được chia xẻ một phần của một ngàn bốn trăm
tỷ đồng ấy
thì cuộc sống sẽ khá hơn
và anh em chúng con đã không phải già từ đất
Sơn La*

*4.-Thưa các ông
và thưa các bà
theo lời bà con thường kể lại*

*cội nguồn của chúng con ở đất Thăng Long
nơi ngàn năm văn vật
các ông cố, ông sơ của chúng con
người thì theo Cần Vương chống Pháp
người thì theo Việt Nam Quốc Dân Đảng
đều chết ở nhà tù Sơn La
Ba ông Bác của con là chiến binh trong Trung
Đoàn Bảo Vệ Thủ Đô
ngày Hà Thành khói lửa
cả Trung Đoàn Thủ Đô tan tác
các ông bác của con
hai người chết mất xác
còn một người theo đoàn quân Tây Tiến sang Lào.*

*5.- Khi các “Chú Bộ Đội Cụ Hồ”
vào tiếp quản Thủ Đô
gia đình ông nội con bị đuổi đi xây dựng Vùng
Kinh Tế Mới
ở Sơn La
nơi rừng núi bạt ngàn
đất cây lên sỏi đá
Anh em chúng con sinh ra ở Sơn La
đất cây lên có rất nhiều sỏi đá
nhưng không có tình người
liên tiếp mấy năm nay mùa màng mất cả
không có gì để ăn
không còn gì để ăn
cơm là hạt ngô già trộn sắn
thức ăn là muối nấu với lá sắn non*

*Bố mẹ chúng con không nỡ nhìn chúng con chết
đói
nên vay mượn tiền bạc
một buổi sáng mù sương
gửi anh em chúng con
theo đoàn người vào miền Nam ăn mày*

*Thưa các ông, các bà
anh em chúng con là người Sơn La
đã mấy năm nay
lê lét xin ăn
quần quanh tại các trà đình tửu quán
tại “Thành Phố Hồ Chí Minh quang vinh và vĩ
đại”
Thành Phố rực rỡ tên vàng
nhưng đã hai năm nay
anh của con hơn con hai tuổi
tự nhiên bỏ con đi đâu không biết
con đã thương, đã nhớ*

đã khóc không còn nước mắt
đã tìm kiếm khắp nơi
nhưng không thấy đâu
con nghe người ta nói
anh con đang được vỗ béo
bởi bọn người chuyên cung cấp nội tạng xuyên
quốc gia.

Một buổi tối năm ngoái,
năm con lên tám tuổi
các Đồng Chí Công An khi đi tuần tra
bắt con về đồn
bịt mồm con lại
không cho con la
tọt quần con ra
nằm đè lên con
làm con đau quá

Ồi ! các ông, các bà ơi !
các Đồng Chí Công An
nằm đè lên con
làm con đau quá !

Ồi ! Các ông, các bà ơi !
Các đồng chí Công An
làm con đau quá !

Những đứa trẻ quê ở Sơn La
nơi có công trình xây dựng tượng đài
“Chủ Tịch Hồ Chí Minh quang vinh và vĩ đại”
trị giá một ngàn bốn trăm tỷ đồng
vát núi đá hoa
lộng lẫy, nguy nga
nơi đất cây lên có rất nhiều sỏi đá
và rất thiếu tình người
những đứa trẻ quê ở Sơn La
lưu lạc vào Thành Phố Hồ Chí Minh Quang Vinh
và Vỹ Đại
Thành Phố rực rỡ tên vàng
thằng anh năm lên mười
bị giết bởi bọn người cung cấp nội tạng xuyên
quốc gia
đứa em gái
năm lên chín tuổi
chết vì bệnh Sida

Và kính thưa linh hồn “Chủ Tịch Hồ Chí Minh
Quang Vinh và Vỹ Đại”

tuy Người đã qua đời
nhưng những tệ sùng bái cá nhân
do Người để lại
vẫn còn tác hại
cho muôn đời sau

Vẫn còn tác hại
cho muôn đời sau

Richmond ngày lập Đông 2019
Tạ Quang Trung



Dặn dò

Nếu có thể khi em về bên đó

Lấy dùm anh một thoáng gió di cư

Gió di cư thơm mồ hôi vất vả

Của cha già bên nôi nhớ niềm lo

Nếu có thể khi em về bên đó

Lấy dùm anh vài giọt nắng hoàng hôn

Nắng hoàng hôn nắng ôm bóng mẹ

Giọt lệ thầm quanh ngày tháng mong con

Nếu có thể khi em về bên đó

Lấy dùm anh một khúc nhạc tuổi thơ

Nhạc tuổi thơ hai đứa mình đùa nghịch

Tuổi đại khờ toan tính chuyện lấy nhau

Nếu có thể khi em về bên đó

Lấy dùm anh một chút phần trường xưa

Phần trường xưa tuổi học trò chưa đủ

Nên cả đời cứ ử rử tìm quên

Nếu có thể khi em về bên đó

Lấy dùm anh một chút khói xum vầy

Khói xum vầy tháng Tư ai cướp mất

Anh em mình từ đó sống tha hương

Nếu có thể khi em về bên đó

Nhớ ở lâu cho trọn một lần đi

Vì anh hiểu khó lòng em về nữa

Khi đứng nhìn đồ nát cạnh ăn chơi

Nếu có thể khi em về bên đó

Đem về đây năm tháng của hẹn hò

Chen tóc bạc nuôi hồn anh trẻ mãi

Đón nhau về phố chật cuối đời vui

Song Vinh



NGHÌN Ô CỬA



“B À À À à à... ời!”

Tiếng thằng cháu gọi bà như gào lên với đầy vẻ trịch-thượng pha lẫn thích thú. Tiếng gọi thật lớn, vang qua hàng dậu, và chỉ ngay một thoáng sau đó, tiếng mẹ tôi từ trong nhà vọng vội ra:

“Thằng Ni đó hả... Bà đây...”

Rồi cánh cửa xích mở, mẹ tôi với nét mặt mừng rỡ, lảng xãng ra đón thằng cháu nội yêu quý của bà. Ngày nào cũng như ngày này, mẫu đối thoại giữa hai bà cháu không mấy thay đổi và âm điệu gào to chỉ tăng giảm đôi chút tùy theo sự vui vầy hay thích thú nơi thằng cháu nội. Linh kinh với mấy cái túi xách, nào là đồ chơi, mấy cuốn tập tô màu, cung kiếm... nó vừa hiên ngang, vừa khệ nệ bước vào nhà. Mẹ tôi chúm chím mỉm cười nhìn theo, tôi đọc được trong nụ cười và sau ánh mắt âu yếm ấy, niềm vui sướng khôn tả và sự mãn nguyện của mẹ tôi. Đây sẽ là giang sơn cho thằng cháu tha hồ làm vua, và bày bừa đồ đạc khắp nhà để ông bà mệt đuổi theo trong suốt một ngày. Còn phần tôi những lúc ấy, thường chỉ kịp trao đổi vội vàng ít câu thăm hỏi và dặn dò như thường lệ với mẹ tôi rồi vội vã lên đường.

Chỉ những hôm cuối tuần đưa cháu sang thăm ông bà, tôi mới có dịp thư thả ngồi lâu hơn hàn huyên với Bố Mẹ tôi. Hoặc thỉnh thoảng vì có công việc bận phải gửi cháu thêm cuối tuần, thì mỗi khi sang đến nơi, bao giờ Bố tôi cũng cố giữ nán lại:

“Có ấm trà Bố vừa mới pha đây, hãy ngồi uống với Bố vài chén đã!”.

Tuy nói vậy, nhưng mỗi khi thấy tôi đã chịu ngồi xuống, Bố tôi bao giờ cũng đứng dậy đi vào bếp, lịch kích bật bếp, đun thêm ít nước sôi để sửa soạn cho một tuần trà mới. Bộ ấm chén nhỏ xíu bằng đất, màu gan gà, được Bố tôi lau lại và đặt ngay ngắn trong khay trà. Có nhiều lần tôi đã muốn phụ giúp Bố tôi, dành lấy công việc pha trà ấy, nhưng hình như Bố tôi cho rằng trong nhà này, chỉ mỗi Bố tôi mới là người biết pha trà, và ấm trà kia như thế mới ngon và thêm thi vị. Mà thật đúng như vậy, hương vị của những chén trà do Bố tôi tự tay pha chế, sao ngon lạ lùng đến thế. Tôi vẫn để ý từng động tác và thuộc lòng từng cử chỉ quen thuộc ấy, nhưng rồi sau này chính tôi hình như cũng bị lây cái thói quen thích ngồi yên, không còn muốn dành lấy công việc pha trà ấy nữa. Đối với Bố tôi, uống trà không chỉ là để thưởng thức vị thơm ngát của mỗi chén trà, mà những công việc xung quanh chén trà ấy như được thể hiện một phong cách tiêu dao. Những lúc ấy tôi có cảm tưởng mình không còn là một người con về thăm gia đình nữa, mà đang là một khách quý được mời đến để cùng thưởng thức uống trà. Dần dà tôi đã trở thành một người khách đối ẩm sành điệu của Bố tôi không biết từ lúc nào.

Thời còn ở trung học, tôi thích đọc truyện của Nguyễn Tuân, nhất là cuốn Vang Bóng Một Thời. Trong đó có truyện ngắn Những Chiếc Ấm Đất tả về cái thú uống trà. Nên bây giờ mỗi khi ngồi uống trà với Bố tôi, hình ảnh ông cụ Sáu và sư cụ chùa Đồi Mai thỉnh thoảng lại lảng đàng hiện về trong trí óc. Thú uống trà của người xưa, tưởng như rất đơn giản nhưng không ngờ lại quá nên thơ và cầu kỳ đến như vậy. Tôi cảm thấy mình may mắn, tuy sống

giữa một thời đại tân tiến, quá máy móc và nhiều những nhu cầu vật chất trên xứ Mỹ này, mà những lúc trở về gia đình vẫn còn được sống trong một khung cảnh ấm cúng, còn đượm nét nho phong. Có lẽ đã từ lâu lắm, trong những dịp hai Bố con chuyện trò chung quanh từng chén trà trong sương sớm ấy, không biết vô tình hay hữu ý, bao nét đẹp Đường Thi và điển tích văn chương kim cổ, đã được truyền đạt và thấm đượm vào tâm hồn tôi không biết tự bao giờ.

Khi sang đến Mỹ, tuổi tác Bố Mẹ tôi đã khá cao.

Không gian tuy có phải đổi dời, mặc dầu bên cạnh nỗi buồn nhớ quê hương, thương con nhớ cháu còn lại bên nhà, thì hình như đằng sau cánh cửa ấy, nếp sống cũ từ xa xưa và không khí nho phong của Bố Mẹ tôi không mấy hề thay đổi. Cuộc sống mới nơi xứ người dù có xa lạ, vội vã và ngôn ngữ dù có khác biệt, nhưng hình như những điều ấy không mấy ảnh hưởng đến tập quán trong gia đình. Đằng sau cánh cửa ấy, mùi trầm hương và nồi bánh chưng vẫn thơm ngào ngạt vào những hôm giỗ Tết. Đặc biệt mỗi khi trong nhà có các bạn thơ từ phương xa đến thăm, tiếng đàn thập lục của Bố tôi lại được dịp ngân lên đôi cung điệu tảo đàn, như trang điểm thêm vào những vần thơ xướng họa, làm thôi thúc con chim họa mi trong lồng treo ngoài hiên ríu rít hót vang.



Đằng sau cánh cửa ấy vẫn là nếp sống thanh bạch thường ngày, và không biết vì đâu, bạn bè của

Bố Mẹ tôi sau này đã đặt tên nơi ấy là Song Hạc Đình. Bố tôi thuộc vào thế hệ Tây học ngày trước, nên Hán văn cũng còn rất giỏi. Trong phòng khách ngoài những bức họa đề thơ treo trên tường, là một tấm trướng dài, trên đó Bố tôi viết một câu chữ Hán theo lối đại tự: 不出戶, 知天下: Bất Xuất Hộ, Tri Thiên Hạ. Ý nghĩa của câu nói đó là: “Không ra khỏi cửa mà biết được việc thiên hạ”. Giản dị chỉ có vậy mà phải đợi mãi đến những năm về sau này, khi tôi bắt đầu có dịp đọc đến cuốn Đạo-Đức-Kinh, tình cờ mới khám phá đó là một câu nói của Lão-Tử. Cả túi khôn trong thiên hạ, tóm gọn trong năm ngàn lời, gồm những qui luật bất biến, diệu dụng của tạo hóa hay kinh nghiệm tâm lý nhân sinh, ngàn đời vẫn không hề thay đổi. Lúc ấy tôi như chợt khám phá ra cả một khung trời Đông-phương huyền diệu mà bao la và mới lạ, rất thường hằng như thiên nhiên kia, đến mùa thu thì lá phải vàng, nhan sắc nào tồn tại mãi được với thời gian? Hòn đá kia dù có được đeo gót công phu đến mấy khi quăng xuống nước cũng phải chìm. Khúc gỗ này tuy thô sơ mộc mạc nhưng vẫn nổi trơ gan qua bao ghềnh thác? Bởi vậy khi đã quán triệt được những qui luật diệu dụng ấy, thì không cần bước ra khỏi cửa, không cần phải đến tận nơi, hay phải nhìn tận mắt cũng suy được việc người, việc đời, cũng biết được lẽ đúng, điều sai. Quán triệt được lẽ đời, tâm sẽ bớt vương bận, thông dong cùng năm tháng. Ở vào một giai đoạn nào đó trong cuộc đời, nhất là đối với những người còn ảnh hưởng Nho học như thế hệ Bố tôi, thì hình như sẽ cảm thấy không còn muốn nghĩ đến chuyện *xuất hộ* để *tri thiên hạ* nữa, mà dẫu nếu có xuất hộ, thì cũng không hẳn là cần thiết để muốn tri thiên hạ nữa rồi.

Không biết được ông dạy cho từ khi nào, mà khi thằng cháu nội bắt đầu biết nói sõi, cũng là khi chàng đã thuộc nằm lòng câu nói đó, cũng biết chỉ trỏ vào những chữ Hán kia, đồng đọc to: “Bất - Xuất - Hộ - Tri - Thiên - Hạ”, ra vẻ đắc chí lắm, làm cả nhà cười vang.

Thời gian bình lặng trôi nhanh. Tiếng gọi

“BÀÀÀà... ời!” qua hàng dậu của thằng cháu nội ngày nào, đã thừa dần theo năm tháng. Tôi cũng ít có dịp ghé sang thăm Bố Mẹ tôi đều đặn như ngày trước. Bộ ấm trà dùng lâu ngày, vẫn nguyên màu nâu cũ, nay đã lên nước bóng, như được phết thêm lên đó chất liệu thời gian bằng tuổi già chồng chất của Bố Mẹ tôi. Tôi vẫn thích thú những lúc được nhấp từng ngụm trà thơm, hay thưởng thức vị ngọt đặc biệt của trà còn lưu lại sau mỗi chén trà ấy, nhưng dường như có một điều gì đó khiến tôi linh cảm, cho đến một lần kia trong lúc hàn huyên, Bố tôi ôn tồn dặn dò:

“Bố thấy đời sống các con bên này sao mà bận rộn quá! Bận rộn không còn thấy những khoảng khắc thanh cao thư giãn cần thiết cho tinh thần. Nhưng rồi mai sau này..., các con cũng nên cố gắng phải sửa soạn và tìm cho mình một lối về...”

Tôi hiểu nỗi băn khoăn nơi Bố Mẹ tôi, khi tuổi già sức yếu, cùng nỗi cô đơn và những kỳ vọng cuối đời trông mong muốn gửi gắm đến con cái. Đằng sau cánh cửa kia, là cả một nếp sống cổ kính của gia đình. Tôi cũng có những niềm riêng, khắc khoải âm ỉ trong lòng, làm sao mưu sinh để có thể vươn lên và hội nhập trong cái xã hội này, mà không bị đánh mất chính mình, để mỗi khi quay trở về với gia đình, vẫn còn được nhìn thấy như một người con hiếu thảo, vẫn mãi là con của Bố Mẹ...

Cũng hơn hai mươi năm qua, kể từ lần dặn dò ấy, thằng cháu nội của ông bà nay đã trưởng thành. Cánh chim đã khôn lớn, đủ sức tung cánh bay lượn khắp bốn phương trời. Thấp thoáng nhìn lại, tôi cũng sắp sửa bước vào khoảng không gian và tuổi tác của Bố Mẹ tôi, khi các người mới sang đến Mỹ ngày trước. Câu chuyện “Rừng Mắm” mỗi khi nhớ lại, vẫn không khỏi để lại trong tim tôi những phút se lòng. Ai ngờ những cây mắm cũng dám vượt đại dương, tìm đến đây để tái sinh trên một mảnh đất hoàn toàn khác lạ từ phong thổ đến văn hóa và đã dốc hết tâm sức để cố bám rễ, đâm chồi...

Cuộc sống chung quanh đây với nắng sớm vẫn lên và gió chiều êm ả vẫn thổi về. Bốn mùa vẫn đều đặn đổi thay như cuộc sống bình thản qua lại mỗi ngày. Tôi vẫn khép mở đôi cánh cửa, ngày ngày hai buổi bước ra ngoài giao tiếp với cuộc đời. Thỉnh thoảng thằng cháu nội ở xa về, là lúc những nén hương được thắp vội trên mộ phần Bố Mẹ tôi. Hai cha con khi ấy lại có dịp ghé qua nghĩa trang thăm viếng mộ ông bà. Chiêm nghiệm lại, có những biến cố đã xảy đến làm thay đổi cả cuộc đời mình, tôi đôi lúc cũng bắt đầu thấy được cái lý vô thường, song hình như đâu đây chỉ được một thời gian, rồi với cuộc sống bận rộn, những điều chợt ngộ cũng vẫn mau quên!

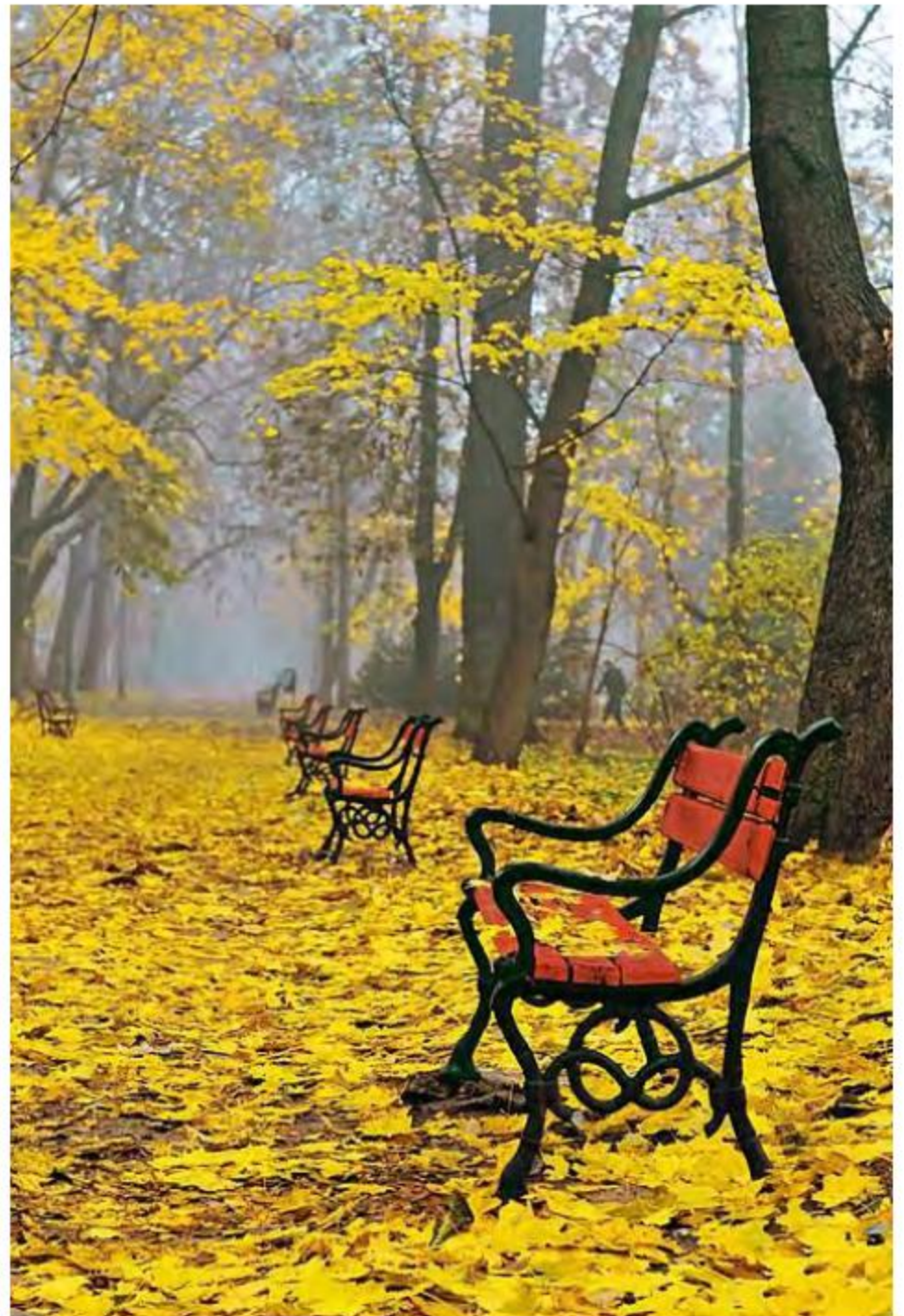
Giờ đây nắng đã lên cao ngoài hiên. Tôi đang ngồi trong phòng yên tĩnh một mình, mắt chăm chú nhìn vào màn hình mở rộng. Một ô cửa vừa được mở ra, một ô cửa nữa vừa đóng lại, và rồi cứ thế... nghìn ô cửa nối tiếp nhau mở ra, đóng lại, theo sau



từng mỗi cái nhấp khẽ, di động của bàn tay. Tôi lướt đi từ một thế giới này, rồi bước sang một thế giới khác, từ Đông sang Tây chỉ trong nháy mắt. Những thư từ và hình ảnh bạn bè, rồi tin tức từ quê hương... thi nhau nối kết tâm tư tôi với thế giới bên ngoài.

Bất giác tôi nhớ Bố Mẹ tôi và khung cảnh ấm cúng gia đình ngày trước. Tôi nhớ đến cả những âm trà trong sương sớm. Cánh cửa yêu thương mà Mẹ tôi vẫn rộng mở, mỗi khi đón thằng cháu nội sang chơi, đã vĩnh viễn khép lại. Tôi nhớ đến câu **Bất Xuất Hộ, Tri Thiên Hạ** treo trên vách ngày nào. Có một chút gì thân quen mà nghe chừng hư ảo, một triết lý nhân sinh tưởng như xa xôi mà cũng vô cùng gần gũi, đã mãi ăn sâu vào trí óc.

Rồi mùa thu sẽ đến với mỗi cuộc đời. Lúc đó lá trên cây cũng sẽ tàn phai và rơi theo về cội. Bạn bè thân quen, có ai khi ấy còn ghé thăm nơi Hàng Gió, chắc sẽ chẳng ngạc nhiên nếu khi nhìn thấy câu **"Bất Xuất Hộ, Tri Thiên Hạ"** lại được chủ nhân cẩn thận treo lên cao giữa phòng, rồi ngày ngày nhìn lên vách trầm ngâm, ra chiều đang diện-bích...



PHÙNG QUÂN

Hàng Gió

2013



TA VỀ

(Ca khúc cho “Tù Cải Tạo”)

Thơ: Tô Thùy Yên

Nhạc: Phạm Bách Phi

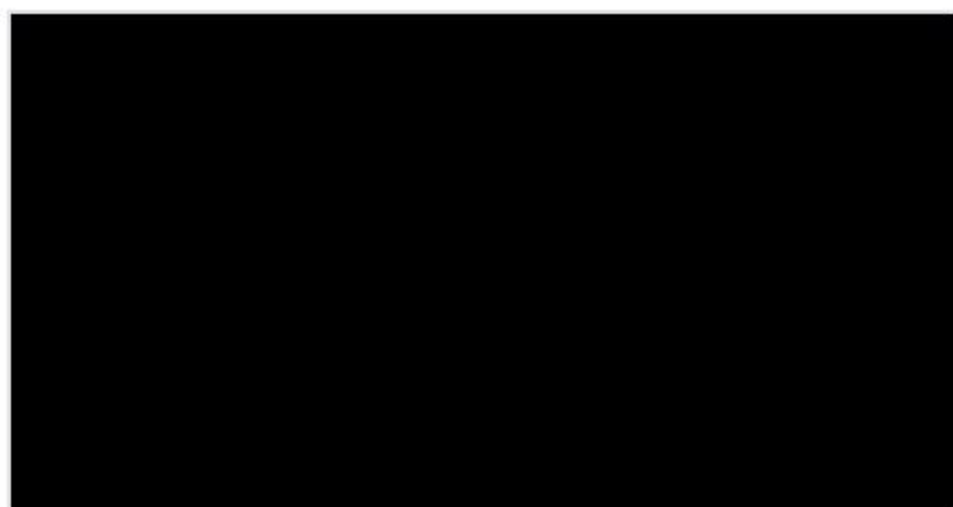
Moderato

Ta về một bóng trên đường lớn, Nghe nặng từ tâm lượng đất
trời. Sao bỗng nghe đau mềm phế phủ. Mười năm đá cũng ngậm ngùi
thay. Ta về dẫu phải đi chân đất, khắp thế gian này để gặp
em. Dẫu cho ngàn năm em vẫn đứng, chờ anh như biển vẫn chờ
sông. Vĩnh biệt ta mười năm chết dấp. Chốn rừng thiêng im tiếng ngàn
thu. Mười năm chớp bể mưa nguồn đó Tội tình chỉ lắm nửa người
oi. Ta về khai giải bùa thiêng yểm. Thức dậy đi nào gỗ đá
oi. Hãy kể lại mười năm chuyện cũ. Một lần kể lại để rồi
thôi. (Giang tấu) Vĩnh biệt về khai giải bùa thiêng yểm. Bếp lửa nhân quần ấm tối
nay. Chút rượu hồng đây xin rưới xuống. Giải oan cho cuộc bể dâu
này... Chút oan... cho cuộc... bể dâu này...

[https://youtu.be/sp9T7YsX0P](https://youtu.be/sp9T7YsX0Pg)

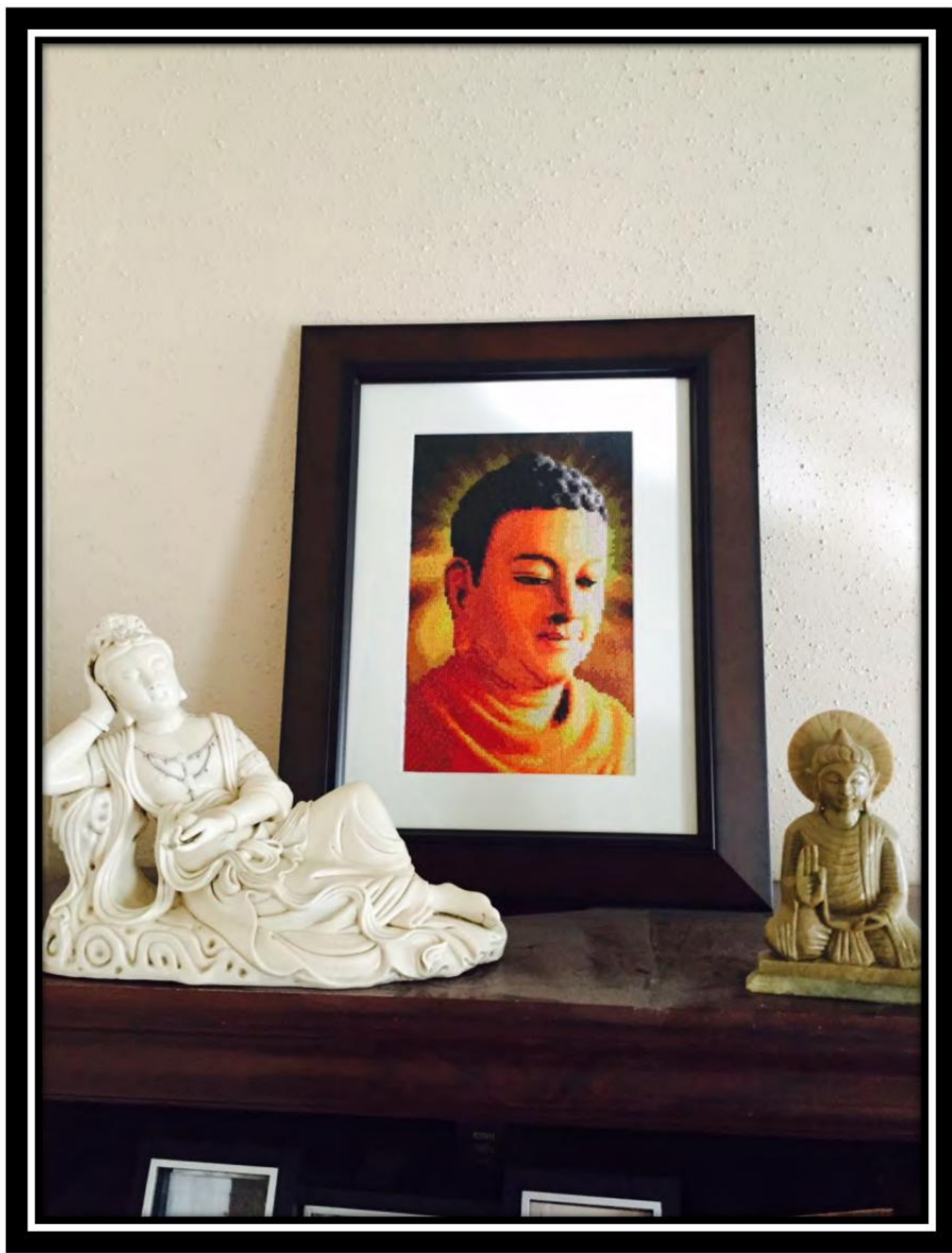
[g](https://youtu.be/sp9T7YsX0Pg)

TaVe: [Ta Ve Pham Bach Phi](#)



Ta Ve Pham Bach Phi





“Chân Dung Đức Phật Thích Ca”

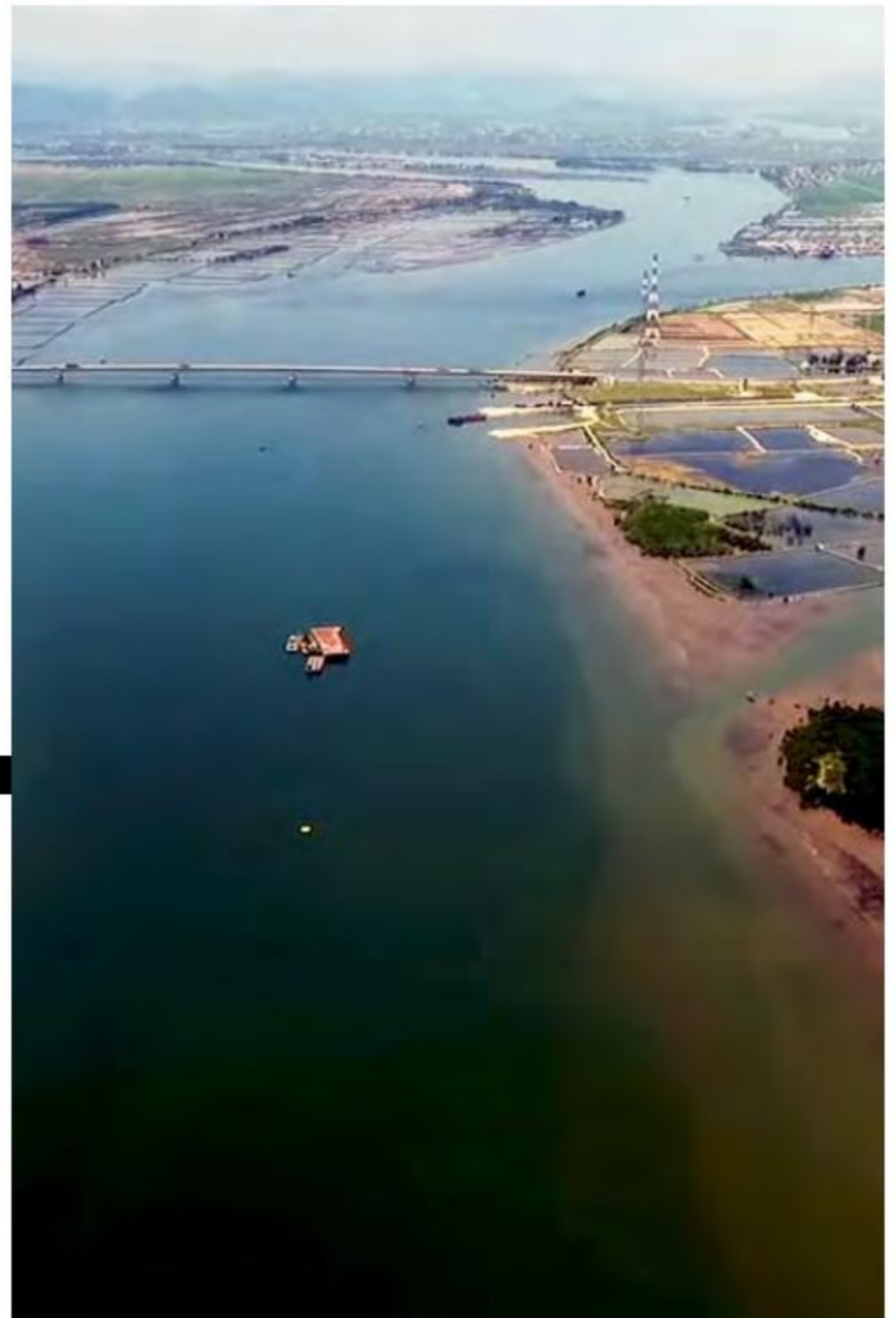
Tranh Thêu Thảo Ly

Ca khúc "Hận Sông Gianh" phổ nhạc từ thơ của Đặng Phương (tức Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy)

Bài này đã được chọn làm nhạc đề cho phóng sự "Nỗi buồn Sông Gianh" của Nguyễn Lâm Thắng theo Link dưới đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=D49ZUbz4rxs>

[Nỗi buồn sông Gianh - The Sorrow of Gianh river](#)



Nỗi buồn sông Gianh - The Sorrow of Gianh river

Enjoy the videos and music you love, upload original content, and share it all with friends, family, and the wor...

#10

Hoa Học Trò

Tango ♩ = 106 Thơ Phạm Đức Liên
Nhạc Vũ Thế Dũng

Bảng khuôn mẫu áo học trò vấn vương năm tháng lò dò tìm
em những ngày qua thật êm đêm tình ta nở chậm mà chìm trong
mơ bảng chậm mà chìm trong mơ Yêu em yêu
em dáng dấp ngày thơ cái tên nhung gấm "bài thơ trữ
tình" miệng cười miệng cười khúc khích xinh xinh
cho nhau cả một "bức tranh tuyệt vời" thà
dừng gập gờ thì thôi ngắm em giây phút bồi hồi nhớ mong tìm
xanh hồng trắng lam vàng cho tim thốn thức rộn ràng ban mai

©Copyright by Phạm Đức Liên & Vũ Thế Dũng

17

Sài gòn đẹp xinh

Chacha ♩ = 132

Thơ Phạm Đức Liên
Nhạc Vũ Thế Dũng

Sài gòn chiều nắng (ơ) thủy tinh dẫu nhau mưa gió dẫu nhau mưa
gió cho tình thanh thanh cho tình thanh thanh Sài gòn cây cỏ (ó) tươi xanh
Tự Do, Lẽ Lợi Tự Do, Lẽ Lợi Yến Oanh hẹn tình Yến Oanh hẹn tình
Sài (ờ) gòn đẹp thật là xinh đẹp nơi đường phố và xinh tên mình
đẹp (ơ) xinh từ thuở bình minh càng xa càng nhớ từng hình dáng em
lại thêm tiếng hát êm đêm tiếng hát êm đêm tao nhân mặc khách đắm chìm đắm chìm trong
mơ lại thêm tiếng hát êm đêm tiếng hát êm đêm tao nhân mặc khách
đắm chìm trong mơ Sài gòn như một (một) chuyện thơ trăm vương ngàn vấn
trăm vương ngàn vấn vô bờ mến yêu vô bờ mến yêu Sài gòn thanh nữ (ơ) diễm kiều

©Copyright by Phạm Đức Liên & Vũ Thế Dũng

... tưởng nhớ Vũ Đức Giang,

**c.h.s. Nguyễn Trãi
1959-1966**

Lời người chuyển bài :

Đây không phải là sáng tác của tôi, một hôm tình cờ đọc được trên mạng bài viết của bác sĩ Hoàng Thế Định, bạn đồng nghiệp quân y sĩ - bạn tù cải tạo của Vũ Đức Giang, kể lại những giây phút cuối của Giang và một mối tình bất diệt anh đã để lại sau khi lìa đời... Các bạn N.T. của Giang từ đệ Thất B4 - 1959 không ai có thể quên được người bạn nhỏ bé, thông minh, chăm chỉ và rất hiền hoà này. Mời các bạn cùng lắng đọng tâm tư để tưởng nhớ về Vũ Đức Giang của bảy niên khóa 1959-1966 dưới mái trường Nguyễn Trãi thân yêu.

Tôi cũng xin mượn trang giấy này để tạ lỗi cùng tác giả –bác sĩ Hoàng Thế Định- vì đã không có cơ hội và phương tiện để xin phép trước khi chuyển bài. Kính mong b.s. Định thông cảm và tha thứ.

Trân trọng,

Nguyễn Thạch Bình



Khóc bạn (Kết)

Hoàng Thế Định



Hỡi người con gái đã để lại chiếc nón lá bên cạnh mộ người yêu chết tù nhục đắng cay trong trại tù cải tạo. Cô là ai?

Thế rồi, năm 76 qua đi từ hồi nào, xuân 77 đến, anh em tù binh náo nức về cái Tết Đinh Ty sắp đến, mọi tù binh bàn tán xôn xao vì cứ mỗi dịp Tết Nguyên Đán, lại có một số người được phóng thích trước Tết. Anh em tù binh truyền miệng, thông báo cho nhau biết họ tên của những người khắp các tiểu trại giam được về với gia đình, trạm xá có Bs Hiền và Bs Thông cùng được nhận giấy tha, trại 1 cũng có hai bác sĩ được ra khỏi trại đó là Bs Bùi Hữu Út, thiếu tá và Bs Vĩnh Tráng, đại úy.

Ban giám thị mỗi tiểu trại rất rõ về sự xôn xao trong số tù binh còn lại, họ sợ bất cứ những bàn tán, bình luận, truyền miệng nhau trong đám tù binh, từ đó có thể dẫn tới những bất mãn rồi đi đến chống đối, mà họ gọi là “phản động”. Cá nhân uất ức có thể tự giải quyết cho mình bằng cách trốn tù hoặc tự sát.. Những sự việc như vậy sẽ gây tiếng vang khắp các tiểu trại và lan ra đến dân chúng, bất lợi cho họ;

diễn hình là trường hợp anh Q., một thiếu úy trẻ đã lớn tiếng chửi bới, đả đảo Cộng Sản. Họ đã dàn cảnh để anh Q. đi đồn củi trong rừng sâu rồi bắn chết anh rồi phao tin là Q. trốn trại và bị dân quân địa phương bắn chết. Một ngày sau, dân chúng đi rừng phát giác xác chết của anh Q. với áo quần tù binh, họ mang về trao cho trại, thú rừng đã xâu xé gần hết cơ thể của người tù binh xấu số.

Họ muốn dẫn dắt, đe dọa tù binh bằng phương cách dã man đó, mặt khác, họ lại xoa dịu tù nhân bằng cách tổ chức những buổi sinh hoạt vui chơi, ca hát, ăn uống... hoặc bày ra những lớp học chính trị, buộc tù binh phải phát biểu, phê bình kiểm điểm bản thân và chiến hữu.

Về sau, được sĩ Lê Bá Thuận kể lại chi tiết về những ngày gần cuối đời của Bs Giang sau đợt phóng thích tù binh nhân dịp Tết. Giang còn ở lại trong tù anh chán chường thất vọng đến rũ rượi.



Chiều 30 Tết, trong đội của Giang, mọi người đang ngồi gom lại trong một căn để sinh hoạt gần cuối lán, Bs Giang cáo bệnh không ăn, anh nằm trùm chăn im lặng. Bạn bè vẫn nghĩ rằng Giang bệnh, để yên cho anh ngủ, khoảng một giờ sau, mọi người nghe Giang vùng mạnh trong chăn rồi ự, ự lên mấy tiếng. Được sĩ Thuận, người vẫn nằm cạnh Giang chợt nghĩ có điều gì bất ổn cho Giang, anh vụt đứng dậy, chạy lại giật tấm chăn trên người bạn, mọi người cùng xúm lại, toàn thân Giang run lên, tay

chân co quắp rồi từ từ duỗi ra bất động. Thuận lay mạnh vai bạn:

Giang! Giang! Cậu làm sao vậy?

Im lặng hoàn toàn, Thuận hét hoảng:

Ái! Ái ơi! Cậu xem Giang sao vậy này!

Nguyễn Đình Ái, Y sĩ trung úy trung tập, cùng đơn vị với tôi. Ái giật chiếc ống nghe trên đầu nằm của Thắng, y tá trại 3, vừa nghe tim vừa tìm mạch trên cườm tay Giang. Không còn nhịp tim mạch.

Thường ngày Ái rất nhỏ nhẹ, ăn nói từ tốn, lúc đó anh hét lớn:

Adrenaline ngay!

Trong khi chờ đợi y tá sửa soạn thuốc, Bs Ái bảo

Ds Thuận xoa bóp lồng ngực Giang còn mình thì dùng phương pháp bouche à bouche (mouth to mouth) mong cứu sống bạn.

Bs Ái chích Adrenaline trực tiếp vào cơ tim Giang và cùng DS Thuận tiếp tục làm cấp cứu hồi sinh, dù biết rằng nếu cứu được chỉ sẽ xảy ra trong vài phút, nhưng Bs Ái và DS Thuận vẫn cố cứu bạn suốt cả giờ.

Vô vọng, hai người quỳ gối bên xác bạn, Bs Ái gục đầu giữa đôi vai, tay buông xuôi, rã rời, DS Thuận thì khóc như chưa bao giờ được khóc, bạn tù trong đội sững sờ, đứng im như những pho tượng. Một cảnh tang tóc thảm sầu.

Gần 6 giờ chiều, trời đã nhá nhem tối, bên phía trạm xá Đoàn 76, cách trại 3 chỉ một ngọn đồi, tôi chẳng biết chuyện gì cho tới khi Bs Phan Xuân Tín, trưởng trạm xá bộ đội hấp tấp tìm tôi.

Định, theo tao qua trại 3 có việc gấp! Mang theo túi cấp tú!

Trên đường đi, người bác sĩ bộ đội vẫn tắt với tôi về sự việc một trại viên vừa chết, dường như là tự tử, vừa thấy tôi, DS Thuận nước mắt ràn rụa, chụp lấy tay tôi, giọng lắp bắp:

Anh Định! Giang đó... Vũ Đức Giang... chết rồi!

Như tiếng sét đánh ngang tai, tôi bỗng thấy đầu óc thoát trống rỗng, sững sốt, rồi bao nhiêu hình ảnh Giang dồn dập chen chồng ập tới. Tôi theo chân DS Thuận đi về phía Giang, đứng yên nhìn người bạn trẻ im lìm trong chăn phủ kín. Cả lán im lặng một thứ tịch mịch đến rùng rợn, tôi cố trấn tĩnh đảo mắt xung quanh tìm Bs Ái, rồi đến bên anh dò hỏi, Ái lắc đầu thiểu não.

Ông Tín dục:

Anh Định! Cố thử xem có làm được gì hơn không!

Tôi tin tài của Bs Ái, biết chẳng còn gì cứu vãn được nữa, nhưng vẫn đến ngồi bên Giang, lật chăn để nhìn bạn lần cuối. Tôi quan sát thấy đồng tử của người bạn xấu số đã hoàn toàn nở rộng. Thật hết rồi!

Tôi ghé sát miệng Giang và ngửi mùi hăng hắc đặc biệt ở những người tự tử bằng Chloroquine. Chống tay đứng dậy, tôi cảm thấy mình yếu đuối hẳn đi. Tôi hỏi anh y tá của trại 3, anh nói nhỏ bên tai tôi:

Mất đến mấy chục viên CP (Chloroquine Primaquine).

Sau đó anh em trong lán mỗi người một tay lo phần cuối cùng cho người bạn tù, tôi đến xin Bs Tín để được ở lại với Giang một lúc, ông ta gật đầu rồi bỏ ra ngoài.

Nhà kế bên là nơi dành cho toán thợ rèn, vào dịp Tết nên lúc đó không ai làm việc, chúng tôi vào chung sức dọn dẹp đồ đạc để có một khoảng trống cho chiếc quan tài vừa đóng vội. Các bạn tù thân nhất của Giang và tôi mang xác anh ấy sang để cạnh quan tài, hầu hết anh em trong lán đều còn trẻ, chưa biết thủ tục liệm xác. Tôi nhờ một số anh nấu một nồi nước ấm rồi tắm rửa cho Giang, đang lau khô thân thể bạn, anh đội trưởng của lán mang lại đưa cho tôi một bộ quần áo tù mới tinh, anh nói:

Ban giám thị vừa đem xuống cho anh Giang.

Tôi tần ngần, một ý nghĩ thoáng vụt qua, tôi đứng dậy kéo Ds Thuận ra xa mọi người:

Cậu tìm trong hành lý của Giang có bộ đồ trận nào không, mình nhớ có lần Giang qua mình chơi với bộ đồ trận.

Thuận vội vã đi và trở lại trao cho tôi một bộ áo quần bộ binh VNCH của Giang với cả đôi vợ lính, Thuận hiểu ý tôi là không muốn Giang đã chết mà còn mang bất cứ cái gì thuộc về nhà tù theo với anh.

Vừa mặc cho Giang, tôi thầm nghĩ như đang nói với bạn: “Nếu có bộ đồ TQLC mặc cho cậu thì hay hơn, thôi đành vậy nhá! Còn lá cờ vàng ba sọc đỏ thì... bây giờ thật khó quá... Dù thế nào, cậu vẫn mãi mãi trong lòng các bạn và chiến hữu”

Thật may mắn cho tôi, vừa đặt Giang vào quan tài thì Bs Tín trở lại gọi tôi về lại trạm xá. Tôi còn dặn DS Thuận cố gắng có một bát cơm với một đôi dưa chấm lên cơm để cúng Giang, không có nhang và đèn cầy, nhưng bạn hữu trong lán mang đèn dầu tự tạo thắp xung quanh quan tài Giang sáng rực.

Đứng trước quan tài chưa đầy nắp, nhìn người bạn trẻ tri kỷ vừa là đồng nghiệp lần cuối cùng, tôi chấp tay ngang ngực rồi vái Giang hai cái, nhưng trong trí tôi vẫn nghĩ mình đang chào theo quân kỷ đối

với một chiến hữu vừa nằm xuống.

Ra đến bên ngoài tôi ngó ý với Bs Tín nói với ban giám thị cho anh em trong đội thay phiên nhau ngồi với Giang suốt đêm. Ông Tín có vẻ xúc động và hứa sẽ nói lại với ban giám thị trại 3 và ông đã giữ lời.

Về sau, trong một nhà vệ sinh, tôi tình cờ đọc được tờ viết nháp “Bản Kiểm Điểm” của Bs Tín gửi chính trị viên Đoàn 76, tên Hỷ, là bạn học cũ của ông Tín. Trong bản “Tự Kiểm” ông Tín nhận khuyết điểm vì đã cho tôi ở lại trại 3 khá lâu, đủ thì giờ để sắp xếp một buổi tắm liệm mà họ gọi là trọng thể và vô tình tạo một sự tổ chức có quy củ trong hàng ngũ “Quân Đội Sài Gòn” ngay trong trại tù, đó là điều họ rất lo sợ.

Tờ mờ sáng mùng một Tết Đinh Ty, giờ đưa đám Bs Vũ Đức Giang. Ban quản lý trại giam chọn một số ít tù binh không cùng một đội với Giang gánh quan tài anh ra khỏi trại.



Nghĩa địa là một đồi cao với lau lách và cỏ tranh vây quanh; ở đó đã có sẵn hai nấm mồ, một là của trung úy V. thuộc trại 3, anh này đã bị giám thị tù đánh chết và phao tin là V. thất cổ tự tử trong hầm biệt giam; mộ thứ nhì là của đại úy Đ.R. thuộc trại

1, chết vì một tai nạn do chính anh gây nên. Trong 3 ngôi mộ, chỉ có ngôi của Giang được bạn tù trong toán thợ rèn làm một bia mộ bằng một tấm kẽm đục thủng lỗ thành hàng chữ với họ, tên cũng như ngày tạ thế của Bs Giang.

Mấy tháng sau, một buổi chiều đầu Thu, ban quản lý trạm xá gọi tôi hướng dẫn thân nhân của Bs Giang từ Sài Gòn ra thăm mộ. Họ căn dặn tôi không được tiết lộ mọi tin tức về cái chết của Giang. Một người bộ đội quản lý cầm súng đi kèm tôi.

Sau khi chỉ ngôi mộ của Giang, người bộ đội ra đầu bảo tôi đứng xa hai người phụ nữ, tôi tần ngần một lúc rồi đến chào mẹ và người yêu của Giang xong bước về hướng trạm xá, đứng ẩn trong đám cỏ tranh cao quá đầu người.

Cả hai người phụ nữ đều gầy, mẹ của Giang tóc đã xám bạc cả đầu với chiếc khăn nhung đen vẫn theo lối đặc biệt của đàn bà miền Bắc, đôi vai khêu trong bộ áo quần màu trắng ngà lấm tấm bụi đất đỏ; đôi mắt đờ đẫn mờ đục trong khuôn mặt khắc khổ hằn rõ nét đôn đau vô bờ bên của người mẹ mất đứa con trai tài danh và hiền lành.

Cô gái hãy còn trẻ lắm, đôi mắt đỏ hoe, nước mắt nhạt nhòa trên má, chảy dài xuống cằm rồi lã chã xuống chiếc áo dài trắng, đôi cánh tay nhỏ quàng qua quai chiếc nón lá Huế, hai bàn tay siết vào nhau cố ghì lại những cơn nấc rung cả người.

Nắng chiều gần tắt, từng đám hoa tranh trắng nước hiện rõ trên nền trời pha sắc tím hồng phát phơ trong gió, khói nhang lam nhạt là đà bay vờn quanh hai người phụ nữ bên nấm mồ bác sĩ Giang uất nghẹn dâng tràn. Đôi bàn tay gầy gò của mẹ Giang lần mò trên đất sỏi đỏ như đang vuốt ve thân thể của đứa con trai yêu dấu. Vị hôn thê của Giang thì cầm trên hai gối bó chặt trong vòng tay, nhìn chòng chọc nấm mồ với gió chiều vun vút qua hàng chữ đục thủng trên tấm bia bằng nhôm.

Trời đã ngả sang màu xám, bó nhang trên mộ đã tắt ngấm từ lâu, hai người phụ nữ rã rời chống tay đứng đây, họ trầm ngâm một lúc trước mộ của Giang rồi chậm rãi quay lưng, ra đến khoảng đường đất đỏ, hai người còn mấy lần quay lại nhìn lại chôn đau thương vô cùng ấy.

Người bộ đội dẫn đường cho hai người ra lối cũ về trực lộ chính, tôi còn đứng lại bồi hồi nhìn quang cảnh đôi tranh với ba năm mồ, riêng trên mộ của Giang, cô gái còn để lại chiếc nón lá nằm nghiêng với chiếc khăn tay trắng dầm nước mắt cột chéo vào giải nón màu xanh lơ.

Sao trên đời này còn có cảnh bi thương đến như thế?!

Đó là chứng tích buồn đã gây xúc động trong lòng mọi người qua lại chôn này, riêng tôi, cảnh chiếc nón lá của vị hôn thê đặt trên mộ người yêu còn gây ấn tượng mạnh hơn cả cảnh bi hùng với chiếc súng gấn lưỡi lê cắm lên vùng gió cát, treo đong đưa chiếc nón sắt đã hoen rỉ từ lâu theo cát bụi và thời gian của người lính đã già từ vũ khí.

Chú:

- (1) Bài do tác gia gởi cho DCVOnline.
- (2) Về tác gia: Hoàng Thế Định, Trung úy Quân y trừ bị quân đội VNCH năm 1970. Cấp bậc cuối cùng là Đại úy, Đại đội trưởng Quân y kiêm Y sĩ Trưởng Trạm xá Sư Đoàn 1. Bị giam tù cải tạo 10 năm từ năm 1975 đến 1985 ở các trại tù ở Ái Tử (Quảng Trị) và trại tù Bình Điền (Thừa Thiên). Sang Mỹ theo diện HO9 vào tháng 12 năm 1991.



Người Tình không chân dung: Ctrl + Click:

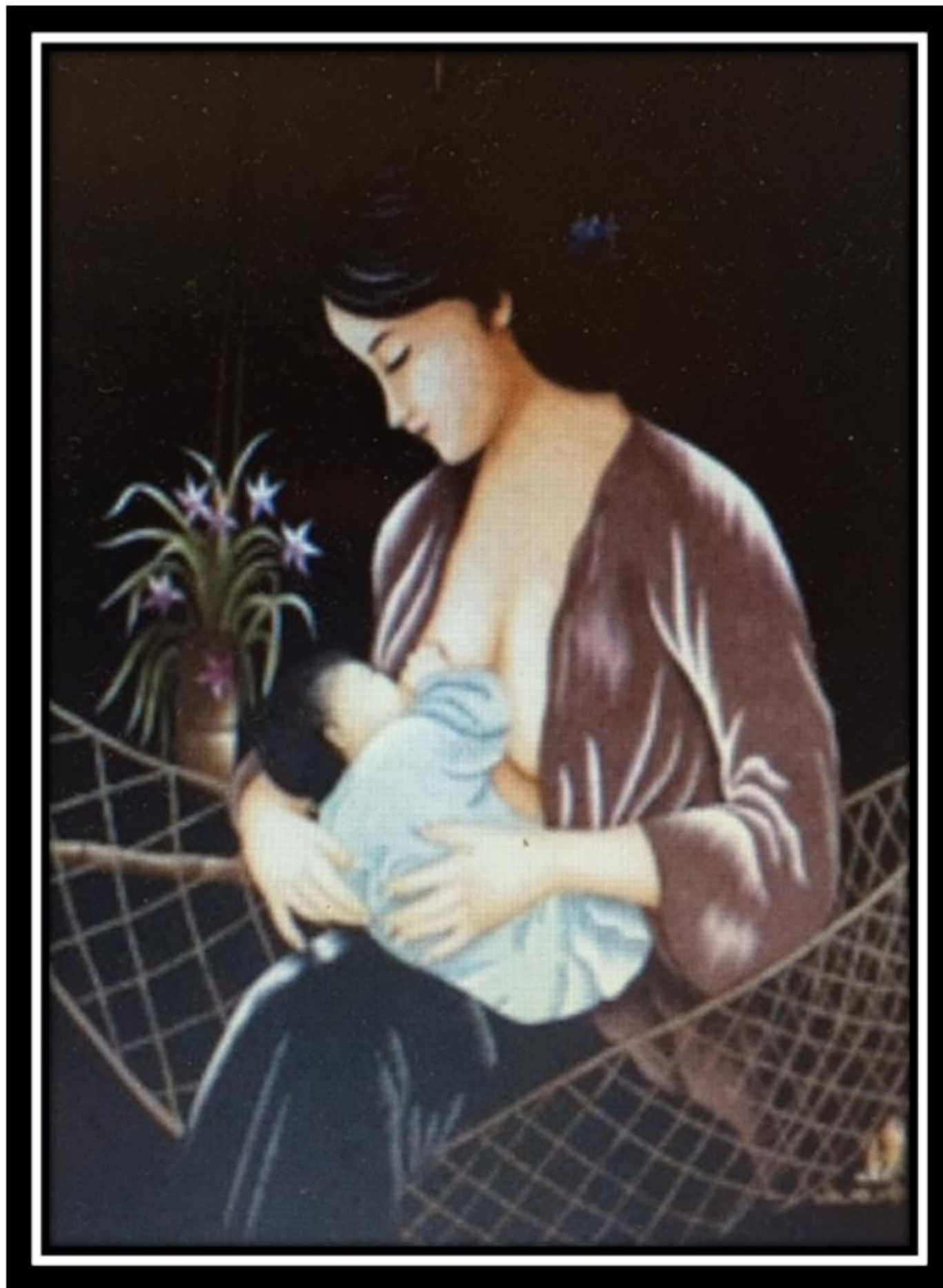
<https://www.youtube.com/watch?v=c5YZTtnkIIA>



Phòng Triển lãm Nghệ Thuật
Trung Học Nguyễn Trãi Saigon
(TT)

Tranh Thêu:

Thảo Ly



Bầu Sữa Mẹ

Tranh Thêu:
Thảo Ly



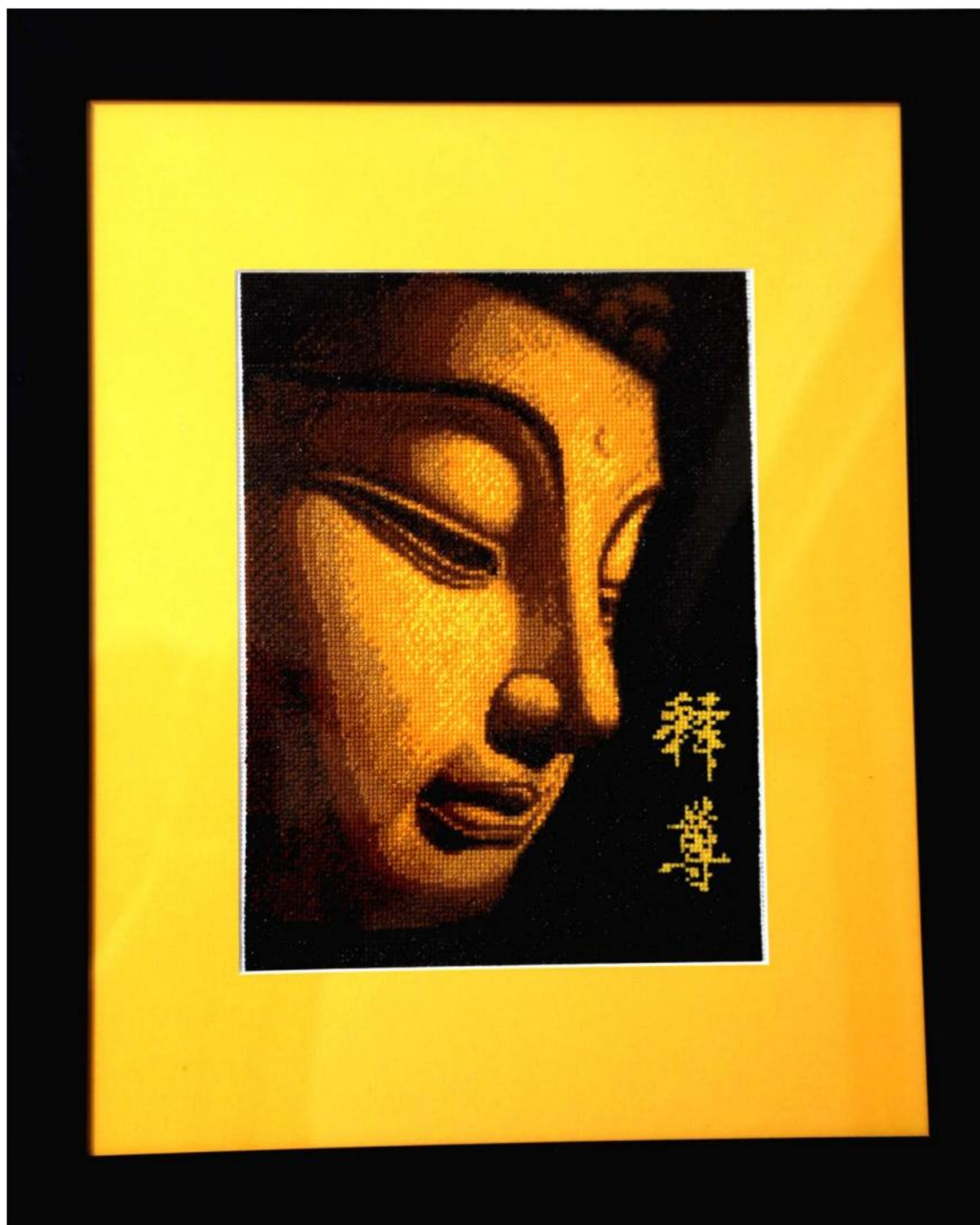
Chợ Quê

Tranh Thêu:
Thảo Ly



Hoa Mẫu Đơn

Tranh Thêu:
Thủy Nguyễn



Đức Phật

Tranh Thêu:

Thủy Nguyễn



Hồ Hoàn Kiếm

Tranh Thêu:
Thủy Nguyễn



Hoa sen

Tranh Thêu:
Thủy Nguyễn



Chữ Tâm



Thảo Ly

Năm ngoái, hai đứa tôi không có mặt để đưa người mẹ nuôi về nơi ở mới. Trong nỗi bịn rịn phải từ biệt căn nhà cũ, bà còn thêm nỗi khổ tâm vì người anh trai duy nhất gần đây không liên lạc. Mẹ lo ông DC giận vì từ đây không còn cơ hội tới ở lại lâu, được mẹ nấu những món ăn ưa thích khi xưa. Vì thương anh mà mẹ nấu chứ với căn bệnh bây giờ ông DC không còn nhận biết mùi vị, cũng không màng tới chuyện ăn uống nữa.

Như để bù đắp lại gần một đời xa cách, ông DC từ Florida dọn về miền núi cũ- nơi hai anh em ra đời, mồ côi mẹ lúc tuổi còn thơ nên mỗi đứa mỗi nơi. Trên đường lái xe về, ông dừng lại một đêm ở

motel. Số tiền cổ ông sưu tầm, thu thập cả một đời đã mất trên đường về không rõ lúc nào. Mẹ nghe xong chỉ nói nhẹ nhàng:

- Hãy xem như anh chưa từng có nó, vì giả sử nó còn anh cũng không dùng đến. Không có sự thay đổi dầu còn hay mất khi mình không sử dụng.

Hai anh em khẩn khít vô cùng. Mỗi lần sinh nhật mẹ, ông DC gọi phone hát chúc mừng em gái. Thỉnh thoảng ông xuống núi, lái xe gần hai tiếng để thăm em. Một ngày, ông DC cho mẹ biết đã dọn vào Nursing Home, tọa lạc ở khoảng giữa đoạn đường đi lên núi. Mẹ mừng vì bây giờ ông DC chỉ còn lái xe nửa đoạn đường thôi.

Mẹ vẫn bận rộn với việc ở nhà thờ, nhóm music của đám trẻ ở Trung tâm khuyết tật và thêm nhiều group khác. Quyền lịch sở tay sinh hoạt của bà vẫn dày đặc như xưa chứ không thấy bớt đi. Nơi ở mới cách căn nhà cũ hơn 5 phút lái xe. Không có mặt trong ngày bà cần chúng tôi bên cạnh, hai đứa hẹn sẽ về mừng sinh nhật của bà. Mẹ báo tin vui, ông DC không giận hờn gì. Ông đã gọi và hứa đến thăm khi có thể. Tôi với chàng dự định lúc về, sẽ cùng mẹ đi thăm ông ở Nursing Home. Chưa chi mà cả hai bố con chàng đều nói ông DC sẽ quý mến tôi. Tôi cười tỏ ý không tin, Vinh con giải thích:

-Trong nhà bà nội hầu như tất cả đàn bà đều có cá tính mạnh- từ con dâu đến cháu gái và cả luôn bà nội nữa. Cô được quý mến không có chi là lạ.

Một lần, chàng trao phone cho tôi khi gọi thăm mẹ có cả ông DC ở đó. Nghe giọng nói hiền lành, từ tốn của ông làm tôi nhớ cuộc nói chuyện của ông ngoại tôi ở Sài-Gòn với mẹ tôi lần cuối trước khi mẹ mất.

Cả mẹ nuôi và chúng tôi không còn cơ hội gặp ông DC nữa. Ông ra đi trước sinh nhật mẹ mấy ngày. Lòng tôi thất lại khi nghe giọng nói yếu mệt lần trong nước mắt, dầu bà luôn nói ta không sao, chỉ còn vài hôm nữa là gặp lại các con. Sợ bà không

chịu nổi những buồn phiền tiếp nối lúc gần đây, hai đứa tôi gọi sáng, gọi chiều chỉ mong mẹ đủ sức để vượt qua như hai lần trước.

Đón chúng tôi ở phi trường Raleigh, Vinh nói mình mua tạm chút gì ăn trên xe để bà nội khỏi chờ lâu. Sau hai giờ lái xe lên phố núi, đến nơi trời đã vào đêm. Tôi ngỡ khi Vinh chạy qua cổng gác, vào trong bãi đậu xe trước toà nhà rộng lớn sơn màu trắng, bên trong đèn điện sáng choang.



Qua khỏi hành lang dài rẽ trái là phòng của mẹ. Có chút gì quen thuộc ở đây. Tôi biết rồi, đó là bình hoa mẹ cắm thật đẹp đặt trên kệ nhỏ bên góc trái. Mẹ đi tới đâu đem sự ấm áp vui tươi đến đó.

Chưa kịp nhấn chuông thì cửa mở, mẹ hiện ra trước mặt. Bà lúc nào cũng ăn mặc tươi tắn đón mừng con lúc về thăm. Căn bếp nhỏ gọn gàng, xinh xắn. Chiếc bàn ăn từ nhà cũ, có bình hoa hồng cũng cắt từ bên đó, cho tôi cảm giác thân quen. Phòng khách rộng và sáng, có cửa sổ nhìn ra phía trước building nên Mẹ đã nhìn thấy chúng tôi từ bãi đậu xe

Trên tường phòng khách và phòng ngủ là những bức tranh và điêu khắc mỹ thuật bằng gỗ do mẹ làm, mẹ vẽ khi xưa. Nhìn hai chiếc giường twin size đặt gần nhau với tấm phủ giường phẳng phiu thật đẹp, thấy mà thương. Thăm nghĩ mai này nếu như tôi sống đến ngày bằng tuổi mẹ bây giờ, chắc gì tôi làm được những gì bà làm như hiện tại- sạch sẽ, ngăn nắp và mỹ thuật. Lần về nào cũng như nhau, bất cứ trục trặc gì trong nhà mẹ chờ gặp chàng để hỏi. Hai mẹ con họ hàn huyên bên ly vang đỏ, tôi thưởng thức bánh oatmeal dừa đặc biệt mẹ làm để trong hũ lớn giữa bàn ăn.

Vinh con ganh tỵ

-Bà nội cho cô ăn bánh mới, còn con nội cho toàn bánh để trong freezer mới lấy ra.

Tôi cười.

-Con được ăn bánh dài dài, còn cô mỗi năm chỉ có một lần thôi.

Vinh chẳng chịu thua

-Bà nội cũng cho con công thức làm bánh khác cái cho cô.

-Con nói khác là sao?

-Là bà giấu nghề với con, không cho bí quyết nên con làm không giống.

Lúc này mẹ mới lên tiếng:

-Tại con chỉ hỏi công thức làm bánh thôi. Ly khác! Nó hỏi xin công thức "của ta"!

Thằng con tiu ngưu không cãi được. Mẹ thông minh kèm tính khô hời. Bà bộc trực, thẳng tính nhưng luôn từ hoà, tế nhị với tôi, y như mẹ tôi xưa. Vinh và đứa cháu gái của bà hay nói sau lưng. Từ nay nếu muốn bà nội làm theo ý mình thì cứ nói là cô Ly thích vậy!

Với một phòng ngủ, chung cư chỉ cho một người khách ở lại đêm. Chúng tôi có ba người nên mẹ chuẩn bị chu đáo hai căn phòng nơi nhà cũ. Lúc đó bà chưa biết là có thể thuê phòng ở đây cho khách đến viếng thăm. Phòng khách rộng, thừa chỗ cho hai bố con chàng ngủ lại, nhưng chuyện này không thể xảy ra bởi mẹ tôn trọng luật lệ chung.

Đêm khuya rồi mà mẹ vẫn muốn theo về nhà cũ. Bà lái xe chờ đứa con nuôi, tôi đi chung xe với Vinh con. Sau vài phút quanh co trong xóm, thằng bé la lên lúc ngừng xe.

-Trời ơi! Cô coi, bà nội lái xe kiểu gì mà tới trước mình! Ngày mai rồi bố với cô sẽ thấy, bà lái xe "ba gai" tới độ nào nha!

Mẹ quanh quẩn trong căn nhà kỷ niệm, trao mớ thư từ, hình ảnh khi xưa bảo đem về. Vinh mau mắn nói liền:

-Nhiều quá mang theo làm sao hết. Để con soạn lại xem rồi giữ hộ.

Tôi mỉm cười nheo mắt với con. Nó lém lỉnh, thì thầm:

-Có thứ bỏ không cần nữa. À mà cô có ghen với quá khứ không?

Nhìn bà bịn rịn với từng món đồ kỷ niệm để rồi không biết trao lại cho ai, tôi hiểu hơn bao giờ những gì mình thu thập, nâng niu, sẽ chẳng ai màng tới mai này- Từ món đồ nhỏ, nói chi vật lớn. Mẹ dọn vào nơi ở mới, trăm thứ ngổn ngang còn lại sau mấy mươi năm tích lũy. Tôi thương Sonia, đứa con dâu tốt của bà nhận phần dọn sạch, sơn phết xong sẽ bán. Đây là việc làm không dễ chút nào. Vừa cực nhọc vừa cần sự cứng cỏi không tiếc nuối. Cô dứt khoát bỏ đi hoặc donate những đồ dùng hữu ích đâu còn mới, không mang về nhà bất cứ món nào. Sonia dọn sạch thật nhanh lúc không có mặt mẹ hay người thân, bởi những vật kỷ niệm sẽ làm họ chùng lòng, không nỡ bỏ đi. Tôi chợt nghĩ mai này lúc đến phiên mình. Hình ảnh, album, những đồ lưu niệm... tuy gọn nhẹ cũng sẽ chẳng ai buồn cất giữ, nói chi đến những vật dụng hằng ngày trong đời sống. Tôi mừng vì bỏ được thói quen mua đồ lưu niệm trong những chuyến đi xa đã từ lâu.

Mẹ lái xe về một mình trong đêm chác buồn nhiều. Mỗi ngày bà vẫn còn trở về đây nhổ cỏ dại, cắt hoa hồng và đào những củ hành tây còn lại đem về. Đêm đó, tôi nằm thao thức trong căn phòng quen thuộc những lần về, mà trước đây luôn có giấc ngủ ngon, tựa thờ xưa tôi về nhà ba mẹ tôi ở qua đêm. Cũng ở đây, cái cảm giác ngậm ngùi theo mãi trong những lần đến rồi đi, làm sống lại hình ảnh ngày tôi còn mẹ. Mẹ tôi cũng một mình thui thủi vào ra, suốt mấy năm sau khi cha tôi mất. Mẹ tôi cũng nấu dọn

những món ăn con ưa thích, ngồi bên cửa đợi con về. Vui chốc lát rồi lặng lẽ một mình một bóng, khi cánh cửa khép lại sau lúc con từ giã. Dường như những đứa con của người bản xứ, không cảm nhận nổi hăm hiu, cô độc của bà mẹ già sống một mình, trong căn nhà kỷ niệm ngập đầy.

Tôi thức dậy trước khi đồng hồ báo thức, bước ra khu vườn rộng ngày nào mẹ trồng từ măng tây đến salad, cà chua, củ hành, đậu ve, bí đỏ, khoai lang... Rồi có cả một workshop dưới basement, cơ man nào là bình hoa, چرا گۆ, چرا سۆت cùng bao nhiêu thứ cho bà làm art, đồ gốm, vẽ tranh, cắm hoa, đóng hộp rau quả...Thêm hai cái freezer thật lớn để trữ thức ăn cần thiết khi nhà thờ có tiệc. Bà mẹ già mỗi ngày lên xuống basement bằng cầu thang gỗ thẳng đứng, từng làm tôi lo lắng. Tất cả đều trở thành quá khứ. Khu vườn bây giờ xơ xác, hoang tàn. Chỉ còn lại những bụi hoa hồng tươi thắm và giàn nho già, trái nhỏ, lá muốt xanh. Bà để sẵn cho tôi mấy chậu hoa để đem về trồng ở vườn nhà. Tôi đón nhận như kỷ vật có mang hình ảnh mẹ.

Vinh nhắc gọi cho bà nội trước khi chúng tôi sang bên đó. Tôi nghe giọng bà có vẻ ngập ngừng

-Ta cần thêm 10 phút nữa mới làm xong bữa sáng.

Tính bà là vậy, làm việc gì cũng muốn thật hoàn hảo mà không cần phụ giúp. Tôi với Vinh đề nghị nấu món ăn Việt cho bà thưởng thức nhưng bị khước từ. Bà nói đây là vacation của tôi với chàng, không có chuyện bà cho tôi làm bếp. Chỉ mỗi việc tôi dọn rửa liền sau bữa ăn, không bỏ chén đĩa dơ vào máy đủ làm bà vui, khoe với cháu con.

Ở đây có nhà hàng, mẹ đóng tiền ăn mỗi tháng nên không còn nấu ăn như trước. Vậy mà bà vẫn nấu vài món ăn trong những ngày có chúng tôi, vẫn bày bàn ăn thật đẹp cho mỗi buổi.

Xong bữa ăn sáng, mẹ dẫn đi tour một vòng trong building. Ở đây phòng nào cũng rộng rãi, khang trang. Phòng ăn buổi tối đẹp như nhà hàng lớn, có



cửa mở ra sau cùng bàn ghế ngoài sân để ngắm phố núi đẹp như một thiếu phụ u sầu, trầm mặc. Thư viện nhìn ấm cúng. Có phòng y tế, phòng chơi game, phòng xem movie và cả bar rượu dọc lối đi. Tôi đùa:

-Các cụ già ở đây cũng "nhậu" như ai!

Vinh cười

-Thì bà nội cũng còn mua rượu đó. Đôi khi không có bố, bà ngồi uống một mình, say một mình những lúc quá buồn.

Tôi nói cho Vinh nghe về nỗi xót xa, thương cảm sau lần gặp mẹ đầu tiên. Không có ai thấu hiểu và

chia sẻ được nỗi cô đơn, thềm hơi ấm gia đình của người còn lại một mình. Mẹ vui mừng cười nói lúc gặp nhau bao nhiêu, thì khi ôm nhau từ già bà im lìm, lặng lẽ bấy nhiêu. Vinh đã biết để ý, quan tâm nhiều đến buồn vui của bà hơn. Tôi chạnh lòng bởi hiểu mẹ vẫn thường có những giọt lệ nuốt vào trong, để con cháu yên tâm sống cuộc đời riêng. Mẹ hiếm khi nói về mình. Lúc gần đây tôi với chàng được bà cho biết nhiều hơn về tình trạng sức khỏe của bà, và niềm vui nho nhỏ nhưng vẫn giữ cho riêng mình nỗi mong ngóng, buồn phiền. Vinh nói bà nội những khi trầm cảm, cứ trông chờ phone báo với cô.



Xem hết mọi nơi xong, mẹ dẫn chúng tôi đi bộ ra khỏi building, băng qua con đường dốc không dài lắm. Ban ngày tôi mới nhìn thấy vẻ đẹp thơ mộng của dốc đồi, cùng rừng cây xanh mượt uốn cong dọc hai bên. Building mẹ ở cũng cất trên đồi, từ tầng trên có thể mở cửa bước ra đường. Rừng thông chen lẫn với cây phong và dogwood, thiên nhiên hiền hòa cho tôi cảm giác bình an. Tự dưng mà lòng nao nao nhớ về Đà Lạt ngày xưa. Mỗi ngày mẹ đi bộ sang tập thể dục ở phòng gym lớn có hồ bơi bên trong. Có một Nursing Home ở cạnh bên. Giọng thoáng buồn, mẹ nói:

-Đây là nơi ta đến ở sau này, khi không thể tự lo cho mình được nữa.

Chỉ cách một con đường ngắn, nhưng hai nơi quá khác nhau. Bên kia, những người già vẫn ăn mặc đẹp mỗi ngày, dầu còn lái xe ra ngoài sinh hoạt hay chỉ ra vào quanh quẩn. Bên này gần đoạn cuối đường rồi, tôi nhìn thấy những ánh mắt không hồn và khuôn mặt bơ phờ không còn sức sống. Mẹ nói, mỗi buổi sáng bà phải gọi ra office lúc 9 giờ. Sau giờ đó, nếu như không thấy gọi, họ sẽ cho người tới mở cửa rồi khiêng xác! Bà cười trong khi tôi thầm cầu nguyện. Xin đừng để mẹ ra đi một mình, không ai biết, không ai hay...

Vinh có buổi họp sau đó, hai đứa tôi theo mẹ ra xe. Bà đã có chương trình là bữa ăn trưa gây quỹ từ thiện ở nhà thờ. Lòng tôi hạnh phúc xôn xao. Không làm sao tưởng tượng có ngày, bà mẹ già lái xe chở hai đứa tôi trên những đường đồi dốc chập chùng. Gặp lại đứa con nuôi bà vui nên nói huyền thuyên trên đoạn đường dài trong khi xe vẫn lao nhanh. Phải công nhận ở tuổi 89 mà mẹ lái xe thật giỏi, tôi biết mình không thể nào sánh được với bà. Qua lúc đầu hồi hộp, tôi ngồi im nghe giọng nói đều đều như ru ngủ của bà. Tôi đã ngủ trong mơ màng, an lạc.

Ngôi nhà thờ nhỏ bên trong đã có nhiều người đến trước. Mẹ đưa chúng tôi đến giới thiệu với những người đàn bà bàn bên cạnh. Chàng ngạc nhiên mừng rỡ, vì đó là những người năm cũ làm chung một building thuở còn ngơ ngác xứ người. Một trong những người này là mẹ bây giờ, đã giang tay bảo bọc cho chàng sinh viên tỵ nạn VN có nơi nương tựa, an tâm đi học cho đến lúc thành nhân. Tôi để ý những bàn ăn đều trình bày rất đẹp, mỗi bàn mỗi vẻ khác nhau. Mẹ biết tôi thấy lạ, bèn giải thích. Những người trong từng bàn tự trang trí, trình bày bằng đồ mang tới từ nhà, từ hoa tươi đến ly tách, muống đĩa cho cả bàn. Thức ăn là hơn 40 món ăn nhẹ, salad khác nhau do nhiều người trong Ban tổ chức làm đem đến. Dĩ nhiên họ cũng mua ticket như khách tham dự. Không có chi phí cho buổi tiệc này, tất cả tiền thu được sẽ dùng cho từ thiện. Mẹ hỏi tôi có thích những món salad đặc biệt của họ

làm không? Tôi khen họ làm thật khéo và ngon, mà tôi thì mê salad nên trở lại lấy thêm lần nữa.

Bữa ăn tối hôm đó mẹ chuẩn bị từ trước, lúc không có chúng tôi. Vinh vốn ghiền món ăn vừa ngon vừa béo ngậy của bà theo lối country. Tôi làm món kẹo Pecan mà mẹ thích trước chuyến đi, thêm vài cái bánh Ít nhân dừa nữa. Bà đồ một ít kẹo Pecan ra đĩa nhỏ rồi khoe với chúng tôi, không gì hạnh phúc bằng nằm dài trên ghế coi ti vi và nhai kẹo Pecan. Năm đó, nghĩ mẹ không biết ăn bánh Ít nên tôi không mang phần cho bà. Vinh cất phần của nó trong tủ lạnh nhà bà nội. Bà nhìn thấy tưởng là tôi biếu nên muốn thử ngay. Chàng của tôi nhanh nhẹn để vào mirowave một phút rồi chỉ bà mở lớp lá ra. Bột nếp trắng dẻo và nhân dừa thơm ngọt, mẹ thưởng thức tận tình món bánh mà tôi chỉ làm dịp tết, rồi để dành trong ngăn đá cho Vinh. Tôi nháy mắt với Vinh, nó hiểu là phải đợi lần sau rồi cười.

-Con biết mà! Bà nội kiếp trước chắc là người VN nên thích món ăn VN. Cả chè bà cũng biết ăn luôn!

Ngày sinh nhật của mẹ, lần đầu tiên đứa cháu ngoại tổ chức vào buổi chiều, mời cả nhà tới dự. Sáng hôm đó Vinh đặt bánh Birthday nhờ bố đi lấy, còn tôi với con đi họp cùng bà nội ở phòng ăn của building. Mẹ muốn chúng tôi đi chung, bà thật vui khi con cháu vây quanh. Hai mẹ con tôi ngủ gật vì buổi họp quá dài. Họ thay nhau nói về những chi phí cần phải đóng thêm, từ khăn trải bàn ăn cho đẹp và vài thứ khác. Tôi nói với chàng. Nếu không chuẩn bị, dầu bán nhà đi thì cũng không đủ chi phí để sống lâu dài ở nơi thoải mái, tiện nghi giống ở đây.

Buổi trưa, chúng tôi theo mẹ tới thăm Trung tâm dành cho người khuyết tật do mẹ sáng lập. Ở đây đang triển lãm mỹ thuật nên nhộn nhịp, thật nhiều màu sắc. Tôi ngắm mê mãi những tác phẩm nhiếp ảnh, hội họa và đồ thủ công mỹ thuật do các em khuyết tật làm ra. Khó mà tưởng tượng trong số trẻ ở đây, có nhiều người bị thiểu năng, nhờ sự huấn

luyện mà họ trở nên khéo léo, tài hoa như vậy. Tới đây, mẹ trở nên trầm mặc trong nỗi nhớ đứa con gái ra đi đã mười năm. Debbie cũng ở đây, chỉ về nhà lúc cuối tuần và cũng ca múa, vẽ tranh, không thua gì mẹ, dù sức khỏe thật mong manh. Thêm nỗi buồn về người bạn gắn bó bao năm là bà Jackie- trưởng ban nhạc của đám trẻ khuyết tật, giờ đau yếu mà còn bị alzheimer, phải vào Nursing Home. Sáng nay, chồng bà Jackie gọi phone cho mẹ. Cả hai ông bà cùng hát chúc mừng sinh nhật mẹ. Không có bà Jackie, ngỡ mẹ sẽ ngừng việc trình diễn gây quỹ cho đám trẻ. Nhưng không. Bà nhất định không bỏ cuộc chỉ vì tình thương dành cho lũ trẻ. Từ việc tập dợt cho đến khi trình diễn có thù lao, chưa kể giới thiệu, tìm kiếm hợp đồng để duy trì hoạt động này, không phải là việc dễ dàng. Cả một đời làm lành, phụng sự, mẹ quên đi tuổi tác và sức khỏe ngày càng giảm sút.

Chưa bao giờ thấy mẹ vui như trong buổi tiệc sinh nhật chiều nay. Trước khi đi, bà hỏi tôi ý kiến về bộ đồ sẽ mặc. Mẹ thối nên trong xúc động, rồi khiêu vũ cùng với con trai. Cả nhà gom lại được mười người. Vinh nói cả đời bà nội làm bánh sinh nhật cho từng người trong nhà, đây là chiếc bánh sinh nhật đầu tiên bà có. Quà sinh nhật mẹ nhận trước qua Vinh, là khung hình kèm ảnh của hai đứa chúng tôi, để bà đặt trên bàn trong phòng ngủ. Tôi không còn tặng Home Depot gift card nữa, để mẹ mua đất, mua phân trồng trọt mỗi năm. Ba mẹ tôi ngày trước cũng không nhận quà của con cháu, vì cho rằng đã quá dư thừa, anh em tôi bèn tặng tiền cho ba mẹ có thêm nguồn tài chánh làm từ thiện. Nhớ lại điều này, tôi thực hiện với bà, thêm khung ảnh hai đứa như mẹ muốn.

Lần đầu chàng dắt tôi về, quà cho mẹ là chiếc khăn choàng tôi móc. Sau đó con nói cho tôi biết bà nội làm đủ thứ đồ thủ công, mỹ thuật, nấu ăn, đan móc, cắm hoa. Tôi thất vọng nghĩ món quà của mình thừa thãi, vậy mà Vinh bảo rằng bà nội rất vui vì từ trước

giờ chỉ có bà làm tặng mọi người, giờ mới nhận được từ cô đó! Hạnh phúc đến từ những điều rất nhỏ. Chàng nói với tôi, em trao đi tấm lòng của mình chứ không phải là vật chất, cho nên không bao giờ thừa hết.

Từ nơi mẹ ở tới nhà đứa cháu là quãng đường xa, đồi dốc nối nhau. Tôi hỏi con sao không ai nghĩ bà nội đã quá già, mà một mình đến, một mình về trên đường đêm vắng vẻ, dốc đèo như vậy trong những lần họp mặt gia đình Con chồng chế. Bà nội không muốn phiền ai phải đi xa và về sớm theo bà, bỏ dở cuộc vui. Tôi xót xa và thất vọng, sao con cháu có thể vô tình đến thế. Đâu phải chỉ một lần hay chỉ một cuộc vui đó rồi thôi mà phải tiếc. Chỉ tiếc khi mình không còn cơ hội nữa để đón đưa người mình yêu thương nhất mà thôi.

Năm nay mẹ đúng 90, như ngọn đèn mờ tim sắp hết, dầu đang dần cạn. Bà mỗi một nhiều khi chứng kiến từng ngày đoạn cuối một đời người. Lần về trước mẹ trao cho tôi khung ảnh, bảo tôi có thể đặt trên bàn thờ sau khi mẹ mất nếu như tôi muốn. Ngày đó chắc không còn bao lâu nữa.

Không níu giữ mà sao mong còn mãi người mẹ già không cùng chung tiếng nói, màu da. Chút hơi ấm tình mẫu tử tôi với chàng còn được hưởng bây giờ, là niềm hạnh phúc mong manh dễ mất.



Làm sao giữ được vòng tay ấm và tấm chân tình
đầy ấp thương yêu, của bà mẹ nuôi mà kiếp này tôi
và chàng có được trên xứ người xa lạ.

Thảo Ly



Mùa Vu Lan

*Đã lâu rồi con muốn gọi ... Mẹ yêu!
Bởi trong con ngàn vạn điều muốn nói
Tháng bảy về mùa Vu lan lại tới
Bao mùa rồi con thầm gọi... Mẹ ơi!*

*Tháng bảy về trời vẫn vũ mưa rơi
Nước chảy thành sông mắt người đầm lệ
Biết nói chi chỉ ước sao còn mẹ
Để ân cần, để vỗ về đầy vơi.*

*Cả cuộc đời mưa nắng mẹ chẳng ngại
Con lớn khôn mẹ thành người thiên cổ
Vì hạnh phúc con mẹ nào than khổ
Mưa vẫn dãi dầu nắng đổ mồ hôi*

*Vu lan rồi con lại gọi ... Mẹ ơi!
Hồn mẹ linh thiêng trên trời có thấu
Tháng bảy về rồi tâm con sám hối
Mẹ khuất xa rồi vẫn muốn gọi Mẹ ơi!*

*Thương con
mẹ*

*dệt niềm tin,
cho con ăn học, cho mình ước ao
Nỗi lo mẹ cộng thêm vào
tuổi xuân tươi đẹp mẹ trôi bỏ ra.*



BẢN TỰ VI SƯ

B-G

Chút hoài niệm thương kính tặng trung-học Nguyễn-Trãi SG cùng quý thầy cô GS Nghiêm-Hồng, Nguyễn-Công-Đạt, Đào-Kim-Phụng, Đoàn-Trung-Can, Hoàng-Kim-Cúc, Nguyễn-Cửu, Phạm-Văn-Đàm, Nguyễn-Trọng-Hàn, Cù Hòe, Đặng-Ngọc-Hạnh, Hà-Đạo-Hạnh, Tô-Đình-Hiền, Nguyễn-Trung-Hối, Tạ-Quang-Khôi, Bùi-Vĩnh-Lập, Nguyễn-Tường-Phán, Đặng-Đình-Phùng, Nguyễn-Huy-Quán, Chung-Quân, Phạm-Quỳnh, Phạm-Thị-Sâm, Đoàn-Văn-Thuận, Bùi-Thái-Trừu, Cao-Thanh-Tùng, Trương-Văn-Ứng, cùng chư vị GS đồng nhiệm.

Em Bình

Một

Bạn mến,

Bao ngày qua không đếm xuể, học sinh tôi gửi *Chút hoài niệm thương kính tặng trung học Nguyễn Trãi SG cùng quý thầy cô GS Nghiêm-Hồng, Nguyễn-Công-Đạt, Đào-Kim-Phụng, Đoàn-Trung-Can, Hoàng-Kim-Cúc, Nguyễn-Cửu, Phạm-Văn-Đàm, Nguyễn-Trọng-Hàn, Cù Hòe, Đặng-Ngọc-Hạnh, Hà-Đạo-Hạnh, Tô-Đình-Hiền, Nguyễn-Trung-Hối, Tạ-Quang-Khôi, Bùi-Vĩnh-Lập, Nguyễn-Tường-Phán, Đặng-Đình-Phùng, Nguyễn-Huy-Quán, Chung-Quân, Phạm-Quỳnh, Phạm-Thị-Sâm, Đoàn-Văn-Thuận, Bùi-Thái-Trừu, Cao-Thanh-Tùng, Tí* từng cùng bạn thi nhau đánh bóng ghe nhà trường NT

đến mòn tưa cả đũng quần ka-ki. Thế là mẹ nhà lại phải đê miếng vải lót dày cộm cộm lên mà *piquer* tạm chỗ ấy trong khi chờ may loạt đồng phục mới. Cộm mấy thì cộm miễn khỏi thùng dít là lịch sự chán; bởi học trò học troet quên có là nữ sinh điệu đâu mà lo?

Nay quần lành áo tốt, ta hoan hỉ chào nhau. Xin kính chào chư vị GS Nguyễn Trãi thương mến đang vui sống bên đời bọn trẻ cũ của các người hôm nay. Cũng thành tâm mong góp cùng quý đồng môn phần nào kỷ niệm dễ chịu trong ngôi trường thần tiên đạo ấy.



Đổi thay nào cũng có giá phải trả, khi trường ta dọn sang kho Năm Khánh-Hội SG. Làm sao mười mười hai tuổi đầu còn được quen mui trưa trưa chiều chiều rong ruổi xe đạp trên đại lộ Phan-Đình-Phùng mát rượi tán me già? Hết được hít đầy lồng ngực làn hương ngát từ hoa sao vàng cổ thụ thoảng đưa theo chiều gió ngược. Cũng hết còn con đường Tú-Xương thần thơ dẫn lối về nhà với thật nhiều cây hoa đại lộng lẫy tựa cái nấm khổng lồ nhú lên trong các biệt thự Tây. Hết luôn cả vài trái nỏ lắt nhắt vật bên lề cỏ --chỉ chực chờ tí nước bọt nhấm vào là nỏ bung tanh tách-- đem về cho em. Tí nhựa cao su cạy cục từ những gốc sù sì ven đường về vội thành

quả bóng nham nhở tung tung, mấy quả nâu khô nhặt được như trái cầu tung lên cho hai cánh quay tit thò lò rơi xuống... cũng còn đâu nữa?

Giờ thì đã đệ Tam. Mỗi ngày đi học về chầu nước rửa mặt biến sắc xám xịt là thường. Chưa kể hễ gặp chéo khăn mà ngoáy mũi khặc thấy y như vừa thông xong cái ống khói đèn dầu tây thấp đêm hôm cúp điện. Đây là thành tích thu thập sau suốt chặng đường lăm lữ đạp xe miệt trên con đường Trịnh-Minh-Thế thông thoáng, noi theo chiếc xe bồn lù lù của US Army với hàng chữ "*Keep out of... within 50 feet*" sơn đằng sau như hăm he sút mẻ kẻ đến trường.



Trò vừa đến, là quả như rằng mấy mụ tàu thủy to kền cập sát bến chỉ chờ có thể để thét còi lên tồ tồ và phun phùn phụt ống khói đen thành hạt buông toi tả sang bên trường! Niên khóa ấy trong dịp vào từng lớp vận động tranh cử ban đại diện HS, có anh Sơn thâm thấp người mà sao khỏe tvô cùng Anh tán rằng khi nào được ủng hộ lên ngôi sẽ đệ đạt nhà trường gắn liền mạng lưới chắn (chắc phải vĩ đại khiếp hơn loại bầy chim sè) để các dãy lớp đừng bị lũ tàu khủng long kia chiếu tướng cho ăn nhọ

Bạn có thể lấy làm lạ rằng sao phải hoài hơi kể lắm vậy. Chả là vì lộc cả từ Úc-Trai tướng-công nhờ chuốc vào rồi thì không đành khư khư đào sâu chôn chặt làm của riêng tây. Chia sẻ mối quan hoài cùng hậu duệ của ngài bằng ít hàng tâm tình ngô nghê thì tội gì phải cân đong tiết kiệm cho ẻ người? Sau quá nửa đời luân lạc còn được yên hàn xúm nhau ôn lại mầu ký niệm ấm êm, há chẳng hạnh phúc lắm ru?

Nếu không lý đến lòng biết ơn chín chắn mà chỉ hồn nhiên thuận theo bản năng hỷ nộ ái ô cá nhân, thì có vẻ như là bất nhất trong tình nghĩa trò đối với thầy. Hơn thế nữa, *cơ khí sinh cơ tâm!* Trong đạo lý vận hành xã hội máy móc ngày nay, quyền đi học --do nhà nước trước là cưỡng bách sau là tài trợ-- được coi như cân bằng với thiên chức dậy dỗ kèm thù lao sòng phẳng cho giáo giới. Thế là hòa. Lối tính toán ráo hoảnh này khiến kẻ sĩ chỉ cần thâm cảm ơn hệ thống quốc-gia giáo-dục xong là phui tay. Tuy nhiên, đã gọi thiên chức thì công nhà giáo là vô biên không thể nghĩ bàn. Đổi lại thì chuyện học trò đội ơn người mớm chữ cho cũng đáng đặt lên thượng hạng; cho dầu quý ông nọ bà kia không hẳn toàn tài từ mỗi một vị thầy như thừa đã qua.

Những ân sư lớn tuổi dần xa, mãi để lại lòng thương tưởng trong đàn sau. Thương vì một đồng một chữ lọt tai cũng đã thành khôn; hà huống cả công lênh bấy nhiêu năm dẫn dắt trẻ thành người nhập tâm mọi điều tử tế? Chút oán thán nhờ không vui hắng phải tại chôn xưa vẫn thường kể như bụi phấn tàn mác theo dòng đời; để rồi lúc nào đấy hồi tưởng, cố nhân mới thấm thía ngọt bùi vương đầy tâm

khảm. Và lòng biết ơn.

Hai

Mẹ Tôi Lên Tiếng Vui Ca

Bốn niên trường ráo riết đánh đu thứ nhịp, C, 3/4, 4/4... Xương âm thì lạnh lót như vệt hót. Thuộc lòng vô khối lời ca Văn-Giang (Thông-Đạt), cả của L H Phước, P Duy... Nhạc sử được học mãi, thì ít ra cũng phải rõ ví dụ như nhạc sư Franz Liszt xuất thân từ giống nòi Hung-Gia-Lợi tràn ngập hành khúc rộn ràng... Nhạc lý thì "Hệ Thống Âm Giai Trường" là sao? Yếu quyết "*Nhất Sol nhị Ré tam La, tứ Mi ngũ Sí lục Fa thất Đồ*" của quý ông thợ kèn là thế nào? Thuộc luôn...

Vậy mà khổ thân thay, vẫn có kẻ đọc sofège như ngó vách tường! Nghĩa là năng khiếu trời có cho đâu mà hám? Vậy thời dầy công thầy tôi đồ sông đồ biển tuốt rồi chẳng? - Thưa, không bao giờ đâu ạ.



Tất nhiên phải kể cái hay của bản "Làng Tôi" bất hủ vọng về từ quá khứ. **Nhạc sĩ Chung-Quân** hay **hầy Nguyễn-Đức-Tiến** là nghệ sĩ tuyệt

luân ở lắm chỗ mà ai theo học cũng lấy làm hãnh

diện tin mình được làm truyền nhân; cho dù căn cơ có thể tôi tầm đáng đội sổ. "*Chả sao. Luyện giọng khó gì mà hời. Miễn cố gân cổ và đánh dịp khỏe vào là hết zéro*", tôi tự trấn an.

Trường mới có tôi vào ngày ấy dậy lên tiếng đua ca từ hết lượt các lớp. Thế rồi giai điệu du dương suốt kiếp Trung-Học Đệ-Nhất-Cấp nhịp nhàng vang đưa, cơ hồ bắt tận tràn lan cả sân trường. Sóng nhạc hội ngày ngày rung rinh từng tàn cây điệp cao cao...

Máu mỹ thuật trong nhà nghệ sĩ đã thể hiện ngay từ buổi dậy đầu với chỉ vài nét chấm phá. Thay vì xóa toẹt, bàn tay tháp bút tựa dăm dòng khuông nhạc kia nhanh chóng lượn dẻo ngọn phần đề lên đầu bài của danh họa Thịnh Del (viết từ những ngón nục nạc với chiếc nhẩn tím lù lù như vỏ hến vào giờ học trước). Thế là "*Lịch sử Âm Nhạc*" xa xăm hiện hình liền sau khi ngồi lên... "*Vẽ Cái Tổ Chim*".

"Khoa học thơ mộng" như lời vị thầy Triết về sau đề cập đến âm nhạc quả không sai một ly. Buổi ban mai của bao nhiêu lớp học trò hữu duyên đã được thầy Tiến chúng tôi trải lên lớp thảm nhạc xanh rờn!

"Đời học sinh đẹp như bình minh,

(Đồ Ré Mi Ré Mi Fa Son)

"Thắm nét vui của thời xuân xanh,

(Đố Đố Son Fa Mi Fa Son)

"Lúc tuổi thơ gắng công ngày đêm,

(Son Fá Mi Fá Mi Đồ Ré)

"Luôn bền chí quyết không sống hèn.

(Ré Đồ Mí Són Mi Són Đồ)

Mộc mạc còn gì hơn đoàn khúc vỡ lòng êm ả mà
bạn Nhã tôi từng véo von ôn hộ mấy lớp
NT68 trong đêm họp mặt cách đây không lâu lắm,

"Bên sông có cây bàng cao ngát,

"Xanh xanh lá đan như lọng che,

"Bao trưa nắng, rợp bóng mát,

"Mấy nông phu nằm qua giấc hè.

Bấy nhiêu lớp cũng khó quên những giai điệu
xương âm Tây phương như "Người Đi Đầy" (tại
Siberia), từng được Chung-Quân mô tả lồng lộng
nổi bật khuất của tù nhân Sô-Viêt hào hùng
lê chân trong giá buốt, "Son Fa Mi Sòn Đô Rê Mí-
Rê Đô. Son Fa Mi- Sòn Đô Đô Si... Sí La Sòn Mí
Rê Si Đô."

Cũng như ngược hẳn thể là lời hát trong khung
cảnh âm cúng như mẫu để tập làm văn,

"Mẹ tôi lên tiếng vui ca hát hòa cùng tiếng tôi,

*"Hát hòa ngàn tiếng vang đưa khiến cha tôi say
sưa.*

"Nhìn nhau lòng bao quyến luyến,

"Bên tôi cha (ì) mỉm cười...

Ngoài mớ lý thuyết nhạc cùng ký-âm-pháp hàng
tuần mà may ra chỉ vài câu kịp thấm vào đầu, cả lớp
còn được thầy tập cho hát lầ lầ nhiều bản hùng ca
--thể loại mà băng đĩa sau này gắn thêm đôi tiếng
"Sử Việt" vào cho nó nổi-- theo đủ mọi nhịp đánh
ngón tay trở... Đại khái hàng loạt là, "Việt-Nam
Minh-Châu" (Việt Nam minh châu trời Đông. Việt-
Nam nước thiêng Tiên Rồng.../ Sòn Đô Son Mi Đô
Son, Sòn Rê Fá Mí Rê Đô...) Thêm vào đây còn trải
dài vô số thiên trường ca ra riết như "Con Đường
Cải Quan", hoặc "Hòn Vọng Phu" ừa lẽ...

Bài *Hòn Vọng Phu III* vẫn được thầy ta tuyển là
hay nhất. Đôi tai *musical* tinh tế khác vời. Khi bấy
trẻ vang vang đồng ca đến khúc, "Đôi Lan đôi Quế
rắc kho hương nồng, Rừng Sao Rua đôi rừng Trắc,
Xuyên qua mấy nẻo tà dương mới mong đến
làng..." thì hay chữa, cái tên nào vừa bẻ tiếng
"làng" thành "nàng" vậy hử? GS chúng tôi quay
phắt lại, rồi tùm tùm nhiech nhẹ, "Chỉ cứ nàng, nàng,
là giỏi!" Làn môi thầy độ ấy cứ thâm thâm giống
người nghiện thuốc lá nặng; mà hình như có bao giờ
thầy thấy bập điều nào đâu. Cũng rất có lẽ do hệ
tuần hoàn bất ổn; đưa đến sự thất lạc quá sớm của
vi ân sư bất tử trong tôi!



Bên cạnh những ca khúc quốc-gia sáng giá
như "Đoàn Hùng Binh", "Lục Quân VN", "Không
Quân VN"... của Văn-Giảng, cạnh bốn câu ngâm
tha thiết trong "Anh Đi Chiến Dịch", và những lời
chiêu hồi trăm trâm, "Ngày nào con trở về con
oi?... Mẹ ngồi đếm từng hạt mưa rơi..." của Tuấn-
Khanh, thầy Tiến còn tập cho lớp hát cả ổi bài ca từ
bên kia giới tuyển; như là, "Đoàn Quân VN" --vốn
là *Vệ Quốc Quân*, của tác giả bản "Trầu

Cau" Phan-H-Điều-- (Đoàn quân --quân-- VN một
lần ra đi, Lòng có xá chi đâu ngày trở về...)

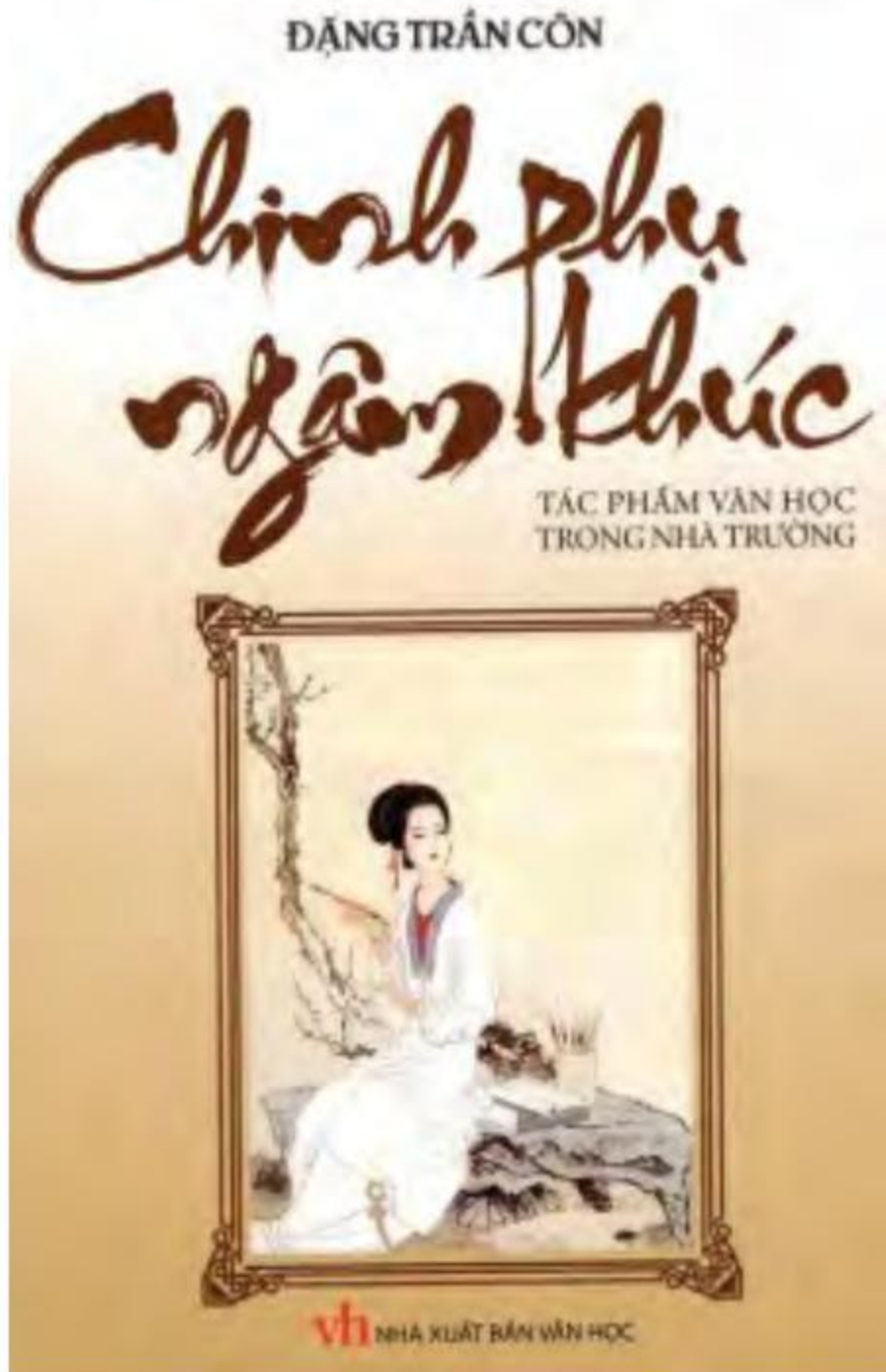
"Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,

"Mặt chinh phu trắng rồi rồi soi.

"Chinh phu tử sĩ mấy người,

"Nào ai mặc (vẽ) mặt nào ai gọi hồn? "

(Chinh Phụ Ngâm)



Lời *Chinh Phụ* khiến tôi rộn ràng chạnh tưởng đến điều này lạ lắm. Khá nhiều sáng tác của Lưu-Hữu-Phước, hay nhạc sĩ VC đội tên Huỳnh-Minh-Siêng trong bung, đã được Sài-Gòn phổ biến công khai. Có lẽ đây là do thể theo tinh thần yêu nước của toàn dân từ hồi tiền chiến. Ngoài dịp điệu "*Hội-Nghị Diên-Hồng*" đồng đặc từng tiếng, "*Hồn Sông Gianh*", hay "*Đoàn Quân Ma*" vì nước lê thê

từng lời... Lại còn không thể nào quên được giai điệu "*Hồn-Tử-Sĩ*" vào từng dịp nghiêng hồn lặng người trong các phút mặc niệm đó đây.

Âm hưởng trầm tư réo rắt trong những giây thiêng liêng ấy gây xúc đến khôn cùng! - Thừa Thầy, điệu kèn Tây trumpet trong không khí bi tráng tại những nơi cử hành lễ *Veteran Day* tại Mỹ, với con đây thực ra đã loạc choạc mà lại nhạt toẹt. Làm sao ngâm ngùi bằng lời u uất mà thầy xưa từng bắt nhịp cho cả lũ?

"Đêm khuya âm u ai khóc than trong gió đàn,

"Xác quân Trưng Nữ Vương rơi ngón ngang bên nước tràn.

"Hồn ai đang thồn thức trên không?

Hôm ấy đang đắc chí hát nặng lên mấy câu nhạc hùng vừa tập xong với thầy, "*Một mùa thu năm xưa cách mạng tiến ra đất Việt, Bình ngàn sống thanh niên tung gông phá xiềng...*" Rồi thì, "*Đường ta ta cứ đi nhà ta ta cứ xây... đợi ngày...*" (bản "Nhạc

Ngày Xanh" của P Duy từ độ còn trong chiến khu VM), thì tên ca sĩ ông bơ rí tôi chợt bị cậu (bố) nó ngắt ngang xương. "*O hay, hát thế quái nào vậy? Không biết đây là giọng Vẹm muốn làm đếch gì thì làm trong Tiêu-Thổ Kháng-Chiến à?*" Âm nhạc thật dễ chiếm hồn người. Ma-nớp địa hạt này quả là ngón nghề của thứ chủ nghĩa khéo dựng chiêu bài yêu nước làm bình phong cho ý đồ lũng đoạn giang san...

B-G
(Còn tiếp)

THÁNG TƯ BUỒN

Tâm sự một người con trai ở lại Sài Gòn với người con gái đi xa

January 17, 2018

Nhạc: VÕ TÁ HÂN

Thơ: HOÀNG NGUYỄN LINH

Nhẹ nhàng

Em còn nhớ đến Sài Gòn năm cũ?

Nhớ ngôi trường cổ kính của ngày xưa

Nhớ những giờ anh đón học ban trưa

Và nhớ tới những ngày bên nhau ấy

Sài Gòn cũ có em và anh đây

Chiều cuối tuần hai đứa hẹn hò nhau

Trong công viên bóng mát buổi ban đầu

Em làm nũng gỡ tay khi anh nắm..

Đồn dập

33 G G C
Sài gòn nay đã chẳng còn thơ mộng Đường Duy Tân vắng hai đứa bên

37 G Bm/F# Em A
nhau Trường Văn Khoa hoa phượng hết khoe màu Mùa xuân đến không còn nghe chim

41 D G C
hót Rồi mùa thu những buổi chiều nắng nhạt Anh ngồi buồn lặng ngắm lá vàng

45 G Bm/F# Em Am D G C
bay Nghĩ tới em trong vốc dáng thon gầy Và tưởng đến những ngày xa xôi ấy

Instrumental

Nhẹ nhàng

52 G G C
Sài gòn cũ có em và anh đây

56 G
Chuyện chúng mình tưởng mãi mãi dài lâu

60 Em Am
Tháng Tư buồn hai đứa phải xa nhau

64 D G Em
Để nay đây tiếc nhớ thuở ban đầu Tháng Tư buồn hai đứa phải xa

CODA

70 Am D D D7 C G
nhau Để nay đây tiếc nhớ thuở ban đầu

Dấu Lặng

I.Ivanovic - WAVES OF THE DANUBE

Điệu nhạc dồn dập tuôn chảy cuộn cuộn như thác đổ bỗng ngừng lại trong một giây ngắn ngủi đủ để kéo tôi về với thực tại. Tôi kịp nhận ra mình vừa bị cuốn hút trong làn sóng âm thanh quyến rũ tuyệt vời. Nếu không có dấu lặng đó có lẽ tôi sẽ bị trôi dạt không còn đủ sáng suốt để thẩm định cái sức mạnh thần sầu của giọng nhạc nói trên.

Dấu lặng trong nhạc là một dấu nghỉ được dùng để ngắt quãng một giọng nhạc. Nó mời gọi sự chú ý và nâng cao giá trị những nốt nhạc khác. Nó như một cái nền đen làm bật sáng những nốt nhạc nằm cạnh. Vì lẽ đó nó là một khoảng không gian cần thiết cho sự cất cánh bay cao của những nốt nhạc trước, sau. Dấu lặng cũng để báo trước một sự đổi thay trong nhịp điệu, âm giai, tiết tấu. Dấu lặng còn nằm ở nhịp cuối của điệu Rumba tình tứ khi mà bước chân còn vương vấn ngập ngừng như phân vân chờ đợi.

Dấu lặng không chỉ xuất hiện trong nhạc, nó hiện diện ở nhiều nơi nhiều chốn.

Trong văn thơ, dấu lặng là dấu phẩy, dấu chấm, dấu than và dấu hỏi. Hãy tưởng tượng một đoạn văn hay đoạn thơ dài không có một dấu phẩy, dấu chấm hay dấu hỏi, dấu than nào. Sự truyền đạt sẽ thất bại, ý tưởng sẽ tối mù, rượt đuổi nhau một cách hỗn độn. Người đọc sẽ đứt hơi, chán nản, bỏ cuộc. Một lời than không có dấu than ở cuối câu, một câu hỏi thiếu vắng dấu hỏi đi kèm sẽ không làm tròn sứ mạng được giao phó. Dấu lặng trong một truyện dài hoặc ngắn xảy ra khi tác giả ngừng kể chuyện và chen vào những đoạn tả cảnh. Họ làm thế để nung sôi sự tò mò của người đọc về diễn tiến của câu chuyện hoặc để gợi gắm vào tác phẩm của mình những triết lý, tâm lý cho tác phẩm của họ có chiều sâu.

Trong tình yêu dấu lặng là sự cảm thông sâu đậm, sự hoà nhập trọn vẹn của hai quả tim chợt nhận ra mình đang cùng đập chung một nhịp. Cũng có thể là một nụ hôn đặt lên đôi môi đang hé mở chưa kịp thốt nên lời, vào cái giây phút mà lời nói trở nên thừa thãi. Nó cũng là giọt nước mắt hạnh phúc, để trả lời khi người yêu mình thú nhận đã bị trúng tên của thần Cupid. Những cái nắm tay truyền trao tình yêu và sức sống đâu cần lời nói trao duyên.

Rồi thời gian trôi qua, và mùa đông lạnh lùng đến, dấu lặng có thể là sự nhạt nhòa của một mối tình, là những bước chân âm thầm trên đường vắng, là sự cay đắng bóp nát con tim. Cũng như trong thế giới âm nhạc, dấu lặng này làm tăng nỗi khổ niềm đau, có công năng dim chết người trong giây phút. Không một lời giải thích, không một cái vẫy tay giã biệt. Tĩnh mịch, lặng thính, vô ngôn, không lời.

Thì ra trong tình yêu, dấu lặng được cảm nhận như tia nắng ấm áp chấm dứt cơn mưa lạnh hay một áng mây nặng nề báo hiệu giông bão sắp đến. Nó là chứng nhân cho sự tròn khuyết của vầng

trắng, lên xuống của thủy triều, đầy vơi của tình ái. “*Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần*” (Trịnh Cốc). Xin đừng đánh giá thấp cái dấu lặng khiêm tốn này. Chính nó nâng ta đứng dậy, cho phép ta lừng lững đi giữa cuộc đời, đầu ngẩng cao mắt nhìn thẳng.

Trong đạo hay đời sống tâm linh, dấu lặng là sự dừng lại để **thở**: Hơi thở dài và sâu nối liền thân và tâm vào giây phút hiện tại. Dừng lại để **nhìn** ngắm. Nhìn sâu để hiểu, nhìn rõ để thương. Thương mình, thương người và thương hàng đào trước ngõ, khóm trúc sau hè.

Dừng lại để **nghe** rõ những lời đang nói và cả những lời chưa nói vì bị uất nghẹn ở bên trong. Dừng lại để đừng **thốt** ra những lời vụng về gây đổ vỡ, những lời độc ác gây thương tích, những lời đâm thọc tạo chia rẽ, oán thù. Dừng lại để **thấy** dấu vết thời gian trên gương mặt phong trần, nhận ra mái tóc đã pha màu sương tuyết, và cảm được nỗi kinh hoàng lo sợ khi nhà còn xa mà nắng chiều sắp tắt. “*Vĩnh vi lãng đãng phong trần khách. Nhật viễn gia hương vạn lý trình*” (Trần thái Tông).

Dấu lặng còn là sự dừng lại để suy tư, xét đoán. Nếu chúng ta cứ bị cuốn trôi theo giòng đời không có cơ hội dừng lại để tự hỏi mình là ai, đến đây làm chi, đang đi về đâu ...thì chẳng khác nào như một cỗ xe đang lao vào cỏi mịt mù không định hướng và trước mặt có thể là một vực sâu thăm thẳm. Hãy tìm giải đáp cho những câu hỏi trên đây, dành lại quyền tự chủ và vạch cho mình một con đường đi sáng sủa.

Dừng lại để quay về, chấm dứt sự giong ruổi, tìm cầu, để nhận ra hạnh phúc đang có mặt bây giờ và ở đây, nơi tâm thân nằm uẩn bọt bèo này. Hạnh phúc không nằm trước mắt, trong ngày mai, không do tình ái, tiền tài, danh vọng mang đến. Những thứ này đến rồi đi, chưa từng hứa hẹn trung thành gắn bó với ai cả. Đuổi theo chúng nó là đuổi theo cái bóng của hạnh phúc, là phụ rẫy những gì mình đang có trong tay, cam phận kẻ nô lệ tiền tài, trọn đời ăn mày tình yêu, danh vọng.

Dừng lại để “ngộ” ra là tất cả mọi hiện tượng tâm lý, sinh lý, vật lý đều do đủ duyên mà kết thành nên khi thiếu duyên thì tan rã. Điều quan trọng cần phải nhận ra: ta là thượng đế của ta, là nhân duyên quyết định sự hợp tan, thành bại đó. Nếu không nhận ra được điều này thì ít nhất cũng có thể chép miệng rên ư ử, “*Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng dở dang. Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không thành*” rồi bỏ đi tầm thay vì đại đột tự kết liễu mạng sống quý báu của mình. Cái mạng sống mà lẽ ra phải được dùng làm con thuyền đưa ta đến bến bờ giải thoát.

Dấu lặng còn là sự dừng lại đưa đến một cuộc đổi thay vận mạng. Hãy tưởng tượng một người đang đứng trên đồi cao sắp buông mình vào vực thẳm, bỗng dừng lại vì tiếng gọi sâu hun hút ở bên trong và bừng tỉnh nhận ra sự điên rồ của mình. Hay một người trong cơn nóng giận điên cuồng tay dao đang hạ xuống bỗng lặng người buông rơi con dao oan nghiệt. Hào quang của tuệ

ngĩ. Dấu lặng diệu dụng này đã xảy ra khi bức tường Bá Linh sụp đổ, những người lính gác lẽ ra phải nổ súng vào đám người ào ạt đổ về Tây Bá Linh, đã buông khí giới gia nhập làn sóng người khao khát tự do, quyết tâm thay thời đổi vận.



Trong vòng luân hồi dầu lặng là cái chết chấm dứt kiếp này để bắt đầu kiếp khác. Trong lộ trình tâm của Vi Diệu pháp (1), nó là giai đoạn cực kỳ quan trọng để kịp thời kết thúc sự tạo nghiệp. Trong Thập Nhị Nhân Duyên (2) nó là một lối thoát khỏi luân hồi sinh tử, là nơi xiềng xích có thể tháo gỡ.

Trong đạo, dầu lặng là những phút bình yên khi ta quay về với bản tâm thanh tịnh (3), sống trong giây phút hiện tại, với sự nhận biết rõ ràng sáng tỏ của chánh niệm, vắng mặt quá khứ lẫn tương lai. Chỉ còn hơi thở thư thả vào ra, nhẹ như tơ trời, êm như gió thoảng. Khi đó ta có thể nghe trong dầu lặng có *tiếng vỗ của một bàn tay*.

Mục tiêu của ta là làm thế nào kéo dài dầu lặng này để nó có thể bao trùm cuộc sống của ta bất kể ngày đêm, trong mọi hoạt động và trong cả bốn uy nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Giây phút tĩnh lặng này nếu được duy trì có thể xóa nhòa không gian và thời gian, triệt tiêu khổ đau cùng hạnh phúc. Có người sẽ bất bình phản đối vì muốn được hạnh phúc triền miên nhưng ngấm lại cho cùng hạnh phúc nào không có bóng dáng khổ đau ẩn hiện, nâng ta lên chìm ta xuống như đám lục bình nổi trôi trên dòng sông cảm thọ.

Khoảng lặng bình yên trong bản tâm thanh tịnh là không gian vô cùng, thời gian vô tận, là sự sống miên viễn, bất sinh bất diệt, vô khứ vô lai.

Vienna, ngày 2/06/2013

Đào kim Phụng

Chú Thích:

- (1) Vi Diệu Pháp(của Nam Tông) hay Duy Thức Học(của Bắc Tông) là môn học về các loại tâm, sự vận hành của tâm và Đạo, Quả. Lộ trình tâm là một phần nhỏ của môn học này, trình bày tiến trình sinh diệt của tâm. Con đường giải thoát nằm giữa giai đoạn Tâm Phân Đoán (Votthapana) và Tâm Đồng Tốc (Javana). Chính nơi này ta có sự lựa chọn để làm thăng hoa đời sống của mình hoặc để mặc cho nó trầm luân.
- (2) Thập nhị nhân duyên: Mười hai nhân duyên dẫn đến sự luân hồi sinh tử: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Trong chuỗi sinh tử luân hồi này, lối thoát nằm giữa thọ và ái. Ta có thể có cảm thọ nhưng là thứ cảm thọ có trí tuệ và lòng trắc ẩn đi kèm chứ không phải loại cảm thọ vương mắc, đắm chìm trong ái nhiễm.
- (3) Bản Tâm thanh tịnh còn được gọi là chân tâm, Phật tánh, bản lai diện mục hay giản dị là tâm Phật. Đó là tâm vô phân biệt, tự có trong mỗi người. Cái nhận biết sáng tỏ hiện tiền, thấy sao biết vậy (như thị – as is), không phán xét, không tiếng thì thầm thêm bớt của ý thức chen vào.

Hình Ảnh Sinh Hoạt Nguyễn Trãi

Sinh Hoạt Gia đình
Trãi Houston, Texas

Hình Ảnh Kỷ Niệm Đại Hội Thế Giới Nguyễn Trãi Lần Thứ Nhất



Họp mặt Gia đình Nguyễn Trãi Houston,



ĐẠI HỘI NGUYỄN TRÃI THẾ GIỚI # 4 TẠI OTTAWA, CANADA 10.06.2018

Hình ảnh : Nguyễn Bá Đa & Tuyết Nguyễn



Hình Ảnh Kỷ Niệm Đại Hội Thế Giới Nguyễn Trãi Lần Thứ Tư

Sinh Hoạt Trung Học Nguyễn Trãi Saigon Nam Cali

Hình Ảnh Kỷ Niệm Đại Hội Thể Giới Nguyễn Trãi Lần Thứ Hai



Hình Ảnh Sinh Hoạt Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh THPT Saigon Nam Cali

Tân Niên 2020

Thăm thầy Phạm Hoài



Sinh Hoạt Trung Học Nguyễn Trãi Saigon Bắc Cali
Hình Ảnh Kỷ Niệm Đại Hội Thế Giới Nguyễn Trãi Lần Thứ Ba



Sinh Hoạt Nguyễn Trãi Bắc Cali



Sinh Hoạt Nguyễn Trãi West WA



Áo trắng

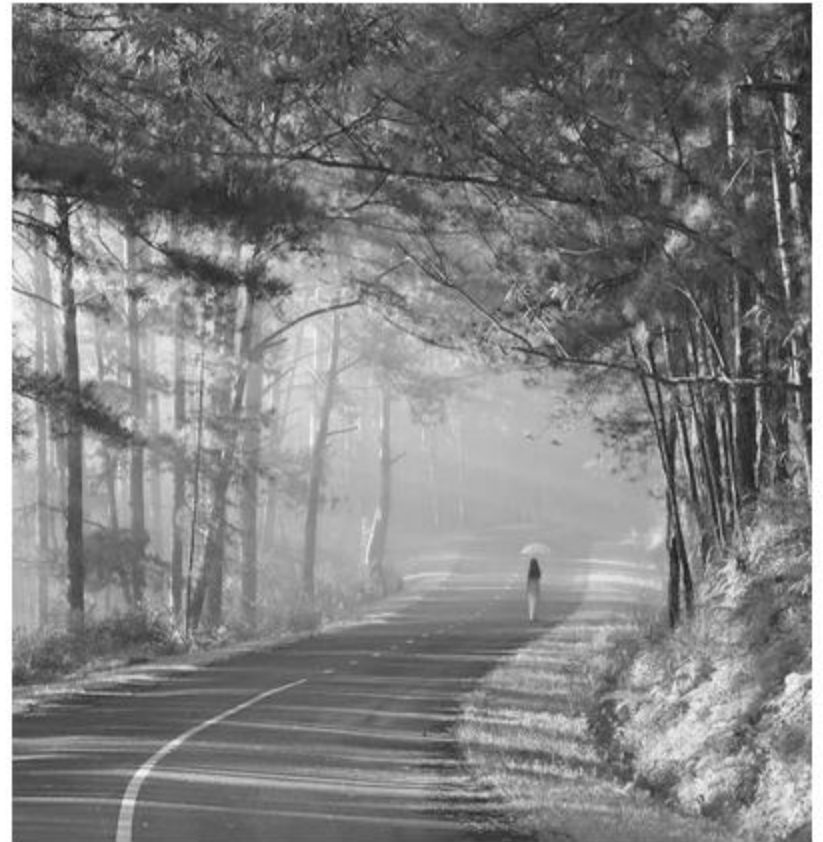
*Chiều trải rộng bên bờ tường lá thắm
Áo trắng ngồi đùa với nắng chiều lên
Viền mắt cũ dấu chân chim thêm đậm
Bên thánng ngày lưu lạc góc trời quen*

*Tháng Tư đó rời vùng quê thương nhớ
Áo mang theo hình bóng chỉ một người
Trời đất trích khoi tàn theo ngày giỗ
Áo phai màu vẫn sáng nét tiểu thư*

*Trường xưa đó phôi pha trong tiềm thức
Lũ học trò nhuộm đỏ tuổi mộng mơ
Thầy cô sống bên chuỗi ngày bất lực
Áo trắng già theo từng mẩu tin xa*

*Năm nào cũng thêm người về chơi Tết
Áo mỗi mòn thương thành phố mất tên
Còn đâu đó giáo đường lời cầu nguyện
Chùa trên cao Chùa vẫn ở trên cao*

*Thôi áo trắng hãy cùng ta chung bước
Nắng sắp tàn thêm đẹp buổi chiều mưa
Cho trẻ mãi thánng ngày nuôi mong ước
Góp tay gầy về dựng mái trường xưa*



*Song Vinh
2020*

Bao Giờ Gặp Lại

*Tìm đâu nữa, sáu mươi hai năm dĩ vãng,
Tuổi ngày xanh qua mất tự lâu rồi.
Tìm đâu được thời niên thiếu học sinh,
Ngôi trường cũ, Nguyễn Trãi xưa thân ái.*

*Đất nước mình, tưởng đâu là mãi mãi,
Tháng Tư nào vượt mất khỏi tầm tay.
Cảnh nhà tan, cảnh nước mất trái ngang,
Thoát tù ngục mà hai hàng nước mắt ...*

*Nỗi khổ đau đã ngập tràn, chất ngát,
Hai mươi năm chinh chiến khắp non sông.
Vợ khóc chồng, cha khóc con vừa mất,
Cuộc chiến này lại tức tưởi cáo chung.*

*Súng đạn đã cướp đi bao mạng sống,
Chủ nghĩa nào đã mang đến tai ương?
Cộng sản miền Bắc si ngốc, sai đường,
Tay sai Nga, Tàu: chúng phòng đế quốc.*

*Dân quân miền Nam quyết tâm tự vệ,
Giữ quê hương để được sống bình yên.
Dân miền Bắc bị tuyên truyền dối trá,
Gây đao binh làm suy yếu nước nhà.*

*Sau Mậu thân, trước cộng sản gian tà,
Bao thanh niên đã xung phong nhập ngũ.
Đồng môn Nguyễn Trãi từng lớp lên đường,
Xông pha chiến trường trên khắp quê hương.*

*Vô phước thay khi đồng minh tháo chạy.
Mối hận thù mãi ray rứt chưa quên .
Kẻ chiến thắng lại vô cùng hung ác.
Đầy đọa anh em bỏ xác trong tù...*

*Hơn bốn mươi năm sắt máu hận thù,
Lòng mẹ buồn như lá úa mùa thu.
Đàn con Mẹ tha phương về trăm hướng,
Mà cuộc đời ngăn ngui phù du.*

*Nơi hải ngoại những đồng môn tụ lại,
Về bên nhau đã được bốn lần vui. Houston,
Nam, Bắc Cali, Ottawa,
Nguyễn Trãi Saigon tình bạn thăng hoa.*

*Còn được mấy lần mình gặp lại ta?
Khi tuổi già thêm, tóc bạc trắng đầu.
Có bạn ra đi khi vừa hưu trí,
Thương ai "thất thập", trăm năm mấy người!*

*Nguyễn Trãi năm xưa, vang vọng tiếng cười.
Tuổi còn vô lo, nét mặt sáng tươi...
Ngày ấy chúng mình, học chung trường, lớp,
Tuổi rất thơ ngây, tan hợp nào ngờ,*

*Nhớ những buổi chiều khi tan trường về,
Đạp xe trên đường vang vọng tiếng ve.
Hẹn hò cùng nhau ghé chèo Hiền Khánh,
Hoặc sân Hoa Lư chia đội đá banh.*

*Mình gặp nhau đây, kỷ niệm hiện về,
Ngày xưa còn bé, vui đời học sinh.
Tình bạn thiết thân ngày thêm gắn bó,
Bên nhau học hành dưới trời tự do...*

*Và năm nay, ta cũng đã hẹn hò,
Cùng tụ hội về Houston nắng ấm.
Về đây nhé đồng môn trên thế giới,
Về bên nhau ta đếm được năm lần...*

*Ngày mai chia tay bao giờ gặp lại?
Bắt tay hẹn nhau Đại Hội lần sau.
Mong sao tất cả hội đủ duyên lành, T
âm an, thân khỏe, trí mãi tinh anh...*

Tuệ Kiên
Vũ Văn Sang

Tình Nguyễn Trãi

Mãi
Mãi
Bền
Lâu

Trung Học Nguyễn Trãi Saigon

